L'INFORMATION FRANÇAISE
LA FRANCE DEVANT LE MONDE. — SON ROLE DANS LA GUERRE DES NATIONS
(Publication autorisée par arrêté du 30 décembre 1916 de M. le Gouverneur Général de l'Indochine)

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

DANH-DỰ LUẬN

« — Il y a quelque chose d'aussi beau qu'un grand homme, c'est un homme d'Honneur », lui dis-je.

« Il me prit la main avec affection. — « C'est une opinion qui nous est commune, me dit il vivement ; je l'ai mise en action toute ma vie, mais il m'en a coûté cher. Cela n'est pas si facile que l'on croit. »

ALFRED DE VIGNY
Servitude et Grandeur militaires

Tôi nói : — Ở đời không gì qui bằng kẻ anh-hào, duy có người danh-dự là có thể sánh cùng mà thôi.

Ông ấy cầm lấy tay tôi có ý âu-yếm mà nói rằng : — Ông nghĩ vậy tôi cũng nghĩ vậy, cái ý-kiến đó tôi đã thực-hành suốt một đời, nhưng thực-hành cho được cũng cực-khổ lắm, ông ạ. Khó, chớ chẳng phải dễ dàn mà tưởng.

Trên quốc-kỳ của Đại-Pháp thường thêu hai chữ vàng : « Danh-dự » và « Quốc-gia » (*Honneur et Patrie*). Hai chữ ấy là gồm cả cái lý-tưởng tối-cao của nhà quân, là phải thờ Nước và thờ sự Danh-dự, dù đến hi-sinh mình đi để giữ cho trọn cũng nên. Nước bởi sao mà phải thờ, thời chẳng cần phải nói ai cũng biết. Còn Danh-dự thời là gì, là vật gì mà cao mà qui như vậy, dủ khiến cho người ta tôn-sùng đến quên cả sinh-mệnh đi được ? Danh-dự là gì mà có người bàn nên lấy làm gốc cho đạo-đức, nên thờ ngang bằng các tôn-giáo ?

Muốn giải-thích cho rõ chữ danh-dự, tưởng không thể gồm trong một câu mà hết được. Song chữ danh-dự đại-khái có hai nghĩa, một nghĩa hẹp và một nghĩa rộng. Theo nghĩa hẹp thời danh-dự là cái tiếng tốt của một người ở trong xã-hội, là cái lòng yêu, quí, trọng, phục, của xã-hội đối với một người, vì người ấy có những đức-tính, tài-năng, công-lao, sự-nghiệp gì xã-hội lấy làm đáng phục đáng khen. Cái danh-dự ấy là danh-dự thuộc về « khách-quan », nghĩa là tự người ngoài xét-đoán mà đặt cho, tự dư-luận phẩm-bình mà nêu cho. Nếu cái trình-độ về tri-thức, về đạo-đức của xã-hội cao, thời cái danh-dự ấy rất là chánh-đáng ; nhưng nếu cái trình-độ về tri-thức, về đạo-đức của xã-hội thấp, thời cái danh-

dự ấy không đủ khiến cho người ta tận-tin được. Bởi thế nên cái danh-dự ấy mới là cái danh-dự nghĩa hẹp mà thôi, đối với người thật có lòng danh-dự chưa đủ lấy làm trọng vậy. — Nhưng còn cái danh-dự nghĩa rộng nữa, cái đó mới là chân-danh-dự. Theo nghĩa rộng thời danh-dự tức là cái lòng tự-tôn tự-trọng của người ta, không phải tôn mình mà miệt người thành ra thói kiêu-căng, nhưng tôn mình mà nghiêm với mình, trọng cái phẩm-giá làm người, đặt cái nhân-cách người ta vào một bậc rất cao mà tự-căng tự-lệ cho bước tới nơi; phàm tư-tưởng hành-vi nhất-thiết muốn cho xứng-đáng cái nhân-cách ấy mới là bằng-lòng; cái gì làm thấp, làm hèn, làm nhỏ, làm hẹp cái nhân-cách ấy đi thời dẫu cao-qui đến đâu, lợi-lộc thế nào, cũng không thèm, không những không thèm, mà cũng không dung không chịu nữa, không những không dung không chịu cho mình mà cũng không dung không chịu cả cho người khác vậy. Cái danh-dự ấy chắc là không thuộc về «khách-quan» được, vì phàm người đã có lòng danh-dự cao-thâm như vậy thời có coi vào đâu những sự phẩm-bình, lời dư-luận của công-chúng, cùng những cuộc phú-qui vinh-hoa của xã-hội bày ra để biểu-dương cái danh-dự những kẻ xã-hội tôn-trọng. Nếu lời dư-luận, sự bình-phẩm của công-chúng đối với mình mà đúng, nếu cuộc vinh-hoa, ngôi phú-qui của xã-hội đãi cho mình mà phải, thời càng hay lắm, nhưng nếu không ra thời cũng chẳng hề chi, dẫu không ai biết đến cũng chẳng quản chi, không có bao giờ chịu tự-hạ đến xu-thời phụ-thế để mà mua chuộc lấy cái danh-dự giả làm một vật phô-bày nơi dàn-điếm, nạt-dọa kẻ ngu-hèn. Vậy thời cái danh-dự này thật là thuộc về « chủ-quan » vậy. Danh-dự hay không là tự mình biết cho mình mà thôi. Danh-dự là tự mình không thấy hổ thẹn mà lại đáng khen cho mình; không danh-dự là tự mình phải ăn-năn, dù người ngoài không biết lấy làm đáng trọng đáng khen mà tự mình biết lấy làm đáng hổ đáng thẹn vô-cùng. Cái danh-dự ấy không sợ thành ra thói kiêu-căng được, vì người ấy chỉ biết tự nghiêm với mình mà không hay cầu-sách ở người đời, chỉ biết tự-căng tự-lệ mà chau-dồi cái nhân-cách mình cho xứng-đáng, không hề tự coi là có cái quyền ép được người ta phải tôn-trọng mình.

Nói tóm lại thời danh-dự có thể chia ra làm hai hạng, một là cái danh-dự bề ngoài, hai là cái danh-dự trong lòng; danh-dự bề ngoài là cái danh-dự đối với xã-hội hơn là đối với mình, danh-dự trong lòng là cái danh-dự đối với mình hơn là đối với xã-hội. Cứ suy tính-cách hai cái danh-dự ấy thời đủ biết mỗi cách thịnh-hành ở những nơi nào, trong hạng người nào. Đâu trọng xã-hội hơn nhân-cách, trọng lời dư-luận của xã-hội hơn là cái chân-giá-trị của người ta, thời đấy là cái danh-dự bề ngoài thịnh hơn; đâu trọng nhân-cách hơn xã-hội, trọng cái chân-giá-trị của người ta hơn là lời dư-luận của xã-hội, thời đấy là cái danh-dự trong lòng thịnh hơn. Một bên cái danh-dự có nêu-rệt ra ngoài mới có giá, nên người ta thường chuộng cái biểu-hiệu của danh-dự hơn là cái chân-danh-dự, trọng cái hình-thức của danh-dự hơn là cái tinh-thần của danh-dự, thành ra lắm khi quá mê cái vỏ sặc-sỡ ở ngoài mà quên mất cái mầm tinh-túy ở trong: những khi ấy thời danh-dự chẳng qua là sự hư-danh mà thôi; hiếu hư-danh là một tật rất đáng xấu đáng khinh, ta sẽ chứng-giải sau này. Một bên thời cái danh-dự phải thành-thực trong lòng mới có giá, nên người ta chuộng cái chân-danh-dự hơn là cái biểu-hiệu của danh-dự, cái tinh-thần của danh-

dự hơn là cái hình-thức của danh-dự; cách hiếu-danh đó mới là cách chánh-đáng vậy.

Xét ra nước ta từ xưa đến nay trọng xã-hội hơn nhân-cách, coi người ta chẳng qua là một phần-tử trong xã-hội, sinh ra ai cũng như ai, bé thuộc quyền cha mẹ, lớn thuộc quyền vua quan; từ thủa nhỏ đến thủa già xã-hội đã chỉ sẵn cái đường lối nhất-định cho mà theo, theo được đúng không sai không lầm thời xã-hội đãi cho phẩm-vị, cho lợi-quyền tùy thấp tùy cao, tùy nhiều tùy ít; đó tức gọi là danh-dự vậy. Muốn được cái danh-dự ấy thời phải theo cái xu-hướng của xã-hội, làm việc gì mà thuận cái xu-hướng ấy thời xã-hội khen, xã-hội đã khen thời dẫu lương-tâm mình có chê cũng vẫn là danh-dự. Cái cách tưởng-lệ của xã-hội là ở những sự phú-quí vinh-hoa của xã-hội bày đặt ra để biểu cái danh-dự cho người ta; nhưng mà những cái ấy là cái người ta có thể mua chuộc được cả, thành ra danh-dự rút lại cũng là một đồ vật bán buôn vậy. Danh-dự đã là một vật bán buôn thời cái giá-trị của danh-dự không đáng bao nhiêu nữa, vì có thể lấy tiền bạc mà mua chuộc được. Bởi thế mới sinh ra cái lối buôn danh bán tiếng trong nước mình; lối ấy đã thông-hành trong khắp các hạng người trong xã-hội, khiến cho ngày nay có thể đoán một câu mà nói rằng: *dân An-nam ta là một dân rất hiếu-danh, mà lại là một dân rất ít lòng danh-dự*. Dân ta là một dân rất hiếu-danh, mà hiếu hư-danh, cái tật đó dẫu người rất nông-nổi xét tình-trạng xã-hội mình cũng đủ biết. Từ trên chí dưới, từ thấp chí cao, từ anh khố rách trong làng cố cầu-cạnh cho được chức chương-tuần phó-lý để người ta khỏi gọi là bố dĩ bố cu, cho đến bậc phú-thương nơi thành-thị thi nhau mà mua chuộc lấy tiếng ông bá ông hàn để ra mặt thượng-lưu trong xã-hội, cho đến cậu cả cậu hai nhà phường-phố luồn lót hàng chục hàng trăm để được gọi thày thông thày phán, hết thảy đều như có cái ma-lực nó run-rủi phải cố chuốc lấy cái danh-tiếng hão thời mới mãn-nguyện bằng-lòng. Người nào cũng chỉ ham được cái tên gọi sang-trọng hơn người khác, mà không biết rằng muốn cho xứng-đáng cái tên sang-trọng ấy tự mình phải có tư-cách thế nào mới được, và cốt nhất là tự mình có tư-cách đã rồi mới nên mong cái danh-tiếng ở ngoài, mà nếu quả có tư-cách thật thời có cần gì đến cái danh-tiếng hão, có cũng được mà không nữa cũng chẳng hề chi, có lẽ có mà lại thêm phiền thêm bực cho mình vậy. Cho nên nói rằng người mình có hiếu-danh mà không biết lòng danh-dự là gì. Quả thế. Không nói gì xa-xôi, cứ xét ngay cái cách lễ-phép của người mình thời đủ biết. Người ta ở trong xã-hội, trong khi giao-tế với nhau, cần phải có lễ-phép, dẫu đối với người cao hơn mình, người ngang bằng mình hay người thấp kém mình cũng vậy, kẻ khôn-khéo thời tùy-nghi mà gia-giảm, nhưng bao giờ cũng phải có lễ-nhượng mới là người có giáo-dục. Nhưng giữ lễ-phép không phải là tự làm đê-hạ mình đi mới là tôn-trọng kẻ khác, không phải là tự nằm rạp xuống đất hay uốn gẫy mình làm đôi mới rõ là mình kính-trọng người ta. Cách lễ-phép như vậy thời một là giả-giối, hai là đê-hèn, đều đáng khinh-bỉ cả, tưởng người được hưởng sự lễ-phép ấy nếu biết cũng nên khinh trước mới là phải. Xét trong cách lễ-phép của người mình phần nhiều như thế cả. Đối với người dưới thời đã tuyệt-nhiên không có chút lễ-phép gì, thường lấy sự thô-bỉ tàn-nhẫn mà đãi kẻ kém mình, đối với người trên thật đê-tiện quá chừng. Rụt-rè, khúm-núm, gãi đầu, gãi tai, bẩm bẩm thưa thưa, vâng vâng dạ dạ, coi lời ăn tiếng nói, giáng đứng cách ngồi,

tưởng phàm người biết trọng cái phẩm-giá con người không ai tự-hạ đến thế. Mà thật những người ấy không biết lòng danh-dự là cái gì. Lòng danh-dự là biết tự trọng mình, trọng cái nhân-cách của mình: người ta là người, mình cũng là người, không có lẽ một người đối với một người mà phải tự coi mình như con run con rế, dẫu người kia có cái oai-quyền thế-lực đến thế nào nữa mặc lòng. Vả lại muốn biểu cái lòng tôn-trọng với người hơn mình không phải là tự-hạ mình đi mới là kính-trọng người: tự-hạ mình đi là làm hạ-giá cả cái lòng kính-trọng của mình, không những thế, tức là khi người ta nữa, vì tự-hồ như cho người ta là hẹp lượng lấy những cách khúm-núm quỵ-lụy của mình làm chân-thành vậy. Cho nên nói cái cách lễ-phép ấy một là giả-trá vì có ý nịnh-nọt, hai là đê-tiện mà biểu ra người không có nhân-cách. Nhưng trong xã-hội nước mình đã lấy những cách ấy làm quen làm thường đi rồi, nên không biết nó ô-liệt là dường nào; phải có mắt người ngoài trông mới rõ hết cái biểu-diện xấu-xa. Người Pháp thường chê mình là kiêu-căng với kẻ dưới, ô-mị với người trên, thật không oan vậy.

Không có lòng danh-dự mà có tính hiếu-danh, thời dễ táng-thất lương-tâm, lương-tâm đã táng-thất thời con người ấy làm chi mà chẳng được? Cái người quỵ-lụy khúm-núm trước mặt quan kia, muốn đẹp lòng quan để cầu lấy cái danh-tiếng hão với kẻ khác, vì phải bán vợ bán con đi mà cầu cho được, tưởng cũng không đừng. Viên quan-lại kia vào hầu quan trên để cầu sự nọ khấn việc kia, vì phải đập đầu xuống đất mà lạy, tưởng cũng cam-tâm mà làm. Ôi! người ta mà đã không có lòng danh-dự, thời còn đâu là phẩm-giá con người, dẫu đê-tiện đến đâu mà biết xấu?

Như vậy thời dân ta tuyệt-nhiên không có lòng danh-dự hay sao? Không phải thế. Nước ta từ xưa đến nay hiếm gì những bậc trung-thần nghĩa-sĩ, biết thờ hai chữ Danh-dự cũng chẳng kém gì người nước khác, khi lâm-biến cũng biết liều mình còn hơn là chịu nhục: những gương danh-tiết ấy trong quốc-sử ta thiếu gì? Nhưng đó là cái danh-dự của những kẻ siêu-quần lỗi-lạc, cao quá không thể dùng làm tỉ-lệ cho người thường được. Đến cái danh-dự phổ-thông trong xã-hội, cái danh-dự hằng ngày hiển-hiện ra trong cuộc giao-tế thường, thời phải chịu rằng người mình ít có thật, mà ngày nay lại càng hiếm có hơn ngày xưa: đó cũng là cái chứng đủ biết rằng xã-hội ta suy-đồi vậy.

* *

Ta đã phân-biệt cái chân-danh-dự với cái giả-danh-dự, cái danh-dự trong lòng với cái danh-dự bề ngoài, và chứng-giải rằng nước ta ngày nay chỉ biết trọng hư-danh mà không biết lòng danh-dự là gì; nay ta nên xét xem trong lòng danh-dự có những đặc-tính gì, bởi đâu mà lòng danh-dự có cái giá-trị cao-quí như vậy, và cái quan-niệm của người Âu-châu về sự danh-dự thế nào.

Lòng danh-dự thứ nhất là biết tự-tôn tự-trọng mình, thứ nhì là muốn đặc-biệt với kẻ khác. Tự-tôn tự-trọng mình là nghiêm giữ mình không làm sự gì mất cái phẩm-giá mình đi, hạ cái nhân-cách mình xuống; phàm cư-xử không những không để cho người ta khinh mình được mà khiến người ta phải trọng mình, không những khiến người ta trọng mình mà lại phải thế nào cho tự mình không hối-hận gì, tự mình cũng phải trọng mình nữa; vì như ta đã giải trên kia, muốn được người ta trọng không khó gì, thiên-hạ thường-thường chỉ biết trọng cái hư-danh mà

thôi; muốn tự mình phải trọng mình, tự mình không hổ thẹn với mình, mới là khó, mới thật là có lòng danh-dự vậy. Biết tự-tôn tự-trọng cũng chưa đủ, lại phải làm thế nào cho mình xứng-đáng sự tôn-trọng ấy, cho nên người có lòng danh-dự bao giờ cũng có chí muốn đặc-biệt với kẻ khác, nghĩa là cố chau-dồi nhân-cách cho mỗi ngày một hơn người khác; bởi đó mà lòng danh-dự mới thật là có ích-lợi cho sự tinh-tiến của người ta, nếu chỉ biết tự-tôn tự-trọng mà thôi thời dễ thành ra tính kiêu-căng vậy. Nhưng muốn đặc-biệt với kẻ khác, không tất-nhiên là phải khinh ai, vì những cách đê-tiện xấu-xa ở đời này biết bao nhiêu mà kể, và những sự tốt-đẹp cao-thượng trong trí nghĩ cũng là vô-hạn, mến những sự cao-thượng này, khinh những cách xấu-xa kia, cũng là đủ đặc-biệt hơn người thường vậy. Nói tóm lại thời lòng danh-dự là biết giữ mình và sửa mình, giữ mình cho khỏi làm sự xấu, sửa mình để được tốt thêm lên. Như vậy thời lòng danh-dự chẳng là cái đức-tính cao nhất ở đời ru?

Lòng danh-dự là cái đức-tính cao nhất ở đời và là cái phẩm-giá sang-trọng nhất của người ta, nên thường hay xuất-hiện ra ở những bọn thượng-lưu trong xã-hội. Nhưng không phải là người bình-dân không có lòng ấy. Trong dân-gian, kẻ nào làm điều gì phi-danh-dự thường bị mắng nhiếc những câu như: « Làm thế không biết xấu à?... Làm người hay làm súc-vật? . . . v. v.». Biết xấu-hổ, biết làm việc đê-tiện là không bằng giống súc-vật, ấy cái lòng danh-dự là manh-nha ra từ đó, dầu người rất ngu-si rất mộc-mạc cũng biết tự-sỉ như vậy. Coi đó thời biết rằng lòng danh-dự cũng là một cái căn-tính tự-nhiên của người ta. Nhưng cái căn-tính ấy cũng như mọi cái căn-tính khác cần phải dưỡng-dục khai-thông ra thời mới mong phát-đạt lên được, nếu cứ để tự-nhiên thời không mấy nỗi bị cái khí-vị nồng-nàn trong xã-hội nó nung-nấu mà đến tiêu-tán đi vậy. Sự danh-dự với sự phi-danh-dự vẫn là cách xa nhau như đất với trời, phàm người có lương-tâm có tri-thức không ai là không phân-biện được ngay, nhưng đến khi cái lòng danh-lợi — (danh đây là cái hư-danh như trên kia đã nói) — nó can-thiệp vào thời cái giới-hạn đã thấy khó phân-biệt cho mình, phải người thật sáng trí vững lòng mới nhận được rõ và giữ được nghiêm, người tầm-thường thời chẳng mấy lâu mà hoảng mắt mê lòng đến lấy đen làm trắng, lẫn trắng với đen vậy. Cho nên trong quốc-dân-giáo-dục điều quan-trọng nhất là phải gây lấy cái lòng danh-dự trong bọn thanh-niên, dạy cho con trẻ biết cái phẩm-giá làm người là trọng, làm sự gì phạm đến cái phẩm-giá ấy là cái xấu dệ nhất, cái nhục to nhất ở đời vậy. Cái mầm danh-dự có bón sới từ thủa nhỏ thời sau này mới thành ra cây lớn rễ sâu dẫu uy-quyền sấm sét, gió lợi mưa danh cũng không thể nào siêu-đổ được.

Trong lòng danh-dự đại-khái có ba bậc như sau này, càng lên càng cao, đến bậc thứ ba là tuyệt-phẩm. Bậc thứ nhất thời người ta tuy vẫn còn trọng cái tài-lợi của mình mà đã biết rằng sự tài-lợi không phải là cái vật đáng trọng nhất ở đời mà muốn cầu lấy danh thơm tiếng tốt với đời, đã biết rằng mình ăn ngon ở sướng không bằng được kẻ trọng người khen; lòng danh-dự ở đây còn là thuộc về « khách-quan », nghĩa là do cái lời bình-phẩm tốt xấu của người ngoài, nhưng người ngoài có khi xét lầm, có khi thiên-lệch, bằng cả ở ngoài chưa đủ là cái danh-dự thuần-chính. — Bậc thứ nhì thời người ta đã bắt đầu khinh sự tài-lợi riêng mà trọng cái danh tiếng chung, nhưng đã biết đem cái danh-tiếng ấy mà đối với trong lòng mình, nếu thấy thập-phần xứng-đáng mới

tự lấy làm bằng lòng, không thời tuy sướng mà vẫn có ý ân-hận : lòng danh-dự ở đây là nửa thuộc về « khách-quan » nửa thuộc về « chủ-quan », nghĩa là tuy vẫn do lời bình-phẩm của xã-hội, mà cũng do lời phán-đoán của riêng mình, hai bên tham-bác lẫn nhau mà lòng danh-dự đã thấy cao hơn trên một tầng. — Bậc thứ ba là người ta không coi tài-lợi của mình vào đâu mà cũng không lấy danh tiếng của đời là gì, chỉ biết tự mình đối với cái lý-tưởng tuyệt-đích, cái nhân-cách cao-thâm của mình, phàm cư-xử thi-thố cốt lấy cho hợp với cái nhân-cách ấy, hợp với cái lý-tưởng ấy mới là bằng lòng, dẫu người đời khen hay chê cũng mặc lòng ; nhưng lý-tưởng càng tới lại càng xa, nhân-cách càng lên lại càng cao, nên tự mình cũng càng ngày càng phấn-lệ lên cho mỗi ngày một đặc-biệt với mình, mỗi ngày một cao hơn mình, ngày nay hơn ngày qua, ngày mai hơn ngày nay, mà con đường tinh-tiến mở rộng đến vô-cùng. Đến bậc ấy thời lòng danh-dự là thuần thuộc về « chủ-quan », người ta tự làm chủ cho mình, tự phán-đoán lấy mình, không còn tùy theo gì lời bình-phẩm của xã-hội. Danh-dự này là cái danh-dự hoàn-toàn thuần-túy vậy. Đến bậc này là tuyệt-phẩm, người ta phi có cái tư-cách kiện-toàn không mong tới được, vì bậc này chính là bậc những người trung-thần liệt-sĩ, vị-nghĩa quyên-thân, biết liều chết còn hơn là chịu nhục, gương trong tiếng tốt dẫu người đương-thời không biết mà sử-sách còn ghi truyền, dẫu sử-sách sót biên mà hồn thiêng còn phảng-phất với non sông. Nước gây-dựng, dân sinh-tồn là nhờ những người có cái lòng danh-dự cao-thâm như vậy, không phải là những kẻ ăn sổi ở thì, lấy phản nước bội nhà làm sự-nghiệp, ó-mị xiềm-nịnh làm công-danh.

Xét ba bậc danh-dự như trên kia thời bậc nào cũng là lấy khinh tài-lợi làm cốt. Cái đặc-sắc của lòng danh-dự chính là ở sự trọng nghĩa khinh tài vậy. Người ta thường nói *danh* với *lợi* hai cái đi với nhau, nhưng *danh* đấy là cái hư-danh mà thôi, chớ chính cái chân-danh-dự thời thật là phản-đối với sự lợi-quyền. Ở đời không gì dễ làm đắm-đuối người ta bằng cái lợi-quyền, mà không gì hay làm hưng-khởi lòng người bằng sự danh-dự ; danh-dự với lợi-quyền tất hằng ngày xung-đột nhau, lợi-quyền tiến thời danh-dự lui, lợi-quyền lui thời danh-dự tiến. Có thể đặt cái tỉ-lệ chung rằng ở đời phàm sự gì trái với cái cận-lợi của mình là việc nghĩa, đã là việc nghĩa thời lòng danh-dự bắt buộc mình phải làm, dẫu có thiệt-hại cho mình cũng không quản. Ta đã nói lòng danh-dự là thứ nhất biết tự-tôn mình, thứ nhì là muốn đặc-biệt hơn kẻ khác. Ở đời không có cái áp-chế gì nhục bằng cái áp-chế của đồng-tiền : người biết tự-tôn mình tất thứ nhất là cố thoát-li cho khỏi cái áp-chế ấy. Phần nhiều người là đắm-đuối trong vòng nô-lệ ấy cả, mình ráng sức vượt được ra ngoài, chẳng là một cách đặc-biệt hơn người rư? Cho nên muốn thử cái lòng danh-dự thật hay không thật, bền hay không bền, không gì bằng những lúc danh-dự xung-đột với lợi-quyền. Trong cuộc chiến-đấu ấy hễ phần chiến-thắng về bên danh-dự là cái danh-dự chân-chính hoàn-toàn vậy.

Danh-dự có những đặc-tính cao-thượng như vậy, nên danh-dự có cái giá-trị cao-quí nhất ở đời. Danh-dự là gồm cả các đức-tính trang-nghiêm kiên-nghị của người ta. Lòng danh-dự là cái gốc của tư-cách người trượng-phu. Cái gì nó phân-biệt người trượng-phu với kẻ dung-phàm tức là lòng danh-dự, người trượng-phu thời thờ danh-dự như thờ tôn-giáo, mà kẻ

dung-phàm thời coi danh-dự như một vật không đủ khinh-trọng ở đời. Trên bài luận này ta có tiêu-đề mấy câu trích-lục trong sách của VIGNY tiên-sinh, là một nhà đại-văn-hào nước Pháp và lại vừa là một người bình-sinh rất thành-tâm thờ cái thần Danh-dự. Tiên-sinh thuật một bữa nói chuyện với viên quan bộ-binh tên là Lôi-nộ đại-úy, đại-úy chính là người cả đời đã từng đem mình làm hi-sinh cho cái thần nghiêm-khắc ấy, mà không ai biết đến, chỉ mình biết mình mà thôi. Đại-úy kể lai-lịch mình cho tiên-sinh nghe, đến một chỗ vị lòng danh-dự phải làm một việc đáng-lý không phải làm, việc có thể nguy-hiểm thiệt-thòi đến mình, tiên-sinh rất lấy làm cảm-phục, ngồi lặng giờ lâu, rồi nói một câu rằng : — « Ở đời không gì qui bằng kẻ anh-hào, duy có người danh-dự là có thể sánh cùng mà thôi. — Đại-úy cầm lấy tay tiên-sinh ra ý tri-kỷ mà đáp lại rằng : « Ông nghĩ vậy tôi cũng nghĩ vậy ; cái ý-kiến đó tôi đã thực-hành suốt một đời, nhưng thực-hành cho được cũng cực-khổ lắm, ông ạ. Khó, chớ chẳng phải dễ đâu mà nghĩ. » — Cả cái tâm-sự của kẻ trượng-phu là ở trong mấy lời giản-dị mà thanh-cao ấy. Thật thế, ở đời không gì qui bằng kẻ anh-hào, vì kẻ anh-hào có cái khí-phách cao-thượng hơn người thường, hay làm nên những sự nghiệp phi-thường. Nhưng có người sánh bằng kẻ anh-hào, không kém gì, là người có lòng danh-dự, một đời biết giữ trọn cái phẩm-giá cao-qui của mình, không hề để cho trụy-lạc bao giờ. Cứ bình-tình mà nói, có lẽ cái giá-trị của người danh-dự còn cao-qui hơn cái giá-trị của kẻ anh-hào, vì kẻ anh-hào chỉ vẫy-vùng một lúc, mà người danh-dự phải khắc-khổ một đời. Ôi ! đạo danh-dự có phải là con đường dung-dị, ai ai cũng bước tới được đâu ! Cái hư-danh là một vật bán-buôn mà lòng danh-dự phải khắc-kỷ mới được. Thế-gian thiếu gì kẻ hư-danh, mà người giữ trọn được lòng danh-dự thật không có lắm. Người ta ở đời mà mang hai chữ danh-dự ở trong lòng, khác nào như đắp cái đê để chắn lấy ngọn nước đồi-phong trong xã-hội khỏi tràn-ngập mất cái nhân-cách thanh-cao của mình. Cuộc đời càng mở-mang, sóng gió càng to dữ, ngọn nước càng ngày càng dâng cao lên, cái đê vô-hình kia cũng phải càng ngày càng đắp vững thời mới đương nổi sức nước. Nguy vậy thay ! Cho nên những người đã tự để mình vào cái địa-vị ăn sổi ở thì, vị một ngày mà nỡ bỏ mất danh-tiết trăm năm, thời không kể làm chi, còn người nào đã biết qui sự danh-dự hơn cái tài-lợi nhỡn-tiền, lấy hai chữ danh-dự in vào trong lòng làm cái phương-châm một đời, thời không phải là hằng năm hằng tháng mà là hằng ngày hằng giờ phải khắc-kỷ, phải tự-phòng, phải căng-trì, phải miễn-lệ, mới mong trước là giữ được trọn-vẹn cái phẩm-giá của mình, sau là tăng được cao thêm cái nhân-cách mình lên. Bởi thế mà đạo danh-dự là cái đạo cao nhất, khó nhất ở đời này. Bởi thế mà người danh-dự cũng đáng qui đáng trọng chẳng kém gì bậc anh-hào vậy.

**
* *

Nay cái lòng danh-dự tuyệt-đích hoàn-toàn thời là riêng cho những kẻ anh-hùng liệt-nữ, chí-sĩ cao-nhân, nước nào cũng có mà không phải là một vật thông-thường. Ông phò-mã Võ TÍNH tuẫn-tử ở thành Bình-định, ông tổng-đốc HOÀNG DIỆU tuẫn-tử ở thành Hà-nội, đều là những gương danh-dự trong lịch-sử nước Nam ta, đời đời còn chiếu rọi không phai. Nhưng cái danh-dự ấy là cái danh-dự đặc-biệt phi-thường, không phải là cái danh-dự phổ-thông trong xã-hội. Trình-độ một xã-hội cao hay là thấp phần nhiều là bởi cái danh-dự phổ-thông này, không

bởi cái danh-dự đặc-biệt kia. Ta đã xét trên kia mà biết rằng cái lòng danh-dự phổ-thông trong xã-hội nước ta thật là sút kém lắm. Nay ta xét đến cái lòng danh-dự ở các xã-hội Âu-châu thế nào. Ta không cần phải khảo-cứu lịch-sử mà suy ngược lên tự đời Trung-cổ, đời Phong-kiến cho biết cái lòng danh-dự của các bậc võ-sĩ nước Pháp đời bấy giờ thế nào. Cũng không bàn đến cái lòng danh-dự của nhà quân Pháp trong cuộc chiến-tranh kinh-thiên động-địa vừa rồi, vì cái danh-dự ấy vẫn là cái danh-dự đặc-biệt như trên kia. Cứ xét ngay trong sự giao-tế thường của người Tây, thời cũng đủ biết cái lòng danh-dự phổ-thông trong các xã-hội Âu-châu thế nào. Người Tây rất là trọng sự danh-dự, lấy mất danh-dự là cái nhục đệ-nhất ở đời. Phạm đến danh-dự kẻ khác là một trọng-tội, trong hình-luật có định phạt. Coi danh-dự như một vị thần-thánh, bất-khả xâm-phạm. Gặp những cơ-hội quan-trọng, muốn cầu lấy lòng tin của người khác mà thề không sai lời, không nói dối, thời không có kêu Trời chỉ Phật chứng-minh, chỉ lấy hai chữ danh-dự làm đảm-bảo. Một lời đã hứa với nhau mà nói rằng : « Tôi lấy lòng danh-dự thề với ông... Tôi lấy danh-dự hứa với anh... » (*donner sa parole d'honneur, jurer sur l'honneur*), thời lời ấy như sắt đá, dẫu sông cạn đá mòn cũng không dám sai. — Muốn biết người ta hay thích hay trọng cái gì thời cứ nhận trong khi nói chuyện viết văn năng nói năng viết đến chữ gì là đủ biết. Chữ danh-dự là một chữ rất thông-dụng trong văn tây : nói với người trên quan trên thời nói : « Tôi được cái danh-dự trình... báo... kêu... v. v. quan lớn việc như sau này... » ; muốn tỏ cái lòng yêu-mến kính-trọng người ta thời nói : « Tôi được cái danh-dự tiếp ông..., tôi được cái danh-dự hầu ngài, v. v. » ; người đàn-bà có trinh-tiết gọi là biết giữ danh-dự của mình ; người đàn ông có tài-năng gọi là làm danh-dự cho nhà mình xứ mình ; người buôn-bán thật-thà cũng gọi là giữ được danh-dự của nhà buôn ; người đánh bạc không đánh gian đánh dối, không xấu thói ăn non, cũng gọi là người không phạm đến cái danh-dự trong làng cờ bạc, v. v. Có nhiều việc pháp-luật không cấm, luân-lý cũng dung, mà lòng danh-dự không cho làm ; có nhiều việc trái với lợi mình, người đời cũng chê, mà lòng danh-dự bắt phải làm. Như danh-dự bắt phải xử nhã với kẻ thù mình ; danh-dự buộc không được sai lời di-chúc của người chết, dẫu thiệt-hại cho mình mặc lòng. Trong đời người, cơ-hội nào, tình-tiết nào cũng chứng-gọi, cũng yêu-cầu đến lòng danh-dự, mà bao giờ lòng danh-dự cũng có dịp thi-thố được. Ở những chốn thượng-lưu-xã-hội thời pháp-luật của danh-dự (*code de l'honneur*) lại nghiêm hơn pháp-luật của Nhà-nước. Người nào xử một việc bất-nhã, làm một điều phi-danh-dự, hay là bị một cái nhục gì mà không rửa được sạch, thời bằng-bối coi là người mất-giá, phải mang tiếng xấu một đời. Bởi đó mà Âu-châu có cái tục quyết-đấu (*le duel*). Hai người có việc gì bất-bình với nhau, tự lấy làm phạm đến danh-dự nhau, mà việc thời hoặc trong pháp-luật không định, hoặc không muốn đem ra giải-quyết trước công-môn, bèn định ra quyết-đấu với nhau, hoặc đánh bằng gươm, hoặc đánh bằng súng, hai bên bịt mắt ra đánh nhau, phó cho may rủi, người nào rủi bị thương là người ấy thua, người nào may đánh trúng là người ấy rửa được cái danh-dự của mình. Thường thường thời chỉ đánh đến xầy da chảy máu, hoặc bị thương nặng nhẹ mà thôi, nhưng cũng có khi đến chết người. Gọi là « danh-dự quyết-đấu », nghĩa là quyết-đấu để rửa sạch cho

danh-dự ; cái nguyên-lý thời hay lắm, vì việc là thuộc về danh-dự (*affaires d'honneur*), chỉ có người bị nhục với người làm nhục biết với nhau mà thôi, không có để cho xã-hội can-thiệp đến, không có để cho xã-hội phán-đoán được, hai người phải tự-quyết với nhau, nhưng tự-quyết với nhau không thể lấy lý-luận mà phục nhau được, tất phải mượn đến cái võ-lực, cũng là một tục di-truyền của cái tinh-thần thượng-võ từ đời trước. Người nào rủi mà chết nữa cũng là tự-cam làm hi-sinh cho danh-dự, đủ biết rằng trọng danh-dự hơn sinh-mệnh vậy. Nhưng tục quyết-đấu ngày nay lưu-tệ cũng nhiều, nên hiện bây giờ lắm người phản-đối. Duy chỉ có trong chính-giới là còn thịnh-hành vậy. — Lòng danh-dự mà đem đến quá-độ thời thành ra cái « danh-dự tịch » (名譽癖 = *le point d'honneur*), lắm khi việc chẳng vào đâu, sự bất-bình nhỏ, cũng lấy làm quan-hệ đến danh-dự, đó là cái danh-dự biến-thái, không phải là danh-dự chính-thức vậy.

Coi như trên đó thời biết người Âu-châu có cái long danh-dự mạnh là dường nào. Trong những việc giao-tế thường trong xã-hội mà lòng danh-dự còn cương-cường như vậy, thời đến những khi lâm-biến gặp nạn hay những buổi nước nhà có việc, cái « đàn-lực của danh-dự » (*le ressort de l'honneur*) còn mạnh biết bao nhiêu : coi như trong cuộc chiến-tranh vừa rồi, mấy trăm vạn con người cùng một lòng công-phẫn ra đánh kẻ thù chung, chẳng phải là vị lòng danh-dự muốn rửa cái nhục chung cho nước mình ru ? Xét về phương-diện ấy thời cái cuộc đại-chiến-tranh này cũng có thể gọi là một cuộc « danh-dự quyết-đấu » của hai phe lớn trong thế-giới cùng nhau tranh hơn tranh được vậy. Trong cuộc quyết-đấu ấy thời phần danh-dự hơn cả chắc là thuộc về nước Tỉ-lợi-thì (Belgique), nước tuy nhỏ-yếu mà dám ra địch với nước lớn-mạnh gấp mấy mươi lần, vẫn biết rằng không tài nào đương nổi, nhưng không nỡ phản-bội ước cũ, không nỡ chịu nhục quốc-thể, không nỡ bó tay ngồi yên để cho thiên-hạ nghi cái lòng danh-dự của mình, nên mới tuốt gươm ra đánh, mới nên cái nông-nổi trứng trọi với đá và thành cái kết-quả nước phá dân tan như ngày nay. Bi-thảm thay, mà vẻ-vang thay! — Mới biết hai chữ danh-dự là qui, và ở trong cái thế-giới cạnh-tranh này giữ cho trọn được đạo danh-dự cũng cực-khổ lắm, thật là khó, chớ không phải dễ vậy.

. . .

Danh-dự ! Danh-dự ! Ở đời không có cái huy-hiệu nào qui bằng, không có cái giá-trị nào cao bằng, không có cái công-đức nào lớn bằng, không có cái sự-nghiệp nào to bằng ! Danh-dự ! danh-dự ! ngươi là vị thần thiêng ở đời này, thần chánh-đại quang-minh, chí-tôn chí-nghiêm, có cái thế-lực rất mạnh đủ phá đổ cả các tà-thần khác, thần tiền, thần bạc, thần lợi, thần danh. Trong thế-giới này có một nước chưa từng biết cái oai-quyền của ngươi, nước ấy là cõi Nam-bang này : ta xin thắp lửa đốt hương cầu cho ngươi giáng-sinh xuống đây, để mở mày mở mặt cho mười mấy triệu con người đã từng luồn-cúi quị-lụy trong bao nhiêu năm ! . . .

THƯỢNG-CHI

TỊCH-MỊCH

Sống ở đời thời phải cạnh-tranh, cạnh-tranh thời phải nhọc lòng mệt trí. Nên người ta ngoài cái thì-giờ lao-động thường hay khao-khát một chốn tịch-mịch để di-dưỡng tinh-tình. Đương ở chỗ ồn-ào rậm-rật mà bước vào nơi vắng-vẻ êm-đềm, còn gì thú bằng! Cái thú đó người ta ai cũng từng được biết, nhất là khi đi vãn-cảnh một nơi chùa cổ am xưa, cái vẻ bình-tĩnh thanh-nhàn lại càng dễ cảm người ta lắm vậy. Nay bởi đâu mà trong cảnh tịch-mịch có cái lạc-thú thanh-cao như vậy?

Nước khuấy thời bùn vẩy, nước có lặng thời bùn mới trong. Cái ác trong lòng người cũng như đất bùn trong ao nước : khi bình-tĩnh thời lắng-lặng dưới đáy ao, lúc khua-động mới khuấy-vẩy lên trên mặt. Người ta sinh-hoạt trong xã-hội hằng ngày phải xung-đột với kẻ khác mới chiếm giữ được cái địa-vị của mình : thành ra trong lòng không bao giờ được yên, cũng như ao nước không bao giờ được lặng, mà bao nhiêu cái xú-ác như bùn lầy vẩn-đục cả lên, làm cho tấm lương-tâm không bao giờ được trong-sạch. Nếu đem ẩn mình ở chốn am thanh cảnh vắng, bỏ lòng cạnh-tranh mà vui thú yên-hà, thời tự-nhiên trong lòng định-tĩnh, sinh ra cái lạc-thú thanh-cao. — Nhưng cái thú đó mới là cái thú « tiêu-cực » mà thôi. Trong cảnh tịch-mịch còn một cái thú « tích-cực » nữa. Thơ cũ có câu : « Không sơn tịch-mịch đạo-tâm sinh 空山寂寞道心生 », thời trong cảnh tịch-mịch không những cái ác-tâm dễ dẹp được, mà cái đạo-tâm cũng dễ gây nên. Người ta đã bỏ lòng cạnh-tranh thời dễ sinh bụng đạo-đức. Ta thường nhận những khi canh khuya vắng-vẻ, một bóng một mình, bao nhiêu công việc ban ngày gác bỏ một nơi, ngồi mà suy-nghĩ xa-xôi dễ sinh ra những tư-tưởng hay, ý-kiến lạ, mới biết rằng cái phần tốt-đẹp thanh-cao ở trong người ta chỉ xuất-hiện trong khi tịch-mịch vậy. Hóa-học cũng nghiệm rằng phàm các tinh-chất (cristaux) tan trong nước phải nước lặng thời mới kết-tinh lại được, cũng là một lẽ đó. Như vậy thời cảnh tịch-mịch vừa dẹp xuôi được cái bụng xấu mà lại vừa suy-khởi được cái lòng tốt của người ta, chẳng là một phép dưỡng-tâm rất hay trong cái đời thân-tâm lao-động này ru ?

Các tôn-giáo thật đã thâm-hiểu lẽ đó, nên mới đặt ra nhà tu-xá để dung những kẻ xuất-thế tu-hành.. Nhưng mà người đi tu phải là người có lòng tin-ngưỡng mới được, vì có lòng tin-ngưỡng thời sự tu-hành mới có cái mục-đích cao-xa. Nay có người khao-khát cảnh tịch-mịch, cũng muốn xuất-thế mà không có lòng tin-ngưỡng thời lấy gì mà thay vào cho trong cảnh tịch-mịch cũng được hưởng cái lạc-thú thanh-cao? Bài dịch sau này của một nhà văn-sĩ Pháp là chủ-ý giải cái vấn-đề ấy. Tư-tưởng cao, lời văn giản, đương buổi khí trời nồng-nực, mà đọc kỹ ngẫm-nghĩ, tưởng cũng mát-mẻ trong lòng được đôi chút, như giữa nơi phiền-náo được phảng-phất cái thú lâm-toàn vậy.

T. C.

* * *

Ngày nay vì thời-thế bách-xúc, dẫu người ẩn mình ở nơi am thanh cảnh vắng cũng phải ra xô-đẩy với đời ; các nhà triết-học thời thi nhau mà xướng lên rằng người ta phải xung-đột với người khác mới phát-siển được cái nhân-cách hoàn-toàn của mình, kẻ nào tự-thoái không muốn ra tranh đua với đời là trái với cái nghĩa-vụ làm người ; giữa lúc bây giờ mà bàn về cái thú tịch-mịch, tưởng là không hợp thời vậy.

Nhưng mà gió-bão rồi cũng có lúc qua, mà trời lại bình-tĩnh như thường; những người bất-đắc-dĩ phải bỏ nơi am thanh cảnh vắng để ra chịu một phần lao-động với đời, rồi cũng có lúc trở về chốn cảnh vắng am thanh.

Triết-học rồi cũng qua đi, vì cổ-lai có cái triết-học nào là vĩnh-viễn đâu; triết-học đã qua thời cái lý-tưởng đạo-đức của triết-học bày ra cho người đời cũng dần-dần tiêu-ma đi hết. Như về đời Trung-cổ, đạo Thiên-chúa đương thịnh-hành thời cái lý-tưởng ấy là thuộc về thần-bí (*mystique*); về thế-kỷ thứ 18, phái « bác-học » (*les encyclopédistes*) đương đắc-thế thời cái lý-tưởng ấy là thuộc về tinh-lý về nhân-đạo (*rationaliste et humanitaire*); đến ngày nay thời cái lý-tưởng ấy là gồm trong cái « cá-nhân chủ-nghĩa » (*individualisme*), nghĩa là cái chủ-nghĩa lấy nhân-thân của mỗi người ta làm tôn-trọng hơn cả, nhưng muốn cho nhân-thân của mỗi người được hoàn-toàn thời phải hoạt-động ra ngoài, muốn hoạt-động ra ngoài thời phải đua-tranh với xã-hội, đua-tranh càng kịch-liệt thời nhân-cách càng rỡ-ràng. Ấy triết-học mỗi lúc một khác như vậy, thiết-tưởng cũng chẳng nên lấy làm quan-trọng cho lắm. Triết-học chẳng qua cũng là theo thời-thượng mà thay đổi vậy. Vì ngày nay có một nhà văn-sĩ có tài ham-mê Phật-giáo, lấy lời văn hay tả cái thú thanh-tịnh của đạo Thích-già, chắc những người đương hăm-hăm hơ-hở, mở miệng ra là nói những hoạt-động tự-cường, chẳng bao lâu cũng mến mùi thuyền mà mơ-mộng những cõi tây-thiên tĩnh-thổ: ta nói « mơ-mộng » mà thôi, vì văn-chương với sự thực bao-giờ cũng vẫn cách xa nhau lắm.

Vậy, dẫu giữa đời bây giờ mà nói cái thú tịch-mịch cũng không phải là một sự trái-ngược vậy. Thú tịch-mịch xưa nay vẫn là cái thú của những kẻ tu-hành, có lòng tín-ngưỡng; nhưng người đời nay không còn tin đạo-giáo gì nữa, thời cái cảnh tịch-mịch còn có phong-thú gì nữa không? Xét cho ra cái vấn-đề ấy, tưởng không những không phải là một sự trái-ngược mà có lẽ cũng là một việc có ích vậy. — Sau đây ta bàn về cái vấn-đề ấy.

*
* *

Người ta để mình vào cái cảnh tịch-mịch tất thứ nhất phải có sự tín-ngưỡng ở trong lòng, thứ nhì phải có bụng mong-mỏi sau này sẽ được giải-thoát siêu-thăng; ấy cái tư-tưởng thông-thường là như thế. Nay người không có lòng tôn-giáo (*agnostique*), không tín-ngưỡng gì, không mong-mỏi gì về sau này, thời chắc là không thể thiết-thân trong cảnh tịch-mịch được: người ấy mà ẩn mình ở nơi cảnh vắng am thanh thời có lợi gì? Đã không tin rằng hết đời này còn có một cõi lai-sinh, thời tất phải tìm cái hạnh-phúc ở ngay đời này, mà cái hạnh-phúc ở đời này tức là những sự vui-sướng của xã-hội ban cho mỗi người, người này ít kẻ kia nhiều vậy.

Ấy người ta thường tư-tưởng như vậy, nhưng cái câu nói sau cùng đó vị-tất đã là đúng. Nói rằng người không có lòng tôn-giáo chỉ mong được sự hạnh-phúc ở đời này mà thôi, thời lẽ đó đã cố-nhiên rồi. Nhưng nói rằng sự vui-sướng chỉ trong xã-hội mới có, thời chưa được chắc lắm, mà xét cho kỹ thực là nói lầm vậy.

Muốn chứng cho rõ, nghiệm ngay trong tôn-giáo cũng đủ biết.

Người tu-hành để mình ở nơi tịch-mịch không phải là chỉ chủ trai-giới khổ-hạnh để mong lập công-đức về sau đâu. Người nào đã để mình ở nơi tịch-mịch thời cái cảnh tịch-mịch ấy tự nó có một cái giá-trị tự-nhiên. Ẩn mình ở chốn am thanh cảnh vắng, cắt đứt cái giây liên-lạc với

đời, không phải là tự-khí tự-vẫn gì đâu. Cái cảnh tịch-mịch không những nó dành cho người ta nhiều sự lợi-ích xa-xôi, mà nó lại hiến cho người ta lắm sự khoái-lạc nhỡn-tiền nữa, dù người có lòng tin-ngưỡng, dù người không có lòng tin-ngưỡng cũng hưởng được cả, — duy người không có lòng tin-ngưỡng thời phải biết tìm kiếm cái gì mà thế vào cho cân.

* * *

Nay có một cái lẽ thực muôn đời, không những thuộc về tâm-giới mà thuộc về vật-giới nữa, từ xưa đến nay các nhà thần-học đã từng cảm-giác mà biết, các nhà triết-học suy-lý mà biết, các nhà khoa-học thực-nghiệm mà biết, là cái lẽ như sau này :

Cứ đem một con sinh-vật có tri-giác mà thử cân cái sướng cái khổ của nó trong một đời, thời bao-giờ cũng thấy phần sướng ít mà phần khổ nhiều.

Sướng bao-giờ vẫn ít là bởi không có cái sướng nào được trọn vẹn, không có cái sướng nào được lâu bền, vì trước khi được sung-sướng trong lòng còn ham-muốn sự sung-sướng, mà cái lòng ham-muốn của người ta thời không thể nào thỏa-mãn cho được, đã không thỏa-mãn cho được thời lại càng như giục cho tăng thêm lên.

Nhân cái lẽ thực thiên-cổ đó mà trong Phật-giáo lập ra bốn điều gọi là bốn « diệu-đề » : thứ nhất là sống ở đời là khổ ; thứ nhì là cái nguyên-nhân sự khổ-não là ở lòng thị-dục, càng được thỏa-mãn lại càng tăng thêm lên ; thứ ba là muốn thoát-khổ thời phải diệt-dục; thứ tư là đường phương-tiện cho được diệt-dục là phải biết theo cái « phép-mầu » (diệu-pháp) của nhà Phật, tức là phải xuất-thế tu-hành.

Sách « Thuật Thánh-giáo » (*L'Imitation de Jésus-Christ*) của đạo Thiên-Chúa, lời lẽ văn-hoa hơn, cũng dạy như vậy, cũng nói rằng phàm sự khoái-lạc là có cái mầm khổ-não ở trong cả. Trong sách có câu rằng : « Lệ thường hễ buổi đi vui-thú tất buổi về buồn-rầu, bữa chiều sung-sướng tất bữa mai âu-sầu. Ấy phàm sự khoái-lạc thuộc về phần xác đều như thế cả : ngọt như mật, êm như du, mà rồi sau đến chết người cũng có. »

Nay lại hỏi đến tâm-lý-học cũng thấy công-nhận như vầy : là phàm cái khuynh-hướng (*tendance*) trong tâm-tính người ta hễ càng tập đến luôn thời càng thấy phát-đạt, càng thấy nổi lên cái sức mạnh vô-địch. — Lại về y-học cũng thường nghiệm rằng trong các chất độc người ta dùng làm vật tiêu-khiển (*poisons de luxe*), như thuốc lá, như nha-phiến, càng dùng nhiều bao nhiêu thời lại càng thêm cần dùng bấy nhiêu, càng nghiện nặng lên bấy nhiêu.

Lẽ đó phàm người đã có chút triết-học không ai là không biết, ta nói tường ra đây là bởi nhân lẽ đó mà cái cảnh tịch-mịch mở mang ra trước mắt ta rộng-rãi vô-cùng, nhân lẽ đó mà cái cảnh tịch-mịch có một cái giá-trị cao-thâm, không quan-hệ với lòng tin-ngưỡng về lai-sinh. Nhà tu-hành dù theo đạo Phật mà tin rằng người ta phải qua mấy kiếp luân-hồi mới được siêu-thăng lên cực-lạc, hay dù theo đạo Thiên-Chúa mà lấy cái thân-thế đức Cứu-thế làm mẫu cho đời mình, bao giờ cũng là chủ giảm bớt cái thị-dục ở trong lòng để tránh-khỏi sự phiền-não mà mỗi ngày thêm được chút hạnh-phúc, tuy chưa phải là cái hạnh-phúc cao-xa ở ngoài cõi trần-thế như mình vẫn mơ-tưởng, nhưng cũng là hình-ảnh cái hạnh-phúc ấy, đủ khiến cho trong lòng trong trí được bình-tĩnh khoan-hòa. Sự bình-tĩnh khoan-hòa ấy tức là cái thưởng chung cho những kẻ đã biết rằng cái thị-dục thường bất-yếm, lòng khuynh-hướng

khó ngăn-ngừa mà ra công yếm được cái thị-dục đi, át được lòng khuynh-hướng lại. Cái đó, dẫu người tin đạo hay người không tin đạo cũng vậy, có phân-biệt chi. Người nọ làm được thời người kia cũng làm được, có khác gì nhau. Cùng khởi-hành một chỗ, cùng đi theo một đường, tất cái mục-đích tới nơi cũng như nhau không khác được.

∴

Nay đạo xuất-thế có lắm hình-thức khác nhau, tưởng chẳng cần phải kể làm gì. Có nhiều cái hình-thức chỉ có giá-trị cho người tin đạo, mà đối với người không tin đạo không có quan-hệ gì. Như những sự khổ-hạnh trai-giới, là cái gốc của đạo tu-hành. Tuy vậy cũng phải biết rằng người đi tu mà tập khổ-hạnh cũng là một cách cầu được hạnh-phúc đó. Như ăn chay thời thân-thể được lành mạnh, sức khỏe được bình-thường, dễ tránh khỏi tật-bệnh, khỏi mắc phải đau khổ; tuy cũng là một cái lợi nhỏ của sự tu-hành, nhưng tưởng không đáng khinh.

Song, về đường tinh-thần thời đạo xuất-thế mới thật là có ích-lợi cho người không có lòng tín-ngưỡng, nhất là thuộc về cái tính « tự-ái » (*amour-propre*) của người ta. Lòng tự-ái, đó là nguồn-gốc lớn của muôn sự khổ-sở, nhọc-nhằn, đắng-cay, chua-sót ở đời. Muốn cho tâm-hồn được bình-tĩnh thời không có gì kỵ bằng cái lòng tự-ái. Trong các cách thị-dục, cái thị-dục về lòng tự-ái là vô-độ hơn cả. Trong các cách khổ-não, cái khổ-não bởi lòng tự-ái mà ra là khó tránh hơn cả, và thường hay thống-thiết hơn.

Lòng tự-ái đã là cái cừu-địch cho sự bình-tĩnh trong lòng, lại là cái cừu-địch cho sự yên-ổn ở ngoài nữa. Phàm khi nào lòng tự-ái được thỏa-mãn là tất có xâm-phạm đến ngoài, đã xâm-phạm đến ngoài thời tất ngoài phải phản-đối lại. Mình được đắc-thắng, tất có kẻ khác phải thất-bại, không có đắc-thắng mà không xung-đột bao giờ. Vậy thời mỗi lần lòng tự-ái được thỏa-mãn là cái kết-quả một sự cạnh-tranh vừa qua, mà là cái nguyên-nhân một sự cạnh-tranh sắp tới. Xã-hội là cái trường-sở cho những sự cạnh-tranh vô-hồi vô-hạn ấy, thời xã-hội tức là một cái khổ-hải vô-tận mà vô-cùng. Ta nói thế không phải là ta cho cái lý-thuyết của ông Rousseau (Lư-thoa) làm phải, ông dạy rằng người ta tính vốn lành, bởi giao-tiếp với xã-hội mà thành ra ác; cái lý-thuyết ấy thật là vu-khoát quá, đời nay không còn ai tin nữa, không có lẽ một mình ta tin. Ta biết rằng người ta từ khi lọt lòng ra đã có cái mầm ác ở trong lòng rồi, nhưng cái mầm ác ấy có ra giao-tiếp với xã-hội mới phát ra, mới dựng lên, mới trở nên kịch-liệt. Hay là nói thế này cho rõ hơn: là người ta trong khi giao-tiếp với kẻ đồng-loại mình thời vừa thỏa-mãn được mà lại vừa ma-lệ thêm cái lòng ác của mình.

Lòng tự-ái bao giờ cũng chăm-chăm đau-đáu, chỉ chực có dịp miệt kẻ khác, để cho khỏi bị kẻ khác miệt mình, thành ra bao giờ cũng cứ quanh-quanh dòm-dỏ người ta xem ai có cái gì xấu thì mình phô-dương lên, ai có cái gì tốt thì mình bài-bác đi, để nuôi lấy cái lòng ác ở trong mình. Nhất là khi nào nó thông-tỏ đến tâm-tình người ta thời cái lòng tự-ái mới lại càng thâm-độc lắm. Cho nên không bao giờ nên ngỏ cho kẻ khác biết những tư-tưởng tinh-ý của mình. Soi qua cái gương tự-ái của kẻ khác thời tính ngay cũng ra cong mà ý thẳng cũng thành quẹo.

Người nào hoặc vì muốn khoa-trương, hoặc vì lòng tức-giận, hoặc vì trí hẹp suy, hay là cũng có khi muốn mua thân với kẻ khác mà đem ngỏ tâm-tình cho người biết, là người dại người khờ, chẳng khác gì ông tướng giữ

thành đương bị vây mà để cho những trinh-thám của quân địch được tự-do ra vào vậy. Người ta không sự gì nguy-hiểm bằng nhẹ dạ mà cầu thân với kẻ khác. Người nào muốn giữ cho trong lòng được bình-tĩnh, muốn cầu cho thân mình được hạnh-phúc, thời đối với mình không có cái nghĩa-vụ nào tôn-trọng bằng nghiêm-phòng lấy cái tâm-giới của mình, tự biệt-lập mà không để cho can-thiệp với kẻ khác.

Sách « Thuật Thánh-giáo » thật đã thâm-hiểu hai lẽ đó, nên lấy cái cớ rằng phòng giữ cho kẻ tu-hành khỏi bị cám-dỗ vào trần-tục mà suy-diễn ra mấy lời khuyên chỉ-lý như sau này : « Chớ nên gặp ai cũng phơi-lộ tâm-tình ra với người... Nên đối với ai cũng một lòng từ-thiện, nhưng đến thân-mật sỗ-sàng thời là quá, v. v... » Lại nói rằng : « Phàm những lời nói việc làm của người mà không quan-hệ đến ta, ví ta đừng để bận lòng đến làm chi thời trong lòng ta tất được thư-thái khoan-hòa, v. v... » Lại có câu rằng : « Sự bè-bạn là sự ham-mê, người này ham-mê người kia mà nên bè-bạn ; ta chớ nên nhiễm những thói ham-mê đó, ta phải cố thế nào cho đến ngày tuyệt-nhiên không phải cần đến người đời nữa mới là nên... ». Mấy lời cách-ngôn đó thật là lồng-lộng như tấm gương trong. Không phải là những lời tôn-giáo mà thôi, thật là những lời triết-lý tuyệt-trần vậy. Cổ-lai chưa có nhà tâm-lý nào nhìn được sáng như vậy, chưa có nhà luân-lý nào dạy được đúng hơn nữa.

Người ta mà thân-cận nhau quá, tất có cái ác sinh ra, lẽ đó không một là thuộc về triết-lý, về tôn-giáo, mà cái phạm-vi nó còn rộng hơn nhiều.

Việc mình chớ để cho người can-thiệp, việc người mình chớ can-thiệp làm chi ; dù khen dù chê chớ phiền đến tai kẻ khác ; dẫu muốn chuyện trò cũng đừng nên gặp ai cũng nói : không những tôn-giáo triết-học mới dạy như thế, mà lẽ thường, sự lễ phép cũng bảo như vậy. Thử nhìn vào trong một nhà khách-sạn lớn, thấy mỗi người ngồi một chỗ, người này viết thơ, người kia đọc sách, có người ngồi trong ghế dựa thơ-thẩn mà nghĩ xa-xôi, lại có chỗ năm ba người họp lại mà nói chuyện nhỏ. Hoặc có khi người này với người khác, nhà nọ với nhà kia, cần phải họp mặt chuyện trò cho vui, thời cũng là nói những chuyện đây-đó mà không bao giờ kể đến việc riêng của mình.

Bọn thượng-lưu như vậy, người bình-dân cũng như vậy. Trong dân-gian thường nghe thấy kẻ nói : « Ấy tiếng ở gần nhà mà tôi chẳng quen ai... Có gặp thì chào nhau một câu, thế mà thôi. . . Mình ở nhà mình, người ta ở nhà người ta, việc gì mà tần-phiền nhau làm chi... », mà nghe giọng nói có ý tự-cao. — Nhưng đến những chỗ hàng rượu hàng cơm của kẻ hạ-lưu đi lại thời mới rõ những thói bạn-bè xú-uế : ngồi đụng chén trước mặt nhau thời anh anh tôi tôi, tưởng không gì thân-mật bằng, bao nhiêu nông-nỗi bình-sinh thổ-lộ ra hết, thế mà kết-cục có ngày đến vỡ đầu sứt tai cũng có.

Ôi ! người ta cần phải sinh-trưởng trong xã-hội, đó là một lẽ tất-nhiên, mà xã-hội lại là chốn khổ-hải vô-cùng, đó cũng là một lẽ hiển-nhiên nữa, hai lẽ thật là trái ngược nhau. Muốn điều-hòa hai đằng thời đặt mình trong xã-hội phải giữ lấy cái kỷ-luật rất nghiêm như trên kia. Có giữ được nghiêm cái kỷ-luật ấy thời mới mong có ngày được hạnh-phúc, mới mong có ngày người ta tuy vẫn phải hiệp-lực để cùng nhau mưu sự an-toàn, sự vui-thú, mà mỗi người lại hết sức nghiêm-phòng được cái tâm-giới của mình, tự biệt-lập không can-thiệp với kẻ khác. Xã-hội bấy giờ sẽ thành như một cái công-ti lớn để người ta cùng sinh-sản, cùng tiêu-dùng với nhau, khác nào như một cái hội « đồng-nghiệp » (*syndicat*) to để vừa bảo-

hộ cho đoàn-thể, vừa bảo-hộ cho mỗi người, nhưng mỗi người trong xã-hội vẫn biệt-lập, ngoài sự cần dùng không phải giao-tiếp gì với nhau cho lắm.

Nay ta chưa được đến bậc ấy. Tuy đã có tiến-bộ được một đôi chút, mà còn lâu nữa sự sinh-hoạt trong xã-hội vẫn là cái khổ cho người đời.

Vậy thời đã đặt mình vào xã-hội, người ta chỉ có ba cách như sau này-

Một là ở đời phải theo đời, người ta đua tranh mình cũng tranh đua, trông thấy cái hạnh-phúc ở đâu thời cố mà tới cho được, dù phải dày xéo người khác mà đi cho mau cũng nên, không quản gì những sự trở-ngại, ai ngăn mình thời mình cố đạp cho đổ mới nghe, miễn là đạt được tới mục-đích, thỏa được lòng dục-vọng thời thôi. Ấy phần nhiều người như thế, có người cố ý như thế, có người tự-nhiên như thế, người tự-nhiên như thế là phần nhiều, lắm khi lại an-trí rằng mình vẫn ăn ở theo đạo-đức, theo nhân-nghĩa vậy.

Hai là coi đời người như một sự « bất-túc khinh-trọng » và theo cái đạo của vua Marc Aurèle nước La-mã đời xưa. Ngài nói rằng: « Ở đời được phú-qui không lấy làm tự-cao, phải bần-tiện không lấy làm tự-sỉ » ; hằng giây hằng phút phải ra sức mà chế cái thị-dục, lòng tự-ái của mình ; xét người ta chẳng nên trọng mà cũng chẳng đáng khinh, nhưng phải biết rằng người ta ai cũng như ai, vì ai cũng nhân-tâm ấy ; người nào răn dạy được thời nên ra công mà răn dạy, người nào không răn dạy được thời nên nhẫn-nhục mà chịu vậy, đối với ai cũng một dạ khoan-dung ; tự riêng mình thời nên cầu trời cho được dù gặp cảnh-ngộ nào cũng không sợ-hãi, không ham-muốn, không phiền-não gì ; tuy bề ngoài giao-tiếp với xã-hội mà trong lòng vẫn biệt-lập một mình, lấy câu của ông Platon: « Ta ở giữa nơi thành-thị phiền-hoa mà cũng chẳng khác gì người chăn chiên ở trên núi, một mình ngồi trong lều gianh mà vắt sữa cừu », làm lời châm-ngôn cho mình. — Cách ấy là cách những kẻ cao-sĩ anh-tài.

Ba là những người hoặc bẩm-tính tử thủa nhỏ, hoặc kinh-lịch phải gian-truân, mà biết rằng mình không thích-hợp với đời, đời không thích-hợp với mình, bất-nhẫn nhìn cái cảnh cạnh-tranh trong xã-hội ; mà tự riêng mình thời cũng chưa chắc có theo được trọn cái đạo khắc-kỷ của vua Marc Aurèle mà ắt được cái lòng tự-ái của mình, khiến cho những sự cám-dỗ, những mối tần-phiền của xã-hội không cảm-nhiễm vào mình được. Những người ấy không phải là biếng nhác : dù phải làm công việc gì nặng nhọc đến đâu tưởng cũng cam-tâm mà làm được. Những người ấy không phải là người hèn nhát : dù phải xông pha sự nguy-hiểm mà liều đến thân mình tưởng cũng có cái can-đảm mà làm được. Khó nhọc không quản, đau đớn không nề, sống chết cũng không tưởng, thế mà ra tranh đua với đời thời biết mình rằng không thể sao được, biết mình rằng không thể nào chịu được những nỗi phiền-não ở đời vì sự đua-tranh ấy mà sinh ra. Đời người là một cuộc chiến-đấu, mà những người ấy là những người không có đủ tư-cách ra đeo gươm vác súng với đời vậy. Hạng người ấy cổ lai nay bao giờ cũng vẫn có. Đời xưa vẫn có, mà ngay bây giờ cũng có. Chỉ yêu-cầu với người đời có một điều, là xin để cho xa lánh cõi đời, bao nhiêu cái phần phú-qui vinh-hoa của mình ở đời xin vui lòng để lại cho người đời hưởng cả. Cách ấy không phải là cách những bậc anh-hùng hào-kiệt, đật-sĩ cao-nhân chi, nhưng mà đã không có tư-cách làm được những bậc ấy thời cách ấy cũng là một cách chánh-đáng khôn-ngoan. Chỉ xin lấy tịch-mịch cho được an lòng vậy.

∴

Trong lòng đã được bình-tĩnh, thời sự hạnh-phúc chính ở đấy không xa.

Lánh mình vào cảnh tịch-mịch không phải là để giữ lấy đạo vô-vi, mà biến thân như loài mộc-thạch. Nếu quả có cái chỉ độn-thế, thời trong cảnh tịch-mịch thật là có lắm cái thú thâm-trầm, không kể sao cho xiết. Thánh BERNARD đã có câu cảm-thán, tự mấy mươi đời còn như văng-vẳng bên tai như tiếng hạc kêu gió thổi : « Khoái-lạc thay là cái cảnh tịch-mịch ! Khoái-lạc thay là cái cảnh tịch-mịch ! » (*O beata solitudo, o sola beatitudo !*)

Nay ta thử giải-thích cái khoái-lạc của sự tịch-mịch ấy thế nào.

Trước nhất không phải là cảnh tịch-mịch nào cũng có khoái-lạc đâu. Như cái cảnh tịch-mịch của kẻ tội-nhân giam trong ngục-thất thời thế-nhân vẫn cho là ở đời không cảnh gì khổ bằng. Coi đó cũng đã đủ biết rằng cảnh tịch-mịch có phải tự mình ưng-muốn thời mới là một sự hay. Lẽ đó cũng là do cái phép chung ở đời rằng phàm bao giờ trong lòng không được tự-do thời không còn có gì là sung-sướng nữa.

Nay sự tịch-mịch là một cái thú, thường là bởi phản-đối với sự lao-động. Cho nên những người đã từng chìm nổi trong cuộc đời mới thật biết hưởng cái thú tịch-mịch. Những người vì chức-nghiệp phải vận-động luôn, giao-tiếp luôn với kẻ khác, mỗi năm đến tháng nghỉ, thường hay tìm một nơi cảnh vắng đìu-hiu để ẩn mình vào đấy mà hưởng cái thú tịch-mịch, biết rằng chỉ có cách ấy là để di-dưỡng thân-thể, thư-thái tinh-thần.

Các cụ ta ngày xưa cũng biết cái lạc-thú của sự tịch-mịch. Thường hay đi vãn-cảnh những nơi danh-lam cổ-sái, có khi ở đến mấy tuần, cũng ăn chay thụ-giới như kẻ tu-hành, không biết gì đến việc nhà, việc đời, việc chức-nghiệp nữa. Lắm khi lánh mình như thế là để thư-thái trong lòng mà quyết-định một việc quan-trọng, hoặc sắp bước chân vào một cuộc đời mới công việc khó nhọc hơn hay là trách-nhiệm nặng-nề hơn. Như thế thì sự tịch-mịch cũng như thứ rượu mạnh để phấn-chấn tinh-thần (*un tonique moral*). Trong ngoài bình-tĩnh thời trí-nghĩ sáng suốt, ý-tưởng phân-minh, nghĩ-ngợi việc gì cũng dễ, mưu-tính việc gì cũng chóng, mà quyết-định việc gì cũng mau. Phàm những công việc lớn trong thiên-hạ thường là phát-khởi ra trong chốn tịch-mịch cả. Ẩn mình mà làm nên sự-nghiệp phi-thường thời như những bậc MOÏSE, JÉSUS, MAHOMET, thật là lưu-truyền thiên-cổ.

Tự trên là nói cái cảnh tịch-mịch tạm-thời, chẳng qua là một đoạn nhỏ ở giữa cuộc đời, nhưng còn cái cảnh tịch-mịch vĩnh-viễn, không có mong trở lại với đời nữa, là cái cảnh tịch-mịch của kẻ tu-hành. Cảnh này cũng có nhiều chỗ giống với cảnh trên. Cảnh này cũng phải tự mình ưng muốn thời mới nên. Cảnh tịch-mịch vĩnh-viễn cũng như cảnh tịch-mịch nhất-thời thường là phản-đối với sự lao-động mà có cái thú-vị riêng. Ai cũng biết rằng các phái tu-hành ngày xưa — ngày nay cũng còn có ít nhiều — thường là lấy trong những người đã từng-trải cuộc đời lắm, chìm nổi đã nhiều hoặc trong sự làm ăn, hoặc trong cuộc chơi bời. Trong sách tiểu-thuyết của ông RUDYARD KIPLING có tả một người Ấn-độ tên là PURUN BHAGAT, trước là một bậc quyền-thế phú-qui nhất ở đời, sau đeo y-bát lên tu trên núi Hỉ-mã-lạp-sơn : lúc bỏ nhà mà bước chân vào núi, chút sạch cái gánh nặng trần-gian, quyết-chí không trở về nơi gió bụi nữa, thấy trong người thảnh-thơi, trong dạ khoan-khoái lạ

đường nào : bấy giờ mới biết cái thú tịch-mịch là cái thú tuyệt-trần vậy.

Nhưng mà lâu ngày sự phản-đối cũng hết mà cái lạc-thú của cảnh tịch-mịch thời vô-cùng. Vậy thời nhà tu-hành quyết-chí lánh đời mà đặt mình vào trong cái cảnh tịch-mịch vĩnh-viễn, làm thế nào mà được cái khoái-lạc vĩnh-viễn, cái hạnh-phúc hoàn-toàn ? Phải giải cho được cái vấn-đề ấy, vì có quan-hệ cho người không có lòng tín-ngưỡng vậy.

* *

Phàm để mình trong cảnh tịch-mịch, cốt-yếu nhất là có hai điều: hai điều ấy không có quan-hệ gì với tôn-giáo, dẫu người có lòng tín-ngưỡng hay người không có lòng tín-ngưỡng cũng theo được cả : một là tiếp-xúc cảnh tự-nhiên, hai là tuân-theo kỷ-luật sẵn.

Tự-nhiên (*la Nature*) với xã-hội cũng vì như hai ông thầy, người ta không thể phụng-sự một lúc được. Người ta ở trong xã-hội là ở một cái cảnh tự tay người cấu-tạo ra, không phải là cảnh tự-nhiên, ở mãi quen đi, tinh-thần trí-thức dần dần cũng sai-mê đi mà lấy đấy làm nơi sinh-trưởng, tưởng ngoài đấy không có đâu sống được nữa. Nhưng xã-hội chẳng qua là một cái khu kín để ươm cái dục-tình của người ta, đến lúc đã thoát được ra ngoài cái khu ấy, thời mới cảm-giác được sự Tự-nhiên, mới biết rằng trong cảnh Tự-nhiên có cái ý-vị mầu-nhiệm thanh-thần, siêu-việt hơn cả các tôn-giáo.

Các nhà tu-xá (*couvents*) thường hay đặt ở những nơi cảnh-trí tuyệt đẹp. Nhiều nhà đặt ở giữa khoảng rừng thẳm quanh-hiu ; có nhà trông ra ngoài bể lớn ; có nhà ở giữa trên sườn núi, mùa hạ điểm những hoa thơm sắc đẹp, mùa đông phủ một tầng tuyết trắng ánh-ảng dưới mặt trời ; lại có nơi ở giữa khoảng đồng-điền tươi tốt, lúa cỏ xanh rì. Những tay lập viện dựng am thiệt là những bậc có tài-trí phi-thường cả, nhưng túng-sử những bậc ấy không hiểu rằng nơi cảnh-trí đẹp có ảnh-hưởng tốt đến tâm-tính người ta mà chỉ chọn những nơi rất tầm-thường, rất không có thi-vị gì, miễn là ở xa chốn phiền-hoa dộn-dịp, cũng đủ tiếp-xúc với cảnh tự-nhiên được. Nhà hiền-triết nước Mĩ Emerson đã nói rằng : « Ta không cần phải đến hồ Côme, đảo Maderes mới được hưởng cái thú phong-cảnh thiên-nhiên. Người ta thường hay cho cái cảnh-tượng một chỗ một nơi nào là đẹp ; cho thế là quá. Phàm trong phong-cảnh nào cũng vậy, cái gì nó cảm người ta hơn cả là cái đường chân trời, chỗ trời với đất giáp nhau, như thế thời dẫu đứng trên cái đồi đất thấp hay trên đỉnh núi Alleghanies cũng là trông thấy cả. Đêm đến, sáng sao lấp-lánh trên trời, tan-túa xuống đất, thời dẫu đứng trong thửa ruộng con con hay đứng giữa đồng-điền thành La-mã, hay giữa đám thành đô đất Ai-cập, cũng là trông thấy cả. Mây cuốn ra trăm hình vạn trạng, sắc trời lúc buổi sáng buổi chiều, thời dẫu nhìn qua bụi tùng khóm trúc hay là cây đa cây đề cũng đều là đẹp cả. Hai cái cảnh khác nhau thường ít lắm, mà người đứng ngắm cảnh mới thật khác nhau nhiều. » Nay muốn dùng chữ về tâm-lý-học mà nói thời ta nói rằng cảnh-vật cảm người ta ít hay nhiều, rút lại là tùy cái « sức cảm-thụ » (*réceptivité*) của mỗi người vậy. Nếu trong lòng mình đã sẵn-sàng để cảm-thụ, thời dẫu hơi tiếp-xúc với cảnh-vật cũng đủ thấy vui sướng trong lòng, dù là tiếp-xúc với cái phong-cảnh rất tầm-thường cũng vậy. Không những thế : người thầy tu cuốc đất ngoài bãi bể, hay nhà giòng kín bón cây trong vườn am, có lẽ đối với cảnh tự-nhiên

lại có cái cảm-giác sâu hơn mạnh hơn là người đi du-lịch đứng trước một cái cảnh núi rất đẹp ở đất Thụy-sĩ.

Tiếp-xúc với cảnh tự-nhiên đã là một mối quan-cảm rất tốt cho nhà tu-hành ; tuân theo kỷ-luật sẵn lại là một sự ích-lợi cho tâm-thần lắm nữa. Trai-giới, tụng-niệm, làm việc bằng tinh-thần, làm việc bằng chân tay, đi chơi cho giải-trí, giờ nào cũng có việc, mỗi việc mỗi giờ. Ngày tháng như cái đồng-hồ đều-đặn, không có giây phút bỏ đi, không ngồi không bao giờ, mà cũng không bao giờ vội-vàng sấp-ngửa — vội-vàng vốn là cái khổ đệ-nhất của sự sinh-hoạt trong xã-hội ; — trong kỷ-luật đã dự-định hết thảy, không việc gì phải tự-tiện ở mình. Như vậy thời tâm-hồn người ta không còn có cái hệ-lụy gì với ngoài, vừa được đắm-thắm trong khí-vị tự-nhiên, lại vừa được nương-tựa vào khuôn-phép kỷ-luật, cũng là sắp-sửa đón rước được cái hạnh-phúc vậy. Nhưng mới sắp-sửa mà thôi, vì người ấy cái tình còn chưa có đích, cái chí còn chưa có chủ vậy.

* * *

Ta phải biết rõ mới được : người ta mà chịu bỏ cái lòng tự-ái của mình đi, là làm một sự hi-sinh rất to lớn vậy. Bỏ lòng tự-ái là triệt được cái mầm của muôn sự khổ-não ở đời, có thế thật, nhưng cũng là làm nhụt mất cái chí tinh-tiến là phần cốt-yếu trong tâm-tính người ta. Vậy muốn cho tâm-thần chí-khí khỏi hao-mòn eo-hẹp đi, thời phải tìm cái gì mà thế vào cái lòng tự-ái đã hoại mất, phải tìm lấy một cái nguồn tinh-lực khác để thay cho cái nguồn cũ đã cạn rồi.

Lẽ đó thật là rõ-ràng, khiến cho đạo Phật là cái đạo lấy sự tịch-diệt làm tôn-chỉ — tịch-diệt tức là diệt cái lòng tự-ái trước nhất — cũng không biết lấy gì mà thế vào cho được, phải lấy cái lòng từ-bi bác-ái, nghĩa là thương yêu hết thảy các giống sinh-vật trong trời đất, nhưng thương-yêu rộng quá như vậy thời không có gì là thiết-thực nữa : thành ra thày sa-môn kia đã tự-nguyện xuất-thế thời không được thương-tiếc đến cái thân mình nữa mà phải đem lòng từ-ái sẻ cho con run cái rế dưới đất !

Đạo Cứu-thế (tức là đạo Thiên-chúa) thời nhờ đã thông-tỏ cái tâm-lý của người ta lắm, nên giải-quyết được cái vấn-đề ấy một cách ổn-thỏa hơn. Đạo Cứu-thế lấy lòng kính-mến Thiên-chúa mà thay vào cái lòng tự-ái của người ta ; lấy cõi Thiên-quốc mà thay vào cái xã-hội của người đời. Cái quan-niệm về Thiên-chúa ấy là một cái quan-niệm rất cao-thâm, vì đứng Thiên-chúa ở đây không phải là một vị thần độc-dữ oai-linh, cũng tham-dục như người trần mà lại quá-độ hơn người trần : như thần JUPITER của Hi-lạp, thần ÇIVA của Ấn-độ, thần WOTAN của Thụy-điển-Na-uy, thần JEHOVAH của Do-thái ; đứng Thiên-chúa ở đây là một đứng rất cao-xa, rất trong-sạch, rất trọn-vẹn, rất khôn-ngoan, gồm được cả cái tinh-hoa trong tâm-tính người ta, người ta muốn thờ không biết thờ cách nào cho xứng-đáng, chỉ biết đem cái lòng yêu-mến của mình mà dâng Người vậy. Ấy đạo Cứu-thế lấy đứng Thiên-chúa ấy mà hình-dung ra để cho người tu-hành làm kiểu-mẫu, làm bạn, làm thày trong cảnh tịch-mịch vậy.

Từ trước đến giờ thời xét ra người có tín-ngưỡng với người không có tín-ngưỡng cũng đều được hưởng ích-lợi trong cảnh tịch-mịch như nhau, không khác gì ; ích-lợi về đường « tiêu-cực », ích-lợi về đường « tích-cực », về đường « tiêu-cực » thời đã lánh mình xa đời cũng tránh được nhiều sự phiền-nào ở đời, về đường « tích-cực » thời bởi sự trai-giới tiết-thảo, bởi quan-cảm cảnh tự-nhiên, bởi tuân theo kỷ-luật sẵn, trong

lòng không phải phiền bận đến việc ngoài, mà dễ cầu được hạnh-phúc cho mình ; tới đó thời dù người có tín-ngưỡng, dù người không tín-ngưỡng, đã để mình vào cảnh tịch-mịch thời hai bên đều được ích-lợi ngang nhau. Nhưng đến đây thời người có tín-ngưỡng được hơn người không tín-ngưỡng một cái lợi vô-ngần : là trong cảnh tịch-mịch được có một người thày, người bạn tuyệt vời, bạn ấy, thày ấy là ai ? Tức là đứng Cứu-thế (*le Christ*) vậy. Nay người không tín-ngưỡng lấy gì mà thay vào đứng Cứu-thế cho cảnh tịch-mịch của mình cũng có một mối sinh-hoạt cao thượng ? Đã không tín-ngưỡng thời tất hoài-nghi, đã hoài-nghi thời không thể truyền khí sinh-hoạt cho cái lý-tưởng vô-hình được, không thể mượn cái lòng tin của tôn-giáo mà tưởng-tượng ra một đứng tuyệt-phẩm hiển-hiện ở bên cạnh mình, cùng mình đi trên con đường tịch-mịch, như người bạn sẵn lòng đưa giắt, nâng-đỡ, vỗ-về.

Ta đã nói, cái vấn-đề đây là một cái vấn-đề bổ-khuyết cho ngang nhau vậy. Một bên là người có tín-ngưỡng, một bên là người không tín-ngưỡng. Người có tín-ngưỡng thời trong cảnh tịch-mịch có một cái vẻ luyến-ái cao-thượng, khiến cho sự lạc-thú được hoàn-toàn. Người không tín-ngưỡng thời khuyết kém mất cái vẻ luyến-ái cao-thượng ấy : nay lấy gì mà bổ-khuyết cho cân ?

. . .

Trong thiên-bẩm của người ta, ai cũng có một cái tính riêng, tính ấy cũng như lòng tự-ái trên kia, đều là cái đặc-sắc trong tâm-lý của loài người ; tính ấy là tính ham biết, tức có thể gọi là cái lòng hi-vọng cho tới cõi Chân-lý.

Từ ngày nhân-loại biết tư-tưởng, thời sự học-vấn có từ đấy. Người ta biết rằng chung quanh mình có những sức mạnh vô-hình nó đè ép mình, muốn cứu xét xem sức mạnh ấy là gì ; lại muốn cứu xét xem cái tương-lai sau này thế nào ; lại muốn cứu xét xem sau cõi sống này còn có gì nữa không. Muốn biết thế-giới thế nào, muốn biết cái do-lai của mình thế nào, muốn biết sự tiến-hóa của mình làm sao ; muốn cứu xét đến cả cái vận-mệnh của giống mình cho biết Tạo-vật sinh mình ra để làm gì.

Đứa con trẻ sinh ra, tự lúc mới nhóm có tri-giác, đã hỏi luôn cái này thế nào, cái kia làm sao, mà hễ câu nào hỏi không trả lời được thời lấy làm không mãn-nguyện. Sau lớn lên, ra nhà trường học, ông thày cũng là lợi-dụng cái lòng ham biết tự-nhiên ấy mà truyền dạy cho những điều nên biết. Sau nữa, đến khi thành người, thời sự học cần cho phần hồn cũng như là cơm gạo cần cho phần xác ; cho nên nói rằng sự học là cơm của tinh-thần. Cái cơm vô-hình ấy thời người nào trong phạm-vi người nấy, mỗi người tìm kiếm ra một cách, hoặc là theo học trong các trường, hoặc là du-lịch trong các xứ, hoặc là đọc sách, hoặc là đọc báo, hoặc là giao-tiếp với các hội học, hoặc là chuyện trò với người tri-thức. Các nhà thày thuốc vẫn thường nhận rằng khi nào giảng-giải về do-lai một bệnh-tật nào hay là về công-hiệu một thứ thuốc nào thời người nghe ra dáng chú-ý chăm nghe lắm. Lại những nhà du-lịch cũng biết rằng khi nào thuật chuyện những xứ mình đi qua thời chắc là nhiều người thích nghe.

Gắng sức cho được biết, hết sức mà tìm tòi cho tới cái chân-lý xa-xôi, thiết-tưởng đó là cái lòng sùng-phụng thứ nhất của người ta, kể từ khi có sinh-dân đến giờ ; các tôn-giáo chẳng qua cũng là những hình-thức lúc mới đầu của cái lòng sùng-phụng đó mà thôi.

Người ta thoạt tiên còn tin cái chân-lý tự ngoài tỏ cho (*vérité révélée*), hoặc

tỏ từ đời trước mà di-truyền đến mình, hoặc tỏ ngay đời nay, bởi thần-thánh hiển-hiện cho biết.

Rồi mới tin đến cái chân-lý tự mình cảm biết (*vérité intuitive*), nghĩa là tự tâm-hồn mình trực-tiếp mà cảm chịu được của thần-minh. Đó là cái chân-lý của phái thần-học, cái chân-lý ấy tức là đồng-thể với Thiên-chúa, cái chân-lý ấy với Thiên-chúa cũng là một. Nên trong sách « Thuật Thánh-giáo » có câu rằng : « Ôi Chân-lý — Thiên-chúa ! (*Veritas Deus* = *Vérité-Dieu*), xin cho ta đồng-hóa với ngươi, cùng nhau gây một cuộc ái-tình thiên-cổ ! ».

Hai cái chân-lý tự ngoài tỏ cho và tự mình cảm biết ấy là một sự quan-niệm thuộc về tôn-giáo. Cái quan-niệm ấy người ta chưa lấy làm mãn-nguyện, chưa cho là thập-phần thỏa-đáng, nên còn muốn tìm một đường nữa.

Bấy giờ mới phát-minh ra một cái chân-lý cứ trong lý-tưởng suy ra mà thấy, nghĩa là cứ suy-lý biện-luận mà tìm được, tức về sau này gọi là « thuần-lý » (*raison pure*) vậy. Sự phát-minh đó thời đúng lắm, nhưng mà dùng cách suy-lý ấy thời chỉ tới được cái chân-lý vô-hình, cái chân-lý của số-học (*vérité mathématique*) mà thôi. Nay muốn tới được cái chân-lý hữu-hình, cái chân-lý thuộc về những sự-vật hiển-nhiên, thời lại phải tìm một đường khác nữa.

Bấy giờ người ta mới nghĩ ra dùng cách quan-sát (*observation*) và cách thực-nghiệm (*expérimentation*) mà vẫn lấy cái lý-tưởng và sự suy-lý giúp thêm vào. Tới đấy mới là tìm được cái đường lối chân-chính, tuy lúc mới đầu cũng từng gặp nhiều sự trở-ngại, nhưng chắc là phải đường rồi, không còn sợ lầm-lạc được nữa.

Tự đó thời cái chân-lý của khoa-học (*vérité scientifique*) nghiễm-nhiên đứng lên đối với cái chân-lý của tôn-giáo (*vérité religieuse*). Tôn-giáo với khoa-học mỗi bên muốn tuyên-bố cái chân-lý riêng của mình cho người đời theo. Thành ra tự bấy giờ hai bên cạnh-tranh nhau rất kịch-liệt, trong mấy mươi thế-kỷ tới nay.

Các nhà tu-hành thời đối với cái chi ham biết và đối với cái « khoa-học-tinh-thần » (*esprit scientifique*), nhất-thiết cho là sự khoa-trương vô-ích cả, nên dùng những lời rất nghiêm-khắc mà phán-đoán. Sách « Thuật Thánh-giáo » có một đoạn nói rằng : « Người ta ai là người không muốn học muốn biết. Nhưng mà người có học-vấn mà không có lòng thờ kính Thiên-chúa, thời học-vấn mà làm chi ? Kẻ quê mùa mộc-mạc biết thờ Trời kính Chúa với người bác-sĩ kiêu-căng, không biết đến Thiên-chúa là ai, chỉ biết nghếch mắt lên trời mà nhìn tinh-tú xoay-vần, thời quyết kẻ quê mùa mộc-mạc còn hơn.

« Dẫu cái học của ta bao gồm cả vũ-trụ, mà ta không có lòng từ-thiện, thời đối với Thiên-chúa ta có công chi, vì Thiên-chúa xét ta chỉ xét ở cái việc ta làm mà thôi. Thôi, đừng có nên ham học ham biết quá làm chi, vì càng học lắm càng sinh ra phóng-túng, càng biết lắm càng thành ra thất-vọng.

« Phải, các nhà bác-học được người ta trọng-vọng, người ta suy-tôn là người hiền-triết, thời lấy làm sướng lắm. Nhưng mà thử xét mà coi, biết bao nhiêu là sự-vật người ta cố học cho biết mà rút lại có bổ-ích gì cho linh-hồn ta ? Ham-mê những sự không có ích cho đường tế-độ, chẳng là cuồng lầm rư ? »

Nhà làm sách « Thuật Thánh-giáo » chắc cũng là một bậc đại-trí thời bấy giờ, thế mà nói những lời quá-khắc như vậy thật mới nghe lấy làm lạ và buồn thay. Nhưng mà nghĩ đến sự học-vấn đời bấy giờ thế nào, thời mới biết rằng cũng không phải là những lời quá-đáng vậy. Sự học đời bấy giờ không phải là học thực-nghiệm như ngày nay, chủ quan-sát từng việc nhỏ, phân-tách, so-sánh, kiểm-điểm

cho thật kỹ. Tuy vậy mà đời bấy giờ kể cũng đã có khoa-học rồi, vì có những bậc như ROGER BACON (tàu dịch là Bồi-căn), PIERRE DE MARICOURT cùng mấy nhà nữa, thật là những bậc tiên-tri một đời. Nhưng cái khoa-học ấy chưa ai coi vào đâu, không ai biết đến nữa. Thật cái học về thế-kỷ thứ 13 và 14, chính là cái học phiền-toái, cái học theo lối cũ của ông ARISTOTE (tàu dịch là Á - li - sĩ - đa - đích) đời xưa, học tầm-chương, trích-cú, thảo-luận, biện-nạn, phân ra loại này mục khác, đối chiếu như in, bề ngoài rất là chỉnh-tề mà kỷ-trung nghèo-nàn một cách thậm-tệ. Ấy sách « Thuật Thánh-giáo » bỉ-bác là bỉ-bác cái học chung đó, chớ không phải bỉ - bác cái học của ông ROGER BACON, — có lẽ chính ông cũng không biết nữa, — nên trong sách lại có câu rằng : « Cãi-cọ nhau về những sự u-âm huyền-ảo ấy thời có ích-lợi chi ? . . . Bịa ra những chủng nọ loại kia, phân ra những « trù » kia « phạm » nọ mà phiền-nhiễu người ta thời có được gì ? ... » Lời phán-đoán nghiêm thật, nhưng mà có lẽ phải, ta không thể không chuẩn-nhận được. Ta phải chịu rằng nhà tu-hành nào làm sách « Thánh-giáo » ấy nói đúng, vì cái học như vậy quyết là không đủ xung-mãn được tinh-tình người ta.

Nhưng tự thế-kỷ thứ 13 đến giờ, học-giới đã biến-đổi đi nhiều, xuất-hiện ra những bậc như FRANÇOIS BACON, NEWTON, LAVOISIER, CLAUDE BERNARD, PASTEUR. Cái cây Khoa-học về đời Trung-cổ còn mới như nẩy mầm yếu-ớt chưa biết có sống được không, nay đã thành một cái cây to lớn mạnh-mẽ, giễ đã mọc sâu xuống đất, lan ra mọi nơi, không thể nào bật đi được nữa. Chính tôn-giáo cũng phải công-nhận cho khoa-học có quyền sinh-tồn. Khoa-học với tôn-giáo hình như hai bên đã có điều-ước với nhau : khoa-học thời giữ cái thế-giới « tự-nhiên » (*la nature*) mà cố công cứu-xét cho ra cái chân-lý, mỗi ngày tìm được một phần ; tôn-giáo thời giữ cái thế-giới « siêu-nhiên » (*le surnaturel*), là nơi người ta phải có lòng tín-ngưỡng mới vào được. Ngày nay thời tôn-giáo với khoa-học không có phản-đối nhau nữa : người ta thường thấy những nhà sùng-đạo có tiếng mà vừa là những tay khoa-học đại-danh.

* * *

Từ ngày sách « Thuật Thánh-giao » ra đời đến giờ, người ta đã phát-minh được ba điều cốt-yếu : một là cái chân-lý hoàn-toàn tuyệt-đích, cái chân-lý siêu-hình (*la vérité métaphysique*) thời loài người ta không có mong bao giờ tới được ; hai là cái chân-lý ấy cũng không phải là yếu-cần cho người ta, người ta dẫu đành chịu không biết cái lẽ không bao giờ biết được, cũng có thể sống làm người một cách cao-thượng hoàn-toàn được ; ba là người ta dẫu không thể biết được toàn-thể cái Chân-lý tuyệt-đích mà có thể biết được từng bộ-phận, có thể phát-minh được những chân-lý nho-nhỏ con-con, rồi nhật-tích nguyệt-lũy nhiều mãi ra, rộng mãi ra, mà tinh-thần trí-tuệ mỗi ngày một sáng-suốt mở - mang, tuy không bao giờ tới được cõi Chân-lý hoàn - toàn mà cũng ngõ-hầu đến gần được ít nhiều vậy.

Ngày nay dẫu không tin cái Chân-lý tự ngoài tỏ cho cùng cái Chân-lý tự mình cảm được, dẫu không tin các tôn-giáo cũ, cũng được. Người ta đã có khoa-học thay vào, có thể lấy khoa-học làm tôn-giáo được, tôn-giáo ấy là thờ sự học, thờ cái chân-lý của sự học ; bao giờ thế-gian này còn có người mà người ta còn biết tư-tưởng thời còn biết thờ như thế mãi ; có lẽ cái ban thờ mới này không được sang-trọng rực-rỡ bằng các ban thờ cũ ; nhưng ngọn lửa thần sẽ được sáng tỏ muôn đời, không thủa nào tắt vậy.

Ấy người không có lòng tín-ngưỡng mà muốn để mình vào cảnh tịch-mịch thời phải quay mặt về cái ngọn lửa thần ấy. Như vậy thời cái vấn-đề ta thiết ra trên kia, thế là giải-quyết được rồi. Ta muốn vị người không có lòng tín-ngưỡng tìm cái gì mà bổ-khuyết cho cân, ta đã tìm thấy rồi. Người độn-thế hình như triệt mất cái nguồn tinh-lực trong tâm-tính mình, nay nhờ sự học mà cái nguồn ấy lại rồi-rào hơn nữa. Người độn-thế phải hoại bỏ cái lòng tự-ái của mình đi, nếu có tín-ngưỡng thời lấy tôn-giáo mà thay vào, nếu không có tín-ngưỡng thời cũng lấy sự học-vấn mà thay vào được, chẳng kém gì tôn-giáo. Sự học-vấn cũng gây cho người ta lắm cái cảm cái thú lạ, chẳng kém gì lòng tín-ngưỡng, mà cái cảm cái thú ấy cũng thâm-trầm, cũng trong-sạch, cũng thanh-cao như cái cảm thú trong tôn-giáo.

Người độn-thế không có lòng tín-ngưỡng thời kém người có lòng tín-ngưỡng là không được hằng ngày hằng giờ, hằng giây hằng phút, thấy như bên cạnh mình có người bạn thân thường khuyên-răn chỉ-bảo cho mình, trỏ cho mình cái lẽ trời huyền-diệu, cái chân-lý muôn đời. Nhưng được cảm-thông với cảnh-vật, không một là cảm-thông bằng tình mà chỉ biết phảng-phất mô-hồ mà thôi đâu, lại cảm-thông bằng trí mà thấu-triệt được phép-tắc của cảnh-vật, dẫu không thấu được hết các phép-tắc cũng mỗi ngày mở mang ra được nhiều.

Cảnh-vật ngày xưa còn u-âm huyền-bí, người ta lấy thế làm đẹp làm mầu, cảnh-vật ngày nay đã tỏ rạng được nhiều, không phải có kém mầu kém đẹp hơn xưa. Nhà tín-ngưỡng trông thấy hạt thóc gieo xuống đất mà thành bông lúa, bông lúa làm ra cơm gạo để nuôi sống người, lấy đấy là cái công tạo-hóa của Thiên-chúa, cứ an-nhiên cảm-phục như vậy, không suy-tầm cứu-xét làm chi, lấy sự mang-nhiên bất-giác làm cái thú tuyệt-trần. Nhưng nhà bác-vật kia đã nghiên-cứu mà biết hạt thóc mọc mầm thế nào, là cây hô-hấp làm sao, bông lúa sinh-trưởng bởi đâu mà thành ra hạt gạo nuôi người, thời cái cảm-giác chắc là mạnh hơn, thâm-trầm hơn và cao-thượng hơn vậy. Đất đời xưa với đất đời nay vẫn là cái kho vô-tận để nuôi sống con người ta, không phải vì những nhà hóa-học như Boussingault, Berthelot, Hellriegel, Wilfahrt đã tìm ra được phép bón đất cho tốt thêm lên mà đất không đáng tôn-trọng như xưa đâu. Tạo-vật không phải là một vị thần cần phải thờ phụng trong chốn u-âm mới có oai-linh. Tạo-vật là một vị thần chân-chánh, phải lấy cái ánh sáng tri-tuệ mà thờ mới thật xứng-đáng.

* * *

Như vậy thời ngoài xã-hội là nơi sinh-hoạt của phần nhiều người ta, ngoài cái cảnh tịch-mịch của tôn-giáo là nơi sinh-hoạt của những người có lòng tín-ngưỡng mà thôi, còn có cái cảnh tịch-mịch của sự học-vấn nữa, riêng để cho những kẻ muốn độn-thế mà không có lòng tín-ngưỡng.

Chắc có người bác rằng cõi khoa-học là cái phạm-vi riêng của mấy bậc thiên-tài xuất-chúng mà thôi, không phải ai ai cũng có thể mong tới được. Lời bác ấy chưa phải là chánh-đáng. Khoa-học cũng như tôn-giáo, không phải là chỉ có mấy vị giáo-chủ, mấy bậc tư-giáo mà thôi, còn có những người phụng-sự nhiều, ngoại-giả lại còn hằng-hà sa-số những kẻ tín-đồ nữa. Như về hóa-học, một sự phát-minh lớn thường là bởi công-phu của trăm nghìn người đã dụng công nghiên-cứu, mỗi người thử một cách, mỗi người tìm một đường, không ai biết ai mà nhất-dán đấu-hợp lại mới

thành ra sự kết-quả to. Lại như về sử-học, một cái vấn-đề giải-quyết được tuy bởi một nhà bác-học có tài xướng-suất ra, mà thực là công-phu của bao nhiêu người học-giả trong bao nhiêu lâu đã sưu-tầm nghiên-cứu mới nên. Ở chốn tu-xá, trong am thờ Trời, dẫu là người thày tu rất nhỏ mọn mà thành-tâm cầu. Trời thời Thiên-chúa cũng sẵn lòng dung-nạp ; vậy thời ở nhà học-viện, chốn thư-trai cũng vậy, phàm người nào đã thành-tâm chuyên cần về sự học, cố công cùng sức tìm cho được cái chân-lý, thời thần Khoa-học tất cũng sẵn lòng mà dung-nạp cả.

Bể học mênh mông, không bờ không bến. Cái phạm-vi của khoa-học rộng quá, người nào cũng có thể tìm được một khu nhỏ vừa với sức mình, mà ra công khảo-cứu tìm-tòi, mong mở-mang được điều có ích : nào là lịch-sử học, nào là ngữ-ngôn học, nào là hóa-học, vật-lý-học, giải-phẫu-học, sinh-lý-học, số-học, v. v., lại mỗi khoa chia ra tiết nọ mục kia, càng ngày càng nhiều, vì càng ngày cái học-thức càng rộng càng phải phân-môn chuyên-trị mới cùng được. Ước gì đời sau này có một ngày các nhà học-giả đều là những kẻ độn-thế cũng để mình vào cảnh tịch-mịch như các bậc tu-hành, đặt thành am thành viện, chia ra phái ra môn, như trong Giáo-hội bây giờ, mà mỗi môn mỗi phái là chuyên-trị một khoa-học riêng, có phái lịch-sử-học, có môn tâm-lý-học, có phái vật-lý-học, có môn thực-vật-học.... Nhưng mà ta nói đến đây mà nghĩ lại thấy buồn cười, tưởng chẳng nên nói làm chi, vì không biết cái sự mình nói đó có phải là sự sau này sẽ có thật, hay chẳng qua là một cái hư-tưởng mộng-tưởng mà thôi

Vậy ta nên dừng lại đây mà tóm-tắt đại-ý trong bài này.

Ta đã biết rằng ở đời này có nhiều người không thể ăn ở với xã-hội được, lấy sự sinh-hoạt trong xã-hội là một sự cực-khổ. Những người ấy ai muốn khen thời khen, ai muốn chê thời chê, nhưng quả cái thiên-bẩm như vậy. Con cá phải có nước mới sống được, những người ấy phải để mình trong cảnh tịch-mịch mới mong bớt khổ được. Người ta thường nói phàm làm người ai cũng có cái quyền được sống ở đời theo cái bẩm-tính thiên-nhiên của mình, miễn là đừng phương-ngại gì đến cái quyền tự-do của kẻ khác thì thôi ; nếu lời nói ấy là phải thời những người sung-khắc với xã-hội kia cũng được quyền lánh cõi đời mà ẩn mình vào nơi cảnh vắng am thanh. Các nhà tu-hành đời trước đã thâm-hiểu lẽ đó, nên mới đặt ra các nơi tu-xá để dung những kẻ chán đời. Ta đã xét trên kia mà biết rằng trong cảnh tịch-mịch có lắm cái khoái-lạc tuyệt-trần, và trong những cái khoái-lạc ấy thời có một phần chung cho cả những người có lòng tín-ngưỡng cùng những người không có lòng tín-ngưỡng : như tránh xa nơi trần-tục mà di-dưỡng cái tư-cách thanh-cao, bỏ lòng tự-ái mà tiếp-xúc với cảnh-vật thiên-nhiên, giữ tiết-tháo, tuân kỷ-luật cho khỏi hoặc những sự cám-dỗ ở ngoài. Nhưng có một cái khoái-lạc đặc-biệt, chỉ riêng cho người có lòng tín-ngưỡng mà người không có lòng tín-ngưỡng không thể có được : là sự cảm-thông với một đứng tuyệt-phẩm để làm một mối sinh-hoạt cao-thượng trong cái cảnh tịch-mịch hư-không. Nhưng ta cũng đã xét mà biết rằng cái khoái-lạc đặc-biệt ấy dẫu người không có lòng tín-ngưỡng cũng không đến nỗi không được hưởng, vì tuy không được cảm-thông với một đứng tuyệt-phẩm bằng tôn-giáo, mà có thể cảm-thông với cái chân-lý bằng học-vấn, hai đằng cũng là ngang nhau không đến nỗi kém vậy. Như thế thời

trong tịch-mịch mà có sinh-hoạt, sinh-hoạt một cách cao-thượng tuyệt-trần, dẫu người không có lòng tín-ngưỡng mà cũng được hưởng cái hạnh-phúc thánh-thần như nhà tu-hành ở chốn am thanh cảnh vắng vậy.

Ta hẵng xin dừng lại đây mà không nói thêm nữa. Cái cảnh tịch-mịch ta vừa vẽ cho những người không có lòng tín-ngưỡng như trên kia, trộm mong rằng có ngày thực-hành được, có lẽ cũng chỉ là một bài tiểu-thuyết bằng-không mà kết-cấu ra mà thôi. Có lẽ ta mơ-tưởng mộng-tưởng đó mà thôi. Nhưng mà ta cũng không tiếc cái công ta, ta cũng chẳng hối-hận gì. Người ta không bằng lòng cái chân-cảnh, thường hay lấy mộng-cảnh mà thay vào, tưởng cũng là chánh-đáng vậy.

THƯỢNG-CHI *dịch-thuật.*

PHÁP-VĂN TIỂU-THUYẾT BÌNH-LUẬN

LỠ ĐỘ ĐƯỜNG (1)

Đường xa có độ ; kẻ lữ-hành không cảnh gì thảm bằng cảnh lỡ độ đường. Tiền lưng gạo bị chỉ đủ tiêu-dùng vừa một độ, sức mạnh chân đi cũng chỉ kham được bấy nhiêu thôi ; nếu đi vội quá, qua độ đường mà không nghỉ, hay đi chậm quá, chưa tới nơi mà hết lương, tức là cái cảnh lỡ độ đường, thật nhân-sinh không gì cực bằng. Ăn đói nằm khát, phần nhiều cũng vì lỡ độ đường ; chết chợ chết đường, phần nhiều cũng vì lỡ độ đường. Bi thay là cái cảnh lỡ độ đường ! Thảm thay là cái cảnh lỡ độ đường ! Nhưng cái cảnh ấy dù bi dù thảm đến đâu mà còn chưa thảm chưa bi bằng một cái cảnh lỡ độ đường khác, còn lắm nỗi cực-khổ hơn nhiều, không thể nói sao cho xiết. Cảnh khác ấy, là cảnh gì ? — Đời người cũng vì như một cuộc lữ-hành, mà cái mục-đích là sự hạnh-phúc ở đời. Người ta đời ấy sang đời khác, theo chân nối gót nhau mà đi, tuy chưa từng tới nơi bao giờ, song mỗi đời cứ tuần-tự cũng tiến lên được một độ. Một độ thêm một độ, như người khách đi đường mỗi bước đi là một bước đến, mà sự hạnh-phúc ở đời cũng tăng-tiến được một chút, cái nhân-cách người ta cũng cao-thăng được một tầng, gia-đình nhờ đó được bền-chặt, xã-hội nhờ đó được vững-vàng thêm ra. — Thêm sướng, bớt khổ, êm-thấm, yên-lành, người ta hi-vọng chỉ có thế mà thôi. Nay cứ tuần-tự mà đi, đời trước bước một bước, đời sau bước một bước, bước trước thêm bước sau, bước sau thêm bước sau nữa, không vội vàng, không vấp ngã, cũng không chậm chạp, không sai lầm, như người đi đường vừa độ thời nghỉ, nghỉ rồi lại đi, thời cái hi-vọng như trên kia cũng có thể ngõ-hầu thành được. Nhưng muốn được như thế phải đời ấy đời khác tích-lũy, cũng như muốn đi tới nơi phải ngày ấy ngày khác lên đường, qua bao nhiêu độ, không sót độ nào, thời cuộc lữ-hành mới thật là được an-toàn trót-lọt. Nay chẳng may hoặc chậm quá hay là mau quá — thường mau quá hơn là chậm quá, vì sự nóng-nẩy là cái căn-tính của người ta — thời trình-độ sai lệch cả, đi đường chắc không tới nơi mà ở đời chắc gặp gian-hiểm vậy. Đi đường

---

(1) L'*Etape*, roman par PAUL BOURGET.

lỡ độ thời cái cảnh khổ đã kể trên đó ; ở đời mà lỡ độ thời là một đời bỏ đi, vì độ trên chưa tới, độ dưới đã qua, bơ-vơ lơ-láo, biết nương tựa vào đâu mà gây-dựng cho được một cuộc đời xứng-đáng ? Nguy vậy thay ! Có lẽ muôn sự gian-khổ ở đời chỉ là bởi người ta không biết cái trình-độ đời người, trong khi hăm-hở bước lên, muốn vượt độ cho chóng tới, mà thành ra điên-đảo cả cái trật-tự trong xã-hội. Trật-tự xã-hội đã điên-đảo thời người ta còn mong hạnh-phúc sao được ? Ấy cả cái lầm của người đời là ở đó, và có thể nói xã-hội bây giờ một phần nhiều là những người « lỡ độ đường » như thế cả. Như vậy thời gia-đình tất không thành gia-đình, trật-tự cũng không ra trật-tự, trong một nhà cha con, anh em, vợ chồng không có cái quan-hệ gì mật-thiết với nhau, ai nấy đều khẳng-tẳng như mỗi người đi một đường, sai lỡ không gặp nhau ; nói rút lại hết thảy đều là tạm-bợ cả. Một xã-hội có thể tạm mà vững-bền được không ? Một nước có thể tạm mà sống được chăng ? Nghĩ mà ghê thay !...

Trong báo này đã từng mấy lần bàn đến tiểu-thuyết của Bourget tiên-sinh, mà biết tiên-sinh là một nhà triết-học sâu-sắc, một tay văn-sĩ có tài của nước Pháp ngày nay, nhưng chưa từng biết tiên-sinh là người ưu-thời mẫn-thế, thường đem ngọn bút tài-tình mà vẽ tỏ những sự sai-lầm của người đời, những điều khuyết-điểm trong xã-hội. Tiên-sinh làm người rất cẩn-nghiêm, lấy việc đời làm hệ-trọng, thường nghiệm thấy cái phong-trào mới ngày nay muốn phá đổ cả nền xã-hội cũ, lấy làm lo mà cố ra công gắng sức duy-trì cho được. Nên mỗi bộ tiểu-thuyết của tiên-sinh đều có ngụ-ý sâu xa, không phải là những sách văn-chương thường vậy. Bộ tiểu-thuyết ta bàn đây đề là « Độ đường » (*L'Etape*), là tả cái tình-cảnh những kẻ « lỡ độ đường » theo nghĩa bóng như trên kia. Tuy là vẽ cái tình-trạng riêng trong xã-hội nước Pháp, nhưng đại-ý cũng là hợp với xã-hội cả các nước, và nhất là hợp với xã-hội nước Nam ta đương thời buổi bây giờ. Vì thế-giới ngày nay giữa vào buổi giao-thời, cái nền-nếp cũ đã mất mà cái trật-tự mới chưa thành, nên ở xứ nào cũng vậy, người ta trong khi tiến lên không biết lấy gì làm chuẩn-đích, không biết theo đâu làm trình-độ, thường sinh ra lỡ độ sai đường, mà gia-đình đổ nát, xã-hội đảo-điên cũng vì đó. Truyện tiên-sinh kết-cấu trong bộ tiểu-thuyết này tức là truyện một cái gia-đình, vì không có chuẩn-đích, không theo trình-độ như vậy mà sinh ra những sự họa-hoạn tày đình, đến nỗi rời-rạc tan-nát cả.

Cốt truyện thời không có gì, mà phần nhiều là ở tâm-lý những người trong truyện, cái tâm-lý ấy phần nhiều cũng lại là do tình-trạng trong xã-hội gây nên, nên thuật truyện lại phải vẽ cái tình-trạng xã-hội bấy giờ, tả cái tâm-lý mỗi người trong truyện, thời cái ngụ-ý sâu xa mới rõ tỏ ra được. Các tiểu-thuyết hay thời tinh-thần chính là ở những chỗ vẽ tình-trạng xã-hội, tả tâm-lý người ta, không phải là ở những việc nhà làm sách bày đặt ra. Những việc ấy chẳng qua là để chứng cho cái tâm-lý, cái tình-trạng kia mà thôi : tình-trạng như vậy, tâm-lý như vậy, thời việc xảy ra tất phải như vậy, có nguyên-nhân mới có kết-quả, muốn giải sự kết-quả làm sao phải biết cái nguyên-nhân thế nào. Cho nên càng những tiểu-thuyết hay muốn tóm lược truyện lại càng khó, vì việc thực không có mấy, cả cái hay là ở những chỗ u-ẩn huyền-diệu, không thể tóm tắt lại được. Như bộ tiểu-thuyết bàn đây muốn tóm-tắt lấy nghĩa truyện, thật không gì khó bằng ; vì trước phải biết tình-trạng xã-hội nước Pháp trong khoảng cuối thế-kỷ thứ 19 đầu thế-kỷ

thứ 20 này, lại phải giải tâm-lý của mỗi người có việc trong truyện, thế nào cho rõ việc ấy là do tâm-lý ấy, tình-trạng ấy mà ra. Nay ta cố tóm lược như sau này, tự biết rằng làm mất cái hứng-vị của nguyên-văn đi nhiều vậy.

Họ Môn-luân (Monneron), tên Nhược-hán (Jean), 25 tuổi, là một chân học-sinh sắc-sảo trường Đại-học. Thày là con trai thứ hai quan giáo Môn-luân, hiện dạy học ở một trường trung-học thành Paris. Nguyên quan giáo tuổi đã vào trạc năm-mươi, cả thảy có bốn người con : con trai cả tên An-toan (Antoine) làm thơ-ký ở một nhà ngân-hàng tại Paris, con trai thứ hai là Nhược-hán, thứ ba là cô con gái tên Dụ-li (Julie) hiện cũng theo tập trường Đại-học, để sửa soạn thi vào dạy trường Nữ-học Sư-phạm, con út là cậu Gát-ba (Gaspard) tuổi còn nhỏ, đương học trường trung-học. Bà giáo tuổi cũng xâm-xi với quan giáo, mà người còn mạnh-khỏe lắm. Một nhà xum-hiệp, mới coi tưởng là một cái gia-đình rất hoàn-toàn, thuộc vào hạng trung-lưu-xã-hội (*bourgeoisie*) là hạng người có căn-bản, có cốt-cách, trong mấy mươi đời đã gây-dựng ra nước Pháp ngày nay. Nước Pháp sở-dĩ được cường-thịnh như bây giờ thật là nhờ công bọn trung-lưu đó : chăm-chỉ, chắc-chắn, không thủ-cựu quá, không hiếu-tân quá, có điều-độ, có căn-cơ, gồm được cả những đức-tính tốt của giống nhà tích-lũy trong bao nhiêu đời mới chung-đúc lại, không mộc-mạc như hạng dân-quê, không phóng-túng như bậc quí-tộc, bọn trung-lưu đó thật là cái nền gốc của các xã-hội văn-minh vậy. Ngày nay tuy cái bình-dân-chủ-nghĩa mỗi ngày một thịnh, bọn hạ-lưu lao-động ở nước nào cũng thấy nổi lên ầm-ầm, muốn phá đổ bọn trung-lưu để chiếm lấy quyền-lợi, song một nước mà không có một hạng trung-lưu có đoàn-thể, có thế-lực, thời nước sống sao được ? Một nước, một xã-hội cũng vì như một cái cây : hạng bình-dân là giễ là gốc, bọn thượng-lưu là lá là hoa, mà thân cây tức là bậc trung-lưu vậy. Bởi thế nên nước nào xã-hội nào cũng lấy bậc trung-lưu làm trọng. Nhưng bậc trung-lưu sở-dĩ có cái thế-lực mạnh như vậy là bởi đã từng-trải nhiều đời, tích-lũy lâu năm, trọn cái trình-độ tiến-hóa mới thành được ; không phải một người một đời mà làm nên. Ngày xưa thời các giai-cấp trong xã-hội nghiêm lắm; tự bình-dân lên đến trung-lưu, tự trung-lưu lên đến thượng-lưu, cái trình-độ lâu dài lắm, phải đi lần-lần, bước dần-dần, đời ấy sang đời khác, tuần-tự tiến lên mới mong tới được, không có trong một đời, tự một người mà truyền bậc dưới lên bậc trên ngay được. Bởi thế nên xã-hội rất là có trật-tự, không có trên dưới hỗn-hào như bây giờ. Tự nước Pháp xướng Cách-mệnh năm 1789, khởi ra cái phong-trào bình-đẳng, mà cái trật-tự ấy đảo-điên từ đấy. Đã bình-đẳng thời ai cũng như ai, ai cũng như ai thời ai cũng có thể tiến lên cao được, miễn là có tài có sức thời thôi, còn giai-cấp trong xã-hội là tự mình định lấy, mình xứng-đáng vào bậc nào thời tự đặt mình vào bậc ấy, còn có cái quyền nào ở ngoài yểm-chế được mình nữa. Cái lý-tưởng ấy mới xét thời tưởng là xác-đáng lắm, mà kỳ-thực không gì sai-lầm bằng, từ khi xướng ra đến nay đã từng ngộ-hoặc người ta nhiều lắm. Phàm đã gọi là xã-hội thời phải có trên dưới, có trên dưới thời phải có đẳng-cấp, có đẳng-cấp thời thuộc vào bậc nào phải có cái tư-cách riêng trong bậc ấy, muốn tự bậc dưới lên bậc trên phải theo trình-độ, phải gây dần-dần cho có cái tư-cách tương-đương mới được, mà muốn gây cho được phải đời ấy sang

đời khác tích-lũy, vì chính xã-hội cũng là bởi cái công đề-tạo của mấy mươi đời vậy. Ấy lẽ thực là như vậy. Nhưng cái mơ-mộng bình-đẳng nó mạnh quá, thường làm cho người ta quên cả lẽ thực. Trong khoảng hơn một trăm năm nay, xã-hội nước Pháp phải chịu cái ác-quả của sự mơ-mộng ấy nhiều lắm. Nhà Môn-luân này tức là một cái minh-chứng hiển-nhiên vậy. Cái gia-đình ấy mới coi tưởng là không gì hòa-hợp, không gì êm-thấm bằng, kỳ-thực vợ ấy chồng ấy, cha ấy con ấy, tuy xum-họp một nhà mà tính-tình ý-hướng không gì là giống nhau cả; nhà không có cái nền-nếp một nhà di-truyền tự đời trước, để làm kỷ-luật cho ai nấy phải theo. Đã không có cái nền-nếp, cái kỷ-luật chung, thời ai nấy chỉ biết theo ý-hướng riêng của mình, đối với nhau không có cái mối liên-lạc mật-thiết, tuy gọi là một gia-đình mà không phải là cái đoàn-thể cố-kết, trên liên-tiếp với người trước đã qua, dưới mở đường cho người sau mới đến, không phải là cái khối thiên-nhiên của mấy mươi đời kết-tinh lại mà thành ra. Gia-đình như vậy mới thật là gia-đình, nghĩa là phải có liên-tiếp, phải có thống-hệ, không thể rời-rạc, không thể gián-đoạn được, phải mấy đời tích-lũy mới nên, không thể một đời gây-dựng mà được. Nay quan giáo Môn-luân vốn là con nhà quê-mùa làm ruộng, ông cụ thân-sinh là người nông-gia chất-thực, sinh được người con có tư-cách thông-minh, chỉ cụ muốn cho học-hành đến nơi đến chốn để theo kịp người ta mà bước lên cái bậc trung-lưu mình vẫn mong-mỏi xưa nay. Kể cái chí một người cha muốn gây dựng cho con như thế cũng là chánh-đáng lắm. Lại sinh vào đời dân-chủ, lấy cái nghĩa bình-đẳng làm trọng, người ta ai cũng như ai, ai có công thời người ấy có thể tiến lên cao được, xã-hội không có phép hạn-chế ai. Tự tiểu-học lên trung-học, tự trung-học lên đại-học, qua trường Cao-đẳng-sư-phạm là chỗ chọn-lọc nhân-tài kỹ nhất, tốt-nghiệp trường ấy ra thời đã nghiễm-nhiên liệt vào hạng người danh-giá trong xã-hội. Thế là nhờ phép nước rộng-rãi, con nhà bình-dân mà có công khó nhọc cũng có thể tiến-đạt như ai. Trách chi họ Môn-luân chẳng một lòng cảm-phục cái chánh-thể dân-chủ, tưởng trong thiên-hạ không có cái chánh-thể nào là hoàn-toàn bằng. Họ Môn-luân chính là người mê-tín cái chủ-nghĩa của các nhà khởi-xướng ra cuộc Đại-Cách-mệnh Pháp năm 1789, chủ-nghĩa ấy gồm trong ba chữ: Tự-do — Bình-đẳng — Bác-ái, ngày nay đã thành như một cái tôn-giáo cả một dân một nước sùng-phụng; không biết rằng cái chủ-nghĩa ấy tuy có cao-thượng thật, mà chẳng qua là một sự hư-tưởng mộng-tưởng mà thôi, đem ra thực-hành trong xã-hội sao được. Xã-hội nước Pháp từ một trăm năm đến giờ có cái hiểm-tượng như vậy cũng là bởi muốn thực-hành những sự hư-tưởng không thiết-thực, lầm-lẫn cái lý-tưởng với sự thực. Sự sai-lầm ấy là chung cho cả một phần nhiều người trong nước; họ Môn-luân nhờ thời-thế mà được lên cũng không thể không mắc được. Đã mắc phải cái lầm ấy thời cả cuộc đời hình như sai ngược cả, cái gia-đình lập ra cũng là trái với trật-tự thiên-nhiên, mọi sự họa-hoạn về sau chính là bởi đó mà ra cả. Quan Giáo Môn-luân sinh-trưởng trong cái mơ-mộng bình-đẳng tự-do, già đời cũng chưa tỉnh-ngộ, chỉ khăng-khăng tin ở lý-tưởng, không hề đem ra đối-chiếu với sự thực. Tin rằng muôn sự ở đời không ra ngoài một chữ Lý, cái gì hợp lý là phải, cái gì không hợp lý là không nên. Cứ lý mà suy thời người ta sinh ra ai cũng như ai, ai cũng có

tinh tốt cả, giáo-dục phải đường thời người nào cũng có thể thành người hay. Đời trước là những đời hắc-ám, nào là bị quân-quyền, nào là bị thần-quyền áp-chế, xã-hội lại chia ra đẳng-cấp, phân ra kẻ trọng người khinh, người ta không được bình-đẳng tự-do, thường phải chịu lầm than khổ-sở. May thay về cuối thế-kỷ thứ 18 có những bậc hiền-triết khởi ra cái phong-trào mới, mở nền dân-chủ, lập chính cộng-hòa, nhân-loại mới thoát khỏi nơi hắc-ám mà ra chốn quang-minh. Đó thật là cái hạnh-phúc của đời nay, chỉ có những kẻ quen tính hủ-lậu, hoặc cố-chí thủ-cựu thời mới không chịu mà thôi. Họ Môn-luân không phải là vào hạng những kẻ đó. Nay xuất-thân hàn-vi, bởi công-phu khó-nhọc, cũng nhờ thời-thế mở-mang, đã chiếm được một chút địa-vị trong xã-hội, muốn tự mình theo cái lý-tưởng bình-sinh, dựng thành một cái gia-đình xứng-đáng. Ấy cái chí của quan Giáo như vậy, cũng quảng-đại như cái chí của cụ thân-sinh ngài khi xưa. Nhưng quan giáo không biết rằng phàm gia-đình không phải một người một ngày mà gây-dựng lên được, và chính ngài con nhà bình-dân nhất-đán bước lên bậc cao hơn, thật đã tự mình cắt đứt cái giây liên-lạc với tổ-tiên mình, tự mình phá đổ cái nền-nếp cũ trong gia-đình của mình, như vậy thời cái gia-đình mới không có nương-tựa vào đâu, không có tiếp-tục với trước, mong sao cho vững-vàng bền-chặt được ? Bởi ngài mơ-mộng những sự lý-tưởng cao xa, không biết đến cái chân-tình cận-thiết như vậy, nên cái gia-đình ngài lập ra thật là một vật trên không chẳng dưới không giễ, bơ-vơ trong xã-hội, không có căn-cứ vào đâu, đến nỗi không đương nổi cái sóng-gió kịch-liệt ngày nay, mà lênh-đênh trôi nổi như chiếc bách giữa giòng : thương thay ! Không phải lỗi tại ngài, bình-sinh vốn là người chính-trực thuần-lương, có yêu-hãnh như ai mà đến nỗi hi-sinh mất cái hạnh-phúc chốn gia-đình ! Lỗi tại những cái lý-tưởng sai-lầm nó đã làm phương-châm cho một đời ngài, lỗi tại cái thời-thế hộn-độn đã quá tôn quá trọng những lý-tưởng ấy, khiến cho ngài cũng bị mắc lừa mà quá tin. Nhưng tin mà thành đến mê-tín, thời cũng khó lòng tỉnh-ngộ được : nên tuy trong nhà xảy luôn mấy cái bi-kịch, mà tiên-sinh vẫn như mơ-màng trong giấc mộng, không biết chuyện chi, đến lúc biết rồi cũng vẫn bàng-hoàng mà không hiểu vì cớ làm sao, chắc trong bụng rằng nhà mình gây-dựng như vậy, con mình giáo-dục như vậy, cứ lý-tưởng thật đã hoàn-toàn, không ngờ còn có sự gì chếch-lệch được. Thường trông thấy lũ con đã phương-trưởng, kẻ nào cũng có nết-na, có học-vấn, vẫn mừng thầm rằng đó chính là cái lạc-thú cho cảnh già mình, dẫu mình bây giờ gia-tư còn ít-ỏi, còn phải cặm-cụi đi dạy học ít năm nữa, nhưng đến khi nào về nghỉ có thể trông vào bọn đó được ; càng mừng mà lại càng tin cái lý-tưởng bình-sinh, chắc rằng vì suốt một đời mình thực-hành cái lý-tưởng ấy nên ngày nay mới được cái hạnh-phúc như thế này. Nhưng, than ôi ! cái hạnh-phúc ấy cũng lại là một sự mơ-tưởng trong óc của tiên-sinh mà thôi ! Tiên-sinh đối với con một lòng thương-yêu, nhưng có ý yêu riêng là Nhược-hán, vì người chăm học và có tư-cách thông-minh, cả cái hi-vọng tối-thiết của tiên-sinh là chung-đúc vào người con yêu ấy, trong bụng đinh-ninh rằng trong các con duy có đứa này là có thể truyền-thụ được cái tư-tưởng bình-sinh của mình. Nhược-hán vẫn là người thông-minh thật, lại là người có tư-tưởng thâm-trầm, nhưng vì trí sáng biết nghĩ mà sớm đã trông rõ cái khuyết-điểm trong gia-đình mình rồi, biết rằng nhà mình như cái cây không có

gốc, lo vì những sự gió bão sau này. Nhà Môn-luân thiệt là cái cây không có gốc thật. Ông Môn-luân vốn là con nhà-quê, vì có công học-hành mà nhất-đán liệt vào bậc trung-lưu nơi thành-thị, tức như cái cây bị bật gỉ mà đem trồng ra nơi khác, cái sức sinh-hoạt nhân đó đã kém đi nhiều. Sau lại nhân chức-nghiệp nay bổ đi dạy học nơi này, mai bổ đi dạy học nơi khác, lấy vợ ở xứ Nam, sinh con cả ở xứ Đông, con thứ hai ở xứ Bắc, con thứ ba ở xứ Đoài, con thứ tư ở Kinh-đô, như cái cây cứ đánh luôn chỗ này sang chỗ khác, mong mọc mầm nảy gỉ sao được? Bà vợ cũng không phải là con nhà cốt-cách gì, ông nhạc thời trước theo quân, sau buôn bán, sau làm người chạy việc thầy-kiện, sau rốt mở ngôi hàng cơm đặt nhà khách-sạn, bình-sinh thay nghề đổi nghiệp không biết bao nhiêu lần, mà cũng không rõ là người vào giai-cấp nào trong xã-hội. Hồi bấy giờ ông giáo mới đỗ được bổ về dạy học ở tỉnh ấy, trọ ngay nhà cụ, cụ thấy người nết-na, có cô con gái xinh gả cho làm vợ. Ấy cái gia-đình Môn-luân khởi-điểm từ đấy. Cứ cái lai-lịch như vậy thời cũng khó lòng mà thành nhà nền-nếp được. Ông chồng thời bình-sinh chỉ biết sự học, tinh-thần mơ màng trong cõi lý-tưởng, không có cái kinh-lịch gì về sự thực ở đời, lại hoặc vào những cái thuyết bình-đẳng tự-do, cải-lương xã-hội, phá-hoại thần-quyền, mê-tín cố-chấp, cái nguy-hiểm ở trước mắt mà không biết. Bà vợ thời tư-chất tầm-thường, nửa quê nửa chợ, không sành việc quản-lý trong nhà, lại hay ưa thói xa-hoa vô-ích, đối với con thời đứa nuông đứa ghét không được công-bằng, đối với chồng thời lời ăn tiếng nói, có ý lăng-ít. Vợ chồng ấy đã không được xứng đôi cho lắm, sinh được lũ con lại mỗi người một nết. Thày cả thời tính phóng-đãng chơi-bời, thường giao-du với những kẻ làng chơi thượng-hạng, kiếm không đủ xài, lòng thị-dục rộng mà kế sinh-nhai hẹp, kết-quả sau này đến thế nào có thể đoán mà biết được. Thày hai thời học-hành có chí, tư-cách hơn người, nhưng sinh ở nơi không có cốt-cách mà thành ra tính hoài-nghi, biết cái hiểm-tượng trong gia-đình mình mà khổ vì không thể nào phá cho được, biết cha là người mơ-tưởng, mẹ là người dung-phàm, mà những lúc tâm-sự bối-rối không dám ngỏ cho hay, lại càng thêm cực khổ. Cô ba thời cũng có tư-cách thông-minh, nhưng tính bí-mật, không hay ngỏ tâm-sự cho ai, lại sinh vào cái gia-đình không có nền-nếp, thân gái không biết nương-tựa vào đâu, một mình u-uất một mình, nửa buồn vì nỗi lòng chẳng ai biết, nửa cực vì thân-thế không bằng mộng. Đến cậu thứ tư là con út thời tuổi còn non mà đã tập thói vô-lại, lời ăn tiếng nói hỗn-hào, không biết lễ phép là gì; cậu này bà mẹ lại có ý chiều nuông nên dễ hư thân mất nết. Cái bi-kịch thứ nhất xảy ra là thuộc về người con thứ hai Nhược-hân. Thày có tình với cô con gái một ông giáo dạy thày khi xưa, Phi-lan tiên-sinh (FERRAND), cô ta cũng có bụng yêu thày. Nhưng họ Phi-lan là một cựu-tộc, nhà có nền-nếp đã lâu đời, lại là nhà « đạo gốc, » cảnh-ngộ thiệt là trái hẳn với họ Môn-luân. Một đàng là cái gia-đình như mới nhóm thành, rất là bác-tạp và chưa thành cơ-sở gì; một đàng thời là cái gia-đình đề-tạo tích-lũy đã tự bao giờ đến giờ, như mang nặng một nền lịch-sử lâu dài. Cái gia-đình trên không có thống-hệ gì, mà cái gia-đình dưới thời có thể-thống di-truyền tự mấy mươi đời, đời nào cũng vẫn tuân-theo, không từng sai ngược bao giờ. Bởi thế nên Phi-lan tiên-sinh tuy một bụng thương yêu học-trò cũ, thật là sẵn lòng muốn gả con gái cho, nhưng thế không thể gả cho một người

không theo đạo, một nhà phản-đối với Giáo-hội như nhà Môn-luân được. Về phần Nhược-hán thời tự khi theo học Phi-tiên-sinh, trong tư-tưởng đã biến-đổi nhiều, dần-dần xa cách cái lý-tưởng bình-sinh của cha mình mà có ý khuynh-hướng về đường tôn-giáo ; sau lại kinh-lịch mà càng ngày càng rõ rằng cái lý-tưởng ấy không hợp với sự thực và nhà mình lấy cái lý-tưởng ấy làm gốc là dựng sai cách cả. Nhưng chính mình sinh-trưởng trong ấy, dẫu biết rằng sai, mà mỗi lúc phá bỏ được sao. Vả cha mình đã mê-tín quá, không thể nào giải-ngộ cho được, mà cũng bất-nhẫn giải-ngộ vì biết rằng cha một đời sống vì đó, vui thú vì đó, nếu mình phạm đến thời không những là bất-hiếu mà lại là bất-nhân. Vì thế mà trong lòng thiếu-niên phân-vân không biết quyết-định ra làm sao : muốn cho trọn cuộc ái-tình của mình thời phải quyết-liệt với cha, nghĩa là phải công-nhiên phản-đối cái chủ-nghĩa bình-sinh của cha mà quay về theo đạo, thật không nỡ lòng nào bội-bạc như vậy. Cho dẫu nỡ lòng mà quyết-liệt đi nữa, thời thấy trong người mình cũng chưa có đủ cái lòng tín-ngưỡng mà theo đạo được. Một đàng thời sợ bất-hiếu với cha, một đàng thời sợ giả-giối với mình, hai bề đều là không thể trọn được cái cuộc ái-tình kia. Cực chẳng đã, thiếu-niên đành phải hi-sinh đi vậy. Đau đớn thay ! Nỗi-niềm tâm-sự ấy thiếu-niên không hề rỉ-rằng cho ai hay. Thế là vì cái gia-đình thất-cách mà hại mất sự hạnh-phúc của một người. Nếu nhà Môn-luân kia thật là cái đoàn-thể cố-kết thời tư-tưởng cha con không có cách-trở nhau như thế, nỗi riêng của con chắc bộc-bạch được cho cha biết, cha tất cũng hết sức giúp con giải-quyết cho được, không đến nỗi cha mơ-màng không biết đến tình-sự con, con e sợ không dám tỏ lòng cho cha biết. Gia-đình là họp người tình-thâm máu mủ để giúp đỡ nhau những khi bối-rối. Nay thiếu-niên gặp sự bối-rối vì nỗi tình mà tuyệt-nhiên không được kẻ máu mủ giúp đỡ cho chút nào, một mình mình khổ, một mình mình chịu. Đó là cái bi-kịch thứ nhất trong nhà Môn-luân, mà cái bi-kịch ấy ngoài Nhược-hán không ai hay. — Cái bi-kịch thứ nhì là thuộc về thày con cả An-toan. Con nhà thường mà tập thói giòng sang, chơi bời quá độ, ngoài giờ đi làm công thường lấy giả tên bá-tước mà giao-du với những bọn giàu-sang, phải lòng một ả thượng-hạng thanh-lâu, tiền lương tháng không tiêu đủ, dùng hết kế đánh bạc buôn tiền cũng không sao kiếm đủ, cùng kế đến mạo chữ ký ăn trộm tiền của nhà ngân-hàng mình làm việc. Việc phát-giác ra, đáng lý phải tù-tội, may nhờ ông chủ có bụng tin chỉ bắt đền tiền mà không nỡ trị-tội. Nhân đó im chuyện đi được, cha mẹ ở nhà cũng không biết rõ. Những con người ấy, làm nên cái thủ-đoạn ấy chẳng cũng là một cái ác-quả của cái gia-đình thất-cách kia ru ? Nếu nhà Môn-luân có cốt-cách như nhà người ta, thời sao để cho cái ác-quả ấy manh-nha ra được ? Thế là vì gia-đình thất-cách mà bại-hoại mất nhân-phẩm một người. Đó là cái bi-kịch thứ nhì trong nhà Môn-luân, mà cái bi-kịch ấy ngoài An-toan chỉ có em trai và em gái biết, bố mẹ tuyệt-nhiên không hay tí gì. — Nhưng An-toan mắc tội ăn trộm tiền mà có tiền đền được ngay thời tiền ấy kiếm ở đâu ? Chắc không phải ngẫu-nhiên mà được. Con người đã làm đến cái thủ-đoạn ăn trộm thời cái tư-cách đê-liệt đã đến bậc vô-sở bất-vi ; đã lấy được của thời dẫu đến giết người nữa mà đừng hay sao ? An-toan tuy chưa đến phạm-ác như vậy, nhưng cái cách kiếm mấy nghìn quan để đền cho xong món tiền ăn trộm đó thật là bỉ-tiện có một.

Nguyên Nhược-hán có người anh em bạn học nhà giàu giòng sang, thường đi lại với Nhược-hán, quen biết em gái là Dụ-li, lâu dần hai người có tình với nhau, đến sớm hẹn tối chờ, bày ra cái cuộc trên dâu dưới bộc. Tình-ý ấy hai người giữ rất bí-mật, Nhược-hán tuyệt-nhiên không biết. Duy An-toan tính tò-mò, thóc-mách hay bắt được thơ kín của hai người, nhưng như người ta ra thời làm anh trai phải giữ danh-tiết cho em gái, giữ tiếng tăm cho nhà mình, được biết sự bí-mật hoặc ngăn cấm em, hoặc cáo cho cha mẹ biết. Nhưng anh này là anh mạt-kiếp, thấy tình-nhân của em giàu, cầm chắc làm một chỗ để làm-thời lợi-dụng mà khoét lấy tiền. Vậy khi việc ăn trộm phát-giác ra, tiền trộm đã tiêu hết rồi, lấy đâu mà đền cho được. Bèn vào năn-nỉ với em gái, xin cho mấy chữ để đến vay tiền người tình-nhân của em! Nghĩ tâm-sự cô Dụ-li lúc bấy giờ băn-khoăn mà khó nghĩ thay! Con gái đã không giữ được trọn tiết xấu-hổ biết bao nhiêu, lại phải thằng anh mạt-kiếp muốn lợi-dụng cái việc xấu của mình một cách bẻn-mạt như thế, biết xử làm sao bây giờ? Khẳng-khái cao-thượng như cô không có khi nào chịu tự-hạ đến viết giấy xin tiền ở tay nhân-ngãi. Nhưng không có tiền cho thằng anh kia thời cũng khổ, vì chắc nó tìm cách bêu xấu, bêu xấu với ai không sợ bằng bêu xấu với chính người tình-nhân kia. Nghĩ ngợi canh chầy, rồi cô quyết-định không viết giấy. An-toan tức lắm không sao được mà tiền thời khẩn-bách đến nơi, bèn xoay ra kế khác: lấy mình là bạn học cũ của người nhân-ngãi em, lập-tức thân-hành đến nhà vay, chắc là người kia thế nào cũng ngờ rằng em mình sai mình đến. Quả-nhiên vay được tiền thật. Cô Dụ-li ở nhà cũng đoán biết, tức tốc sai người đem giấy đến cho tình-nhân, dặn hễ ai đến vay tiền thời đừng cho vay, nhưng giấy đến nơi thời tiền đã trao rồi! — Nay đến cái bi-kịch thứ ba là thuộc về cô Dụ-li; cái bi-kịch này thảm hơn cả, nhân đó mà ông Môn-luân kia từ trước đến nay vẫn như mơ-màng trong giấc mộng, không biết gì đến cái tình-trạng u-ám trong nhà mình, tới đó mới choàng mắt tỉnh-ngộ ra. Nhưng đợi cho tỉnh-ngộ mà sự đã rồi, gia-đình đã tan nát, còn sao được nữa? Nguyên cô Dụ-li phải lòng ông bá-tước Lư-mặc-ninh (DE RUMESNIL) — tức là tên người bạn học của Nhược-hán trên kia — là chắc trong bụng rằng thế nào hai bên cũng thành vợ chồng. Nhưng thương hại cho cô, cô thơ-dại thật-thà, không biết rằng ông bá-tước giàu sang có bao giờ chịu lấy một người con gái nhà trung-lưu tầm-thường làm vợ! Ông ve cô chẳng qua cũng là một cách tiêu-khiển của nhà giòng sang mà thôi, chớ có ý cưới xin chi. Nhưng mà ở đời có lắm cảnh coi thường mà cũng lắm khi thành ra khó nghĩ cho người ta, dẫu nhà giòng sang cũng chẳng tránh sao được. Nếu hai bên chỉ ve-vãn nhau có thế mà thôi, thời tưởng cũng chưa đến nỗi nào. Nhưng hại thay, cô Dụ-li đã có mang được một tháng rồi, chưa nói cho chàng biết, vẫn đợi xem chàng có xin cưới không, nhưng mỗi lần gặp nhau, đả động đến khoản ấy thời chàng cứ thoái-thác, nói lảng đi chuyện khác. Cực chẳng đã, không thể đợi chờ được nữa, vì mỗi ngày chậm là một ngày khốn, nàng phải đánh liều nói rõ cho chàng biết và hỏi chàng quyết một lời định lấy hay không. Chàng được tin như xét đánh ngang tai, lấy làm khó nghĩ quá, nhưng trong chỉ vẫn không định lấy, nói dối rằng mẹ chửa ưng lời, việc đó sẽ liệu sau này; còn sự có mang thời chàng chửa chắc nàng nhận có kỹ không, để bữa sau sẽ đem đến nhà thầy thuốc quen xét nghiệm cho thật đúng. Những tay công-tử vương-tôn chơi bời đã thạo, gặp những

khi khó nghĩ như lúc này đã có một cái kế thường dùng, là mượn thầy thuốc làm phép trụy-thai cho xong chuyện. Ý chàng đây tức là muốn lập-mưu như thế, nói dối nàng là đem đi xét nghiệm đó mà thôi. Nhưng thân gái thơ dại biết đâu những nông-nỗi ấy, chàng nói cũng dễ tai nghe. Sau về nhà nghĩ kỹ mới rõ cái mưu ác, cực khổ quá, tức-tối quá, định xử với kẻ bạc-tình một cách tàn-nhẫn cho cam. Bữa sau đến chỗ hẹn, nàng cầm khẩu súng lục theo, định bắn người kia, rồi bắn mình nữa cho xong đời. Rắp sao làm vậy, nhưng may hai người chỉ bị thương mà không ai chết... Đến bấy giờ chuyện đã vỡ-lở ra như vậy, ông cha mới biết rõ đầu-đuôi, thật là khốn-nạn thay cho ông! Từ trước đến giờ ông vẫn không ngờ, vẫn tin rằng cái gia-đình của ông là thập-phần-hoàn-hảo, hay đâu bây giờ nông-nỗi đến thế này? Mấy bữa trước ông lại vừa được biết rõ chuyện cận con cả ăn trộm tiền của nhà ngân-hàng, chính ông chủ ngân-hàng thuật lại cho ông nghe. Con trai ăn trộm, con gái chửa hoang, thương thay cho một đời ông chính-trực thuần-lương, không hề làm điều gì phi-nghĩa phi-pháp, một lòng tin ở chính-nghĩa nhân-đạo, tưởng rằng gây được cái gương tốt cho các con, ngờ đâu kết-quả đến như thế này! Nghĩ tình-cảnh ông bấy giờ như người đứng trên ngọn núi cao mà dơi xuống dưới đất vậy. Ngồi bên giường con gái bị thương, ông nghĩ lại thân-thế bình-sinh mà nửa thẹn nửa hối, thẹn rằng mình không đủ sáng-suốt mà thấu hết việc nhà, hối rằng gia-đình mình lỗi-lệch đến như thế chẳng tại mình thời tại ai? Bấy giờ không dám giận con dại nữa mà tự trách mình khờ. Thôi thì lầm-lỗi tại mình, mình phải chịu, con dại cái mang. Ông định xử-trí cho hai người con có tội, cậu con trai thời cho mấy nghìn quan làm vốn để sang kiếm công kiếm việc ở thuộc-địa mà làm ăn, cô con gái thời nghĩ thương tình ông giữ nuôi ở nhà, để con ra dù trai dù gái ông cũng trông nom cho, vì dẫu thế nào cũng là máu-mủ mình, cũng là cháu mình chớ sao? Dụ-lí thấy cha không ruồng-rẫy mà lại khoan-dung cho như vậy lại càng thêm tủi thẹn trăm phần. Nghĩ đến nhà mình, trong bốn anh em như thế đã là lỗi mất hai người rồi, thôi thời còn đứa em nhỏ không nói làm chi, mà người anh hai mình là Nhược-hán kia thời thế nào. Cô vốn vẫn đã biết tâm-sự anh, biết rằng anh có tình với con gái ông giáo Phi-lan mà vì nhà ấy theo đạo nhà mình không theo đạo, nên cuộc ái-tình ấy cũng hầu như sai lỡ mất rồi. Nhưng nông-nỗi cửa nhà đã đến như bây giờ, thời còn giấu-giếm làm chi, cô bèn nói rõ sự-tình Nhược-hán cho cha nghe, biết rằng chỉ có cha họa may còn có phương cứu vớt được chút hạnh-phúc tàn, để cho trong nhà mình may còn được một người sung-sướng, chớ như mình với anh cả mình thời còn sống cũng là sống thừa mà thôi. Ông bố nghe chuyện Nhược-hán lại như điếng người đi lần nữa; thế ra đứa con yêu qui nhất của mình, vẫn tưởng là đồng-tâm đồng-ý với mình, không ngờ cũng không tâm-phục mình rồi, và về bè với đảng tôn-giáo là đảng mình cừu-địch xưa nay. Phi-lan tiên-sinh vốn là bạn học cũ của ông ở trường Cao-đẳng-sư-phạm, hai người từ hồi ở trường ra vì cái tư-tưởng khác nhau nên không năng đi lại với nhau. Nay lại nghe thấy con trai mình vẫn dấu mình mà đi lại với người bạn cũ ấy, lại có tình với con gái người ấy, lại có ý muốn theo đạo để lấy cho được người con gái ấy, ông tức-giận quá, tưởng như thế là đến đứa con yêu của mình nó cũng vẫn phản-bội mình rồi. Nhưng ông nghĩ lại lại không

dám giận con nữa mà tự trách mình ngắn trí hẹp suy mới đến nông-nổi ấy. Ông nghĩ lại mà lấy lời nói của con gái làm phải : trong bốn con đã hỏng mất hai rồi, đứa bé thời chưa kể làm chi, còn đứa này ta nên cố gây cho nó được chút hạnh-phúc chăng. Ông bèn cho gọi Nhược-hán đến, ông nói rằng tâm-sự chàng ông đã biết cả rồi, nay không những ông không ngăn-trở việc hôn-nhân của chàng, mà ông lại bằng lòng cho phép chàng theo đạo để lấy con gái ông Phi-lan. Nhưng cái tình-cảnh của Nhược-hán sau khi trong nhà xảy ra hai việc anh trai và em gái như thế, thời đối với nhà Phi-lan không thể như trước được nữa. Trước kia ông giáo Phi-lan hứa gả con gái cho chàng chỉ yêu-sách có một điều phải theo đạo là khi ấy nhà chàng còn trong sạch chưa có tì-ố gì : nay dẫu chàng chịu nhập-giáo mà ai có con gái lại chịu gả cho em đứa ăn trộm anh đứa chửa hoang ? Cho nên chàng lại càng hôi-tâm về sự hôn-nhân ấy lắm, không còn dám hi-vọng gì nữa. Cho nên nghe lời cha nói mà chàng không vui lòng, lại thêm sầu não trong lòng. Song hai ông giáo Phi-lan và Môn-luân tuy về sự tư-tưởng sự tín-ngưỡng có khác ý nhau, mà cùng một lòng cao-thượng như nhau. Ông Môn-luân chắc rằng ông Phi-lan nếu biết rõ sự-tình nhà mình cũng không có bụng nào khinh mình mà thế nào cũng thuận gả con gái cho con mình, không chấp nề những chuyện khác làm chi. Mà quả ông Phi-lan là người có lượng thật, tuy chưa biết rõ hai cái bi-kịch xảy ra trong nhà Môn-luân nhưng cũng đã ức-lượng mà phảng-phất biết rồi, không những không khinh nhà bạn cũ, mà lại vừa thương cho bạn, thương cho con bạn. Song khổ nhất là ông Môn-luân, muốn cho cuộc hôn-nhân của con được thành, tất phải thân-hành đến nói chuyện với bạn cũ, mà người trượng-phu nói chuyện với nhau phải lấy một lòng thành-thực mà tương-đãi, không thể giấu-giếm nông-nổi riêng được, vậy thế nào cũng phải kể rõ chuyện nhà cho bạn biết : thú trước mặt bạn — mà bạn nào ? bạn xưa nay vẫn trái ý-kiến với mình — thú rằng con trai mình ăn trộm, con gái mình chửa hoang, như thế đã cực chưa ? Cho dẫu bạn không phải là người chấp-nệ, mà mở môi ra đã hổ thẹn trăm phần. Nhưng mà bạn là bạn cố-giao, mà việc là việc hạnh-phúc cho con mình — cả cái hạnh-phúc trong nhà chỉ còn có chút-đỉnh đó mà thôi — nên ông cũng đánh liều đến thăm ông Phi-lan. Phi-lan tiên-sinh thật là người đại-độ : nghe bạn cũ kể việc gia-sự giọng nói ngập-ngừng ra ý khổ-tâm, ông gạt ngay đi, xin đừng nói nữa mà rằng : « Thôi, cố-nhân đã có bụng thương con, đã có bụng yêu tôi mà đến nói với tôi như thế này, thế là đủ rồi, tôi lọ là phải biết hơn nữa. Thôi, anh em ta nên ra công mà gây dựng cho đôi lứa thiếu-niên thành nên gia-thất, để mua vui cho cái cảnh già bọn mình. . . . »

Bữa định-hôn, ông nắm lấy tay chàng mà khuyên nhủ mấy lời, tức là lời kết-luận của bộ tiểu-thuyết này. Ông nói :

« Con phải biết rằng đã có xã-hội « phải có gia-đình, đã có gia-đình tất « có đẳng-cấp, mà đẳng-cấp thời không « thể vụt truyền cấp nọ lên cấp kia được. « Muốn cho gia-đình phát-đạt thời phải « lâu năm lâu đời mới được, phải lần « lượt qua độ ấy sang độ khác mới tiến « lên được. Ông con, cha con, cùng với « cả quốc-dân ta hơn một trăm năm nay « đã tin lầm rằng người ta có thể vượt « độ mà lên được. Không con ạ, người « ta không thể vượt độ được. Ông con, « cha con lại tin rằng người ta có thể « cậy cả ở tài-lực mình được. Không « con ạ, tài-lực của mỗi người mà không « có công-đức trong gia-đình thời cũng

« chẳng thành hiểu-quả gì. . . Nhà con « vì không hiểu lẽ đó mà cố tiến lên « thành ra lỡ độ mà gặp khổ-sở, nhưng « sự khổ-sở ấy tức là để mua chuộc « cái hạnh-phúc cho các con đấy. Ở « đời không có sự hạnh-phúc gì là « không phần khổ-thống : phần khổ-« thống ấy cha con, anh em con đã chịu « đỡ cho con rồi, con phải nhớ chớ quên. « Cái gia-đình của cha con đã không « thành, cái gia-đình của con sau này « chắc được hoàn-hảo. . ».

THƯỢNG-CHI.

MỘT CUỘC THI NHỎ

Bản-báo lục-đăng sau đây một bài pháp-văn của quan Hàn-lâm ANATOLE FRANCE nói về cái tính cờ-bạc. Văn tây đến như bài này là tuyệt-bút. Bản-báo muốn mời các bạn đọc báo dịch giùm cho bài này ra quốc-văn, cốt cho đúng lời văn tây mà lại diễn được hết cái ý-tứ ra lời ta cho thanh-thoát. Bản dịch nào hay và đúng hơn nhất, bản-báo xin gửi tặng dịch-giả một hộp giấy viết thơ tây thượng-hạng, gọi là cái phần thưởng nhỏ để mua vui với các bạn hàn-mặc. — Định đến ngày 30 Août là hết hạn.

N. P.

LE JEU

Les joueurs jouent comme les amoureux aiment, comme les ivrognes boivent, nécessairement, aveuglément, sous l'empire d'une force irrésistible. Il est des êtres voués au jeu, comme il est des êtres voués à l'amour. Qui donc a inventé l'histoire de ces deux matelots possédés de la fureur du jeu ? Ils firent naufrage et n'échappèrent à la mort, après les plus terribles aventures, qu'en sautant sur le dos d'une baleine. Aussitôt qu'ils y furent, ils tirèrent de leur poche leurs dés et leurs cornets et se mirent à jouer. Voilà une histoire plus vraie que la vérité. Chaque joueur est un de ces matelots-là. Et certes, il y a dans le jeu quelque chose qui remue terriblement les fibres des audacieux. Ce n'est pas une volupté médiocre que de tenter le sort. Ce n'est pas un plaisir sans ivresse que de goûter en une seconde, des mois, des années, toute une vie de crainte et d'espérance.

Le jeu, qu'est-ce donc, sinon l'art d'amener en une seconde les changements que la destinée ne produit qu'en beaucoup d'heures et même en beaucoup d'années, l'art de ramasser en un seul instant les émotions éparses dans la lente existence des autres hommes, le secret de vivre toute une vie en quelques minutes, enfin le peloton de fil du génie. Le jeu, c'est un corps-à-corps avec le destin. C'est le combat de Jacob avec l'ange, c'est le pacte du docteur Faust avec le diable. On joue de l'argent, — de l'argent, c'est-à-dire la possibilité immédiate, infinie. Peut-être la carte qu'on va retourner, la bille qui court donnera au joueur des parcs et des jardins, des champs et de vastes bois, des chateaux élevant dans le ciel leurs tourelles pointues... Que dis-je? Elle renferme mieux que cela, elle en renferme le rêve. Et vous voulez qu'on ne joue pas ? Si encore, le jeu ne faisait que donner des espérances infinies, s'il ne montrait que le sourire de ses yeux verts, on l'aimerait avec moins de rage. Mais il a des ongles de diamant, il donne quand il lui plaît la misère et la honte ; c'est pourquoi on l'adore...

ANATOLE FRANCE

(Le Jardin d'Epicure)

BÀN VỀ CHỦ-NGHĨA CHÁN ĐỜI

I

Chủ-nghĩa chán đời có nhiều lý-luận khác nhau : hoặc lấy cảm-giác làm căn-cứ cái chủ-nghĩa ấy ; hoặc lấy đạo-đức làm căn-cứ cái chủ-nghĩa ấy ; về phương-diện trên thì nói người-ta sinh-nhai, phần thống-khổ vẫn nhiều hơn phần khoái-lạc, cho nên chẳng bằng đừng sinh ra ở đời là hơn ; về phương-diện sau thì lại lấy cái con mắt khách-quan mà xét về đằng đạo-đức, thấy đời người tính không giá-trị gì cả, nhân nói cái đời người là không may, chẳng những sự-thực như thế mà lý cũng đáng phải chịu thế. Ngoài hai phương-diện ấy, lại còn một cái lý-luận nữa, lấy lịch-sử làm căn-cứ cái chủ-nghĩa chán đời, thì nói loài người càng ngày càng tiến-hóa mà thống-khổ cùng tội-ác cũng càng ngày càng tăng thêm, hai đằng thành cái chính-tỉ-lệ với nhau vậy. Những lý luận ấy nói ra tuy cũng vẫn có cớ, mà thật không khỏi sai-lầm ; xét ra cho kỹ, thì phàm những cái căn-cứ của lý-luận thuộc về chủ-nghĩa chán đời, không có cái gì thật phổ-thông, thật chánh-đáng, đủ làm trụ-thạch cho cái học-thuyết của mình không thể di-dịch được ; chẳng qua theo cái cảm-xúc riêng của mình là người vốn chán đời sẵn, mà đem những hiện-tượng quan-sát giả cả, vơ làm những chân-lý phán-đoán sành rồi ; nếu đem mà biện-nạn từng điều, thì những chỗ sai lầm không làm sao hồi-hộ được vậy.

II

Về cái lý-luận lấy cảm-giác làm căn-cứ chủ-nghĩa chán đời, nói người ta sinh-nhai, phần thống-khổ vẫn nhiều hơn phần khoái-lạc ; vậy muốn chứng-minh cái lý-thuyết ấy, tất phải dùng cách học toán và học thống-kế ; những nhà văn-học thuộc phái chán đời gần đây cũng có câu nói thường dùng, tức là câu nói : giá-trị đời người, tính theo phần khoái-lạc ít hay nhiều mà định. Câu nói ấy có thể tỉ-lệ được với công-việc nhà buôn ; cái cách nhà buôn tính tiền, thường kiểm những số xuất nhập trong sổ mà trừ đi trừ lại để định lỗ lãi ; những nhà giữ cái lý-luận chán đời, có từng đặt ra quyển sổ, gọi hết cả số khổ-cảm cùng khoái-cảm[1] trong một đời người mà tính giồn lại, biết được cái tổng-số khổ-cảm hơn cái tổng-số khoái-cảm nhiều lắm hay sao ?

Quyết là không ; những nhà giữ cái lý-luận chán đời, chưa từng có làm sách nào dùng đến cách ấy cả. Ôi ! muốn làm cách ấy, tất phải có quyển nhật-ký viết cho thật đủ, thật đúng ; lệ như trong quyển nhật-ký biên ngày này bao nhiêu khổ-cảm, bao nhiêu khoái-cảm, chia ra hai hạng : (A) Khoái-cảm — 1° đêm ngủ thẳng giấc, 2° ăn bữa cơm sáng ngon, 3° đọc được bấy nhiêu trang sách có ích, 4° được thơ anh em bạn. (B) Khổ-cảm — 1° xem báo thấy phải cái tin buồn, 2° bị tiếng cãi nhau ở nhà lối xóm làm giộn, 3° tiếp khách mệt, 4° ăn không ngon miệng. Đại-khái như thế, mà bắt những nhà giữ cái lý-luận chán đời cân nhắc từng cái khổ-cảm lượng khổ là bao nhiêu, từng cái khoái-cảm lượng sướng là bao nhiêu, định cho thật đúng, mà biên cho đủ số, hết ngày này qua ngày khác, liệu được không ?

(1) Khổ-cảm 苦感, là những chuyện cảm đến mình thấy khổ.
Khoái-cảm 快感, là những chuyện cảm đến mình thấy sướng.

Có người nói bắt làm như thế vô-lý quá. Phải, làm như thế thật vô-lý; nhưng đối với cái lý-luận lấy cảm-giác làm căn-cứ chủ-nghĩa chán đời thì quyết là hợp-lý. Sao vậy ? vì nếu không có thể lấy cách học toán và học thống-kế, tính giồn cả số lượng khổ sướng mà trừ đi trừ lại xem, thì làm sao dám đoán định là khổ-cảm nhiều hơn khoái-cảm; nếu không có sổ nhật-ký biên được số lượng khổ sướng trong hằng ngày, thì làm sao thống-kế được số lượng khổ sướng trong đời người ; nếu về những tình-trạng đan-giản như khổ phải tiếp khách, sướng được ngủ yên, còn không quyết đoán được cái lượng khổ này bao nhiêu, lượng sướng kia bao nhiêu, thì đến những cái tình-trạng rất phức-tạp, rất mờ tối làm sao mà quyết toán được ? Có một bản tiểu-thuyết thuật chuyện hai người tuổi trẻ : tên Giáp và tên Ất, do cái cảnh-ngộ, cái hi-vọng cùng nhau, mà sau thành khác nhau hẳn ; hai người trước cùng học một trường, quen nhau, lại kết làm đồng-chí với nhau ; sau khi tốt-nghiệp, Giáp thì làm quan, có tài-năng được quan trên thưởng-thức, bất-thứ siêu-thăng, tiếng vang khắp nước, lấy con gái một quan đại-thần, không bao lâu thăng lần qua các cấp, vượt lên tới chức đại-thần ; Ất thì tính thâm-trầm, ham nghiên-cứu học-thuật, làm giáo-viên nghĩa-vụ [1], theo về nghề trước-thuật, chủ-nghĩa của Ất đề-xướng, người đời ít ai hoan-nghênh, mà văn của Ất làm cũng không mấy người muốn đọc, Ất đần bị sơ trong đám xã-hội, không thi-thố gì được cả, nhưng Ất không lấy làm điều, vẫn hăm-hở làm việc như thường, tuổi đã ba-mươi-lăm, khốn-cùng mãi, cha mẹ lấy làm lo cho Ất quá ; đến cái chính-biến [2] năm 1848, mà cái cảnh-ngộ hai người lại thay đổi hẳn. Cứ như chuyện hai người đó, thôi chẳng kể cái cảnh-ngộ về sau thay đổi, mà nội cái sinh-nhai đoạn trước, có thể cân nhắc được ai sướng nhiều ai sướng ít không ? Giáp có cái sướng được qui-hiển mà có cái khổ lo được lo hỏng ; Ất có cái khổ bần-tiện mà có cái sướng tư-tưởng tự-do ; tỉ-lệ làm sao mà quyết-toán được cho đúng ?

Thường những nhà lấy cảm-giác làm căn-cứ cái chủ-nghĩa chán đời không khi nào chịu tính-toán như thế, chỉ lấy cái lý-luận phổ-thông, nói hàm-hồ cho xong chuyện. Câu sáo của bọn ấy xưa nay thường nói : người ta cái sướng chẳng qua là trừ được cái khổ, cho nên lúc sướng thường chỉ là những lúc đạt được hi-vọng, bớt được đau yếu, hết được lo sợ mà thôi ; nói cho phải thì người ta thật không có cái gì là cái sướng, gọi là sướng với khổ, kỳ-thực khác nhau chỉ là khổ với không khổ, khổ vừa với khổ lắm. — Ôi ! có phải chỉ trừ được cái khổ, gọi là cái sướng rư ? Cái sướng với cái khổ có phải là cùng nghĩa rư ? Nếu vậy thì cũng có thể hạ được một câu đoán-định về cảm-tình người ta mà đổi hẳn câu « trừ được khổ là sướng », nói là « cái khổ tức cái sướng » ; chắc ai nghe cũng chướng tai. Kia đứa trẻ con thấy làm bánh đã sướng rồi, lúc được ăn bánh lại sướng, phải trước khi ăn bánh có khổ-cảm gì, mà đến khi ăn bánh trừ được cái khổ-cảm ấy là sướng đâu ? Ngủ thẳng giấc rồi thì lo đi chơi; ngủ thẳng giấc đã sướng, đi chơi lại sướng, phải trước khi đi chơi có cái khổ-cảm gì, mà đến khi đi chơi trừ được cái khổ-cảm ấy là sướng đâu ?

---

(1) Làm thầy giáo không cầu tiền công xứng đáng, vì việc phải nên làm mà làm, gọi là giáo-viên nghĩa-vụ.

(2) Khi trong nước cuộc chính-trị có biến đổi lớn.

Vả cứ như câu nói « cái sướng của người ta chỉ là trừ được cái khổ », vậy thì người ta khi ham muốn mạnh về cái gì chắc cái sướng cũng theo mà mạnh thêm lên ; nhưng xét vào sự-thực lại trái hẳn thế : phàm ham muốn mạnh về cái gì, cố doanh-cầu cho đến được, cái sướng chẳng qua cũng có một phần ít mà thôi ; đến cái gì thuở nay mình không mong rằng được, thình-lình tự-nhiên mà được thì lại có cái sướng dị-thường ; cái sướng của đời người quyết không phải chỉ là trừ được cái khổ vậy.

Ông SCHOPENHAUER (Sô ban-hô-e) là một cự-tử[1] trong phái chán đời. Ông lấy ý-chí của người ta mà chứng-minh cái chủ-nghĩa chán đời. Ông nói :

« Ý chí của người ta, vốn không có « tri-thức gì cả, thường không có cái « mục-đích chân-chính mà cứ hăm-hở « hão-huyền ; vả lại cái cảm-tình người « ta quanh-quẩn chỉ những rầu cùng « khổ, những sợ cùng lo, lúc thất-vọng « cái này, lúc nguy-hiểm cái nọ ; cái « cảm-tình ấy sô đẩy cái ý-chí người « ta mà bắt phải động-tác, rầu làm sao « cho khỏi rầu, khổ làm sao cho khỏi « khổ, thất-vọng làm sao cho khỏi « thất-vọng, nguy-hiểm làm sao cho « khỏi nguy-hiểm, không được thì khổ « thêm đã đành, may mà được tuy « cũng có được vui sướng tạm thời, « mà cái sướng ấy nháy mắt lại tiêu-« diệt ngay, quyết không trông gì cầm « giữ được mãi ; cho nên nhất-thiết sự « vui sướng trong đời người, kết-cục « cũng lại hoàn thất-vọng mà thôi ; ý-chí « người ta muốn tránh cái cảnh khổ « tuần-hoàn ấy mà không doanh-cầu « gì cả, thì cũng lại buồn không chịu « nổi ; cho nên dữ-kỳ ngồi yên chịu « buồn, chẳng thà lại gieo mình vào chỗ « nguy-cấp gian-nan để tiêu-khiển vậy ; « khác nào như đi trong bụi gai, ngồi « cũng mắc gai, đứng cũng mắc gai « đi ngược cũng mắc gai, đi xuôi « cũng mắc gai, không làm thế nào « cho khỏi gai cả. Ấy đời người « đáng ngét đáng chán như thế. » Lời nói ấy xét ra cũng thiên-kiến lắm. Sinh-nhai của người ta, vẫn cũng thường có cái cảm-tình nguy-hiểm và thất-vọng, nhưng cũng hiếm gì người giải-thoát được ; kìa như những người nông-phu xuốt năm chân lấm tay bùn, mặt trời mọc thì làm, mặt trời lặn thì nghỉ ; họ không hề khi nào biết cái thống-khổ trong khi làm, cái buồn-bực trong khi nghỉ ; thường-thường hết ngày ấy qua ngày khác, hết năm ấy qua năm khác, làm nghỉ như thường, mà không có cái duyệt-lịch gì là đại nguy-hiểm đại thất-vọng. Cái sinh-nhai của những người nông-phu ấy có lẽ bảo chỉ là cái biến-lệ số ít được ư ? Cái ý-chí người ta, theo như lời những nhà chán đời mô-tả, thì chẳng qua là cái ý-chí của những người trái ngược với xã-hội mà không phải là cái ý-chí của những người thuần-phác kiện-toàn vậy.

Ông SCHOPENHAUER lại nói :

« Phần nhiều loài người ta thật cũng « không phải tao-tế bất-hạnh lắm mà « cũng có được hưởng chút hạnh-phúc « sinh-hoạt ; nhưng xét cái toàn-thể « sinh-hoạt trong đời người, chỉ nỗ-lực « về những cái mục-đích giả cả, rút lại « thì cái gì cũng không vẫn hoàn không. » Trong ý ông nghĩ người ta ở đời như ở trong cái thuyền thủng, hết sức để cứu cho khỏi chìm đắm, mà thuyền vẫn cứ chìm ; người ta chỉ chăm-chăm tránh cho khỏi chết mà vẫn không khỏi chết cũng thế. Người ta sở-dĩ vô-vị thế, là vì tạo-vật bất-nhân, phú cho người ta cái tính mê-chấp cứ hi-vọng những chuyện tương-lai : trẻ-con chịu bó-buộc ở trong trường học, chỉ mong được đến lúc trưởng-thành ; thợ bạn chịu ngược-đãi với thợ đàn-anh, chỉ mong được đến ngày tự-lập ; những

(1 Cự-tử 巨子, là người giỏi có danh giá lớn.

người sinh-kế cùng-quẫn, cũng loay-hoay kiếm ăn độ-nhật, chỉ mơ-màng những cảnh giầu-sang; vậy mà những cái hi-vọng tương-lai ấy, lúc đã được rồi, thì cũng chẳng lấy gì làm hạnh-phúc; nhưng đương lúc chưa được, nếu còn một hơi thở, thì cái lòng mê-chấp vẫn không sao phá được; ông nói đời người đáng chán đáng ghét là thế. Ôi! nói ý-chí người ta hằng ngày nỗ-lực về những việc hiện bây giờ không được mà mong được về ngày sau, thật phải; nói chung-cục người ta là cái chết, tân-khổ kinh-doanh thế nào cũng không khỏi cái chết, cũng thật phải; tuy vậy, nhân thế mà hạ một câu đoán rằng đời người đáng chán đáng ghét thì không phải. Thông-lệ, lấy một đời người ví như một chuyến đi du-lịch. Người đi du-lịch, không phải có cái lợi-ích gì vĩnh-viễn bất-tuyệt về sau, mà trong khi đi, giầu mưa giãi nắng, lặn suối chèo non, lúc về đến nhà, chỉ hồi-tưởng lại bấy-nhiêu mà đủ thấy thú; đời người cũng vậy, trong một đời người, biết bao nhiêu là sự đáng sợ, đáng mừng, đáng cười, đáng khóc, trở về già có nhiều khi vắt tay lên trán, nghĩ những cảnh sinh-bình lịch-duyệt, mà thấy mát giạ hởi lòng. Vậy thì cái mục-đích đời người là chỉ tại đời người, cũng như mục-đích du-lịch là chỉ tại du-lịch; những nhà chán đời thấy thế mà nhận lầm rằng đời người không có cái mục-đích gì chân-chính, lấy thế chứng-minh đời người đáng chán đáng ghét, thật không đủ tin.

III

Về cái lý-luận lấy đạo-đức làm căn-cứ chủ-nghĩa chán đời, nói đời người không có giá-trị gì cả, trí với đức chẳng qua cũng là biến-tướng ngu với ác đó mà thôi. Ông SCHOPENHAUER thường hết sức kể xấu đời người, nói: « Gian-ác ngu-độn là hai cái đặc-« chất của loài người; thường cặm-« cụi suốt đời, lo ăn lo mặc cho một « thân mình với con cháu, mà không « biết có cái sinh-hoạt cao-thượng về « tinh-thần; ngu-độn đã như thế mà « lại thêm gian-ác: thấy người khác « tinh-thần thể-phách kiện-toàn hơn « mình, thì ghen thì ghét, không dám « trực-tiếp xâm-hại là nhờ có sức « cảnh-sát đó thôi. Nuôi các giống thú « dữ phải nhốt nó vào trong chuồng « sắt; loài người cũng vậy; phải lấy « cái sắt uy-nghiêm, làm cái chuồng « hình-pháp, mới ngăn cấm được cái « hành-động xâm-hại lẫn nhau, nếu « hở ra ngày nào, thì thấy lung-lăng « bạo-hoạnh ngày ấy. Phàm những cái « loài người tự khoe là đạo-đức, xét « kỹ ra không có cái gì là thật tốt cả: « thích giao-tế là do cái tính khoe-« khoang, trọng danh-dự là do cái tính « sợ-hãi, giữ hòa-bình là do cái tính « hèn-nhát, làm từ-thiện là do cái tính « mê-tín. Lại còn có một hạng người, « cái đặc-chất gian-ác nhiều hơn cái « đặc-chất ngu-độn, ý-chí mạnh, tri-« thức nhiều, không để cho pháp-luật « hạn-chế nổi, như con thú mạnh sổ « ra ngoài chuồng, giày đạp người « khác, không kể gì hết; kia phần « nhiều người hèn-nhát ngoan-cố thiên-« hẹp là một lũ dê, còn phần ít những « người mạnh-tợn khôn-lanh thì lại là « lũ chồn với sói; ngoài hai hạng người « ấy mà tìm được người thật trí thật « đức, ít lắm thay! »

Ấy là lời của những nhà chán đời lấy cái hùng-biện tuyệt-thế, bỉ-báng loài người, mà mô-tả cái hình-trạng người-ta không có một chút giá-trị gì về đáng đạo-đức vậy. Mang cái tư-tưởng ấy không những một ông SCHOPENHAUER; từ tiên-triết Hi-lạp xướng lên câu « vật ngu số nhiều » đến giờ, đời nào cũng có người truyền-tụng cái học-thuyết ấy, như ông HOBBES (Hốp), ông LA ROCHEFOUCAULD (Rô-sơ-phu-côu), ông KANT (Căng) đều nói thế cả.

Nói thế phải hay không ? Nếu cho là phải, thì tất-tu chứng-minh bằng phép thống-kế, mới có thể sác-chứng được là ác nhiều hơn thiện, ngu nhiều hơn khôn ; nhưng mà người ta tri ngu thiện ác nó sai-biệt nhau, quyết không thể nào làm ra được một cái biểu thống-kế cho rõ minh-bạch ; cho nên phán-đoán cái giá-trị chung của loài người, toàn nhờ cái kinh-nghiệm chủ-quan[1] làm tiêu-chuẩn, cái kinh-nghiệm chủ-quan có được cơ-hội tiện-lợi thì phán-đoán mới mong chính-sác được ; thử xét những nhà đoán-định loài người không giá-trị, cái cơ-hội kinh-nghiệm của các nhà ấy thế nào ?

Nhà triết-học phần nhiều là thạo biết tính người lắm. Tuy vậy, như lũ ông SCHOPENHAUER, ông HOBBES, ông KANT, chắc hẳn có được cái cơ-hội tiện-lợi mà suy xét tính người cho đúng không ? E rằng không. Gia-tộc là phổ-thông cái tính đạo-đức của loài người ta phát-đạt rất có quan-hệ trọng-yếu vào đấy, mà mấy ông đó đều không có cả ; mấy ông đó vãn-niên đều mắc vào cái khổ-huống cô-độc một mình ; coi lời tự-ký của ông SCHOPENHAUER, đến nỗi phải cất kỹ của-cải, chỉ sợ bị cướp, ra vào nhà hàng cơm, không tìm được lấy một câu chuyện nghe lọt, lời tự-ký của ông KANT, đến già còn khổ về sinh-kế nó phiền-lụy, tối-tớ nó phản-tranh, người ngoài thấy cũng phải buồn thay cho, nữa là người trong cuộc. Mấy ông đó chẳng những không được ai ái-luyến mình, quan-thiết mình, mà cũng không có người nào là người mình ái-luyến, mình quan-thiết ; vậy thì ức-uất vô-liêu mà sinh bụng bực đời ghét đời cũng là phải. Người ta đối với phổ-thông loài người mà đem lòng yêu mến qui trọng, thường gốc từ chỗ kinh-nghiệm hẹp nhỏ mà suy ra ; nếu người nào đã mất hết những người thân-cận năm người cho đến mười người, tức thì có cái cảm-khái cả đời không ai thân, phẫn mà sinh lòng cừu-địch với loài người là thế. Lại còn một điều này nữa : những nhà chán đời ấy phần nhiều theo về nghề học-vấn trước-thuật, thì thuộc về cái tri-thức suy xét tính người, đại-đề quanh-quẩn trong đám xã-hội học-vấn trước-thuật ; phàm những cái chứng ác người đời : khoe-khoang, vũ-đoán, dua-nịnh, ghen-ghét, cũng ở trong xã-hội ấy có phần nhiều. Nếu mấy ông ấy mà ở vào cái xã-hội thực-nghiệp, tất những lời phán-đoán tính người như thế có đổi khác đi hẳn.

Thử đọc quyển sách « Thụy-sĩ-nông-phu-đàm » của ông JÉREMIUS GOTTHEEF ; những nhân-vật trong quyển sách ấy, cái thái-độ cẩn-thận túc-tĩnh, cái năng-lực kiên-thực, cái thường-thức kiện-toàn, cái lòng quan-mỹ[2] hoạt-bát, khiến người đọc sách cũng phải yêu nết mến người.

Ôi ! cái người làm quyển sách ấy có phải là người bịa chuyện để gạt thiên-hạ không ? Tất không phải. Vốn trong loài người có cái đức-hạnh tốt cũng nhiều ; nếu lấy những chỗ đông-đảo huyên-hiêu mà xét loài người, ít có được cái hiện-tượng xứng-ý, như trên xe hỏa, trong rạp hát, nơi đô-hội to, đại-đề chỉ thấy những cách tri-trục ăn chơi, kheo-khoang nhau, khinh-bỉ nhau, tị-nạnh nhau, ghen-ghét nhau, thế tất ai cũng phải sinh chán sinh ghét ; nhưng mà đến những chỗ phạm-vi sinh-hoạt hơi hẹp nhỏ, như trong gia-tộc, nơi công-trường, thử xem xét kỹ từng người, những cha mẹ anh em thân-thiết thành-thực, những người tộc-trưởng cẩn-thận, những người chức-công thiện-lương, tới đâu cũng thấy có nhiều lắm. Như ông JÉREMIUS

(1) Kinh-nghiệm chủ-quan 經驗觀主, là cái kinh nghiệm của những người lấy mình làm chủ mà xem xét việc ấy.

(2) Quan-mỹ 觀美, ưa coi cái đẹp, thích cái tốt = SENS ESTHÉTIQUE.

GOTTHEEF là ở trong chỗ phạm-vi sinh-hoạt đích-thực mà ròm thấy đời người; còn như bọn ông SCHOPENHAUER thì chỉ ròm thấy đời người ở những chỗ đông-đảo huyên-hiêu vậy.

Suy thế thì biết cái lý-luận lấy đạo-đức làm căn-cứ chủ-nghĩa chán đời, chẳng qua lấy cái kinh-nghiệm riêng của mình đối với loài người, theo cái cách kết-luận phổ-thông mà ức-đoán[1] vậy. Người ta thường có tính thiên, lấy cái kinh-nghiệm của mình một lúc, gây thành cái khuynh-hướng kết-luận phổ-thông; như gặp hai ba người Anh mà ý-khí không hợp với mình, thì tất kết-luận bảy rằng người Anh là người không có lễ-nhượng.

Vả người ta thường khi gặp điều thất-ý, cứ muốn đổ cho tại vận-mạnh chung người ta ai cũng không khỏi, để trấn-tĩnh yên-ủi mình cho giải bớt thống-khổ; như bị vợ con trong nhà dày-dựt, thì thường đặt ra một câu kết-luận rằng « phụ-nhân nan-hóa »; trước-thuật mà không được người đời khen-ngợi, thì thường đặt ra một câu kết-luận rằng « văn hay không người biết xem », đều theo lệ ấy cả. Tức như ông SCHOPENHAUER nhất-sinh phải chịu những các thầy giáo, lũ thiếu-niên vô-lại, lũ đàn-bà con-gái khinh-miệt mà không xiết nỗi khổ, bởi thế mới lập cái thuyết chán đời, cũng có vì cái cảnh-ngộ đặc-biệt mà đặt ra câu kết-luận phổ-thông để tự yên-ủi; cái chủ-nghĩa chán đời là một thứ thuốc hay cho những hạng người ấy, họ nhân mắc cái bịnh thống-khổ mà đem thứ thuốc ấy để chữa mình, tuy cái căn-bản cố-tật không trừ, mà cũng có được cái hiệu giảm bớt thống-khổ; như uống thuốc say, người có đau-đớn thì uống cho say đi để quên cái đau-đớn là phải, chớ bảo ai cũng nên uống thì làm hôn-tâm mê-trí của người ta hết cả, không nên.

IV

Về cái lý-luận lấy lịch-sử làm căn-cứ chủ-nghĩa chán đời, nói văn-minh tiến-bộ bao nhiêu, loài người càng thêm khổ-thống và tả-ác bấy nhiêu; ông SCHOPENHAUER và ông ROUSSEAU là đại-biểu cái lý-thuyết ấy. Ông SCHOPENHAUER thì xem xét lịch-sử về phương-diện tình-cảm mà nói văn-minh làm cho đời người thêm khổ-thống lên. Ông ROUSSEAU thì xem xét lịch-sử về phương-diện đạo-đức mà nói văn-minh làm cho đời người thêm tội-ác lên.

Ông SCHOPENHAUER chứng-minh cái lý-thuyết ấy, tóm lại có mấy lẽ như sau này: 1° văn-minh tiến-bộ, tức là những cái nhu-yếu của người ta thêm nhiều mà sự tác-dụng làm cho mãn-túc những cái nhu-yếu ấy cũng thêm lên vậy; thế thì những cái dục-vọng, những cái khốn-nạn, những cái thất-vọng lại không theo mà thêm lên hay sao? — 2° loài người ta theo cái tri-tuệ phát-đạt mà càng biết suy xét việc tương-lai; các loài động-vật khác, về cái sinh-hoạt hiện-tại, cảm cái khổ-thống ngay một lúc bấy-giờ mà thôi; loài người thì thường-thường dự thấy những sự bất-hạnh nó sẽ tới sau này mà lo-lắng, mà sợ-hãi để thêm cái khổ-thống vào mình; lòng lo sợ ấy thậm-chí bách người ta đến nỗi tự-sát; — 3° người ta có hai cái mình, không những có một cái mình ở ngoài hiện-thực, mà lại có một cái mình ở trong lý-tưởng nữa; cái mình ở trong lý-tưởng, chịu tổn-hại lại càng dễ, cảm khổ-thống lại càng kịch, danh-dự không được, luyến-ái không thỏa, đều là cái nguồn-suối tổn-hại rất lớn, khổ-thống rất dài; người ta bị tỏa-triết, bị hủy-nhục, thường lại đau-đớn gấp mấy cái chi-thể bị thương-tổn, mà những cái cơ-hội thương-tổn vô-hình ấy theo văn-minh tiến-bộ mà càng thêm mãi; vì cái trình-độ văn-minh càng cao, thì xã-hội càng phức-

(1) Ức-đoán 臆斷, là đoán phỏng chừng.

tạp, trong loài người càng có quan-hệ với nhau nhiều, mà những sự bị tỏa-triết bị hủy-nhục càng lắm ; 4° cái sinh-hoạt của loài người ta càng phát-siển thì cảm-tình chung càng phát-đạt ; các loài động-vật khác thấy cùng loài đau khổ hay chết-tróc coi không động lòng mấy, loài người thấy cái người yêu của mình đau-đớn hay chết-tróc thì không khác gì chính thân xử cái cảnh ấy ; cho nên tri-thức càng rộng, khổ-thống càng nhiều, vì đã có cái khổ-thống đặc-biệt mà lại có cái khổ-thống phổ-thông vậy.

Lý-luận như thế, không phải không hợp sự thực, nhưng mà sở-kiến cũng vẫn quá thiên. 1° Nói rằng loài người theo cái sinh-hoạt phát-đạt mà nhu-yếu thêm thì khổ-thống cũng thêm. Ôi ! nhu-yếu thêm lên thì sự tác-dụng làm cho mãn-túc những cái nhu-yếu cũng thêm lên, người ta nhân thế mà động-tác càng ngày càng phức-tạp, phát-siển được hết cái năng-lực rất vĩ-đại của mình, mà cái khoái-cảm cũng theo mà thêm mạnh vậy. — 2° Nói rằng loài người nhân dự biết cái khổ-thống tương-lai mà sinh lòng lo sợ, thì khổ-thống càng thêm. Ôi ! nếu lo sợ chỉ là lo sợ, thì thật người ta không thể nao kham, nhưng mà mỗi một cái lo sợ có một cái hi-vọng dự-kỳ ; thật ra thì trong cảm-tình người ta, nhân lo sợ mà được có hi-vọng, vẫn không có cái gì gọi là khổ-thống thật cả ; đến cái tính ký-ức của người ta thì lại gây nên khoái-cảm cho người ta nhiều lắm : người ta gặp những sự khổ-thống, lúc qua khỏi rồi thường nhớ lại, thì chỉ thấy cảm cái sướng qua khỏi lúc khổ-thống mà không thấy cảm cái khổ đương lúc khổ-thống ; cái ký-ức nó lau hết cái ngấn-tích khổ-thống mà chỉ để lại cái bản in khoái-lạc cho người ta vậy. — 3° Nói rằng cái mình trong lý-tưởng phải cái khổ-thống chịu tỏa-triết chịu hủy-nhục nhiều. Vậy thì những lúc cạnh-tranh được thắng-lợi, nhân được thấy cái thành-công hiển-hách, hưởng cái danh-dự hoàn-toàn mà được khoái-lạc, cũng thừa đủ bù cái khổ-thống kia ; nếu không khó nhọc gì mà được, thì còn sướng gì nữa ; vả cái mình trong lý-tưởng tuy có chịu tổn-thương, mà người ta đã sẵn có cái thuốc hay chữa trị : càng bị tỏa-triết bị hủy-nhục, càng khiến người ta biết phấn-miễn căng-trì, mà hãy biết phấn-miễn căng-trì, tức là chữa hết cái bịnh khổ-thống ấy được. — 4° Nói rằng vì cái cảm-tình chung bị khổ-thống lây với người khác. Vậy thì cái sướng lây với người khác trong khi được hạnh-phúc, cũng thừa đủ bù với cái khổ-thống kia. Lời ngạn-ngữ Tây có câu : « Khổ lây cho người ta, khổ có phần nửa ; sướng lây đến người ta, sướng tới gấp hai. » Chỉ vì loài người ta có cái cảm-tình chung, mà bao giờ phần sướng cũng được nhiều hơn phần khổ vậy.

Ông Rousseau lấy cái phương-diện đạo-đức mà xem xét lịch-sử, cho là cái trạng-thái loài người ta lúc nguyên-thủy có đức mà không tội, tự văn-minh tiến-bộ, mà kiêu-bạc lần-lần. Ông làm bài văn thưởng ở trường đại-học Dijon, bàn về cái nguyên-nhân loài người không bình-đẳng nói cái nguyên-nhân trực-tiếp làm cho đạo-đức trong xã-hội đồi-phế là tại cái giai-cấp trong xã-hội phát-đạt, lược rằng : « Văn-minh tiến-bộ mà sinh ra khu-biệt nghèo với giàu, sang với hèn, chủ với tớ ; tính người vốn thiện, dần nhiễm phải cái tiến-hóa bất-lương : một đằng khiến cho những người giàu, người sang, người chủ có cái nết ngạo-mạn kiêu-xỉ tàn-ngược ; một đằng khiến cho những người nghèo, người hèn, người tớ có cái thói khiếp-nọa ti-khuất hư-ngụy. Đến cả sự-vật lần-lần có cái khuynh-hướng trái với thực-giá tự-nhiên ; thực-giá tự-nhiên của sự-vật, vốn theo cái mực thực-

tế nhu-yếu [1] mà sinh, ở cái xã-hội văn-minh, thì lại lấy cái giá-trị tiện-nghi thay cái giá-trị nhu-yếu; như vàng bạc châu ngọc, cứ cái giá-trị nhu-yếu thì chỉ để cung làm đồ trang-sức thôi, không lấy gì làm qui cho lắm, tự xã-hội đặt ra cái giá-trị tiện-nghi, lấy nó làm cái tiêu-chuẩn giàu sang, mới thành ra có cái giá-trị qui nhất. Tri-thức cũng vậy, ở cái xã-hội văn-minh, cái tri-thức mà tỏ rệt ra đời, phần nhiều không phải cái tri-thức thực-tế nhu-yếu; cái tri-thức thực-tế nhu-yếu của người ta là cần-thận với thuần-phác, mà cái tri-thức văn-minh thì thường tương-phản cả, đoạt cái đạo-đức căn-bản của xã-hội, lấy những cái phù-hoa hư-ngụy thế vào.» Trong quyển «Dân-ước-luận» (*Contrat social*) của ông lại có câu:

« Người ta bây giờ chỉ có cái danh-dự bất-đức, cái lý-tính bất-thận, cái khoái-lạc hạnh-phúc giả mà thôi. »

Nói thế vẫn cũng có cớ, nhưng cũng không khỏi thiên-khích. Do văn-minh tiến-bộ mà sinh các cái ác-đức mới, thực cũng không khỏi, nhưng sinh ra các cái mĩ-đức mới cũng nhiều; một đằng thì những người giàu, người sang, người chủ sinh ra được cái đức dũng-cảm, đại-độ, thẩm-thận, uy-nghiêm; một đằng thì những người nghèo, người hèn, người tớ sinh ra được cái đức thành-thực, tiết-kiệm, cần-cù, trung-chính; phàm người ta bất-kỳ ở cái địa-vị nào trong xã-hội, nếu thích-hợp với cái năng-lực trời phú cho mình, thì theo làm chức-nghiệp của mình, đặc-tính của mình càng dễ phát-đạt lắm, ấy đều nên nhận làm cái quan-hệ cho hạnh-phúc của đời người vậy. Đến như sự-vật, ở xã-hội văn-minh cũng không phải là không có cái giá-trị nhu-yếu, mà có lẽ còn nhu-yếu hơn nữa; như những thứ phát-minh bởi khoa-học và nghệ-thuật, những đồ chế-tạo truyền-vận bởi nghề công và nghề thương, nói về thực-tế nhu-yếu, lại không có giá-trị hay sao? Còn cái tri-thức thực-tế nhu-yếu của người ta, cũng theo cái xã-hội văn-minh mà thêm rộng thêm đủ; không tin thử trực-tiếp giao-tế với những thổ-dân ở Mỹ-châu và ở Nam-dương-quần-đảo, thì quyết không thấy được người giã-man nào là thuần-phác cẩn-thận, mà thấy hư-ngụy, thô-bỉ, vô-tiết, lợi-kỷ lại là cái đặc-sắc loài người lúc nguyên-thủy vậy.

V

Nói rút lại, phàm những cái căn-cứ về lý-luận cái chủ-nghĩa chán đời, đều tưởng đời người có thực-hiện được cái chung-cục tuyệt-đối hạnh-phúc, tuyệt-đối hoàn-toàn, thì đời người mới có giá-trị; ấy lầm vì thế cả. Đã gọi là chung-cục, thì trong khoảng đời này qua đời khác chưa có thể mong được; mà nếu thế-giới là cái thế-giới tuyệt-đối hạnh-phúc, tuyệt-đối hoàn-toàn, thì còn sinh người ta ra để làm gì nữa; cho nên cái giá-trị đời người, không phải tại cái chung-cục kia mà chính tại cái sinh-hoạt đặc-biệt trong đời người ấy; mỗi một đời người có một cái sinh-hoạt đặc-biệt, tức có một cái giá-trị riêng, như cái sung-sướng của người ta hồi đồng-ấu với hồi thanh-niên, vốn không phải đợi tới được hồi trưởng-thành mới có cái sung-sướng ấy. Cái đời người ta không phải chỉ là một cái bực thang bước tới chỗ chung-cục, mà lại lấy thỏa được cái sinh-hoạt đặc-biệt một đời làm cái giá-trị riêng từng đời: tới chỗ chung-cục là cái giá-trị chung của cả cái lịch-sử loài người, mà bước được một bước thang tức là cái giá-trị riêng của đời người ấy. Đời người ta đã có cái giá-trị chung về cả lịch-sử loài người,

(1) Thực-tế nhu-yếu 產際需要, là cái gì cần cốt thiết thực tất phải có mới được.

lại có cái giá-trị riêng về một đời mình ; ví như coi tuồng, trong một bản tuồng mấy mươi tấn, không phải là tách từng mảnh một, vẫn có một cái chủ-não, liên-lạc tấn trước với tấn sau mà thấy hay, nhưng mỗi tấn lại có mỗi cái hay riêng, chưa thấy ai nói trong một bản tuồng, coi từng tấn không thấy hay, phải đợi hát hết các tấn mới có chỗ hay vỗ tay được. Người ta ở trong cái cuộc tuồng đời, nhận-định cái giá-trị chung cả lịch-sử loài người mà hưởng lấy cái giá-trị riêng của một đời mình, không việc gì đến nỗi chán mà cũng không lẽ nào nên chán.

TÙNG-NHAM *dịch-thuật*

NƯỚC THỔ-NHĨ-KỲ (Turquie)
SAU CUỘC ĐẠI-CHIẾN-TRANH

1 — *Lịch-sử nước Thổ-nhĩ-kỳ*

Người Thổ-nhĩ-kỳ là một giống người Mông-cổ. Từ xưa vẫn quấy-nhiễu phía bắc nước Tàu ; gọi là Huân-dục, Hiềm-doãn, Hung-nô cũng thuộc về giống người đó cả. Lúc đời Tùy, Đường mới gọi là Đột-quyết ; tên Tây gọi là Turquie tức là chuyển-âm của hai chữ Đột-quyết đấy. Cuối đời Hậu-Ngụy mới giao-thông với nước Tàu ; sau mạnh lớn dần, đánh vỡ Khiết-đan, mở rộng cõi đất, đông từ Liêu-hà, tây đến Thanh-hải, nam cùng Mạc-bắc, chiếm được cái lãnh-thổ một muôn dặm bề rộng, năm ngàn dặm bề dài. Lúc đời Đường quấy-nhiễu nước Tàu luôn ; từ khi tách làm hai bộ : Đột-quyết đông, Đột-quyết tây, tranh đánh lẫn nhau, thế-lực dần yếu, bị nước Tàu và các giống khác xâm-lăng, ở tản ra bốn phương, một chi vào Trung-ương Á-tế-á (Asie centrale), thừa lúc những nước theo giáo Hồi đương suy, lập thành triều-đình tại đó, cho đến lúc bị chúa Nguyên Thành-cát-tư-hãn (Gengiskhan) đánh đuổi thì mất.

Thành-cát-tư-hãn nổi lên, người Thổ-nhĩ-kỳ ở Trung-ương Á-tế-á bị giày đạp tan-tành cả ; có người tù-trưởng tên Tư-lại-man đem một toán người đi, lần-hồi lập nước tại Tiểu-Á tế-á (Asie Mineure) ; từ cuối thế-kỷ thứ mười ba đến đầu thế-kỷ thứ mười bốn, lấn vào lãnh-thổ của Đông-La-mã-đế-quốc (Empire romain d'Orient). Sau đến đầu thế-kỷ thứ mười lăm, chúa Mãn-châu Thiếp-mộc-nhi đắc-thế, theo lời xin của vua nước Đông-La-mã, đánh người Thổ-nhĩ-kỳ ; người Thổ-nhĩ-kỳ lại bị thua xút một hồi ấy. Thiếp-mộc-nhĩ đã chết, thế-lực người Thổ-nhĩ-kỳ lại lên ; ngay lúc ấy rồi lấn vào Âu-châu mà có cái trận vây Constantinople. Trận ấy, người Thổ-nhĩ-kỳ đã đúc được đại-bác khẩu-kính cực to, có được mười hai vạn bộ-binh, hai vạn kỵ-binh, ba trăm hai mươi chiếc quân-hạm vừa lớn vừa nhỏ, đánh kéo dài mãi được, cho đến tháng năm năm 1453 thì lấy được Constantinople, mà dựng nên được đế-quốc Âu-châu-Thổ-nhĩ-kỳ.

2 — *Cái nguyên-nhân nước Thổ-nhĩ-kỳ suy-yếu*

Thổ-nhĩ-kỳ sau khi dựng nước ba bốn trăm năm, thế nước một ngày một xuống, đến thế-kỷ trước bèn hãm vào cái địa-vị nguy-vong ; nguyên-nhân tại làm sao vậy ? Vì lúc ấy các

nước Âu-châu nhân Văn-nghệ-phục-hưng (Renaissance) mà cái cơ-sở học-vấn kỹ-thuật lập được vững-vàng, nhân Tôn-giáo-cải-cách (Réforme) mà tri-thức một ngày một mở-mang, nhân đi buôn biển mở đất mới mà giàu mạnh một ngày một tăng-tiến, sức nước đã phát-đạt đến tột bực, thế không tìm chỗ tiêu-tiết ra ngoài không được; mà chịu ngay cái giòng nước vỡ bờ chảy đương mạnh ấy chính là Thổ-nhĩ-kỳ. Nhưng nếu người Thổ-nhĩ-kỳ quả hay phấn-chấn tinh-thần, nội-trị ngoại-giao sửa-sang mọi việc cho đâu ra đấy cả, thời cũng chẳng khó gì mà đề-kháng cái sức áp-bách ở ngoài. Khốn vì người Thổ-nhĩ-kỳ tự trên đến dưới, cẩu-thả nhân-tuần, không lo bồ-cứu; mình làm mình chịu, phải khi không mà đến nỗi nước này đâu. Nay kể tóm lại cái nguyên-nhân của nước Thổ-nhĩ-kỳ suy yếu, ước có bốn điều :

1º Cái văn-minh của Thổ-nhĩ-kỳ cũng như cái văn-minh của các dân-tộc bên Á-châu, có một cái tính-chất đình-trệ không động, không theo thời-thế mà biến đổi được mau, lấy bài-dị [1] làm, hay lấy hiện-trạng làm đủ, đến nỗi tiến-hóa chậm-trễ, khác nào cái áo từ đời cựu-triều cho là bóng-bẩy đẹp-đẽ, đã đến ngày rách-rưới lam-lũ mà còn chưa biết thay.

2º Người Thổ-nhĩ-kỳ theo tôn-giáo Hồi-hồi, tuy giáo ấy vẫn không phải ác-liệt gì, mà nhân mê-tín quá thâm, đem chính-giáo hộn làm một, lấy kinh Khắc-lan (*Coran*) trong giáo-điển [2] làm cái hiến-pháp mưu quốc trị dân, vừa làm hoàng-đế vừa làm giáo-hoàng, cầm cái quyền tuyệt-đối cả hai đằng bên chính bên giáo, mà thi-hành cái độc-thủ chuyên-chế vô-cùng, thành ra lòng người ủy-mị, cái sức hoạt-động của cả-và người trong nước, tiêu-diệt không còn gì nữa.

3º Tức là cái chế-độ giáo Hồi cho một chồng nhiều vợ, tệ hại thật rất nhiều : đã khiến cho cái không-khí trong gia-đình ô-trọc không thanh, cái tinh-lực con người ta mòn mỏi yếu-ớt, mà lại vị cái cớ phải ôm nuôi một đống vợ, cái gánh-vác về đường sinh-kế nặng nhọc quá, không còn có tinh-lực dư rảnh mà lo tính được công kia việc này. Góp người thành nước, người suy yếu cả, nước lấy đâu mà cường-thịnh được.

4º Trong lãnh-địa của Thổ-nhĩ-kỳ, năm bảy thứ giống người, ba bốn thứ tôn-giáo, mà dân-tộc Thổ-nhĩ-kỳ với Hồi-giáo thời chiếm cái thế-lực trung-tâm ; các giống người khác, các tôn-giáo khác thường bị người Thổ-nhĩ-kỳ ngược-đãi, chưa hề tâm-phục, chỉ chịu khuất ở dưới võ-lực người Thổ-nhĩ-kỳ, được tạm-thời thống-nhất ; nhưng vẫn có ý thừa-cơ phản-kháng ; người các nước cũng nhân thế mà sinh bụng ròm-hành.

Bốn điều ấy là cái nguyên-nhân nước Thổ-nhĩ-kỳ suy yếu vậy.

3 — *Nước Thổ-nhĩ-kỳ chịu ép với nước Nga*

Nước Thổ-nhĩ-kỳ bước vào vận bĩ bắt-đầu từ cuối thế-kỷ thứ mười-bẩy thất-bại cái trận đánh ở Vienne ; đến thế-kỷ thứ mười-tám bị thua với nước Áo (Autriche) luôn, lãnh-thổ khi xưa vào bản-đồ Hung-gia-lợi (Hongrie) gần hết. Giữa lúc vua Bỉ-đắc nước Nga đương định cái kế-hoạch tìm cho được có cửa biển, một mặt chú-mục vào cái biển Ba-la-đích (Baltique), đánh nhau với Thụy-điển

(1) Bài-dị 排異, là bài-sích những cái khác với mình.

(2) Giáo-điển 教典, là những kinh điển thuộc về tôn-giáo.

(Suède), một mặt chú-mục vào Hắc-hải (Mer noire), đánh nhau với Thổ-nhĩ kỳ ; cái kế-hoạch ấy đến cuối thế-kỷ thứ mười-tám hoàn-toàn thành công, Nga cướp được của Thổ-nhĩ-kỳ một miếng lãnh-thổ thật to ở phía bắc Hắc-hải. Tuy-vậy, đến thế-kỷ thứ mười chín, Thổ-nhĩ-kỳ vẫn đứng vào cái địa-vị một nước lớn trong Âu-châu ; đương lúc đầu thế-kỷ thứ mười-chín, lãnh-thổ của Thổ-nhĩ-kỳ, ở Âu-châu, trừ ngoài toàn-bộ cái bán-đảo Ba-nhĩ-cán (Balkans) còn có tỉnh Moldavie, tỉnh Malachie, ở Phi-châu có một giải đất từ Ai-cập (Egypte) đến Ma-lạc-kha (Maroc) ven bờ phía nam Địa-trung-hải (Méditerranée), ở Á-châu có đất Tiểu-Á-tế-á, đất Syrie, đất Mésopotamie và giữ quyền bảo-hộ toàn-bộ nước Arabie, cũng chưa phải là một nước nhỏ yếu gì. Đều không bao lâu xảy ra có trận đánh « Hi-lạp độc-lập », Thổ-nhĩ-kỳ phải địch với ba nước : Pháp, Anh, Nga, rút cục bị thua với Nga, chịu ký tờ điều-ước tại Adria, thừa-nhận nước Hi-lạp độc-lập, cắt bờ phía đông Hắc-hải và miếng đất kề cửa sông Danube cho nước Nga ; sau đến Ai-cập cũng khởi lên đánh với Thổ-nhĩ-kỳ, các nước Âu-châu can-thiệp vào, thành ra Ai-cập với Thổ-nhĩ-kỳ từ đấy thoát-ly quan-hệ [1]. Nhân mất Hi-lạp với Ai-cập mà thế-lực Thổ-nhĩ-kỳ trụy-lạc hết không còn chút gì ; gia-dĩ cái điều-ước chịu khuất với nước Nga, lại mở đường cho nước Nga một ngày một ép tới. Ấy cái tình-hình nước Thổ-nhĩ-kỳ suy-bại trong thế-kỷ mới rồi như vậy.

4 — *Nga, Anh, Đức cạnh-tranh nhau về việc Thổ-nhĩ-kỳ*

Người Nga hoạt-động ở Thổ-nhĩ-kỳ, người Anh ra đầu đối-kháng, kế đến người Đức, mà Thổ-nhĩ-kỳ thành là một con hươu ba nước đuổi chung. Trong đó nhân-quả rất là phức-tạp, lược thuật ra như sau này.

Nước Nga từ xưa đến giờ, tối khổ là thiếu cửa biển ; đến đời vua Bỉ-đắc mới chỉ có cái cửa-biển Arkhangel mà thôi. Cho nên vua Bỉ-đắc phải đánh nhau với Thụy-điển cùng Thổ-nhĩ-kỳ, lấy được biển Ba-la-đích và Hắc-hải, nhưng xét trong địa-đồ, biển Ba-la-đích và Hắc-Hải cách hẳng-lộ chung của thế-giới ở Đại-tây-dương (Océan Atlantique) và Địa-trung-hải còn xa ; nước Nga mưu sự xâm-lược cùng sự thông-thương, vẫn không được tự-do lắm. Vậy mà muốn tiến sang phía bắc để mở cái đường biển về Đại-tây-dương và Địa-trung-hải, không thể nào làm được, chỉ cướp của Thổ-nhĩ-kỳ những chỗ đất men bờ biển Marmara là chỗ liên-lạc Hắc-hải với Địa-trung-hải, may còn có thể được. Cái dã-tâm người Nga với Thổ-nhĩ-kỳ là thế. Còn người Anh thời tự ba trăm năm nay, có được lãnh-thổ to nhất trong thế-giới, mà Ấn-độ lại là cái kho báu hơn cả trong các lãnh-thổ Anh ; đương lúc sông Suez chưa thông, chỗ giao-giới châu Âu, châu Á, châu Phi, con đường bộ Anh với Ấn-độ giao-thông, nếu có miếng đất nào vào tay một nước mạnh trong Âu-châu, thời nước Anh phải bị khốn ngay lập-tức. Cho nên người Anh đối với sự ông Nã-phá-luân kinh-doanh xứ Ai-cập, phải hết sức cự lại cho được ; đến trận Hi-lạp độc-lập, lại cùng với Nga hiệp một ý mà cố áp-bách Thổ-nhĩ-kỳ. Từ lúc Nga Thổ đánh nhau, người Anh ròm thấy dã-tâm người Nga, có cái thế nuốt tươi Constantinople, sợ người Nga quấp được Thổ-nhĩ-kỳ vào

(1) Thoát-ly-quan-hệ 脫離關係, nghĩa là lìa hẳn nhau ra, không quan-hệ gì với nhau nữa.

trong tay, dương võ-dực ra Địa-trung-hải, để ngăn cản cái đường Anh với Ấn-độ giao-thông ; vì thế đối ngay phương-châm, giúp người Thổ để chèn người Nga, chủ-ý chỉ không muốn cho Nga có thế-lực ở Thổ-nhĩ-kỳ mà làm hậu-hoạn cho Ấn-độ. Đến lúc sông Suez đã thông, thành con đường rất mau từ Anh sang Ấn-độ, Anh đối với Thổ-nhĩ kỳ, Ai-cập mấy nước ấy lại càng chú-ý nhiều.

Về việc Thổ-nhĩ-kỳ, Anh Nga đối-kháng nhau lâu lắm ; trong đó như trận đánh Crimée, như hội-nghị Berlin, là chỗ hai bên đấu-trí nhau hơn cả. Cái kịch cạnh-tranh ấy sau lại đổi ra tấn khác : người Nga không trực-tiếp áp-bách Thổ-nhĩ-kỳ nữa, cái mục-tiêu quay về một bộ-phận trong các nước Ba-nhĩ-cán mà chú-trọng nhất là nước Bulgarie. Lúc ấy Áo lại thay Anh mà đối-lũy với Nga, mà thao-túng ở sau lưng người Áo là người Đức. Cái kịch cạnh-tranh ấy mãi cho đến trận đại chiến-tranh này. Còn cái quan-hệ Nga với Anh ở Thổ-nhĩ-kỳ, từ sau khi hội-nghị Berlin, tình-thế cũng biến hẳn ; Nga không trực-tiếp kinh-doanh Constantinople và biển Marmara ; Anh cũng không phải quan-tâm đến cái vấn-đề ấy nữa ; gia-dĩ Nga từ lúc ấy dần chú-ý về mặt Viễn-đông (Extrême-Orient), hết sức kinh-doanh ở Perse và Trung-ương-Á-tế-á, (Asie Centrale) mục-đích chuyên vào cái cửa biển Perse. Cuộc cạnh-tranh hai nước bên do Cận-đông mà rời sang Viễn-đông. Sau khi nước Nhật nước Tàu đánh nhau, người Nga cử-động ở Viễn-đông rất là hăng-hái, đối với nước Tàu là nước lợi hại quan-hệ với Anh nhiều nhất, áp-bách dữ quá ; cho nên người Anh phải xuất toàn-lực để đối-kháng với Nga về mặt Viễn-đông, trận Nhật Nga đánh nhau, tức là cái kết-quả sự Anh Nhật đồng-minh vậy. Đến khi cái hiệp-ước Anh Nga thành-lập, mà cái quan-hệ Anh với Nga lại khác hẳn trước ; cái kịch ngoại-giao trên đài múa Âu-châu sinh ra một cuộc biến-động cực to.

Nước Anh sở-dĩ chú-trọng về việc Thổ-nhĩ-kỳ, chỉ vì Ấn-độ ; đến lúc hiệp-ước Anh Nga thành-lập, Anh, Pháp, Nga ba nước liên-hợp, mà cái điều-ước Anh Nhật đồng-minh cũng cải-chánh lại, Nhật lãnh cái phần việc phòng-bị Ấn-độ cho Anh, Anh từ đấy không phải lo đến Ấn-độ nữa, mà cái sự Nga phản Anh để mưu tư-lợi ở Thổ-nhĩ-kỳ, Anh cũng không ngại gì nữa ; Anh đối với Thổ-nhĩ-kỳ sau này lãnh-đạm là bởi thế. Vả lại Anh lúc ấy đối với Ai-cập và Bắc-Phi-châu, kinh-doanh đương gấp, có dư-lực đâu mà tính tới Thổ-nhĩ-kỳ.

Sau Nhật Nga giảng-hòa một năm, Thổ-nhĩ-kỳ phát-sinh việc ngược-sát dân-tộc Arménie ; năm sau lại phát-sinh việc Hi-lạp cùng Thổ-nhĩ-kỳ chiến-tranh ; kết-quả trận đánh ấy, Thổ-nhĩ-kỳ chiếm được thắng-lợi, nguyên-nhân tự người Đức giúp sức nhiều. Vì không những lục-quân Thổ-nhĩ-kỳ đã chịu quân-quan người Đức huấn-luyện, người Đức lại ngơ cho quân mình gia-nhập chiến-tranh. Đài múa ở Thổ-nhĩ-kỳ có người Đức ra trò, đầu tự trận ấy ; tuy hơn mười năm trước, thế-lực người Đức đã ngầm-ngấm ở Thổ-nhĩ-kỳ, vị Thổ-nhĩ-kỳ cải-lương lục-quân : nhưng đứng chân được vào con đường sắt ở Tiểu-Á-tế-á (Asie mineure) thực lấy trận ấy làm bước đầu. Trận ấy rồi, năm thứ vua Đức cùng hoàng-hậu, thủ-tướng, ngoại-tướng sang chơi Constantinople thăm vua Thổ-nhĩ-kỳ ; từ đấy về sau, nước Đức cùng nước Thổ quan-hệ càng thân-mật ; vả lại nhân chuyến đi ấy, mới quyết-định cái kế-hoạch con đường sắt ở Tiểu-Á-tế-á (Chemin de fer de Bagdad) nối dài con đường sắt Adriatique của người Đức làm trước cho

chạy suốt được đến biển Perse. Sự ấy là một sự sét đánh ngang đầu cho người Anh, cực chẳng đã Anh phải đem hết cái mưu-lự ngày trước phòng Nga quay ra phòng Đức ; vì sợ con đường sắt ấy chạy suốt được đến biển Perse, thời sự an-toàn ở Ấn-độ của Anh có phương-ngại lớn ; cho nên sự đặt con đường sắt ở Tiểu-Á-tế-Á thành cái vấn-đề lớn Anh với Đức chống-chọi nhau về sau.

Người Đức với người Thổ quan-hệ một ngày một thân-mật, năm 1908 Thổ-nhĩ-kỳ cách-mệnh, tuy khiến cho cái chánh-sách người Đức, xưa nay vẫn kết-hoan với vua Thổ, có hơi khốn-nạn một hồi, nhưng mà những người chủ-động trong bọn cách-mệnh tinh là những tân-quân từng chịu người Đức huấn-luyện, mà đảng thanh-niên Thổ-nhĩ-kỳ lại giao-hiếu với người Đức lắm ; cho nên trận cách-mạnh ấy càng làm cho người Đức với người Thổ quan-hệ càng thân-mật hơn. Kết-cục trận cách-mệnh ấy, một đằng làm trương-bản cho nước Bulgarie lìa nước Thổ mà độc-lập, một đằng làm tuyến-dẫn cho hai châu Ba Hách (Bosnie Herzégovine) tinh-hợp vào nước Áo, Thổ-nhĩ-kỳ đồng-thời mất cái quyền tôn-chủ cả hai đằng. Về sự Bulgarie độc-lập, người Thổ tuy lấy cái lý-do trái với điều-ước hội-nghị Berlin tố-cáo với liệt-cường ; nhưng liệt-cường đều cho là cái động-cơ độc-lập của người Bulgarie súc-tích đã lâu, không thể át-ức được, bèn một loạt thừa-nhận nước Bulgarie độc-lập. Về việc hai châu Ba Hách tinh-hợp vào nước Áo, gần thành một cuộc nguy-hiểm cho Âu-châu ngay từ bấy-giờ, mãi đến trận đại-chiến-tranh này, kể cái viễn-nhân cũng từ đấy. Người Đức đối với việc ấy, xử-trí rất là khôn-ngoan, khiến cho cái giao-tình Đức, Áo với Thổ-nhĩ-kỳ không nhân thế mà kém bớt. Nga với Áo xưa nay vẫn có ác-cảm với nhau về cái vấn-đề Balkans, đến khi ấy hình-thế càng thêm bách-thiết lắm. Đức cố bênh Áo mà dè Nga, may giữ khỏi được chiến-họa. Sau hai năm, nhân nước Ý-đại-lợi có cái dã-tâm muốn đặt hai miếng thuộc-địa Phi-châu của Thổ, phát-sinh việc Ý với Thổ đánh nhau ; Các nước Balkans thừa lúc Thổ-nhĩ-kỳ đa-sự, liền khởi lên phản-kháng với Thổ ; kết-cục trận ấy, Thổ đã mất cái thuộc-địa Phi-châu, mà một phần lớn địa-vực Âu-châu cũng bị chia sẻ hết. Thổ-nhĩ-kỳ từ đấy thành một nước ốm (*l'homme malade*), cho đến trận đại-chiến-tranh này.

5 — *Cái nhân-duyên ác người Đức với người Thổ*

Thổ-nhĩ-kỳ theo phe với người Đức trong trận đại chiến-tranh này, là vì cái cớ lúc bình-nhật vẫn thân Đức, sẵn lòng tin người Đức thế nào cũng được ; cho nên không quản hi-sinh cả nước để kết-hiếu với Đức. Nguyên người Đức trong khoảng từ năm 1883 đến năm 1895, phái những quân-quan thật giỏi gắng hết sức vị Thổ-nhĩ-kỳ chỉnh-đốn lại lục-quân, và đem những đại-bác, quân-hạm cùng các thứ đồ binh cung-cấp cho Thổ. Về đường buôn-bán cũng cố mưu tiến-bộ để cùng đua đuổi với Pháp, Anh, Nga : năm 1898 (năm vua Đức sang chơi Thổ), số tiền hàng-hóa nước Anh mậu-dịch với nước Thổ 10.280.000 boong (*pounds*), mà số tiền hàng-hóa nước Đức mậu-dịch với nước Thổ mới được có 436.000 boong, đến năm 1911, nước Anh sút xuống chỉ còn 9.729.000 boong, mà nước Đức tăng lên đến 5.365.000 boong, có thể theo kịp được nước Anh. Ấy cũng bởi người Thổ-nhĩ-kỳ tin người Đức quá thâm, thành ra trong chỗ không biết không hay, bị người Đức chỉ-huy hết cả mọi cái ; vua Thổ đã là vật trong túi của người Đức, mà cái

bọn tân-nhân-vật Thổ cũng sùng-bái người Đức như thánh thần ; Thổ-nhĩ-kỳ thành một đứa đầy-tớ ngu-thành với người Đức vậy.

Về việc Ý-đại-lợi đánh nhau với Thổ, Đức là nước Đồng-minh với Ý, mà không điều-đình được cho yên ; lại về việc Balkans chiến-tranh, quân-đội của người Đức luyện cho Thổ-nhĩ-kỳ bị thua với các nước nhỏ ; hai việc ấy người Đức có hơi mất tín-dụng với Thổ-nhĩ-kỳ. Đều người Đức thật giỏi di-phùng, khéo thừa thời-cơ để kết-nạp với người Thổ ; Thổ đương sau khi chiến-tranh ấy, tài-chính khốn-nạn quá, cầu tá-khoản ở Pháp, người Pháp yêu-cầu giám-đốc tài-chính ; Đức liền hứng lấy nhận cho Thổ vay. Việc ấy người Thổ lấy làm cảm-kích lắm ; cho nên cái nhân-duyên ác người Đức với người Thổ lại cố-kết như xưa. Sau đó Hoàng-thái-tử Thổ lại sang Đức chơi, người Đức hoan-nghênh một cách đặc-biệt ; Thổ-nhĩ-kỳ lại đón quân-quan Đức huấn-luyện lục-binh ; mà cái nhân-duyên ác ấy càng thêm thân-mật vậy.

6 — *Thổ-nhĩ-kỳ gia-nhập chiến-đoàn*

Đương khoảng năm 1914, mới bắt-đầu trận đại-chiến-tranh này, Thổ-nhĩ-kỳ cùng Bulgarie còn đứng địa-vị trung-lập cả ; nhưng ai cũng đã biết chắc Thổ-nhĩ-kỳ sớm muộn thế nào cũng theo phe với người Đức ; vì cái nhân-duyên ác người Đức với người Thổ, lúc ấy thân-mật đã tới cực-điểm ; vả lại những quân-binh lớn ở nước Thổ lúc ấy đã có người Đức phần nhiều, cái thực-quyền quân-sự của Thổ-nhĩ-kỳ toàn về tay người Đức cả. Hai bên khai-chiến không bao lâu, có hai chiếc chiến-hạm của Đức ở Địa-trung-hải, bị hạm-đội Anh, Pháp đuổi, trốn vào eo biển Dardanelles ; Anh, Pháp viện cái lệ quân-hạm nước giao-chiến không được đi qua eo biển nước trung-lập, yêu-cầu Thổ-nhĩ-kỳ phải bắt bỏ võ-trang (*désarmer*) hai chiếc quân-hạm ấy và câu-lưu những thủ ền-viên ; Thổ-nhĩ-kỳ lấy lẽ hai chiếc quân-hạm ấy trước khi chưa vào đấy đã bán cho Thổ-nhĩ-kỳ, không chịu theo lời yêu-cầu của Anh, Pháp. Từ đấy Thổ tuy tiếng nói trung-lập, nhưng vẫn do người Đức chuyên vận lính-tráng và đồ quân-nhu. Đến cuối tháng mười, chiếc tàu buôn của người Pháp bị đánh đắm ở bán-đảo Crimée, chiến-hỏa ở Thổ-nhĩ-kỳ bật ngòi ra không thể hãm lại được nữa. Trước khi ấy các nước Đồng-minh đã cùng Thổ-nhĩ-kỳ giao-thiệp, yêu-cầu người Thổ đừng giúp Đức thì xin đoan-nhận bảo-toàn lãnh-thổ cho. Người Thổ không nghe các nước Đồng-minh, trở lại đi kết điều-ước « công-thủ đồng-minh » [1] với người Đức, hình như ăn phải bùa mê của người Đức. Cái ngu người Thổ cũng đáng thương thay !

7 — *Thổ-nhĩ-kỳ khuất-phục*

Trong bốn năm trời chiến-tranh, quân-đội Thổ-nhĩ-kỳ giúp cho người Đức về mặt Balkans thật là tận lực. Nhưng vì chiến-họa man-diên, lương-thực khí-giới, người Thổ chỉ chắc có người Đức làm cọc, mà khi ấy người Đức đã tài cùng lực quệ, tự cứu không xong, về tài-chính, về quân-sự, đều không thể viện-trợ cho Thổ được nữa ; quân Đồng-minh chiếm được mấy chỗ yếu-hại, quân-đội của Thổ tiến thoái, lại không được tự-do như buổi đầu. Đến hạ-tuần tháng chín năm 1918, quân Thổ ở mặt Palestine và mặt Mésopotamie, cả

(1) 攻守同盟 nghĩa là giao-ước với nhau đánh cùng đánh, giữ cùng giữ.

hai mặt đều thua lụn-bại hết : trận Palestine, mười bốn sư-đoàn Thổ quá nửa làm tù-binh Anh, hạ-tuần tháng mười, quân Anh từ Palestine đánh vào, chiếm được chỗ giáp mối hai con đường xe hỏa Mésopotamie và Syrie. Và nước Thổ-nhĩ-kỳ lúc ấy, không những thất-bại về quân-sự mà thôi : trong nước vật-sản thiếu-thốn, sinh-kế cùng-quẫn đã tới cực-điểm ; cho nên toàn nước từ trên chí dưới nhôn-nhao ta-oán, có cái thế ngập-ngập không chịu được lấy một ngày ; vì thế cái hi-vọng muốn được đan-độc giảng-hòa (*paix séparée*), đã thành một cái mãnh-trào trong chính-giới. Gia-dĩ cái mặt nạ nguy-vong của các nước liên-minh với Thổ đã không thể bưng-bịt được nữa, mà sắp chết đến sau lưng : từ tháng bảy năm 1918 sắp sau, quân Đồng-minh đánh ở mặt trận tây, đến khoảng tháng tám tháng chín thời thu công toàn thắng ; quân Đức không sao lấy được thế công, nước Áo cùng chẳng đã chịu đề-nghị trong chiến-đoàn muốn giao-hoán ý-kiến với nhau về sự bình-hòa khôi-phục ; nước Bulgarie lực kiệt, đầu xin đình-chiến với các nước Đồng-minh ; Thổ cũng đến mười-bốn tháng mười ai-khất tổng-thống Hoa-kỳ xin đình-chiến : mười-ba tháng mười-một, quân Đồng-minh bèn chiếm-lãnh kinh-đô Thổ-nhĩ-kỳ.

8 — *Tội-trạng người Thổ-nhĩ-kỳ*

Cái nhân-duyên ác người Đức với người Thổ làm cho người Thổ mắc vào cái cảnh thảm-hại ngày nay. Bây-giờ chiến-cục đã xong, người Thổ ở trong hội-nghị giảng-hòa, đành chịu như người tội đứng giữa pháp-đình, cúi đầu mà nghe tuyên án, coi tình-trạng cũng là đáng thương. Tuy vậy, người Thổ gia-nhập chiến-đoàn, thật có nhiều cái tội-trạng đáng trách : 1º Thổ với Đức Áo vẫn không có cái quan-hệ công-thủ-đồng-minh, mà cũng không có cái lợi hại mật-thiết gì không lìa nhau ra được ; cho nên Thổ giúp Đức Áo là vô-danh. 2º Các nước Đồng-minh cùng với Thổ-nhĩ-kỳ không đều gì thù-khích ; chẳng những không thù-khích, lúc mới khai chiến, lại tỏ hảo-ý với Thổ-nhĩ-kỳ, hết sức bênh-vực cho Thổ-nhĩ-kỳ bảo-toàn lãnh-thổ ; Thổ-nhĩ-kỳ không lấy làm ơn, lại lấy làm oán, đối đãi người ta một cách cừu-địch, chẳng lạ lắm ru ? 3º Thổ-nhĩ-kỳ khi ấy chính-trị trong nước và chế-độ trong xã-hội điên-đảo rối loạn hết, lòng người hoán-tán, thế nước khuynh-nguy ; càng phải nên khiêm-ức cẩn-thận lắm, mong vận nước muôn một hoặc có thể vãn hồi ; trong cuộc chiến-tranh, nghiêm-thủ trung-lập, còn sợ tự-bảo không rồi, đại đâu có dại đút đầu vào tròng, đem tinh-mạnh tài-sản cả nước mình làm bung-xung cho người ta đưa đến chỗ chết. Ấy là cái tội-trạng Thổ-nhĩ-kỳ ở trong trận đại chiến-tranh này vậy.

9 — *Cái phương-pháp giải-quyết vận mạnh nước Thổ-nhĩ-kỳ*

Mấy chục năm nay, nước Thổ-nhĩ-kỳ cứ là cái ngòi phát hỏa cho những sự họa-loạn ở Âu-châu mãi ; một là vì kiêm-tính nhiều dân-tộc nhỏ, không có cái lực đoàn-kết về đàng tinh-thần, trong nước lúc nào cũng vẫn ngậm có cái hạt giống nhiễu-loạn ; hai là vì lãnh-thổ mông-mênh mà thế nước thì hèn yếu, chánh-trị thì hủ-bại, lại là cái đích chung của các nước cùng tranh ; cho nên từ xưa đến giờ, cái vấn-đề Balkans thành một cái vấn-đề rất nguy-hiểm. Trận đại-chiến-tranh này, Đức Áo đã trụy hết thế-lực, Thổ-nhĩ-kỳ lại tự-thủ diệt-vong, thật là cái cơ-hội tốt giải-quyết được cái vấn-đề khó-khăn ấy. Sau này xử-phân nước Thổ-nhĩ-kỳ, tất phải làm sao trừ tiệt cái mầm nhiễu-loạn trong các dân-tộc Balkans, lại làm sao rất hẳn cái mối

tranh-cạnh trong các cường-quốc Âu-châu, thì mới là hoàn-toàn chính-đáng.

Thuộc về việc ấy, ngày tháng Novembre năm 1917, quan Tổng-thống Uy-nhĩ-tốn (Wilson) mới đề-nghị giảng hòa, các nước Đồng-minh đã đáp lại nói : những dân-tộc nhỏ bị khổ về ngược-chính Thổ-nhĩ-kỳ nên giải-phóng hết, địa-vị nước Thổ-nhĩ-kỳ nên sích-trục ra khỏi ngoài Âu-châu ; nay hòa-cục đã thành, tuy những cái điều-kiện ấy chưa phát-biểu ra, nhưng mà cái cách xử-phân nước Thổ-nhĩ-kỳ tất lấy hai câu ấy làm căn-cứ ; vì có thế thì cái vấn-đề Balkans mới thật giải-quyết xong.

MỄ-NHÂN

TỐN-CỔ LỤC[1]

III

11 — Bài ký chơi núi Phật-tích

Ngày 12 tháng 3 năm bính-thìn, ta cùng với Nguyễn Nghiêu-Minh, Trần Vấn-Chi, Nguyễn Quế-Nham, Hoàng Hi-Đỗ, cùng lên chơi núi Phật-tích. Giờ mão từ đô-thành ra đi, đến trưa qua làng Kim-thìa, lên chơi gác chuông ở cạnh đường đó, ngảnh về mé tây trông lên núi Phật-tích thì sắc núi xanh-xanh đẹp biết chừng nào. Qua sông Đắc-sở [2] đến làng Thụy-khuê, vào chợ ở đền bà Nguyễn phu-nhân phủ Quốc-uy. Phu-nhân là em gái bà Thái-phi vợ chúa Minh, xuất gia đi tu, có tu-bổ lại cái chùa Thiên-phúc, khi mất người thổ-trước ở đó lập đền thờ, đền dựa bên sườn núi. Núi giáp giới hai làng : Thiên-phúc, Thụy-khuê, trong sử gọi là núi Thạch-thất, tục gọi là Sài-sơn (núi Thầy), là chỗ chứng-đạo chân-tu của ông Thiền-sư Từ Đạo-Hạnh thời nhà Lý.

Ở bên tả núi ấy có ngọn núi Hàm-long, nguy-nga cao ngất ; ao Long-trì bao bọc xung-quanh. Chính-điện chùa Thiên-phúc ở trên một cái gò, dựa lưng vào ngọn núi ấy mà trông xuống nước. Chùa ấy là tự ông Thiền-sư dựng ra, một gian hai hè, qui-chế rất cổ. Gian giữa thờ Phật, gian bên tả thờ tượng chân-thân ông Thiền-sư, gian bên hữu thờ ngự-dung vua Thần-tôn nhà Lý. Trước ngự-dung có bày đôi con tiên-hạc, và hai tượng lực-sĩ nước Chiêm-thành, chế ra từ năm Vĩnh-hựu (1735). Tương-truyền vua Thần-tôn triều Lê là hậu-thân vua Thần-tôn nhà Lý.

Hai bên cạnh chùa có bắc hai dịp cầu qua Long-trì : Bên tả gọi là *Nhật-tiên-kiều*, thông xuốt vào cái gò giữa ao có đền Tam-phủ. Bên hữu gọi là *Nguyệt-tiên-kiều*, bắc dựa vào cánh tay bên hữu núi. Giờ dậu lên đến chùa Thiên-phúc, người trụ-trì là Tịch-Khiết mới ngồi bàn truyện. Tịch-Khiết người làng Thiên-phúc, bàn nói rất phong-nhã. Giờ tuất lại trở về đền bà Phu-nhân. Sáng hôm sau cùng với Chân-túy-ông lên núi Hàm-long. Ông là con thứ ba bà Phu-nhân, đỗ hương-cống, nhập-tịch làng Thụy-khuê. Về mé bên tả núi chừng nửa dặm, có cái di-mộ vua Lý Nam-đế, và cái miếu thờ ở

(1) Xem bài trước (*Nam-Phong* n° 24, trang 493-502).

(2) Tục gọi là sông Giá.

trong làng, tục truyền là di-tích ông Lã-Gia. Nhưng sách « Thiên-nam-quốc-ngữ » chép rằng : « Chủng-mộ ông Lã-Gia ở vườn Trúc », biết chắc đâu là phải. Và xét trong sách sử, Tiền Nam-đế và Hậu Nam-đế đều là họ Lý, mà ông Lã-Gia là Thừa-tướng vua Triệu Ai-vương ; xem đó thì lời tục-truyền chưa chắc tin được. Vậy hẵng ghi lại đó để đợi người thức-giả. Đàng mé sau lưng núi có hai cái động : một cái gọi là hang *Bò*, trong hang có sản cả bò, một cái gọi là hang *Thần*, vua tiên-triều có ngự tới xem, sai kẻ nội-thần vào xem thì thấy có con rắn lớn, bèn trở ra. Giờ tị qua cầu Nguyệt-tiên, lần theo bậc đá trèo lên núi, bên sườn núi có cái bia, khắc bài thơ ngự-chế của chúa Trịnh. Chuyển lên vài bậc nữa, đến cái chùa Thiên-phúc riêng, là nơi ông Thiền-sư phần hương tụng niệm khi trước, người trụ-trì ở đó là kẻ nội-thần triều Lê, khi khách đến đem những thức sản-vật sơn-hào ra thiết-đãi. Trước cửa chùa độ ba bậc nữa gọi là vườn Trúc, nhưng bấy giờ không còn giồng trúc nữa, ở giữa có xây bốn cái tháp. Sau chùa là động Phật-tích, ngoài cửa đỗng bóng mặt trời cũng không tối lắm, bên tả thờ sơn-thần. Trên khe đá có mạch nước suối, từ trên núi chảy xuống, chỗ mạch nước chảy ra có cái vòi rồng, mùa hạ nước chảy rần, mùa đông thì cạn. Các bia đục vào sườn đá lớn nhỏ cũng nhiều, nét chữ đã mòn sứt cả, đều là bia từ đời Lê trung-hưng trở lại. Ở khoảng giữa vách đá cao vót, chừng độ hơn một trượng, có một cửa động ngoắt-nghoéo đi vào, gọi là hang *Các-cớ*, trong động ngang dọc ước một trượng, là nơi ông Thiền-sư giải thây ở đó, nay bãy còn vết đầu ở trên vách đá, vết chân ở dưới mặt đá, người ta thường lấy son xoa vào mà in lấy. Bên cạnh có tượng Thiền-sư ngồi. Khi ra có lưu-đề ngoài đỗng 11 chữ : « Bính-thìn qui-xuân, Tùng-niên-phủ huề-hữu đăng thử, 丙辰季春松年甫攜友登此 (1) ». Giờ ngọ lên chơi chợ Trời ở tận trên đỉnh núi, mây tạnh đầy trời, gió mát thoảng-thoảng, đá mọc chơm-chơm, có hòn như ghế dựa, có hòn như ghế ngồi, có hòn như cái lò, như chén rượu, thiên-công tự-nhiên bày đặt ra thực là tuyệt-sảo ; trên đỉnh núi phẳng lì. Còn những núi Phụng-hoàng, Qui-lâu, Mã-yên, Long-đầu, Hoa-phát, đều ở chung quanh củng-hướng. Ông Hoàng Hi-đỗ đốt lên một trăm cái pháo, kẻ tiểu-mục đều trông lên lấy làm quái-lạ. Rồi lại trở về động Phật-tích, Chân-túy-ông, Trần Vấn-chi hai người cùng đối-ẩm, có ba bốn con vượn leo trèo ở ngọn cây trên nóc chùa. Hi-Đỗ, Quế-Nham hai người vỗ tay cười, tiếng vang cả hang núi. Giờ mùi, xuống dưới chân núi chơi chùa Phúc-lâm, có đề trên tường rằng : « Đăng sơn du lãm, bất giác thi-hứng mãn sơn, bất năng thu-thập, 登山游覽不覺詩興滿山不能收拾 (2). » Lạc-khoản hai chữ : « Song thanh 雙清 ». Chân Ngô-tử đề bỡn thêm rằng : « Ngã diệc bất ước nhi hợp 我亦不約而合 (3). » Lại lên chơi chùa Bối-am ở núi Bối-am, chùa ấy nhân cái động mà làm ra, nửa gỗ nửa đá. Bia ở sườn núi đó là từ năm Hồng-ninh (1591) bà tôn-nữ họ Mạc quyên tiền dựng ra. Trụ-trì chùa ấy đều là sư tiểu đàn-bà. Các bài đề-vịnh ở tường vách lập-nháp vô-số, xem qua rồi t ở về. Dưới núi có hang *Dũng-phật* 湧佛, phụng thờ mấy tòa cổ-phật. Giờ thân, cùng với Chân-túy-ông, Trần Vấn-chi cùng uống

(1) Nghĩa là : mùa qui-xuân năm Bính thìn, Tùng-niên có đắt bạn lên chơi ở đó

(2) Nghĩa là : khi lên núi chơi xem, hứng làm thơ man-mác, không thể thu nhặt lại được.

(3) Nghĩa là : ta cũng không hẹn mà hợp cùng một ý

rượu ở trên cầu Nhật-tiên, trông xuống hồ sen mới mọc, trên mặt nước phấp-phới biếc-biếc xanh-xanh. Ông Nghiêu-Minh, Quế-Nham, Hi-Đỗ ba người không biết uống rượu, đối cuộc rượu ngồi uống nước. Đêm khuya rồi trở về nhà chọ.

Sớm ngày 14, khởi-hành đến chơi núi Hoa-phát. Núi ở về bên núi Phật-tích, ghềnh đá hẹp-hòi chênh-lệch, kém núi Phật-tích. Gác chuông ở lưng chừng núi, chùa thờ phật gọi là *Hoa-phát-tự* 花發寺, bà sư trụ-trì ở đó là vợ người Phan-khách tuổi về già mới xuất-gia, khi tiếp khách pha chè, ra dáng phong-vị người kinh-ấp. Sau chùa xuống một bậc nữa có dựng một cái tháp đá. Tự bên tả chùa leo lên tuyệt-đỉnh núi, có một hòn đá lớn hơn nóc nhà, hoằm vào hình như muốn sa xuống. Bên cạnh hòn đá có một cái chùa bán-mái người Ô-châu [1] mới quyên-mộ lập ra, vắng tanh không có ai cả. Giờ tị, tự núi Hoa-phát lên chơi núi Phụng-hoàng, thế núi như con chim lớn bay liệng : ở giữa khai ra một động đá, để bày tượng phật, khí núi hiu-hiu, khăn áo người du-khách nhâm nhấp ướt cả. Trong động có ba cửa hang : hai cửa nhỏ mà nông, một cửa lớn, rộng thênh-thênh không biết đâu là cùng, tục truyền hang ấy thông xuống dưới âm-phủ. Ngoài cửa động bóng cây rườm rà, bên ngồi nghỉ đốt lò sưởi. Giờ mùi, trở về mé đông, đến làng Vân-canh, ngủ chơi nhà ông biểu-huynh Phạm huyện-thừa. Đêm hôm đó nói truyện đi chơi núi Phật-tích, ông biểu-huynh thuật truyện khi xưa bà biểu-tổ-cô ta là con gái cụ Bằng-nhỡn ngoại-tằng-tổ ta, khi nhỏ bà mộ đạo Phật, cụ Bằng-nhỡn định gả chồng, bà đốt hai ngón tay để tỏ rằng minh quyết chí xuất-gia, tu ở chùa Tiên-lữ, thường đến chơi núi Phật-tích, vào hang Thần, hang tối mò-mò, không rõ ngày đêm, đốt đuốc mà đi, độ hai ba ngày, còn nghe thấy tiếng gà gáy chó cắn ở trên mặt đất. Đi ít lâu, cảnh càng lạ, có một cái oa lõm xuống, chất đầy xương sọ lồng-chồng. Thạch-nhũ rủ xuống, lắm thứ quái lạ, hình trạng như dáng người đi, con thú ngồi, cùng là giường, ghế, giá áo, không thể kể cho xiết được. Cạnh đường có một con sông, sắc nước như mùi chàm, có một ông lão lái đò cầm thuyền đợi chở. Cách bờ sông bên kia trông hơi sang sáng, chợ búa nhân-vật đi lại, không khác gì trên trần-gian. Hỏi ông lái đò, ông bảo đó là *chợ Âm-phủ*. Bà sư cứ theo con đường đá bước lên ; gặp một ông già bạch xin sư bà trở về. Sư bà không nghe, cứ đi, gặp một con rắn lớn như cái vựa ra chặn ngang đường, bèn trở về. Khi ra cửa hang, đã đầy một tháng hai ngày. Sư bà thụ-giới rất cao, tưởng cũng không nói sai, cho nên chép ghi lại đây.

Trở lên nói đại-lược cảnh núi, còn những điều tai mắt không tiếp đến, không kể chi.

Ngày 15 giờ ngọ Đông-dã-tiên Tùng-niên-phủ ghi chép.

Dịch sách *Tang-thương ngẫu-lục*

Lạm-bình. — Núi Phật-tích là một nơi danh-lam thắng-cảnh, mà lại là một nơi ông Từ Đạo-Hạnh chứng-đạo chân-tu. Nào cầu Nhật-Nguyệt, nào ao Long-trì, nào hang Bò, hang Thần, hang Cắc-cớ, hang Dũng-phật, lên trên tuyệt-đỉnh thời có chợ Trời, vào trong không-động thời thông xuống chợ Âm-phủ. Lại còn nơi ông Thiền-sư giải-thi, vết chân còn đó, vết dấu còn đây, kỳ kỳ, quái quái, có có, không không, không biết trời đất bày đặt ra từ bao giờ, mà cái cảnh-trí tự-nhiên của tạo-

[1] Tức là Thuận-hóa (Huế).

hóa tô-điểm cho non sông, xem trong bài ký của ông Tùng-niên hãy còn như in như vẽ, truyền nghi truyền tín, tả thực tả hư, ông thực tả được một bức tranh thủy-mạc truyền-thần núi Phật-tích.

Không biết trước ông lên chơi núi Phật-tích, đã trải bao nhiêu người đăng-lâm ngoạn-cảnh; mà sau ông lên chơi núi Phật-tích, lại còn bao nhiêu người điếu-cổ hưng-hoài, ông làm ra bài du-sơn-ký này, không những là ghi được cái thắng-cảnh chốn danh-lam, mà lại truyền được cái kỳ-quan cho hậu-thế, du-sơn như thế mới đáng làm kỷ-niệm cho non-sông, còn trời, còn nước, còn non, thời cái danh ông Tùng-niên hãy còn cùng với núi Phật-tích lưu-truyền mãi mãi. Bây giờ núi Phật-tích còn đó, ai là ông Tùng-niên ?

12. — Nguyễn Công-Hoàn 阮公完

Ông Nguyễn Hoàn người làng Cổ-đô huyện Tiên-phong Sơn-tây, là thân-sinh ra ông Thượng-thư Nguyễn Bá-Lân. Ông có tiếng lừng lẫy hay chữ thời bấy giờ, giao-tiếp với mọi người rất là ân-cần khoản-khúc, chỉ đến nghề văn-chương thì ông không chịu nhường ai một chút nào, đó cũng là cái thiên-tính như vậy. Ông Lê Anh-Tuấn người đồng huyện ít tuổi hơn ông, ông vẫn kết làm bạn vong-niên [1]. Khi hai ông cùng ứng-hạch ở huyện, ông Lê đỗ đầu, ông thứ hai, ông còn ganh-tị mãi không chịu khuất. Đến khi ông Lê đỗ ra làm quan, ông không đi lại chơi nữa.

Ông Bá-Lân học thông văn cử-nghiệp sớm, cũng xuýt-xoát với ông, ông thường đọ làm văn thi, Bá-Lân có ý nhường-nhịn, bị ông quở đánh đau lắm. Ông sai đem thuyền ra giữa dòng sông để hai cha con cùng làm văn thi, hễ ai thua thì ném xuống sông, khi làm văn xong, văn ông hơi kém, nhảy choàng xuống sông. Ông Bá-Lân vội vàng níu lại, khóc lóc xin van mãi mới thôi. Ông có khi vào yết-kiến quan thủ-tướng Nguyễn Công-Hãng, đến cửa dinh gọi rõ tên ra hỏi thăm. Người gác cửa vào bẩm, tướng-công biết ngay là ông vội vàng ra đón. Ông vào chơi, tịch-thượng vịnh thành ngay sáu bài thơ *Lưu-Nguyễn nhập Thiên-thai*, nhiều người truyền tụng lấy làm hay. Ông về kinh-đô chơi, gặp ông chân-nhân là Phạm Viên, ông mới hỏi sự cùng đạt, ông Phạm Viên bảo : « Ông thi không đỗ được, nhưng con ông thì thành-đạt to. » Ông bèn gác bỏ nhân-sự theo ông Chân-nhân đi học tiên-thuật, vào trong núi Mĩ-lương, nửa đường hết lương, vào chợ cái thôn gần đó, thôn-ông mời khách vào, hấp một vị bằng đứa bé lên ba đem ra thết đãi, ông không dám giùng đũa. Chân-nhân cười, gọi đem thức sơn-hào ra thết. Đi không bao lâu đến chỗ nhà biệt-nghiệp của chân-nhân, tên hề-đồng đem dâng ra một con chuột hủ để uống rượu, sú-khí lừng cả lên. Ông ghê, không dám nhìn đến. Chân-nhân nói : « Ông hãy còn tục-duyên, không thể đợi mà tu được » Rồi đưa ông trở về.

Khi ông Bá-Lân đỗ hội-nguyên, ông bà hãy còn song-toàn, các bạn đồng-niên [2] đều đến họp tại làng Cổ-đô để mừng. Ông mặc áo nhà-quê ra tiếp khách, cười nói rằng : « Thằng Bá-Lân nhà tôi mà đỗ đầu, thì thiên-hạ vô-nhân thật ! » Khi ông Lê Anh-Tuấn làm tướng, ông Bá-Lân làm Thượng-thư, vì việc công phải khiển-trách, phi ông thì không ai nói gỡ được, kêu với ông nói giúp cho. Ông không

(1) Vong-niên 忘年, nghĩa là quên không kể chi đến tuổi

(2) Đồ-ngniên 同年, là người đỗ cùng một khoa.

đáp trả lời, cả họ khóc lóc nài kêu, ông mới gật đầu, liền đi chân không đến tướng-phủ, lội qua ao vào, chân còn bùn lấm, cứ ngồi giữa dinh công-đường hỏi quan lớn có nhà không. Lê-công biết là ông vội vàng khăn áo chỉnh-tề ra tiếp. Ông nói : « Vì thằng con tôi dại, nên mới bận đến cố-nhân, xin nhận lời giúp cho, chẳng phải nói chi lôi thôi nữa ». Lê-công xin vâng, ông liền đứng dậy ra về, lưu lại nói truyện cũng không ngồi nữa. Ông tuổi càng cao học càng thâm-thúy, nghe tiếng có một người học-trò huyện Thanh-trì hạch ở nhà Giám thường đỗ đầu luôn, ông tìm đến tận nơi, đương đêm đi vòng quanh đường lội ao vào trong làng, gõ cửa người học-trò gọi bảo rằng : « Ta là Nguyễn Hoàn đây, có giỏi văn thì ra chọi với ta ! » Người học-trò vội vàng ra đón vào, nói nhún nhường không dám địch. Ông không nghe, người học-trò xin đợi đến kỳ hạch Giám. Ông bèn trở ra, rồi hai lần hạch Giám ông đỗ đầu cả, bèn lại trở về Sơn-tây. Ông thọ lâu mãi mới mất.

Dịch sách *Tang-thương ngẫu-lục*
TÙNG-NIÊN)

Lạm-bình. — Khi xưa chuyên học nghề văn cử-nghiệp [1], rất là công-phu khó nhọc, lắm người có tiếng hay chữ mà thi mãi đến già cũng không đỗ, thật là một nghề thiệm kẻ anh-hùng cho đến bạc đầu. Xem như cụ Nguyễn Hoàn văn-chương không chịu nhường ai, thực là người hay chữ mà khí-khái, thế mà chỉ đỗ thứ hai hàng huyện, đỗ đầu hạch nhà Giám mà thôi, chớ không đỗ lên được một bước Hương-cống. Đến khi con cụ đỗ hội-nguyên, cụ lại cười là thiên-hạ vô-nhân. Thế có phải văn cụ thua con mà cụ không đỗ được hay sao? Hay là số-mệnh hạn cụ như lời ông chân-nhân mách bảo, nên cụ không đỗ được hay sao ? Phàm những lời ức-đoán, những truyện hoang-đường đều không phải cả. Đó chẳng qua là cái con đường khoa-cử nó hạn con người ta, có người may, có người rủi đó mà thôi. Tuy vậy, cụ không đỗ, nhưng cái phẩm-vọng của cụ, cái đạo-đức của cụ thời ai cũng phải trọng, cái tiếng hay chữ của cụ thời ai cũng phải kính. Không những là thầy khóa Thanh-trì phải khiếp sợ mà chịu thua, cho đến ông Nguyễn Công-Hãng, Lê Anh-Tuấn là bậc danh-tiếng thời bấy giờ, mà cũng phải tôn-kính cụ như bậc tiền-bối. Xem đó thì biết cổ-nhân các cụ trọng nhau là trọng cái phẩm-vọng, trọng cái đạo-đức, chớ không phải trọng về cái khoa-danh hão ! trọng về cái tiếng hay chữ suông ! trọng về cái phẩm-hàm mua chuộc ! Mà tự cụ cũng không phải mua danh bán tiếng, để cầu người ta trọng, cũng không phải vội vất-vẻo trong làng văn, mà chỉ ngâm lỏi câu thơ nôm nước ốc, múa mênh ngòi bút sắt hoa tình, để cầu người ta trọng. Thế mà tuổi cụ càng cao, học cụ càng thâm-thúy, thời cái danh-giá cụ ai cũng phải trọng, chớ không ai dám khinh. Khuyên ai chớ vội khoe mình.

13 — Lê Tuấn-Mậu 黎俊懋

Ông Lê Tuấn-Mậu người làng Yên-phụ sang làm con nuôi người làng Xuân-lôi, huyện Yên-phong, Bắc-ninh. Truyền rằng ông có sức mạnh, ăn khỏe, hay chăm đọc sách. Đến khi làm rể nhà vợ, suốt đêm không thấy học một tiếng nào. Nhạc-phụ lấy làm lạ mới hỏi ông dưỡng-phụ rằng : « Tôi thấy thầy ấy hay ham học, nên tôi mới gả con gái cho, thế mà cả đêm không nghe thấy một tiếng học nào là làm sao ? » Ông dưỡng-phụ nói :

(1) Cử-nghiệp 舉業 là cái nghề-nghiệp làm văn đi thi khoa-cử.

« Chừng nó đói hẳn, ông cho nó ăn mỗi bữa bao nhiêu ? » Nhạc-phụ nói : « Thường ăn chừng độ vài lưng ». Dưỡng-phụ cười bảo rằng : « Thôi, thế thì tại ăn còn đói thật rồi ». Nhạc-phụ nói : « Nhà tôi dẫu nghèo, há lại không nuôi được người rể cho ăn no hay sao. » Từ đấy nhạc-phụ bảo người nhà thổi thêm một đấu gạo nữa để cho chàng rể ăn, thì ông học được hết canh một. Hôm sau lại thổi thêm lên hai đấu, ông học được đến canh hai ; sau mỗi bữa năm đấu, thì ông học suốt đêm, bèn thành đại-tài, nổi tiếng hay chữ. Đỗ tiến-sĩ khoa canh-thìn năm Hồng-đức, làm quan đến đô-ngự-sử, Hộ-bộ Thượng-thư.

Khi ấy Mạc Đăng-Dung xuất-thân nghề đánh vật, được vua yêu, làm đến quan to. Ông thường tâu với vua rằng : « Đăng-Dung khởi-thân là đứa hèn-hạ, mà lại được cầm quyền lớn ; tôi coi có tướng làm phản, không nên để cho ở gần ». Ông lại nói nhiếc Đăng-Dung rằng : « Nhà ngươi chớ cậy khỏe, đây ta không thèm đó mà thôi ! » Đăng-Dung tức, kêu với vua xin cho thi vật. Ông hăng-hái xin vâng, hẹn đến hôm sau, ông búi tóc dộn kim ở trong, trần mình vào thi vật, Đăng-Dung bị ông nắm cổ vật ngã xuống đất. ông chẹn lấy cổ họng, nói to lên rằng : « Giết được thằng giặc ở bên cạnh vua, tuyệt được cái lo về sau, là ở kẻo vật này đây ». Vua thấy thế Đăng-Dung nguy cấp, kịp truyền bảo buông ra. Ông từ đấy cáo quan về ở nhà, khi Đăng-Dung cướp ngôi, ông thác tật thanh-manh, không ra chi, Đăng-Dung lấy ông là bậc trọng-thần, cho người mời ông ra để thu-phục nhân-tâm. Ông bảo người dắt vào triều. Đăng-Dung mừng lắm, ông nói vì có mục-tật xin cho đến gần để chiêm-cận. Khi ông đến gần, nhổ ngay vào mặt Đăng-Dung, trừng mắt lên mắng rằng : « Thằng giặc phản-quốc này, dẫu chó lợn cũng không thèm ăn lộc của mày, nữa ta đường-đường là kẻ Lê-thần, lại thèm làm bầy tôi mày hay sao ! » Bèn đập đầu vào cột mà chết. Đăng-Dung cảm người trung-nghĩa, thảo sắc phong tặng cho ông, khi rước về đến đầu làng Xuân-lôi, thì bị sét đánh cháy cả tờ sắc-mệnh. Đến năm Cảnh-trị (1662) lục phong kẻ tiết-nghĩa, ông được phong thượng-đẳng-thần, được lập đền thờ.

Dịch sách *Tang-thương ngẫu-lục*
(KÍNH-PHỦ)

Lạm-binh. — Đương lúc Mạc Đăng-Dung cướp ngôi nhà Lê, kể cũng nhiều người tử-tiết, như ông Đàm Thận-Huy cử binh đánh giặc mà tự-tử ; ông Võ Công-Duệ ôm ấn mắng giặc mà tự-trầm ; đều là các bậc tiết-nghĩa, vị non sông mà chống giữ lấy cương-thường, chớ không kể chi thành-bại. Nếu vua Lê mà biết nghe lời ông Lê Tuấn-Mậu bảo trước là Đăng-Dung có phản-tướng không nên trọng-dụng, thì sao đến nỗi để cho họ Mạc cướp ngôi. Nếu vua Lê mà cứ mặc cho ông Lê Tuấn-Mậu chẹn chết Đăng-Dung trong keo vật, thì sao đến nỗi nhà Lê phải mất nước. Than ôi ! Ông có cái trí khôn xét biết được gan ruột kẻ quyền-gian, lại có sức khỏe vật chết được kẻ có thế-lực ; chỉ vì vua không tin-dụng, nên mới không trừ được Mạc Đăng-Dung. Đến khi họ Mạc cướp mất ngôi nhà Lê, thực là lúc cương-thường điên-đảo, ai là người chống đỡ cho non sông. Thế mà ông lại ứng-triệu lên chốn triều-đường để nhổ ngay vào mặt kẻ quyền-gian, làm cho Đăng-Dung phải ô-danh trong sử sách. Than ôi ! Trong nước mà có được các bậc tiết-nghĩa như ông, thời những kẻ bạn-thần, tặc-tử, đãng-phụ, dâm-phu, còn phải e sợ tiếng chê cười phỉ nhổ, không dám làm càn, thời phong-tục trong xa-hội mới khỏi đến nỗi đồi-bại. Xưa nay như ông dễ được mấy người ?

14. — Vũ Công-Duệ 武公睿

Ông Vũ Công-Duệ con nhà nông-gia người làng Trình-xá huyện Sơn-vi tỉnh Sơn-tây, bây giờ thuộc Phú-thọ. Khi còn nhỏ, cha mẹ đi cấy vắng nhà, Công-Duệ chơi với một bọn trẻ con, nặn đất làm con voi, bắt hai con bươm-bướm làm hai tai, cắm con đỉa làm vòi, lấy bốn con cua làm chân, thành ra voi đất mà vẫy được tai, vòi co lên quặp xuống và chân đi được. Một ngày kia, có người đến đòi nợ, hỏi rằng : « Bố mày đâu ? » Ông đáp : « Bố tôi đi giết người ». Người ấy lại hỏi : « Mẹ mày đâu ? » Đáp : « Mẹ tôi đi cứu người ». Người đòi nợ ấy nghe nói lấy làm lạ, không biết ý làm sao, hỏi căn-vặn mãi, thì ông nói rằng : « Hễ có tiền thưởng thì tôi nói rõ cho mà biết ». Người kia dỗ bảo rằng : « Mày cứ nói đi cho thật, thì tao tha nợ cho nhà mày không đòi nữa ». Ông sẵn tay cầm cục đất dẻo, bảo người kia in tay vào đấy để làm tin. Người kia cũng thử in tay vào xem nói ra làm sao. Ông cười nói rằng : « Cha tôi đang nhổ mạ mà mẹ tôi đang cấy ». Người kia lấy làm kỳ dị. Hôm khác lại đến đòi nợ. Ông đưa ngay hòn đất hôm trước ra và nói rằng : « Tay ông đã ký vào đây, còn đòi gì nữa ». Người kia đứng ngẩn mặt ra, không nói sao được nữa, bèn khuyên cho ông đi học, và giúp cho món nợ ấy để lấy đỡ tiền đèn sách.

Ông học thông-minh lắm, nội các sách vở chỉ học qua một lượt là thuộc. Năm Hồng-đức thứ 21 đời vua Thánh-tôn nhà Lê, ông ngoại 20 tuổi, thi đỗ Trạng-nguyên, làm quan đến Đô-ngự-sử. Đến khi nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê, vua Chiêu-tôn chạy vào Thanh-hóa. Mạc Đăng-Dung đem quân theo đón vua về và dỗ ông theo về làm quan với mình. Ông chửi mắng rầm rã, nhất định không theo kẻ nghịch-thần, rồi đeo cả quả ấn ngự-sử nhảy xuống cửa bể Thần-phù mà chết. Đến khi nhà Lê trung-hưng, sai đúc ấn Ngự-sử, thì đúc mãi không thành, bèn sai người lặn xuống cửa bể mò tìm quả ấn trước, thì thấy ông vẫn còn mũ áo chỉnh-tề, ngồi xếp bằng tròn đeo quả ấn, y như thuở sinh-thời, bấy giờ đã ngoại sáu mươi năm. Vua Trang-tôn lấy làm lạ, bèn sai quan đến tế và sai người đem xác ông lên khâm-liệm bỏ vào quan, rồi đưa ma về táng ở Sơn-vi.

Lại phụ-lục lời tục truyền khi ông còn hàn-vi, gặp trời rét, nằm co trên sàn cầu, chợt có quan Thái-phóng-sứ đi qua, ông cứ nằm không dậy. Quan Thái-phóng cho hỏi là ai. Ông nói là học trò. Quan Thái-phóng bảo làm thơ « *Nằm-co* » thử xem. Ông liền đọc lên rằng :

Ba gian cầu chếch khổ minh khom,
Rét phải nằm co há phải cuồng.
Cá cả nép vây miền bắc-hải,
Rồng thiêng cuốn khúc chốn Nam-dương.
Một niềm trung-ái lo cho vẹn,
Đôi chữ công-danh chí chửa vuông.
Có khuất bao nhiêu đành có ruỗi,
Sang xuân đầm ấm hãy ra tuồng.

Quan Thái-phóng khen là có khí-phách và hậu thưởng cho. Văn-chương của ông còn truyền lại một đạo văn-sách đình-đối, một bài phú Tao-đàn, một bài thơ cảm-hứng, hãy còn truyền tụng.

Dịch bài của ông TÙNG-NIÊN

Lạm-bình. — Xưa nay những người danh-thần tiết-nghĩa, gặp lúc thường thời chửa mấy người đã tỏ được cái tiết kiên-trinh, có gặp lúc biến thời mới càng ngày càng tỏ cái gan sắt đá. Ông Vũ Công-Duệ đương lúc còn nhỏ, trong khi chơi đùa cùng lời đối đáp, đã có trí khôn, thời ai chẳng biết là người thông-minh dĩnh-ngộ. Nếu lúc thành-đạt ra làm quan mà cứ gặp cảnh

thường, thời công-danh đôi chữ, trung-ái một niềm, chẳng qua chỉ cầu cho trọn vẹn cái chức-trách làm thần-tử. Thông kia không gặp năm rét thời ai biết là kiên hay xốp? Cỏ kia không gặp gió mạnh thời ai biết là cứng hay mềm? Ông có gặp lúc Mạc Đăng-Dung thoán-thí, thời cái tiết-tháo của ông vững như đồng trơ như đá, mới càng tỏ mặt với non sông. Không những là trong sáu mươi năm, ông còn ôm ấn ngồi dưới đáy bể, dẫu đến trăm năm, nghìn năm, sông cạn đá mòn, bể dâu biến đổi, mà cái hồn trung-nghĩa của ông vẫn còn phảng-phất ở trên cửa Thần-phù! Duy-trì được nhân-tâm thế-đạo, cũng phần nhiều nhờ về các bậc danh-tiết ấy.

15. — Đinh Văn-Tả 丁文左

Về đời Lê trung-hưng có ông Đinh Văn-Tả người làng Hàm-giang tỉnh Hải-dương, sức vóc khỏe mạnh, tính-khí hào-hiệp. Lúc còn nhỏ, hay chơi với lũ côn-quang, chúng đều bầu lên làm đàn anh cả.

Cạnh làng ấy có một con sông to, rộng hơn một dặm, ông thường ra tắm, bơi vòng tự bên này sang bên kia sông. Một hôm, học bằng-bối uống rượu trên bờ sông, nghe bên kia sông, có tiếng chiêng trống tế thần. Anh em đố nhau xem ai lội được qua sông sang trộm lấy cái chiêng của làng kia đem về. Ông nói: «Khó gì việc ấy mà phải đố!» Đương đêm, ông lập-tức lội xuống sông, bơi sang bên kia, lẻn vào đình, ăn trộm được cái chiêng đem ra, lại lội xuống bơi về. Khi ra đến giữa dòng sông, khua chiêng vang cả lên, làng bên kia nghe tiếng, mới biết là mất trộm, tìm thuyền đuổi theo thì không kịp.

Về sau nhân có tội phải giam trong ngục Đông-môn. Khi ấy Triều-đình đang có việc dụng binh, chúa Trịnh sai các tướng võ tập bắn ở trên lầu Ngũ-phụng. Ông và tên lính canh ngục đứng xem, thấy không mấy người bắn trúng bia, cười mà nói rằng: «Bia rành rành thế kia bắn mà không trúng, sao mà họ hèn thế?» Các võ tướng đứng bắn, nghe tiếng giận lắm, đưa súng cho ông và bảo rằng: «Anh nói khoác làm gì thế, súng đây, anh thử bắn đi này!» Ông không thèm cầm súng nhỏ, xin mượn khẩu súng to, cắp lên trên mang tai, bắn ra ba phát, vỡ ba cái đích. Các người kia, ai cũng chịu là tài; rồi lại sai bắn thử lần nữa xem sao, thì bắn phát nào tin phát ấy, mười phát đậu chục. Việc ấy lên đến tai chúa Trịnh, liền tha tội cho đi tùng-quân.

Bấy giờ chúa Trịnh đang chống nhau với chúa Nguyễn ở trong Nam-hà. Một bữa, quân Bắc đóng ở trên núi, quân Nam thốt-nhiên đến vây đánh, quân Bắc bị thua tan chạy mất cả. Ông bèn đứng lại phục trong bụi rậm, chờ khi quân Nam đuổi đến, ông ở trong bắn ra, quân Nam tưởng có nhiều quân mai-phục phải lui về. Quân Bắc thừa quay lại đánh, quân Nam cả thua. Từ bấy giờ nổi tiếng. Về sau, lại lập được nhiều công chiến-trận, chúa Trịnh phong cho tước-lộc quận-công. Ông nộp trả bằng sắc không nhận, chỉ xin rút tên trong sổ vựng-án ra mà thôi. Nhưng chúa Trịnh cũng cứ phong cho.

Đến thời vua Hi-tôn, dư-đảng nhà Mạc là Mạc Kính-Vũ, vẫn còn chiếm giữ xứ Cao-bằng. Vua sai ông thống-lĩnh đại-binh đi đánh, phá tan quân Mạc Kính-Vũ phải chạy sang Long-châu, mới trừ hết được đảng nhà Mạc. Từ đấy làm quan đến cực-phẩm hàng võ. Đến năm 80 tuổi, phải bệnh nặng, chúa Trịnh thân đến tận nhà hỏi thăm, hỏi rằng: «Như ngươi thì trong bụng còn muốn ao-ước điều gì nữa hay không?» Ông tâu rằng: «Tôi nhờ ơn Chúa, làm quan vinh-hiển đến thế này, trong bụng

cũng đã mãn-nguyện lắm rồi. Nhưng chỉ còn ao ước một chút, giá thử đang lúc tôi chưa chết, mà chúa phong cho tôi làm phúc-thần, thì tôi nhắm mắt đi, không còn điều gì hối-hận nữa ». Chúa Trịnh lập tức sai thảo sắc, phong ngay trước chỗ giường nằm. Ông tạ ơn rồi bệnh dần dần lại khỏi, còn sống được mấy năm nữa mới mất.

Con cháu họ ấy, về sau sinh ra nhiều người tướng giỏi, kế đến 18 đời phong quận-công, đến đời ông Đinh Tích-Nhưỡng lúc cuối Lê hãy còn lừng lẫy. Khi ấy con cháu ông Đặng Đình-Tướng cũng nhiều người hiển-đạt làm quan to tại triều, tục-ngữ có câu : « Đánh giặc họ Đinh, làm quan họ Đặng », tức là trỏ hai chi họ ấy.

Đến đời cháu xa là ông Đinh Nhạ-Hành lại hay ham học sử sách mà tính người nhún-nhường hòa-nhã, có phong-độ văn nho, cuối năm Chiêu-thống nhà Lê, ông làm quan Diễn-khấu đại-tướng-quân, phong tước Hàm quận-công ; năm Kỷ-dậu, ông đem cả nhà theo vua Chiêu-Thống chạy sang Tàu. Gặp khi mẹ mất, ông có câu khóc rằng : « Nhật trầm Tây-lĩnh, thủy đông lưu, cổ kim thường thái 日沈西嶺水東流古今常態. Mẫu mộng Nam-kha, quân bắc độ, gia quốc câu ưu 母夢南柯君北渡家國俱憂 » Dịch nghĩa là :

Thói thường ngán nỗi xưa nay,
Miền đông nước chảy, non tây bóng tà.
Phần lo việc nước việc nhà,
Vua xa đất Bắc, mẹ già cảnh Nam.

Nghe đọc câu ấy ai cũng lấy làm thương xót.

Dịch bài của ông KINH-PHỦ

Lạm-bình. — Xưa nay những người hào-hiệp, gặp bước phong-trần đày-đọa, lắm khi mai-một mất cả diện-mục kẻ anh-hùng. Khi ông Đinh Văn-Tả lúc bé thời chơi bời khí-khái, lúc lớn không may lại mắc phải lao-lung, nếu không gặp thời mà tỏ cái anh-hùng thủ-đoạn ra, thời còn ai biết là tay kiện-tướng. May sao gặp buổi nhu-tài [1], mà ông lại tỏ được tài thi bắn ra hơn cả các tướng ; lại gặp được chúa Trịnh biết tiếc tài mà trọng-dụng, nên ông mới được đái-tội để lập-công, làm đến cực-phẩm, truyền mãi cái dòng trung-dũng về đời sau. Xem đó thì biết có tài mà không gặp được thời để thi tài, gặp được người biết dụng tài, thời lắm khi người anh-hùng cũng phải thúc-thủ để đợi thời. Huống chi những người chửa có tài được như ông, thời cũng không nên học cái thói thiếu-niên hào-hiệp như ông vội.

16 — Uông Sĩ-Đoan 汪士端

Ông Uông Sĩ-Đoan lúc chửa đỗ, ở làm rể nhà giầu kia trong làng, đã sinh được một con, nhưng người vợ tính hung-hãn lắm, hễ có anh em bè bạn đến chơi bời đàm-luận văn-chương, thì nàng ruồng-rẫy nói rằng : « Bộ anh chàng xác kia chân tay yếu ớt không làm trò gì được, mà chỉ nghêu-ngao rầm-rĩ lên làm gì thế ! » Gặp khoa thi, ông sắm sửa hành-trang đi thi, nàng không tư-cấp cho một tí gì cả. Ông phẫn-chí, ra đi, nàng theo lột cả quần áo, ông phải lội xuống nước để ẩn mình. Khi ấy có người con gái làng bên cùng với bà gánh vải đi chợ bán, trông thấy ông mới noi lên, bà mới đến hỏi tình-trạng, rồi xé vải cho ông một cái khố. Khoa ấy ông đỗ, cưới người con gái ấy làm vợ, ông làm quan trong triều hơn 60 năm, thọ 99 tuổi. Người con gái ấy được phong làm chính-phu-nhân. Quan bồi-tụng là Sĩ-Lãng, quan huyện Cẩm-giang là Sĩ-

(1) Nhu tài 需才, nghĩa là cần dùng đến người tài.

Thiến, quan Lại-bộ-lang là Sĩ-Trạch, đều là bà Phu-nhân sinh ra cả.

Dịch bài của ông KÍNH-PHỦ

Lạm-bình. — Đàn bà con gái nước ta xưa nay cũng nhiều người đức hiền nết tốt, thực là đáng một người hiền-nội-trợ ở chốn thâm-khuê. Những người đó là phần nhiều nhờ về gia-đình giáo-dục, cho nên khi ở nhà là người thục-nữ, khi xuất-giá là người hiền-thê, không dám cạy sang cạy giàu mà áp-chế đến người chồng, không dám khoe tài khoe sắc mà đua đòi với kẻ khác ; nhất là những nết trinh-thục, nết khoan-từ, cùng là công, dung, ngôn, hạnh, trong nền tứ-đức, đàn bà con gái lại càng phải giữ gìn cẩn-thận lắm. Chỉ vì thói đời kiêu-bạc, lắm nhà gia-giáo lại không hay giữ được nền-nếp, cho nên những ả sinh-trưởng trong chốn giàu-sang, cái thân đã sướng từ trong trứng sướng ra, mà cái nết thì không ai uốn-nắn từ lúc cây còn non măng còn sữa, nên càng phú-quí lại càng sinh ra kiêu-sỉ, càng kiêu-sỉ lắm lại càng quen thói lăng-loàn nhiều. Không trách được chị ả nhà giàu kia chỉ biết cạy mình vàng mình của, mà ruồng-rẫy thầy nho kiết, thực là tàn-nhẫn lắm thay ! Cái gương tày liếp đó, bạn hồng-nhan ai chẳng phỉ-nhổ cho người hãn-phụ [1]. Mà cái nền phúc-trạch của họ Uông sau này thực là trời để đền ơn cho người hiền-phụ vậy.

ĐÔNG-CHÂU

VIỆT-SỬ LUẬN

IV

Chuyện hai quan Tàu Tích Quang và Nhâm Diên

Sử chép lúc nước ta nội-thuộc Tàu về đời Hán Bình-đế (năm 10-5 trước Thiên-chúa giáng-sinh) quan Tàu là Tích Quang sang làm Thái-thú quận Giao-chỉ ta, dạy người nước ta biết lễ-nghĩa ; về đời Hán Quang-vũ (năm 25-49), quan Tàu là Nhâm Diên sang làm Thái-thú quận Cửu-chân ta, dạy dân ta dùng trâu bò cày bừa, lấy sắt làm điền-khí, kiểu quần áo, lễ cưới hỏi theo như tục Tàu. Lãnh-nam có hoa-phong [2], đầu từ hai quan ấy.

Lời bàn. — Nước ta về lúc nội-thuộc Tàu, đầu đuôi hơn một ngàn năm, chịu bao nhiêu là nỗi lầm-than khổ-ải ! Những quan-lại ở Tàu phái sang lúc ấy, hiền-minh thời có ít mà tham-bạo thời phần nhiều ; vét châu báu của ta, vơ ngà ngọc của ta, hành-hạ dân ta, đày-đọa trong vòng nước sâu lửa nóng. Ôi ! nắng mãi được mưa xuống, thời cây cỏ đều thấy vẻ tốt tươi ; lạnh mãi có mặt trời, thời non sông đều ra bộ ấm-áp. Ta kết oán-độc với những phường quan tham lại những bao nhiêu thời ta càng cảm ơn mến đức những quan hiền lại giỏi bấy nhiêu. Ông Tích Quang, ông Nhâm

(1) Hãn-phụ 悍婦, là người vợ hung-tợn.

(2) Núi Ngũ-lãnh 五嶺 thuộc tỉnh Quảng-đông Tàu bây giờ ; từ giẩy núi ấy trở sang ta gọi là Lãnh-nam. — Hoa-phong là phong-tục Tàu.

Diên, tra trong chuyện thú-lạnh Tàu, cũng là bậc tuần-lương [1] có tiếng; chắc khi dựng cờ tiết qua miền Nam-thổ, cũng có cái chính-tích hơn người. Tuy lời sử cũ chép, hoa-phong Lãnh-nam đầu từ hai quan ấy, khen-ngợi không khỏi quá tình [2]; vì xét cái lịch-sử tiến-hóa của nước ta, từ lúc Triệu Đà lập nên nghiệp vua, Đà là một người Tàu rất có chí cả tài cao, tất cũng đã truyền-bá văn-hóa của Tàu sang ta, không nhiều thời ít; có lẽ nào đến lúc Tích Quang Nhâm Diên sang làm Thái-thú, mà dân ta ngưu-canh điền-khí còn chưa có, lễ-nghĩa còn chưa biết, mà nhờ hai quan ấy mới có hoa-phong? Có điều hai quan ấy đã là lương-lại ở Tàu, sang làm quan ta, về sự nuôi dân, dạy dân, châu-chí săn-sóc hơn các quan khác; dân-trí ta tất có mở-mang, tài-sản ta tất có tăng-tiến hơn trước nhiều. Bia miệng người di-ái [3] để ngàn năm, không những dân ta không vì cái tư-tưởng chủng-tộc mà sinh hiềm-thù, như đối với bọn Tô Định, Tiêu Tư, Dương Sàn, Lưu Diên-Hựu, mà lại ca công tụng đức, đến bây giờ đọc sử còn khói hương thờ sinh-phật vạn-gia [4]. Thế mới biết người mình trọng ân-nghĩa biết thủy-chung, không khi nào lại có chuyện làm ơn mang oán. Nếu quan Tàu ai cũng như hai ông ấy chắc là đạo thầy trò, tình chủ khách, giây thân-ái chửa hồ-đề đã một ngày đứt ngay. Trong thời-đại mình nội-thuộc Tàu, khai-hóa được thật vì có mấy ông quan Tàu hiền-minh, mà tự-lập được thật vì có mấy chú quan Tàu tham-bạo.

Nối một bài thơ. Thơ rằng:

Lãnh-nam có hoa-phong,
Xướng-thủy tự hai Thú,
Tích-Quang cùng Nhâm-Diên,
Chính-tích đến giờ nhớ.
Trước ta chưa biết cày,
Trồng tỉa giữ tục cổ,
Dạy ta cày bằng trâu,
Sinh-sản được nhiều lúa.
Trước ta còn giã-man,
Trai gái rất cẩu thả,
Dạy ta đạo vợ chồng,
Mới biết lễ hôn thú.
Luân-lý theo học nho,
Thi-thư hóa muôn họ.
Quan thế thật đáng quan,
Công ơn tỉ thầy bố.
Nước ta nội thuộc Tàu,
Lầm-than biết mấy độ,
Lại những quan thì tham,
Giết người dật lấy của.
Oán độc vì sâu cay,
Con run tức phải cựa,
Ai cũng như hai ông,
Can gì đến nỗi khổ.
Cảm đức người khoan-từ,
Trông ơn người dạy-dỗ,
Tình nghĩ ngày càng thân,
Giây đồng thật tam-cố.
Dung-hiệp thành một nhà,
Cách-mạnh có đâu có.

TUYẾT-HUY.

---

(1) 循 良 = Là làm quan có chính-trị giỏi, khéo chăm nuôi dân.

(2) 過 情 = Là quá sự-thực, khen-ngợi không đúng sự-thực.

(3) 遺 愛 = Là tình yêu mến khiến cho người ta không khi nào quên.

(4) Ông Bụt sống muôn nhà, ý nói quan nhân như bụt, cả muôn nhà thờ làm bụt sống.

CÁI VĂN-MINH MỚI SAU TRẬN ĐẠI-CHIẾN-TRANH NÀY THẾ NÀO ?

Than ôi ! từ thế-kỷ thứ mười chín đến giờ, có phải người Âu-châu múa tay múa chân, muôn người một miệng cho là thời-đại Đạt-nhĩ-văn (DARWIN) đấy phải không? Những lý-thuyết « vật-cạnh-thiên-trạch, ưu-thắng liệt-bại », sôi-nổi cả toàn-cầu, như gió rập, như mưa rào, như mây tuôn, như sóng vỗ, lớn từ chánh-trị, kinh-tế, quân-sự, giáo-dục, nhỏ đến lờ giấy, ngòi bút, sợi chỉ, cây kim, chen cạnh nhau từng li, xô-đẩy nhau từng bước. Trận đại-chiến-tranh này tức là ăn quả đắng của cái cây Đạt-nhĩ-văn trồng ngày trước vậy. Tuy kể cái cận-nhân, đổ tại giặc Đức ý mạnh, Áo Tắc gây thù cũng là phải ; nhưng xét cái viễn-nhân, thì học-thuyết thực là một thứ lợi-khí biến-hóa được thế-giới, khu-xử được lòng người, họa-căn vốn tại cái này chớ không tại cái kia đâu.

Từ có cái lý-thuyết Đạt-nhĩ-văn, các nước bên Âu-châu, từ chính-phủ đến nhân-dân, ai cũng cắm-cắm cúi-cúi, lo ngày lo đêm, tìm cách để đánh được cái sức tự-nhiên, cầu cho khỏi đào-thải trong trường thiên-diễn ; nào dân-tộc-chủ-nghĩa, nào đế-quốc-chủ-nghĩa, mày lừa ta gạt, ngoài chè-chén mà trong gươm dao ; rút lại nước nào cũng lo đánh-đật đất-cát lợi-quyền của nước khác để hòng mở rộng cái phạm-vi thế-lực của nước mình : phàm những sự hành-động của các quốc-gia, các chánh-phủ, như viễn-chính, như xâm-lược, đều có con ma học-thuyết của Đạt-nhĩ-văn nó nhảy-nhót múa-mang ở trong đó. Cho nên gọi Đạt-nhĩ-văn là một người công-thần mở-mang cuộc tiến-hóa cho thế-giới cũng phải mà gọi Đạt-nhĩ-văn là một tên quỉ-sứ nhiễu-loạn hòa-bình của thế-giới cũng không phải là không phải.

Nay trận đại-chiến-tranh ấy đã thu-trường, cuộc hòa-bình trong thế-giới tất có một ngày giải-quyết. Giấc ngủ mấy mươi năm chưa tỉnh, được một trận đánh long trời lở đất, bừng con mắt giậy thấy lầm than tắm máu trong giữa cơn gió thảm mưa sầu. Thế-giới sau này, từ việc lớn cho đến việc nhỏ, cái gì tất cũng có biến đổi, mà thành một cái văn-minh mới thế-kỷ thứ hai-mươi, ấy là lý tất-nhiên phải thế.

Song le cái văn-minh mới ấy, ta thử ức-đạc xem tương-lai nó ra thế nào ? Hoặc là những nước đánh thua, nhịn nhục ngậm hờn, rồi lại lo đúc súng đóng tàu, luyện-binh tuyển-tướng, để dự-bị cái cơ-hội phục-thù, còn những nước đánh được, cậy cái binh-lực của mình, khoác-trương thế-lực cho thật lớn thật mạnh, giữ sau này không ai vật lại được mình, tức như cái lý-thuyết lấy sinh-tồn cạnh-tranh là luật nhất-định, cho võ-lực là phải là hay, sua hết người thế-giới vào trong vòng sắt đen máu đỏ cho đến đời đời kiếp kiếp vô-cùng-tận nữa chăng ? Hay là các nước cảm-ngộ về đại-chiến-tranh này, hao của hao người, nguyên-khí điêu-tệ, biết võ-lực là một vật rất đau-đớn rất xấu-xa, nhượng-bộ lẫn nhau, đồng lòng hiệp sức, tính cái hạnh-phúc chung cho cả loài người, tức như cái lý-thuyết lấy hiệp-lực-sinh-tồn là luật nhất-định, cho cái cốt-yếu của sự tiến-hóa trong xã-hội là nên hiệp-trợ nhau chớ không nên ganh-cạnh nhau, liên-lạc hết người thế-giới cùng xây dựng

lấy một cái cơ-sở hòa-bình vĩnh-viễn sau này chăng ? Cái vấn-đề ấy mong về những nhà đại-triết-học, đại-chánh-trị, đại-kinh-tế lấy cái bụng nhiệt-thành vì nhân-loại, vì xã-hội, đem cặp cọn mắt tinh đời, cúi ngửng xưa nay, dọc ngang trời đất mà xét đoán cho, quyết-định cho. Nhưng theo ý ngu tu thì cái văn-minh là cái chi chi, chẳng qua có vật-chất với tinh-thần hai phía : về phía vật-chất, cầu sao ăn, mặc, ở, cho được đủ, được tiện, được sướng là cùng ; về phía tinh-thần, cầu sao tai không nghe những tiếng ầu-sầu, mắt không thấy những điều trái-ngược, giao-tế với nhau lúc nào cũng đâm-thắm, không ai đánh-đật của ai, không ai lừa gạt của ai, thành một cái thế-giới rất hòa-bình rất êm-ái ; văn-minh như thế mới thật là văn-minh. Nếu theo cái lý-thuyết sinh-tồn-cạnh-tranh, thì người này cạnh-tranh với người kia, nước này cạnh-tranh với nước khác, về phía vật-chất tuy có tiến-bộ thật mà về phía tinh-thần hẳn thoái-bộ nhiều ; sao bằng theo cái lý-thuyết hiệp lực-sinh-tồn, thì người này hiệp-lực với người kia, nước này hiệp-lực với nước khác, về phía vật-chất cũng chẳng thoái-bộ chút nào mà về phía tinh-thần hẳn tiến-bộ nhiều lắm. Huống-chi người nào nước nào cũng lấy cạnh-tranh cho kỳ được làm mục-đích, thì cái vạ binh-cách tranh làm sao cho khỏi, biết đời nào cho thôi ? Đời đến ngày nay, thuật đánh nhau càng ngày càng khôn-ngoan, khí-giới đánh nhau càng ngày càng tinh-sảo, xẩy có một trận đánh nhau, tài-sản bị phao-phí, tinh-mạnh bị lầm-than, không biết đến bao nhiêu mà kể, mà giao-thông phải trở-trệ, chế-tạo phải thất-nghiệp, tẻ ra chẳng những tinh-thần chịu thống-khổ mà vật-chất cũng thấy khốn-khó ngay. Cứ như trận đại-chiến-tranh này, số người chết và bị thương, binh-quân mỗi ngày đến gần hai vạn, quân-phí một ngày hơn cái khoản thu-nhập của một nước nhỏ một năm. Ôi ! tình người ta ai chẳng muốn yên mà ghét nguy, tới vui mà tránh khổ, chỉ vì cái đại-thế sinh-tồn-cạnh-tranh nó áp-bách đến phải như thế mà đành chịu tan sương nát thịt, ngậm đắng nuốt cay. Ta tưởng cái thuốc độc sinh-tồn-cạnh-tranh nhờ trận đại-chiến-tranh này may có khi giải được.

Các nhà tư-tưởng về phái học TOLSTOI có nói rằng : « Những dân-tộc-chủ-nghĩa, quốc-gia-chủ-nghĩa, đế-quốc-chủ-nghĩa, chẳng qua là những danh-từ giả của cái bụng vụ-lợi bài-ngoại người ta, mà là một sự ngăn-trở lớn không cho loài người thực-hiện được cái lý-tưởng chánh-đáng. »

Vậy thì cái văn-minh mới sau trận đại-chiến-tranh này, tất phải bỏ cái tệ-hại cạnh-tranh mà thu cái hiệu-quả hiệp-lực, làm cho vật-chất được sung-sướng mà tinh-thần cũng được hả-hê. Muốn hình-dung cái văn-minh mới ấy nó ra thế nào, xin nói ít chữ là : « Cái thế-giới-chủ-nghĩa, trật-tự-tiến-hóa đích. »

Ôi ! cái thế-giới-chủ-nghĩa, toàn-cầu cũng đã có hai phái xướng ra : một phái nói chính-phủ là cái rừng rậm muôn ngàn tội ác, pháp-luật là cái hộ-phù mấy kẻ phú-hào, nhất-thiết đều nên phá-hoại phản-đối hết ; phái ấy là « thuần-túy-xã-hội-chủ-nghĩa » vậy ; còn một phái nữa thì tán-thành đề Chính-phủ, đề pháp-luật, người trong nước phải phục-tùng Chính-phủ, tôn kính pháp-luật mà chú-trọng về cái tình-trạng xã-hội nước mình, gấp lo cải-lương tiến-bộ ; phái ấy là « quốc-gia-xã-hội-chủ-nghĩa » vậy. Kỳ-thực hai phái ấy chủ-trương, đều chưa phải cả : phái trước chán cái cuộc bi-thảm trong đời người, nóng giận phát cuồng, muốn đem những trật-tự của đời người mà đạp đổ hết ; không hiểu các

nước bây giờ, trình-độ quốc-dân, cao thấp còn so-le nhau nhiều lắm, phẩm-hạnh loài người, còn hiếm gì những kẻ quyệt-trá hiểm-giảo, lo lợi riêng mà chẳng kể gì ích chung, nếu không có cái Chính-phủ oai-quyền nhất-thống để đối với ngoài, cái pháp-luật thần-thánh tôn-nghiêm để đối với trong, thì lòng dân lìa, sức dân tan, mấy nỗi mà mất nước, chẳng những vô-ích, thật có hại thêm, thế gọi là huyền-không trước-tưởng, vượt bậc cầu lên, mà không rõ tình-thế xã-hội một chút nào cả. Còn phái dưới thì người nước nào lo nước nấy, tuy còn cải-lương tiến-bộ cho xã-hội, mà trong bụng vẫn có một cái bờ-cõi nước ta với nước người, lo thịnh-vượng ở một khu mà quên mưu toan đến cả toàn-cục, cầu lạc-lợi cho một chỗ một xứ mà mất liên-lạc với cả hoàn-cầu, không hiểu thế-giới này là một cái thế-giới giao-thông, Âu Á một nhà, đông tây một chợ, nước này chịu thiệt hại thì nước khác cũng chẳng lợi được một mình, tức như mấy năm nay, nội-loạn có một nước Tàu, mà sự kinh-tế của các nước ở nước Tàu cũng vì thế mà kém sút ; thế gọi là biết lợi nhỏ mà không biết lợi lớn, thấy lợi gần mà không thấy lợi xa, cũng không được thích-hợp với tình-thế xã-hội bây giờ nữa. Duy cái thế-giới-chủ-nghĩa trật-tự-tiến-hóa-đích, gồm tinh-thần vật-chất mà đúc lại một lò ; một mặt thì những chính-phủ những pháp-luật đã hiện-thành, cũng không khi nào phá-hoại ; một mặt thì lập một cái cơ-quan hiệp-trợ liên-lạc chung cả thế-giới, cái chính-sách tự-tư tự-vị của từng nước thì bỏ đi, cái binh-bị tự-cường tự-vệ của từng nước thì triệt đi, đặt một sở quốc-tế-tài-phán chung, luyện một đoàn quốc-tế-quân-đội chung, không tư-túi mình, không binh-vị ai, nẹt cái cường-quyền trong thế-giới cho không mọc lên được, dắt những nước nhỏ trong thế-giới cho theo lần kịp được, đừng trễ-nải, đừng nóng-nẩy, theo cái lệ tiến-hóa tự-nhiên mà cầu cho tinh-thần với vật-chất cùng một ngày một tiến, vẻ-vang thay ! sung-sướng thay ! cái văn-minh mới ấy, cái văn-minh mới sau trận đại-chiến-tranh này, ta nghểnh chân ngỏng cổ mà trông cái ngày kết-quả sau trận đại-chiến-tranh này. Ta trông cái ngày kết-quả ấy mà ta lại rất mong-mỏi ở cái hội Vạn-quốc mới thành-lập này.

MỄ-NHÂN

LỜI KHUYÊN HỌC-TRÒ (1)

II

17 — Tám điều cần

1° — Một là cần-mẫn. Phải giữ bổn-phận, theo phép luật; khó dễ cũng không ngại, mưa nắng cũng không sai, cả tháng như một ngày, cả năm như một tháng. Nếu cứ giữ thói dông dài, hay tưởng việc cao xa, hay nói truyện phù-phiếm, cẩu-thả nhân-tuần, hay hỏng việc là một.

2° — Hai là quả-đoán. Xét công việc cho tường, định phương-lược cho chắc, rồi quả-quyết mà làm, việc thành không lấy làm may, việc bại không lấy làm hối. Nếu cứ tính quanh tính quẩn, sợ đầu sợ đuôi, nhường nước trước cho người ta, hay hỏng việc là hai.

(1) Tục kỳ trước (*Nam-Phong*, số 24, trang 472-480).

3º — Ba là từng-trải. Việc ngồi mà nghĩ không giống như lúc ra mà làm, cho nên bậc lão-thành vẫn hơn người tân-tiến. Phải am-hiểu nhân-tình thế-cố, phải chiêm-nghiệm việc trước việc sau, nếu cứ xốc nổi, cứ đoán chừng, tính một đường đi một nẻo, hay hỏng việc là ba.

4º — Bốn là linh-lợi. Phải nhanh trí khôn, phải biết tháo vát; liệu việc sáng như thần-minh, ứng biến nhanh như thoát thỏ. Nếu cứ chần chần giữ mực không biến-thông, chờ nước đến chân làm cho nhỡ dịp, hay hỏng việc là bốn.

5º — Năm là có can-đảm. Người ta gặp việc nguy-hiểm mà không biến sắc, lâm cơn hoạn-nạn mà không đổi lòng, là nhờ có can-đảm. Can-đảm không phải là táo-bạo, không phải là liều-lĩnh, có kiến-thức có nghĩa-lý mới sinh ra can-đảm. Những người học-vấn hồ-đồ, tính nết đê-liệt, lâm-sự hay thất-thố hoảng-hốt, không phải là người làm được việc.

6º — Sáu là thành-thực. Lời nói cho tin, việc làm cẩn-thận, trước sao sau vậy, không giối mình để giối người, gọi là thành-thực. Lấy thành-thực mà cảm được lòng tàn-ác, lấy thành-thực mà hóa được người gian-tà. Những người giả giối hay dùng mưu mẹo nói khác làm khác, làm cho mọi người mất lòng tin cậy, không phải là người làm được việc.

7º — Bảy là chất-phác. Cách ăn ở mộc-mạc, không phù-hoa; không xa-xỉ, đỡ hư-phí; vì những điều văn-sức bề ngoài không chắc chắn mà hay tổn chí. Những người hay trang-sức văn-hoa, chắc là người không có trí lớn.

8º — Tám là quyết-tuyệt. Tình riêng hay hại nghĩa công, phần nhỏ hay hỏng mưu lớn; cho nên phải có lòng quyết-tuyệt, nghĩa là không lụy vì tình, không mê vì dục. Những đứng anh-hùng cử-động lắm lúc quả-tình cũng bởi lòng quyết-tuyệt không chịu để cho tình lụy.

18 — Tự-trọng

Người có ý-khí tài-lực hơn người, không nương tựa ai, không luồn lụy ai, tự mình mình đi, tự mình mình lại, tự mình qui mình, ai yêu cũng mừng, ai ghét không giận, gọi là người tự-trọng. Còn tài chẳng hơn ai, đức chẳng hơn ai, con mắt sáng bằng hạt đậu, trí khôn nông như đọi đèn, cũng bắc bực làm cao, khinh thế ngạo vật, không gọi là tự-trọng.

Những kẻ thiếu-niên, sinh đời tranh-cạnh, không có chí tiến-tu, không có lòng ganh-gổ, hay nói truyện yếm-thế, hay có tính khinh người, thì gọi là tự-khí (自棄). Kẻ không kính trọng phép luật, hay chống cự người trên, gọi là loạn-đảng (亂黨). Kẻ không an thường thủ phận, hay phản-đối nhà-nước, gọi là nghịch-đảng (逆黨). Kẻ hay tự-đắc, hay khoe mình, gọi là người kiêu-căng (驕矜). Kẻ hay ích-kỷ gọi là tự-tư (自私). Kẻ không hợp-quần, gọi là cô-độc (孤獨). Những kẻ ấy dù có tài tốt thế nào, chẳng có tội với phép luật, cũng có tội với đạo-đức, không gọi là tự-trọng được.

Ta phải biết rằng người tự-trọng vốn hòa-hợp với mọi người, vốn kính trọng người tiền-bối, vốn giữ phép-luật, vốn trọng cương-thường; có tài-năng, có kiến-thức, việc đã làm, không sợ khó, chí đã định, không hồ-nghi; thấy giàu sang không náo-nức, nghèo hèn không phàn-nàn. Có câu rằng: « Lòng ta ta đã chắc rồi, dễ ai dục đứng dục ngồi mà nao ».

19 — Đời người

Ham tiền của hiếu hư-danh, cứ hì-hì hục-hục một đời, cũng là người tục-tĩu; mà chán việc đời thích hẻo

lành cũng là người vô-chí, không phải là người hiền.

Người ta sinh ở đời có mắt phải trông, có tai phải nghe, có lưỡi phải nói, có trí-khôn phải nghĩ, có cảm-giác, có tư-tưởng, có ý-khí, có tính-tình mới đáng là đời người. Nếu chỉ biết ăn uống, biết trai gái, chỉ biết có mình, không biết có ai, dù có đầu người cũng chỉ gọi là túi cơm giá áo.

Người ta lúc còn nhỏ, khí-huyết chưa được sung-thịnh, không hay hoạt-động, lúc đã già khí-huyết suy, cũng không hay hoạt-động. Từ 20 tuổi trở lên 50 tuổi trở xuống, khí-huyết đang thịnh, chính là lúc tinh-thần hoạt-bát, đa cảm đa tình, hoạt-động càng nhiều, sự-nghiệp càng lớn.

Người xứ ta sinh về nhiệt-đái, gân sức đã kém, tinh-thần cũng suy; cho nên tính người hay dụt-dè, hay hồ-nghi, hay tự-túc, hay tự-mãn. ít người được đủ tư-cách cho nên người hoàn-toàn.

Kia những kẻ nghe gà mà giậy múa, gối giáo để chờ đêm, không phải cố làm cho lao-tâm khổ-trí, cũng vì tinh-thần phấn-phát, tự nhiên không biết cái khó nhọc là gì. Như khi mình có hẹn hò với ai hôm sau đi chơi phong-cảnh một chỗ nào, thì đêm hôm ấy tinh-thần mình phải để cả vào nơi chỗ ấy, mà chong chong con mắt không sao ngủ đi được, cũng vì lẽ ấy.

Những người ngồi đâu ngủ đấy, hễ đặt mình là ngủ, ngủ cả đêm không chán mắt, hay dựa hay nằm, hẳn là những người vô chí.

Sức mạnh về khu-xác người không bằng vật mà sức mạnh về tinh-thần vật không bằng người. Cho nên người ăn không bằng hổ, uống không bằng trâu, nếu chỉ có khu-xác không có tinh-thần thì đời người có hơn gì đời vật.

Học-trò muốn giữ cho tinh-thần hoạt-bát, trước hết phải giữ thân-thể cho hoàn-toàn, chớ tham ăn bạo uống, chớ dắm sắc dục, biếng chân tay, hễ thân-thể khỏe mạnh chừng nào thì tinh-thần hoạt-bát chừng ấy.

20 — Tiết-kiệm

Những thói tệ ở đời này nói sao cho xiết, nhất là những điều sa-sỉ, như đồ ăn thức mặc, đồ dùng đồ chơi, đua nhau khoe nhau, lắm điều không theo phận, không giữ phép, học trò phải biết mà tránh.

Con nhà phú-qui sẵn của cha mẹ ăn ở phung phá, dù không hại gì, song làm gương cho chúng bạn bắt chước, đua nhau theo nhau, một ngày một quá. Tóm lại, không cứ giầu nghèo, hễ phạm vào điều sa-hoa, ấy là sự hao tài mà tổn trí.

Những con nhà thanh-bạch, thấy người ta ăn chơi sung sướng tưởng thế là lịch-sự, tưởng thế là hảo-hoa, nhịn không được, cũng sinh ra miễn-cưỡng. Bấy giờ sinh ra công nợ, sinh ra giả giối, trăm nghìn tội ác bởi đó mà ra, lại còn mong sửa tính nết, lập công-danh gì được nữa.

Phải biết rằng đồ ăn lấy lành và bổ, đồ mặc lấy lành và sạch là hơn, còn phẩm giá con người không dự gì đến đồ ăn đồ mặc làm nên danh giá, cứ cả ngày chau chau chuốt chuốt mất cả thì giờ, mà con mắt những người từng trải trông thấy những dấu điểm trang, biết ngay là con người phù-hoa không có bản-lĩnh.

21 — Dụng người

Người ta muốn làm việc gì cũng phải có người đồng-chí giúp đỡ. Bấy giờ phải có dùng người, có bạn hữu. Những người trái ý mình chưa hẳn là người dở, những người hợp ý mình chưa hẳn là người hay, vậy phải lấy trí khôn mà xét.

Kẻ coi ra bộ ngạo-mạn, hay bẻ bắt người ta ở trước mặt, lại là người thẳng. — Kẻ coi ra khiêm-nhường, khéo ở không mất lòng ai, lại là người thâm-độc. — Kẻ miệng nói điều nghĩa, mà nét mặt không thấy nghiêm-trang, xét việc làm chưa thấy có điều gì là

nghĩa, ấy là người chưa có thể mà tin được. — Kẻ giao-tình con thiền mà nói những truyện thâm ấy là người giả-trá. — Đại-khái kẻ có tài thường không khéo làm ; mà người hay làm lại không hay nói. Biết người là sự rất khó, song cứ thấy người mặt khác, lòng khác, ấy là người mình chẳng nên tin.

Đã có tri biết người lại có lượng dung người. Không phải hết mọi người không có tài cho mình dùng, chỉ tại mình không có lượng mà dùng người. Người có điều xấu nên ghét mà có điều tốt cũng nên yêu. Nếu ghét một điều xấu này mà quên cả các điều hay khác, thì hết mọi người trong thiên-hạ chưa có một người nào là dùng được.

Cho nên kẻ khéo dùng người, phải biết người này phải điều này được điều nọ, cứ bỏ điều dở mà dùng điều hay ; dùng điều hay mà cũng phải biết điều dở, như thế gọi là « tri nhân thiện nhiệm ».

22 — Chí-thành

Thành nghĩa là gì? — Nghĩa là thật lòng, không giối mình giối người, không giả nhân giả nghĩa ; việc phải dù tính-mệnh cũng không từ, việc phi-ghĩa dù phú-qui cũng không tưởng.

Đem lòng thành ấy mà ở với cha mẹ thì nên con thảo ; đem lòng thành ấy ở với nước nhà thì nên tôi trung ; suy ra anh ở với em, vợ ở với chồng, chúng bạn ở với nhau, ở với người đồng-loại, ở với hết mọi loài cũng nên người có nhân có nghĩa, có tín có huệ. Thánh-hiền tiên-phật, cũng bởi cái lòng chí-thành ấy mà nên.

Những người có tài mà hay khinh-bạc, lời nói vẫn hay việc làm vẫn giỏi, đến khi hoạn-nạn hay đổi lòng, gặp lúc kinh-quyền hay biến tiết, cũng vì không có chí-thành làm bản-lĩnh.

Chí-thành cũng có lúc xử-trí, có lúc dụng mưu. Nếu cứ chắc như đười-ươi, thẳng như ruột ngựa, như thế gọi là ngu-thành, chỉ đủ cho người ta dành lừa, hay người ta nói giối.

Người ta thường nói : « Không biết nói giối, không buôn bán được, cứ giữ thật-thà không ra ngoài được », ấy là lời nói của những người quen giao-lá hàng-chợ. Cho nên người nước ta ở với nhau không có đoàn-thể, ra đến ngoài không có người tin, cũng vì tập-nhiễm những câu hủ-bại ấy mà mới mất hẳn cái đạo chí-thành đi. Người có chí-thành mới là người có giá-trị, như ông tượng-gỗ, vàng son rực rỡ là đồ trang sức bên ngoài ; mà thần-minh cảm-ứng là cái chí-thành ở trong. Nếu không có thần-minh cảm-ứng, thì có ai thờ chi ông tượng gỗ.

23. — Hi-vọng

Làm người ai cũng có hi-vọng, như kẻ làm ruộng mong cho đến ngày gặt lúa, kẻ đi đường mong cho đến chỗ nghỉ chân. Công việc càng lớn thì hi-vọng càng cao, hi-vọng càng cao thì sự-nghiệp càng lớn. Cho nên người ta kỳ-vọng thì tự-nhiên quên hết mọi sự hiểm nghèo, mọi sự khó nhọc.

Người ta đang lúc thiếu-niên, lòng xuân phơi phới, như trăng mới lên, như hoa mới nở, sự đời chưa hề từng trải, tơ tưởng những sự cao xa. Đến lúc tuổi càng cao kinh-lịch càng lắm, bấy giờ mới biết sự đời là khó, tài mình là hèn ; chân đã mỏi đường còn xa, lòng hi-vọng cũng mỗi ngày một nhạt. Những người chí bạc tài hèn, bỏ việc nửa đường, hồ hết là vì những tình-cảnh ấy. Vì thế cho nên cái hi-vọng của mỗi người cũng không nên quá lượng. Cái hi-vọng mình đã lớn thì sự dụng sức mình cũng phải nhiều ; không chịu nhẫng một ngày, không chịu lui một bước, như thế mới trông mong có ngày đắc-chí được.

Cảnh khốn-nạn trong đời người không gì bằng thất-vọng. Như kẻ đi

đường, bóng triều đã xế, rậm đường còn xa, chân trời góc bể biết đâu là nhà. Có khi phải ngồi xuống bên đường mà khóc cái mệnh-vận mình, rồi sinh ra lòng vô-cùng oán-hối.

Thất-vọng là bởi mình không có chí mà cũng bởi cái hi-vọng quá cao, không xứng với cái lực-lượng mình, như thuyền nhỏ chở đầy, người yếu gánh nặng.

Việc hi-vọng của người ta thành-bại là bởi sức người mà cũng nhờ thời-vận. Xưa nay những kẻ làm nên vương tướng, chưa hẳn là những bậc thánh thần, còn bao nhiêu kẻ trầm-luân, chưa hẳn là những người tội-ác. Chẳng qua là hữu-tài vô-vận, hữu-vận vô-tài.

Việc thành-bại quá nửa về quyền mệnh-vận, song làm trai lập chí, có lẽ nào muôn việc cứ nhờ trời. Chí đã định phải làm hết sức mình, còn việc nên hay thua không kể đến ; chẳng oán trời cũng chẳng trách người, gọi là thuận-mạnh.

24 — Phản-đối

Lập-chí ở đời mỗi người có một chủ-nghĩa, chủ-nghĩa mình đã định, mình cứ chí mà làm. Những kẻ không theo một chủ-nghĩa với mình gọi là phản-đối. Chủ-nghĩa càng cao thì phản-đối càng nhiều, chí mình càng kiên thì phản-đối càng dữ. Nếu sợ người phản-đối mà bỏ cái chủ-nghĩa của mình đi, thành ra việc làm không có chủ-nghĩa và ra người vô-chí.

Những người làm việc không có chủ-nghĩa cứ xu-thời phụ-thế, gió chiều nào che chiều ấy, miễn là mình được có cơm ăn, có áo mặc, sống cho lâu giàu cho bền, chấp đạo-nghĩa mặc nhục-vinh, mạnh bề nào theo bề ấy thì còn có ai là người phản-đối.

Nếu mình đã giữ một chủ-nghĩa cho chính-đáng chẳng theo phe ai, chẳng khuất-phục ai, chính mình đã đứng giữa cái phong-trào phản-đối, bấy giờ phải lập-chí cho bền, giữ lẽ cho cứng, trải hết mọi bước chông gai, nếm đủ mọi mùi cay đắng, mới đến ngày công-thành danh-toại được.

Cõi đời là một cuộc chiến-tranh, đã đem thân vào chốn cuộc đời lên đã khó mà lui cũng khó.

(Còn tiếp theo)

Nam-định NGUYỄN BÁ-HỌC

BÀN VỀ CHỨC-PHẬN CÁC THÀY GIÁO TIỂU-HỌC

Những giống « hạ-đẳng động-vật » sinh con ra thời cứ mặc đó cho nhờ trời mà sống mà lớn, chớ chẳng có biết dưỡng-dục lấy con ; những giống « cao-đẳng động-vật » thời biết dưỡng-dục con, song đều không bằng người ta cả. Người ta chẳng những là biết dưỡng-dục một cách cao-thượng hơn, mà ngoài sự dưỡng-dục cho con sống con lớn, lại còn cầu cho con được một cái giáo-dục cho giỏi cho tài nữa. Vì bằng làm người mà không có giáo-dục cho có tư-cách thời dù có được dưỡng-dục hơn các con vật khác, song đối với chúng nó phỏng có hơn gì ? Bởi thế cho nên người ta mà được làm người ta ấy là nhờ có giáo-dục. Cũng bởi thế cho nên cái chức-phận nhà giáo-dục là quan-trọng. Nay các nhà cao-đẳng giáo-dục thời ta không dám bàn đến,

chỉ xin nói qua về tư-cách các bậc sơ-cấp giáo-dục, tức là các thầy giáo tiểu-học vậy.

Thầy giáo tiểu-học muốn cho trọn tư-cách phải đủ bốn điều như sau này:

1° *Biết trách-nhiệm.* — Cái mục-đích của giáo-dục là gì? Có phải là để gây dừng những đứa trẻ con sẵn có cái tính trời lanh-lợi kia cho chúng nó nhờ đó mà trí-thức được mở-mang, thân-thể được phát-đạt, đức-tính được tiến-bộ đó không? Từ xưa cho đến nay, đông, tây, nam, bắc không cứ ông đế-vương, ông hiền-thánh, kẻ văn-chương, người võ-sĩ, cho đến bạn buôn phường bán, bác thợ anh cày, có phải ai thủa nhỏ mà đi học cũng phải qua tay ông thầy giáo gây dừng cho không? Có phải xã-hội được văn-minh, quốc-gia được giàu mạnh, nguyên-nhân đều là nhờ ở giáo-dục mà ra cả không? Cái sức giáo-dục càng to-lớn bao nhiêu thời cái vui được làm nhà giáo-dục càng thỏa-sướng nhường ấy. Thầy MẠNH-TỬ nói rằng: « Được những người có tài có trí trong thiên-hạ mà giáo-dục cho là một cái sướng của người quân-tử ». Lời kia thực là đích-đáng vậy. Song le, cái hiệu-tích thật là lớn, mà được báo đền rất là ít; ngôi thứ của mình thời chẳng được cao, lương bổng của mình thời thu được ít; thế mà cái chức-nghiệp của các nhà giáo-dục lại là cái chức-nghiệp cao-thượng thượng-đẳng thời là ở cái gì? Có phải là được cái báo-thù về đằng tinh-thần rất to rất lớn, vì là mình đã vì loài người hết sức, mà làm cho quốc-gia cùng xã-hội được ích-lợi muôn đời đó không?

Nếu các nhà giáo-dục ai cũng biết cái thiên-chức của mình là cao-thượng, thời gắng công kiệt sức mà dủ lấy cái trách-nhiệm quí báu ấy, vất bỏ danh-lợi đi không thèm nhìn đến, nhác tai những tiếng thị phi không tính vào đâu, nuôi lấy một tấm nhiệt-thành mà làm việc, giữ lấy một lòng liêm-khiết mà dạy người, rèn lấy cái chí-tháo cho thanh-cao, đúc lấy cái tinh-thần cho cứng-rắn, đối với cái giáo-dục, đến khi gù lưng khô óc, tay rã thịt rời, phải làm bạn với cái chết, bấy giờ mới biết mỏi. Vì mà được như vậy thời cái công-đức của mình, há có ở dưới ai? Một mai quốc-gia được sương-thịnh, xã-hội được văn-minh, lúc đó luận-công hành-thưởng ra, thời thực là các nhà giáo-dục đáng được đúc tượng đồng, đáng được người mô-bái. Dù nhà chánh-trị, dù nhà quân-sự, so với ta đã công-đức bằng chưa?

2° *Tu đức-tính.* — Giáo-dục thời có phải là lấy sự đào-dã cái thiên-tính của đứa trẻ con làm chủ-nhãn không? Mà cái cốt-tủy của giáo-dục, thời có phải là gây cho trẻ nên người có đạo-đức không? Vậy, ông thầy giáo phải hết sức cung-hành thực-tiễn để làm mô-phạm cho học trò. Đức KHỔNG PHU-TỬ có dạy rằng: « Có đạo-đức thời có người theo » và « thân mình mà chính thời chẳng sai khiến mà người ta cũng theo; thân mình mà chẳng ra gì thời dù bắt ép người ta cũng chẳng làm. » Ông thầy giáo mà có đạo-đức thời cử-động một li một tí gì đều có thể làm mô-phạm cho đứa trẻ con được. Cái đạo-đức của ông thầy giáo mà cao thời học-trò tự-nhiên cảm-hóa được, càng ngày càng theo cả vào con đường thiện. Vì mà tính-hạnh ông thầy chẳng ra gì, lời nói với việc làm không có giống nhau, thời dù trí-thức có cao-thâm, tài-năng có tinh-sảo, ngôn-luận có hùng-bác, giáo-pháp có thiện-diệu đi chăng nữa, cũng không nên hiệu-quả gì; mà thường ông thầy hư dạy học-trò lại hay có nhiều cái hiện-tượng xấu-xa; cho nên làm thầy giáo thời cần nhất ở chỗ sửa-sang cái đức-tính mình, làm sao cho có thể làm mô-phạm được cho học-trò, dìu-dắt học-trò vào con đường thiện, như thế mới

đáng là một nhà giáo-dục chân-chính hoàn-toàn vậy.

Này, ta xem như cái qui-trình của trường Sư-phạm nước Tàu, luận đến cái yếu-chỉ tu-thân có nói rằng : « Ta phải gắng sao cho cung-hành thực-tiễn đề đủ làm thày người.» Lệnh giáo-dục của nước Nhật thời rằng : « Đức-tính thày giáo phải có ba điều này : 1º thuần-lương, 2º tín-ái, 3º uy-trọng. » Nếu ta lấy mấy điều đó mà tu-dưỡng lấy ta, thời ta cũng có thể trở nên ông thày giáo trọn-vẹn tư-cách vậy.

3º *Gây học-thức.* — Các ông thày giáo những trường tiểu-học, cũng chẳng phải có cái học-vấn cao-thâm, vì có cũng chưa thể dùng đến được. Song le, những các sự-vật phổ-thông thời phải cho biết rộng-rãi. Cho nên phải lưu-ý đến cái học phổ-thông rồi xem xét cái tình-sự của xã-hội, sao cho có đủ thường-thức, không đến nỗi vu-khoát.

Làm ông thày giáo thời phải có nhiều tri-thức, và thông-hiểu việc đời ; và phải nghiên-cứu các học-lý về giáo-dục, giảng-cầu các phương-pháp về sự dạy ; hoặc xem các nhà trường khác mà sửa-soạn cho trường mình được hoàn-toàn, hoặc xét kỹ tính-tình trẻ con để mà thi-hành giáo-dục. Vì chẳng thế thời không những mất công vô-ích mà cũng chẳng có thành-hiệu gì ; có khi trở-ngại cho sự phát-dục của trẻ nữa.

4º *Giữ sức khỏe.* — Cái sự-nghiệp giáo-dục, không phải là một sớm một chiều có thể tấu-công được. Nên lấy một cái trí kiên-nhẫn bất-bạt, để mà mong thành cái công trường-cửu. Thế thời nếu thân-thể không được mạnh khỏe, làm sao cho trọn được chức-vụ mình ? Cho nên làm ông thày giáo nên hết sức vào tri-thức và đạo-đức mà cũng nên giữ cho thân-thể được mạnh khỏe mới được.

Thân-thể mà yếu đuối thời chẳng những là không kham nổi các công việc nhà trường, mà thày giáo lúc nào cũng ẻo-lả u-uất thời cũng không hay dạy cho học-trò sự hoạt-bát được. Vả con ma bệnh-tật nó ám bên mình, bỏ vắng nhà trường tất nhiều buổi, thời để tổn cho học-trò, để lụy cho bạn đồng-sự, mà hại đến sự-nghiệp của học-trò nữa.

Không cứ gì ai, lúc ngày thường đều nên giảng cái cách nhiếp-sinh, cần vận-động luôn, rèn tập thân-thể, để cầu cho mình được mạnh khỏe. Nhưng người thường không đoàn-luyện cho khỏe mạnh thời chỉ hại cho một mình mình thôi, chớ ông thày giáo mà không đoàn-luyện cho khỏe mạnh thời hại lây cả đến học-trò vậy.

Bốn điều đó đều là những điều phải cần có dự-bị để hết chức-phận mình, mà chức-phận thời không ra ngoài bốn mối sau này.

1º *Đối với học-trò.* — Cái đạo của ông thày giáo đối với học-trò thời có bốn :

A) Công-bằng. — Vì rằng : ông thày giáo thi-hành các phép-tắc trong nhà trường, nếu mà hơi có thiên-lệch một chút thời chẳng những để sinh ác-cảm, lại mất cả lòng tín-dụng của học-trò đi nữa. Song, cái tính yêu học-trò giỏi thời làm ông thày nào cũng có, cái đó cũng là một cái bệnh khiến cho học-trò giỏi thời sinh kiêu-ngạo, học-trò kém thời sinh ra ghen-ghét, lưu-tệ thật là lớn, cho nên phải giữ-gìn mới được.

B) Từ-ái. — Ông thày giáo đối với học-trò thời phải như người cha hiền người anh khá, đối với lũ con dại lũ em ngây, yêu thương, bênh-vực, không có nên khắc-bạc quá, không có nên tiếc ân quá, khiến cho học-trò đối với thày chẳng khác chi thằng tù đối với ông đội khám.

C) Hoạt-bát. — Buổi dạy học mà ông thày giáo hoạt-bát, thời học-trò không thấy khó-nhọc ; lúc giờ chơi mà ông thày giáo hoạt-bát thời hoặc cùng với

học-trò cùng chung trò chơi, hoặc họp học-trò lại nói truyện có thú-vị khiến cho học-trò mến thầy mà thích đến nhà trường.

D) Cần-khẩn. — Sốt-sắng dạy học, chăm-chút hỏi-han, vì có điều gì có ích cho học-trò thời hết sức vì học-trò mà làm, thời học-trò dễ tấn-bộ, mà tình-nghĩa thầy trò lại càng đằm-thắm. Chớ cứ lười trễ mà thường bỏ thiếu buổi học làm cho thiệt hại học-trò.

2º *Đối với nhà trường.* — Cái đạo của ông thầy giáo đối với nhà trường thời có hai :

A) Sốt-sắng làm việc. — Trong một cái nhà trường rất là nhiều việc, làm ông thầy giáo nên coi việc nhà trường như việc nhà mình, không nên so-sánh rằng việc này khó cho mình, việc kia thiệt cho mình, lợi hay hại, dễ hay khó cũng hết sức mà làm, thời nhà trường được phát-đạt vậy.

B) Giữ-gìn qui-tắc. — Đến qui-tắc thời ai ai cũng nên tuân-theo, đừng có ra ngoài, vì qui-tắc một phen đã vất bỏ, thời trật-tự rối-loạn mà công việc nhà trường không còn biết đâu mà chỉnh-đốn nữa.

3º *Đối với xã-hội.* — Ông thầy giáo không những là dạy-dỗ trẻ con mà thôi, còn phải chỉ-đạo cho xã-hội, xã-hội có cái gì là tệ thời phải tìm cách mà kiểu-chỉnh lại, xã-hội làm cái gì có công-ích thời phải đem đề-xướng ra, mong cho xã-hội được cải-lương, quốc-gia được tấn-bộ, đó cũng là một cái thiên-chức làm ông thầy giáo đó.

Việc giáo-dục của nước ta, nhờ Nhà-nước mới mở-mang cho, thế mà người tuổi đã lớn rồi, mười kẻ thất-học mất chín ! Làm ông thầy giáo bây giờ lại càng phải lấy cái trách-nhiệm làm nhà giáo-dục cho xã-hội mà tự-nhiệm : mở-mang phong-khí, thâu lấy cái văn-minh mới vào, sao cho người trong xã-hội mình đủ cái tri-thức phổ-thông, thời xã-hội được nhờ mình mà ích-lợi biết đến thế nào ?

4º *Đối với quốc-gia.* — Đến như ông thầy giáo đối với quốc-gia, quan-hệ lại càng mật-thiết mà rõ-rệt lắm. Vì ông thầy giáo là người giáo-dục cho quốc-gia cái bọn quốc-dân tương-lai, cái trách-nhiệm rất là nặng-nề. Mai sau cái tri dân cao hay thấp, cái đạo-đức của dân hay hay dở, cái thân-thể của dân mạnh hay yếu, đều là ở tay những ông thầy giáo bây giờ gây ra cả. Cho nên ông thầy giáo mà có lòng sốt-sắng làm việc, thời là hết đạo đối với quốc-gia vậy. Lại phải đề-xướng cái tinh-thần ái-quốc cho bọn học-trò khiến cho hết thảy đều có đủ cái tư-tưởng làm quốc-dân, để tương-lai này có thể vì quốc-gia mà hết nghĩa-vụ được, thời công-lao năng-lực của ông thầy giáo chẳng to chẳng giỏi lắm ư ?

Cái tư-cách cùng chức-phận của các nhà tiểu-học giáo-dục như thế cũng là tạm đủ. Nay còn có hai điều muốn nói với bà con. Hai điều ấy là gì ? Chỉ xin bà con cái lúc đi làm việc đó, chớ có ngại cái lương-bổng ít-ỏi, mà cũng đừng chán những chốn tỉnh sép nhà quê, thế mà thôi. Cái sự-nghiệp giáo-dục là cao-thượng ưu-mĩ, lương-bổng chỉ nên đủ dùng, nếu chí-vọng quá xa-sỉ không chịu được những cách đạm-bạc thời không phải là một nhà giáo-dục chân-chính vậy. Còn ở những nơi tỉnh sép nhà quê mỗi nơi có một cái thú riêng, càng có ti-ích cho thân-thể đạo-đức của mình nhiều lắm. Vả lại ở những chốn tỉnh-mịch, nếu mình có tu-luyện cái gì cũng dễ tốt cho mình, mà những nơi chất-phác mình có truyền-bá những cái ý hay lý phải cũng dễ thành-hiệu. Các nhà giáo-dục không giống như các kẻ tầm-thường mà chỉ tính lương-bổng và kẻ chợ nhà quê vậy.

Hội-Nhân

VĂN-UYỂN

CỔ-PHẦN LÝ-KHÚC

古汾俚曲

Của quan TRẦN-MỸ *tuần-phủ Hà-nam (tiếp theo)*

16 — Đề Vũ-diện Võ-thị Miếu (1)

Miếu Võ-nương đây có phải ư?
Truyền-kỳ chuyện cũ dễ truyền hư?
Đèn xanh tỏ bóng khuây cơn nhớ,
Nước đỏ dầm châu rửa án ngờ.
Thân gái chính-chuyên hầu hóa đá,
Lòng chàng nông-nổi vội lìa tơ.
Thủy-cung mặc chuyện không hay có,
Một tiếng thơm rơi mãi đến giờ.

17 — Vịnh Thúy-Kiều (2)

Cái phận hồng-nhan dễ một Kiều,
Mười lăm năm ấy biết bao nhiêu!
Đôi vai chữ hiếu đà mang-mề,
Một món tơ tình vẫn lất-leo.
Oán cũ trả xong gươm sáng nhoáng,
Nợ kia chút sạch nước trong veo.
Cảo thơm đã bén tay tài-tử,
Nức tiếng khen cho gái đủ điều.

18 — Vịnh Trần Kiều-Liên (3)

Tằng-lớ mần chi hử chị Liên?
Nỡ đem mà phấn ủ mầu thiền!
Trên am cúng quả làm tôi Phật,
Trước dĩ vin hoa ướm khách Tiên.
Viện sách đi về chùa có vãi,
Phòng trai khép mở cửa không then.
Vì ai khéo tính cho nên chuyện,
Trăm quạt trăm năm một tiếng khen.

---

(1) Miếu Võ-thị ở huyện Nam-xương. Tích này chép ở trong *Truyền-kỳ* nước ta, bên Tàu thời phê rằng «man-lục». Các phường-chèo thường hay diễn sự-tích này. Miếu Võ-thị xưa nay đề-vịnh cũng nhiều, nhưng đều bắt lỗi Trương-sinh là người đen bạc, tức như bài đức Thánh-tôn câu kết rằng: «Qua đây mới biết nguồn cơn thế, khả trách chàng Trương dạ phũ-phàng», như thế thì cũng quá khắc. Khi Trương-sinh mới về mà thấy con nói thời lấy làm nghi là phải. Duy Trương-sinh không có xét kỹ, vội giận mà bỏ vợ ngay, thời chỉ nên trách Trương-sinh là người bụng dạ nông-nổi mà thôi. Võ-thị khi đã chầm mình rồi, có truyền-ngôn lại rằng: một người con trai bị đắm thuyền ở khúc sông ấy, ba ngày rồi lại giở về, lúc gần chết, nói với người nhà rằng khi đắm, may được bà Võ-thị cứu cho, rồi rẽ nước đưa lên, thì bà là con vua Thủy-tề. Chuyện ấy tự-hồ hoang-đường; nhưng mà lấy nghi truyền nghi thời cũng không nên bác đi; cho nên câu kết thơ này chỉ khen nàng ấy là người tiết-liệt mà thôi; còn như sự dưới thủy-tề có hay không, chưa nên bàn làm gì.

(2) Các tiểu-thuyết chép những kẻ giai-nhân tài-tử mà bất-ngộ cũng nhiều; chuyện phong-tình-lục chẳng qua là một bài tiểu-thuyết mà thôi; từ khi có quan Tiên-điền nước ta lấy chuyện ấy diễn nôm để ngụ ý mình, ý-tứ khôn-ngoan, nói-năng phải thể, người nước ta ai xem đến cũng lấy làm cảm-động. Nàng Kiều được ngài mà thêm danh giá ra, cũng là một cái hạnh-phúc lớn; thế mà những người đề-vịnh chuyện Kiều, dù khen hay chê chỉ một Kiều mà thôi, không nói gì đến người làm chuyện, cũng ra vô-tình quá. Bài đề này, việc nàng người dịch chuyện thiều nghĩ như thế, dám hỏi những bậc cao-minh?

(3) Phan Trần, nguyên là người tiểu gái và thầy đồ trọ học phải lòng nhau; khi đã có thai thì người tiểu bắt thầy đồ đi lấy thuốc tẩy thai, nhân gặp một người bạn học là họ Trương tri-huyện Kim-lăng, liền bày ra làm trăm quạt kết duyên từ lúc chưa đẻ, cho lấy nhau, và gỡ tội cho người tiểu; tự đấy liền thành một chuyện hảo-nhân-duyên. Nghe nói người diễn nôm chuyện này là đàn-bà hay chữ nước ta. Trong chuyện bênh người tiểu gái là người chín chắn, mà cho thầy đồ là người đại gái. Cho nên thơ này bắt lỗi lại nàng Kiều-Liên, cũng là vi-ý Châu-bà tác lề vậy.

19 — Mừng quan Án-sát hưu-trí Lê đại-nhân đăng thất-thập-thọ (1)

Từ ngày ông được cáo về luôn,
Ngon rượu ngon cơm giấc ngủ ngon.
Làng Bạch xum-vầy và cố-lão,
Buồng Đào âu-yếm mấy hầu non.
Lên câu quốc-ngữ khi mừng bạn,
Rìu tiếng cò-quăm lúc bỗng con.
Tuổi đã bảy mươi còn khỏe-khoắn,
Chúc ông sống đẫy một trăm tròn.

20 — Họa thơ ông giáo Phấn lục-thập tự-thọ (2)

Mừng xuân vừa hát lại vừa bò,
Thủng-thẳng trời đem tuổi đến cho.
Lụa tấm thóc bồ tay sẵn có,
Kinh sôi sử nấu dạ còn no.
Giải cờ nhất-thắng càng lên nước,
Vai múa tam-đa cũng đủ trò,
Rìu-rít con khôn cùng vợ khéo,
Rung đùi ngất-ngưởng phật vô lo !

21 — Tiễn Hà-niết Đỗ Ngân đại-nhân trí-sĩ (3)

Bề hoạn trèo qua lớp sóng giồn,
Sế trưa quảy hốt gác sườn non.
Sáu tuần tóc đã thay mầu mực,
Một tập thư vừa gửi bệ son.
Ấp mới cỏ hoa ưa chủ cũ,
Thú quê rau gỏi bén mùi ngon.
Còn đây phúc quả về sau nữa,
Tươi tốt cây hoè gốc đã von.

22 — Mừng tân-học cử-tú liệt-sĩ

Mừng cậu khoa này đỗ « díp-lôm »,
Đương khi chữ hán cuối chiều hôm.
Văn-chương đã đáng xây lầu phượng,
Danh-giá nào thua vót bảng hùm.
Học có sẵn đường thêm mới-mẻ,
Nước không đến nỗi chịu già-tom.
Ai ơi xin chớ khoe nề-nếp,
Đình đám ăn nhau tiếng các thòm (4).

23 — Mới đổi phép thi gửi cho tú-sĩ ở làng

Thi cử khoa này gấp đến nau,
Việc ta ta trước liệu cùng nhau.
Sách văn đoạn một quen tay viết,
Quốc-ngữ bê ba uốn lưỡi mau.
Sử-ký lâu thông Nam với Bắc,
Bản-đồ ngó kĩ Á cùng Âu.
Phép thi đổi-trác còn nhiều lắm,
Chớ có ngô-nghê rặt giọng tầu.

(Còn tiếp theo)

VĂN-XUÔI

Đêm hè nhớ bạn

Một vừng trăng vằng-vặc lơ-lửng như chiếc gương trời ngang trước mặt, ngồi bên án sách trông ra, như là cái gương trời kia chiếu thẳng soi mình. Thoang-thoảng gió đưa lay động những cành cây sấu lá ùm-tum lả vào trong gác, nhìn vào tường như một tấm tranh vẽ nhặt-nhặt thưa-thưa, những nét mực đen, thoát nom không ngờ rằng bóng lá cây được ánh sáng của trăng mà in thành bức ảnh đẹp-đẽ nhường kia ! Chống tay lên trán nhìn ra đường cái, kiả hai bên

---

(1) Quan án hay làm thơ nôm ; bài thơ tự-thọ có câu rằng : « Hầu non bốn chị sinh năm một, bạn cũ mười anh thác mất năm. » Lại có bài thơ mừng bạn xin về hưu, câu mở rằng: « Có anh nó đuổi cũng không đi ». (Có ông quan không bằng lòng với quan công-sứ, nhân việc nhà xin về 15 ngày, quan sứ nói rằng : « Cho ông về luôn một thể »).

(2) Ông giáo lấy vợ phố hàng Đào, nhà giàu, nhiều con, tính hay đánh cờ, người béo lớn.

(3) Quan án làm quan thăng giáng luôn-luôn, mới đến lúc sáu mươi tuổi, làm án-sát sáu tháng thời phải về hưu-trí, về ấp Thái-hà, khi có giấy hưu-trí thời mới xin phong-tặng.

(4) Câu kết lấy chuyện các cô đào mà thí-dụ với các ông cử tú chữ nho.

gạch lát, ngần sáng vì trăng trời, ngần tỏ vì đèn điện, mà chỗ này bóng cây rợp tối lại chỗ kia bóng nhà che râm, mà bóng người đi bóng xe lại ở cả giữa đường như đèn chạy quân rầm tháng tám. Những cái xúc vào trong con ngươi, mắt càng ngắm mà càng cảm : nghĩ đến câu « trông thấy » mà lại thêm nhớ người xa.

Người xa là ai ? Có phải là anh THANH-TÂM, vốn cùng với ta quen biết từ bốn năm nay, họ tên không muốn cho đời rõ, mà cũng chỉ đi lại với ta bằng hai chữ « Thanh-Tâm ». Hơn một năm nay cùng nhau cách-biệt, kẻ chân trời góc biển, người phố lớn thành to, THANH-TÂM hiền-huynh mảng vui vì đạo mà tựa hồ như quên mất hẳn bạn yêu. Cái đạo của bạn ta kia nào có phải là yếm-thế ở đâu, mà gửi mình những chốn cảnh vắng am thanh ? Cái đạo kia là đạo lạc-thế, thường ngỏ với ta những tôn-chỉ định đem ra chữa thuốc cho đời, mà cớ sao lại không muốn cho người biết đến ? Ôi ! thánh-hiền xưa, những bậc cao-minh như KHỔNG-TỬ, MẠNH-KHA, những bậc thanh-khiết như KHỔNG-MINH, Y-DOÃN, cũng còn phải qua Vệ đến Tề, giúp Hán phù Thương, khổ tâm-thân mà cầu cho đạo được hành. Đời đến ngày nay mà sao bạn ta lại không sốt-sắng, chen-chúc vào trong xã-hội, tìm lấy cách mà thi-hành cái bụng tốt lòng hay ? Mà đối với ta hình như nhạt-nhẽo nhường vầy ?

Thôi, ta dám biết, cứu đời không phải là sự dễ, tế chúng chẳng đã là việc thường, tất phải mài dũa cái óc, chau-dồi cái thân, sao cho tài-đức hòa hai, bấy giờ mới dám cả gan phô mặt. Hoặc cũng không cần gì danh hay lợi, cứ tiềm-tàng sự-nghiệp, đem cái đạo hay mà giúp đời, chẳng cần gì đời biết đến mình, cốt không sai với cái nghĩa-vụ thánh-thần, mà tránh cái tiếng đời đố-kỵ, để cho lòng được thư-thái ; chỉ ở đời mà thân chẳng tỏ, đạo ở đời mà hình không lộ, thực là cao-thượng vậy thay !

Mỗi người một chí, cốt sao đừng phụ cái tiếng « làm người ». Buồn thay cho ai, bạn hiền xa muôn dặm, cuộc thế buổi thường gần, kẻ yêu người ghét chan-chan, bề lợi rừng danh ngan-ngát, so với ai nào đã được bằng ai, đối với thế cũng chưa rằng ích thế. Ngọn đèn le-lói, bóng trăng tỏ mờ, cảnh trước mắt những ghẹo trêu, bước mai sau còn rắc-rối. Nhớ khi nào cùng nhau một chiếc thuyền trên mặt nước hồ Tây, tiếng chuông Chấn-Võ, dịp trống Yên-thôn, nước gợn như vảy rồng, trăng in lồng đáy nước, cùng nhau những lúc gió vo-vo, tưởng-tượng quân bà TRƯNG xưa đánh giặc hãy còn tiếng reo tới tận bây giờ, sen hồ đưa ngát, khen hoa quân-tử sinh trong bùn mà chẳng nhuộm bùn ; tiếng gà quanh xóm, tiếng chó men làng, tiếng người đi lại trên đê, những thương sót cho nhân-tình thế-thái, nhìn vào chùa Chấn-quốc mà nhớ đức Như-Lai. Mà tới nay cảnh này, mình một ai, tiếng xe tay, xe máy, xe ngựa, xe bò, tiếng người đi, người lại, người trẻ, người già, tiếng chầu-văn bên điện, tiếng phụ bóng bên đền, những lần trang quyển *Luận-ngữ*, quyển *Mạnh-tử*, quyển *Kinh Lễ*, quyển *Sử Nam*, mà tưởng nhớ người xa, lai-láng bề lòng.....

THỊNH-CHÂU.

Lối danh-lợi

Chử danh nghe lọt, có người phải rửa tai, đều lợi thoáng qua, có người phải ngoảnh mắt ; thế thời danh lợi nỏ hai lối xấu nhứt ở giữa đời hay sao ? Có phải đâu. Danh lợi là hai mùi gây buộc người đời, chỉ những bậc như Hứa-Do, như Quãn-Ninh, cố ý trốn đời, mới phải tránh mình cho khỏi mắc vòng kia, vương mùi nọ.

Còn vạn ức triệu người ở trong bốn bể, chẳng những là thấy múi mà phân, lại còn phải kiếm tìm, sợ e không gặp lối.

Danh là cái gì ? Danh như cái hương của hoa, mỗi bông thơm mỗi cách, có người vì học mà đắc danh, có người vì đức mà đắc danh, có người vì tài-năng mà đắc danh, có người vì trung-hiếu mà đắc danh. Vậy cái danh là một phần thưởng vô-hình của trời cho, để rỏ cái công-phu của người nào đã dùng đến. Lợi là cái gì ? Lợi là như cái trái của cây, mỗi trái ngon mỗi thức, hoặc lợi liền trước mắt, hoặc lợi về ngày sau, hoặc lợi cho mình, hoặc lợi cho chúng. Vậy cái lợi lại là một phần thưởng hữu-hình của trời cấp, để cho thấy cái thành-hiện của ai đó đã trông vào.

Lấy hai phần thưởng mà so, thì cái danh vẫn khó được lắm. Thế mà đến cái lợi lại càng khó hơn, vì danh là như cái hương, trong trăm ngàn người, chỉ một đôi người chuộng ; đến lợi lại là như cái trái, nào lớn, nhỏ, dại, khôn, ai nấy cũng đều tìm kiếm cả ; lợi to có người sức lớn, lợi nhỏ có bọn sức hèn ; nếu lơi một lai, chậm một bước, đã thấy thua sút với người rồi.

Vậy mới biết cuộc danh lợi người người đua ruổi, đều đắc thiệt danh thiệt lợi, nào có phải dễ đâu ? Khó bao nhiêu, gian-giảo lại bấy nhiêu, cũng vì tham hư-danh cầu tiểu-lợi.

Than ôi ! Danh lợi là mùi lạ của chua ai nỏ muốn, chỉn lo tìm không nhằm nẻo đó mà thôi ; của giữa đời trời đất có riêng ai, hãy đua nhau mà chớ giành nhau, hễ đã cày kịp chầy sao cũng gặt.

Kìa, tu danh đốc thực, kiến-lợi tư-nghĩa, phép Thánh trước Hiền xưa đã dạy, chỉ tự mình phải bền chí dày công.

Bông tốt, trái sây, vẫn nhờ trời đất phú cho, song gốc tự tay người, có trồng vun nhằm cách đả.

UNG TRÌNH.
Quốc-tử-giám tế-tửu (Huế).

Tính người hay cờ bạc

Ai cũng cho cờ bạc là một việc chơi vô-ích, dã hại tiền của, lại mất phẩm người, cho nên nói đến nết xấu cờ bạc, dầu người nào máu mê cờ bạc cũng phải tâm-phục là mình chơi xằng.

Nhưng tôi xem những người hay đánh bạc, cũng vẫn có thày nghiêm, cha dữ đòn vọt đánh mắng, vợ hiền, bạn giỏi khuyên dỗ can ngăn cả, thế mà có mấy người chừa được đâu, là tại làm sao ? Cho là tham mà đánh bạc, thì sao có người rất phú-quí mà cứ tìm mấy tay chơi kiết mà chơi ? Bảo rằng quen tay, thì sao như ngựa là giống quen chạy mà chạy đến giăm thôi dường thì ngựa cũng chán, chim là giống quen bay, mà bay mãi cũng có lúc chán ? Duy có đánh mất cửa mất nhà, hết đêm này sang đêm khác, hết ngày này sang ngày khác, hết tháng này sang tháng khác, mà vẫn không chán ; thế là làm sao ?

Nhân thế tôi nghĩ rằng việc đánh bạc là một việc tính trời sinh ra tự-nhiên, không đừng được mà phải đánh, tính ấy là tính gì ? Là tính hiếu-động.

Hãy xem các loài động-vật như con gà, con chó, nếu nó không ốm đau, tất phải bay nhảy đi lại luôn mãi. Thế là tính tự-nhiên của loài động-vật.

Người cũng là một loài động-vật qui mà thôi, tri-thức nhiều hơn vật, cảm-giác mau hơn vật, cứ theo tính tự-nhiên, tất cũng phải hay động hơn vật. Thế mà ăn dưng ngồi rồi, mưa rầm gió bấc, không kiếm việc gì để động đậy luôn trí khôn hay là sức

khỏe, cho thuộc tính hiếu-động ấy, ai chịu được.

Đánh bạc thì mắt phải trông luôn, tai phải nghe luôn, tay phải cất nhắc luôn, trí khôn phải lo nghĩ luôn, như thế thì trong lúc mưa rầm gió bấc, ăn dưng ngồi rồi, mà muốn kiếm lấy một việc hay động, không gì bằng đánh bạc.

Nhưng đã biết rằng đánh bạc thì hại như thế, mà tính người ta thì hay động như thế. Thế thì muốn tuyệt đánh bạc, tất phải kiếm một việc có ích để thay cho nó trong lúc mưa rầm gió bấc, ăn dưng ngồi rồi mới được.

Tôi thường thấy nhiều người vốn hay đánh bạc, đến lúc đã mắc phải thuốc-phiện thì chừa hẳn, chỉ bảo là nghiện hút keo cúi mà thôi đánh bạc là không hết lẽ. Chẳng qua là đã có cái tẩu, đèn, tiêm, móc, để thay công việc cho là bài bát khóa đó mà thôi. Nhưng thế thì tránh ông Bả, ngã ông Ba-vì, nghiện thuốc lại hóa quá đánh bạc.

Thử nghĩ cho đến lẽ, thế-gian thiếu gì việc chơi có ích, trồng cây lam ruộng, buôn đông bán tây, không kể, ngay như xem sách, tập chữ, đi săn bắn, tập thể-thao, học nhạc-ca, tập võ-nghệ, xem sông núi to, ngắm phong-cảnh lạ, chế các đồ dùng, nghĩ các máy móc, đều là những việc hay động mà lại có ích cả, dám khuyên các người hay đánh bạc, chọn lấy một việc nào vừa sức mình, đẹp ý mình mà thay cho việc đánh bạc là hơn.

Nam-thạch Trịnh Xuân-Nham.

Mừng hội hòa-bình

Sau cơn mưa thảm gió sầu, thời buổi trời quang mây tạnh ; hết lúc phong-trần biến-cố, đến kỳ thái-vận hanh-thông ; lẽ tuần-hoàn trong thế-giới xưa nay ai người chẳng biết ?

Cuộc Âu-chiến trời long đất lở từ tháng một năm ngoái là bắt đầu tan ; hội hòa-bình bể lặng sóng êm, đến tháng bảy năm nay là khởi-sự mở.

Hai châu Á-tân Lô-liên của nước Pháp, hơn bốn mươi năm, con mẹ xa nhau, nay loài giặc đã hai tay nâng trả. Cái nhục nước Pháp ngày xưa phen này rửa được với hoàn-cầu. Ấy chẳng phải là lòng trời xui ra đó ư ?

Nước Đức ỷ mình cậy sức, đeo một cái mơ-mộng cuồng-vọng từ khi thắng Pháp cho đến lúc thua Pháp, — (là từ năm 1870 cho đến năm 1918) — chỉ lăm-le hùng-bá cả toàn-cầu, thống-nhất suốt thế-giới, mà không tính trước nghĩ sau. Mồng một tháng 8 năm 1914, thốt-nhiên vin lấy một sự rất không hợp lẽ, mà khơi nên một cái chiến-trào, bồng-bồng bành-bành, cao không biết mấy mươi muôn trượng ; kể từ ngày có lịch-sử đến giờ suốt Đông đến Tây từ Nam sang Bắc, chưa có cái chiến-trào nào to lớn như vầy ! Khi xuất-quân dủ bề ngoài nước Đức thanh-ngôn lên rằng vì nước Áo mà báo cái thù nước Tấc ; song chính thực bản-tâm chỉ là ghen-ghét nước Pháp mà tìm lông bới vết rắp toan giầy xéo cho tan. Vì nước Pháp là một nước văn-minh trung-tâm-điểm của thế-giới, nước Đức muốn làm chúa-tể thiên-hạ, mà còn có nước hơn mình thời chẳng khác gì cái đanh trước mắt. Mới nhân chuyện không đâu mà gây ra để cố hết sức nhổ cái đanh trước mắt ấy đi thời mới thỏa được. Một ngày còn nước Pháp thời là một ngày vướng cho nước Đức, nước Pháp còn ở đấy thời nước Đức có muốn thi-hành cái dã-tâm của mình cũng chỉ kêu khổ mà thôi. Có lẽ cũng tại thế mà đất nước Pháp mới thành ra cái trận-địa đón cái chiến-trào kia bắt đầu từ đấy vậy.

Thế nhưng mà đạo Trời chí-công, có lẽ nào lại để cho cái nòi không còn biết Công-lý là chi, nói ra miệng rằng :

« Chỉ biết có sắt có máu » kia, thắng được cái nước có Nhân-đạo, chuộng Công-lý này. Nước Pháp mà thắng nước Đức thật không đợi đến bây giờ mới biết.

Ngày nay hạn đình-chiến đã hết, hội Nghị-hòa ở Versailles đã bàn xong các khoản, tờ hòa-ước đã đưa sang cho Chánh-phủ Đức ký-nhận; ngày 29 Juin trước có điện truyền khắp thế-giới rằng hòa-ước đã ký rồi, Đức đã vâng-mệnh thuận-nhận cả các điều, vì cũng chẳng còn hơi thừa sức sót đâu nữa mà chẳng qui gối mà niệm tay.

Cái ngày vẻ-vang kia, đuốc Công-lý sáng bừng trong vũ-trụ, đèn Văn-minh soi khắp bề năm châu, tiếng pháo Tự-do nổ vang trong hoàn-hải, bóng cờ Nhân-đạo bay rợp mặt địa-cầu, thật là một ngày đáng mừng. Mừng là mừng rằng cái gương nước Đức treo đấy, chắc từ nay mà sau chẳng còn dân nào nước nào còn dám dỗ-dại như dân Đức nước Đức nữa vậy. Thế-giới hẳn đã có hội-đồng liệt-quốc thời vĩnh-viễn hòa-bình, loài người ta ăn ở với nhau rồi ra êm-ái nhỉ? Nghĩ như thế thời lại nhớ câu phong-dao nước mình rằng:

Vì ai cho có áo thâm,
Vì ai có quả có mâm bán hàng?

mà ta hỏi ta rằng: vì ai mà ta rồi ra được hòa-bình êm-ái? Ta hỏi thế, ta lại trả lời ngay rằng: « Hết thảy là vì nước Pháp cả ». Ta trả lời như thế mới là đích-đáng, những người có cái nhỡn-quang ở thế-giới quyết không ai là chẳng trả lời như ta, mà lời ấy là lời đo-trung vậy. Cứ xét kỹ ra mà xem, nếu không có nước Pháp thời hồ-dễ mà đã ai ăn thịt được giống Điêu-đương, cái giống hung-tàn ấy quyết có thể đè nén được thiên-hạ, bắt loài người đều phải hóa dê trâu vậy.

Sao vậy? Nghĩa là cứ lấy cái võ-lực mà đối với võ-lực, thời chưa nước nào bằng nước Đức, về đường vật-chất nước Đức so với các nước thời nước Đức gấp mấy mươi lần. Song, tiếc cho có dũng mà lại kém mưu, có vật-chất mà lại kém trí-thức, cho nên dũng cũng thành vô-dũng, càng vật-chất càng khổ-thân nhiều. Nước Pháp mà chọi nhau với nước Đức là lấy mưu mà chọi lại dũng, lấy trí-thức mà chọi lại vật-chất, nói cho phải thời lấy Công-lý mà thắng Võ-lực, lấy Nhân-đạo mà thắng Cường-quyền.

Tiếng rằng Đồng-minh cũng có tham-dự việc chiến-tranh với các nước Trung-ương, mà chủ-trọng ra chỉ là nước Pháp đánh nhau với nước Đức. Vì nước Đức để hết sức vào mà định diệt nước Pháp; phỏng nước Pháp mà không có mưu cao trí giỏi thời sao mà đội trời cùng dân Nhật-nhỉ-man được?

Hoặc có kẻ hỏi rằng: nay qui-công vào cho nước Pháp cả, cũng là phải lắm rồi, song sao không xét công cho nước Mĩ nước Anh?

Vẫn biết rằng kể các nước Đồng-minh thời chỉ có nước Mĩ và nước Anh là giúp được nước Pháp nhiều thực. Song giúp là giúp của-cải cùng quân-lính khí-giới mà thôi. Những sự giúp đó cố-nhiên là qui rồi. Song thiết-tưởng cũng phải có thế nào nữa thời mới được hoàn-toàn. Nhờ có các bậc Tướng-soái thần-xuất quỉ-một của nước Pháp dùng những cái chiến-lược anh-hùng, những cái kế-hoạch oanh-liệt mà lợi-dụng cái của-cải cùng quân-lính khí-giới của nước Mĩ nước Anh, thời mới được nên công, chớ của-cải, quân-lính, khí-giới ấy mà không có quan Thống-soái Joffre cùng quan Thống-soái Foch hai bậc cái-thế-hào-kiệt kia thời đã thắng được giặc chưa?

Này một trận trên sông Marue, thế giặc gớm-ghê thay! ai chẳng phải kinh-hồn mà mất-vía! Thế mà quan Thống-tướng Joffre đánh cho một trận như búa bổ vào đầu, làm cho nhuệ-khí giặc nhụt đi từ đó.

Cái búa thứ hai mà giáng cho đến phải cầu hòa là búa của quan Thống-tướng Foch. Hỡi ơi! hai bậc đại-ân-nhân của thế-giới kia, là của nước nào có? Có phải là hai ông quan-võ lớn của nước Pháp đó không? Vậy ta nói rằng hết thảy là vì nước Pháp mà thế-giới được hòa-bình thực không phải là quá-đáng vậy.

Xưa nay các bậc anh-hùng thời ai cũng là giầu lòng nhân-đạo, kẻ chẳng qua thương người đời bị kẻ cường-bạo mà tuốt gươm ra trừ hộ cho người. Mà anh-hùng nước Pháp như quan thống-soái Foch thời cái lòng từ-bi bác-ái thương sót sinh-linh, lại càng lai-láng mênh-mông. Trong các báo tây có thuật truyện rằng: « Trước ngày 11 tháng Novembre năm 1918, quân Đức xin đình-chiến, cụ lớn Foch có đến chơi cụ lớn Clémenceau. Hai cụ lớn bàn chuyện cùng nhau, cụ lớn Clémenceau hỏi rằng: « Thế ông còn muốn đánh nữa không? » Cụ lớn Foch đáp rằng: « Nếu bây giờ mình chịu phí đi mười vạn quân nữa thời nước nó đến tan-tành. Nhưng mà thôi, nó đã xin đình-chiến cầu-hòa thời đánh làm chi nữa. » Ôi! cái bụng người anh-hùng kia, bể sâu khôn ví, trời cao khôn bì, có cái lượng ấy mới là anh-hùng vậy.

Nay thế-giới được hòa-bình thật là nhờ công những bậc đó, thật là nhờ ơn nước Đại-Pháp đã sản-xuất được những bậc quán-thế-anh-hùng như vậy.

Nay được tin vui-vẻ tạm gọi vài giòng, tỏ lòng hoan-hỉ, lời dù hết mà ý còn nhiều, văn dẫu rờm mà tình rất đậm. Ta là dân Nam-Việt, nhờ nước Pháp đỡ đầu, nghĩa anh em, đạo sư-đệ, đồng-bào ta cũng có phần trong cuộc chiến-thắng này! Chắc từ nay yên việc binh-đao, vui thú hòa-bình, ta sẽ được nhờ nhiều điều ích-lợi nữa. Vậy mừng cho thế-giới mà mừng cho nước Pháp, mừng cho nước Pháp mà mừng cho chúng ta.

Một mai như gấm như hoa,
Trăm điều cũng bởi hội hòa mà nên.
Nghìn năm xin chúc cho bền,
Cái thang « nhân-đạo » bước lên từ rầy.
Rồi ra còn lắm sự hay!...

Mãn-Châu.

DỊCH HÁN-VĂN

Bài trâm « Sợ »

(*Của ông* Liễu Tôn-Nguyên)

Người không biết sợ, làm gì được đâu. Biết sợ là tốt, hết sợ là đầu

Phải nhỏ giại gì, mà khờ không nghĩ; vạ đến mới sợ, biết sợ nào thế.

Quân-tử có sợ, sợ từ lúc chưa, rõ lẽ phải trái, biết có nên hư, toan nói hẳng nghĩ, rắp đi hẳng ngừng; dùng lý hợp đạo, tha-hồ ta hăng. Rủi mà mắc vạ, quân-tử không lạ; lý ta không lầm, đạo ta không quá.

Lấy sợ làm sợ, sợ sao hết sợ. Quân-tử không sợ, mới thật biết sợ.

Lời bàn của người dịch. — Cùng một bụng sợ, ở người quân-tử thì là khôn mà ở kẻ tiểu-nhân thì là nhát. Cùng một bụng không sợ, ở hào-kiệt anh-hùng thì là đảm mà ở phàm-phu tục-tử thì là liều. Sao vậy? Kính thắng chế thì tốt, chế thắng kính thì hung; nghĩa thắng dục thì thuận, dục thắng nghĩa thì nguy: hung với nguy ai là người chẳng phải sợ. Thánh-hiền biết thế, nên răn sợ từ lúc chưa thấy, lo sợ từ lúc chưa nghe, ngủ làm sao cho khỏi thẹn chăn, đi làm sao cho khỏi thẹn bóng, nơi u-độc như có thầy cha giám-đốc, chốn buồng-the như có thần

thánh chứng-minh, giá mỏng vực sâu, không một phút giám sinh lòng trễ-nải. Sợ như thế là sợ vì lẽ không đúng, đạo không hợp ; càng khôn bao-nhiêu lại càng phải sợ bấy nhiêu. Còn khi vạ gió tai bay, sự rủi-ro biết đâu là chừng được ; lẽ ta không lầm, đạo ta không sai, ta không hề một mảy động lòng ; càng tháo-thứ điên-bái thì chí càng kiên, càng rễ quánh thớ cong thì tài càng luyện ; oai võ chẳng khuất, bần tiện chẳng rời ; người can-đảm có biết cái gì là cái sợ ? Những phàm-phu tục-tử, kiến-thức nông-nổi, thao-thủ lại không được vững-vàng, bị cám-dỗ về con mắt lỗ tai, mải bôn-xu về đường danh lối lợi, búa riu chặt tính, mà vẫn lấy yến-an làm rượu ngọt. Cá bơi trong vạc, biết đâu là nước sôi, yến ở góc nhà, biết đâu là lửa cháy ; thường có khi kẻ bàng-quan lại thương vay xót mướn mà người trong cuộc cứ ngủ kỹ ăn yên ; vì không biết sợ nên liều, vì liều nên không sợ. Còn nói đến tiến-thủ thì sợ phải mạo-hiểm, nói đến hiện-sự thì sợ phải dấn thân, vinh-phụ tí-ti, đã rẽ run cầm-cặp, lợi hại chút đỉnh, đã trống ngực thùng-thùng, sợ đầu sợ đuôi, lo được lo hỏng ; vì không biết sợ sinh nhát, vì nhát sinh sợ liều.

Than ôi ! Chỉ một chỗ tấc vnông mà thượng thánh hạ phàm chia rành tại đấy. Kinh *Dịch* 易 Nói : *Cụ dĩ chung thủy, kỳ yếu vô cữu* 懼以終始其要無咎 nghĩa là sợ từ trước chí sau, rốt lại không mắc quá-cữu. Sách *Luận-ngữ* 論語 nói : *Nội tỉnh bất cứu, phù hà ưu hà cụ.* 内省不疚夫何憂何懼, nghĩa là xét trong mình không lỗi, lo gì sợ gì. Thánh-học công-phu, ấy là then chốt. Bài trâm ông Liễu, nhận kỹ ra thật có đạo-vị thâm-trầm. Ai ôi ! xin thuộc lấy làm lòng ; tưởng cũng là một tiếng chuông cảnh-thế vậy.

TUYẾT-HUY

ĐOẢN-THIÊN TIỂU-THUYẾT

I

MỘT CÁNH HOA CHÌM

Năm 1915 tỉnh Bắc-ninh bị lụt to, nhiều nơi dân sự khổ-sở đói-khát, cái nạn thủy cũng chẳng kém gì cái tai-vạ quân giặc, đi đến đâu thì tàn phá, để cái di-tích tấn bi-kịch đến đấy.

Một làng kia, xa tỉnh ba bốn ki-lô-mét, có một nhà độc chọi hai chị em. Khi bấy giờ nước các sông đều to. Đê vỡ tứ-tung, mới ban chiều nước sông sấp mặt ruộng, đến tối đường cái đã phải lội ; làng này thấp nên nhà nào nhà ấy nước mấp-mé bực cửa.

Nhiều người đã chạy đồ, đi ẩn mình, còn hai chị em nhà này, còn dùng-dằng ở lại, vì nước đã đứng, vả ngần-ngại phận gái đêm khuya biết trốn tránh vào đâu. Nàng bèn dự phòng bắc sàn mà ở.

Ai ngờ đến canh ba, nước lại lên mạnh lắm, trống-hộ thủy đánh dồn từng hồi, xa nghe văng-vẳng mà sởn tóc.

Chốc chốc nàng mở cửa xem nước trông trời, mỗi lần đóng cửa lại thở dài, lo nghĩ bối-dối trong lòng.

Dưới thì nước lênh-láng lưng nhà, treo-leo trên mấy tấm ván mảnh, với một ngọn đèn lù-mù ; sót thay cho phận má đào gặp khi nguy-hiểm biết nào cho yên !

Ở ngoài sáng trăng lờ-mờ ; gió thổi ào-ào như bão ; cửa ngõ lay chuyển ầm ầm ; nàng lại càng mê-mẩn tâm thần, ngơ-ngác kinh hãi, lo quanh nghĩ quẩn. . . Bỗng có tiếng gọi to át tiếng gió :

« Cô B... ơi ! còn ở nhà làm gì đấy ? Chết chửa ! nước đến chân rồi, bao giờ mới chạy, mau lên ! Nguy đến nơi rồi ! Lên thuyền đây ! »

Nàng hoảng-hốt sấp-ngửa ẵm được đứa em ra.

— Trăm sự nhờ người cứu được chị em tôi, ơn này bao giờ dám quên.

Gió to thuyền nan thì mảnh rẻ, đã chở ba người, đặt thêm đứa bé thì nước gần đến cạp thuyền. Ba người băn-khoăn, lưỡng-lự không biết tính làm sao, ngơ-ngác nhìn nhau. Nàng hiểu ngay ý, biết cơ-hội nguy-cấp, cái thần chết đã hiển-hiện lên trước mắt nàng. . .

Nhưng lòng son dạ sắt như nàng nào có run sợ, ngã chút lòng mà quên cái nghĩa-vụ.

— Các ông cứ chở đi thôi ! Thuyền đã nặng rồi, tôi xin ở lại, một mình tôi ví có thiệt-thòi còn hơn lụy đến bốn mạng người, qui hồ em tôi nó sống là may, còn tôi . . . .

Hiểm nghèo đến nơi, bất-đắc-dĩ ba người phải gạt nước mắt quay mũi.

Trong khoảng vắng đêm thâu, gió thổi lồng lộng, sáng trăng mập mờ, mỏng mảng một nước một trời, cái thuyền cỏn con dập-dềnh, lênh-đênh, như cánh bèo biết trôi rạt vào đâu là bờ là bến.

Vì sóng gió cho nên lúc thuyền đến được gò kia mà lại lộn trở lại thì trời đã tang-tảng sáng. Khi đến chỗ nguy cấp cứu nàng thì chỉ thấy trơ-vơ mấy ngọn tre : nhà nàng đã đổ trôi băng đi đâu mất rồi....

Ôi ! ngờ đâu dây nước đục bẩn kia là ngôi mộ của một tấm lòng vàng ngọc ! Ngán thay ! một đóa trà-mi đã chìm đắm từ bao giờ ?

Sáng hôm sau anh lái đò ngất nghểu ngồi sồm, vừa ghế nồi cơm, kể gốc tích nàng cho chúng tôi nghe rằng :

« Chuyện nàng sầu thảm có một ; nàng khổ sở vất-vả từ thủa nhỏ. Mẹ nàng mất sớm, người ta ngờ là người gì ghẻ đánh thuốc độc. — Khi bấy giờ nàng hãy còn bé chưa biết gì — Cha nàng thì hiền lành dút-dát. Người gì ghẻ tính cay-nghiệt tàn-ác, lộng-quyền hạch lạc cả chồng, hành hạ hết cấp. Thôi thì gánh nước thổi cơm, say lúa đã gạo, ẵm em coi nhà, hầu gì ghẻ, chiều dỗ em bé, hơi sơ ý thì phải đập phải đánh : trận đòn nào là chết đi sống lại. Thế mà nàng chịu nhẫn nhục ăn ở được lòng cha, vừa ý gì ghẻ. Đến năm mười sáu nàng lại phải cái cầu phụng-dưỡng cha ốm. Được ít lâu bệnh ho lao làm người chật-vật mãi mới chết, nàng phải xuất thân gánh thuê, vác mướn nuôi cả nhà. Người gì ghẻ chưa hết chở chồng đã bán cả gia-tài đi theo trai, còn trơ một cái nhà gianh và một đứa con bé bỏ lại cho nàng.

« Nàng nghĩ tình cha hiền, thương con trẻ trơ-vơ, cho nên nàng chầm-bập nưng-niu đứa con gì ghẻ cũng như em ruột.

« Lần-hồi thức khuya dậy sớm, nàng cũng khéo tần-tảo nuôi được hai miệng ăn... Chuyện như thế ; tội nghiệp cho nàng ! người nết na thảo hiền như vậy mà phải thác oan dưởng này ! »

Người lái đò nói xong thì bắc nồi cơm ra, ai nấy lẳng-lặng ăn. Còn tôi, tính vốn dễ cảm-xúc, cầm bát cơm lên lại dần xuống, cổ hình như nghẹn, bụng đói mà tưởng no đầy. Ngao-ngán lòng trông thấy hơi cơm nghi-ngút lại tưởng-tượng cái hồn nàng phảng-phất lá-là ở đâu trên mặt nước như đám xương mù buổi sáng. . .

NGUYỄN-VĂN-CƠ (*Bắc-ninh*)

II

BÁC NGHIỆN

Mỗ-sinh là con quan Đốc-học, người thông-minh linh-lợi, đỗ Tú-tài, nhà giầu. Khi còn cụ Đốc, học trò cụ đông lắm, mà cũng lắm người làm nên: tự Án-sát cho đến thông, kinh, bát, cửu có cả, cho nên Mỗ-sinh chúng bạn nhiều, giao-du lắm.

Đến khi Mỗ-sinh lên học Hậu-bổ, thì chúng bạn lại nhiều thêm. Nhưng bạn giở thì nhiều, bạn hay thì ít, cho nên Mỗ-sinh bị lũ vô-lại nó dủ-rê: nào cờ bạc, nào rượu chè, nào thuốc phiện, nào cô đầu, không gì là không biết mà không mê.

Những bọn vô-lại ấy khéo tán tỉnh lắm. Anh này tán rằng: « Người ta ở đời như cánh hoa, sớm nở chiều tàn, có được mấy! Không ăn chơi cũng thiệt mà cũng tục. *Đã sinh ra kiếp làm người, chẳng ăn cũng thiệt chẳng chơi cũng già.* »

Anh khác lại đan thêm rằng: « Tuy thế, nhưng ăn chơi không đủ mùi, cũng không gọi là thiệp được. *Ăn chơi cho đủ mọi mùi; khi buồn thuốc phiện, khi vui cô đầu!* », v. v.

Ấy đại-khái chúng cứ tán hươu tán vượn như thế, mà dủ-rê Mỗ-sinh, tuy cũng có người khuyên can, nhưng nước đổ lá khoai, không ăn thua gì.

Một hôm Mỗ-sinh đi hát với bọn vô-lại ấy, khi hát sướng chè rượu xong, chúng gọi bàn đèn tập nghề thổi sáo với nhau, cố ép Mỗ-sinh phải hút. Mỗ sinh đã thoái-thác mãi không chịu hút. Một anh nói rằng: « Chết! dễ thường Quan-anh sợ nghiện chắc? Có hút luôn mới sợ, chớ cánh ta thỉnh-thoảng hút chơi một vài điếu, bao giờ cho nghiện được. »

Anh khác lại nói rằng: « Phải! làm trai không biết mùi thuốc phiện cũng hèn. »

Lại anh khác nói rằng: « Tuy ở đời cách chơi cũng nhiều, nhưng nghĩ cho kỹ, không gì thú bằng chơi thuốc phiện: này năm ba anh em mình, xúm quanh cái bàn đèn nói chuyện, một vài hoa ngồi bên, thỉnh-thoảng liếc nhìn.... thì còn gì thú hơn. Vả lại thuốc phiện thực hay: thức đêm, hoặc chơi... hoặc mệt nhọc, mà hút một vài điếu thì thấy khỏe ngay, tỉnh ngay. »

Mỗ-sinh nghe bùi bùi tai, hút một điếu; chúng lại ép hút điếu nữa mà nói rằng:

« Thuốc phiện hút một điếu thì quê, nếu đi chơi với người Hà-nội mà thế, thì người ta cười. »

Từ đấy mà đi, lần nào đi chơi với bọn ấy, cũng có hút, khi một khi hai, nghe chừng Mỗ-sinh đã thấy ngon và thích.

Lắm khi lại dủ nhau năm ba anh chui rúc vào những chỗ có « bàn đèn gạo » mà bỏ ra và bốn bào, mua hút với nhau: nào đi « tua » đi cập, trông thực buồn cười.

Dần-dà Mỗ-sinh thành ra bắt nghiện, hôm nào không hút thì nghe trong mình khó chịu: rức đầu, sổ mũi, thành ra ngày nào cũng hút, nhưng còn đấu-điếm vợ con, chưa dám nghênh bàn-tỉnh về nhà.

Những chúng bạn tử-tế nghe thấy anh ta mắc nghiện, nhiều bác khuyên can, thậm chí có bác nói tệ rằng: « Tôi nghe nói Nhà-nước sắp có nghị-định phát cho những người nghiện, mỗi người một cái thẻ, bắt đeo vào cổ, đi mua lấy thuốc phiện mà hút, không ai được mua hộ ai. Thế thì như anh mặt mũi khôi-ngô thế nà, [illegible] cổ đeo cái thẻ, tay cầm cái hến, coi cũng đẹp đấy nhỉ! ».

Mỗ-sinh chỉ khi-khi cười, rồi dâu lại vào đấy.

* * *

Đến khi đỗ Hậu-bổ, được bổ tỉnh *** thì Mỗ-sinh lên mặt quan-dạng, nghênh ngay bản-tỉnh về nhà. Vợ trông thấy ngạc-nhiên mà hỏi rằng :

— Chết! ông nghiện đấy à ?

— Không, tôi hút chơi đấy thôi

— Hút chơi thì ông rước bàn đèn về làm gì ! Thiếu gì cách chơi, mà ông phải chơi nghề khốn-nạn ấy, ông không biết đấy à? Những người nghiện-ngập bao nhiêu tiền của ruộng nương chui vào lọ cả, vợ con mất nhờ, thế mà ông còn học làm gì, thôi tôi can ông.

Sau dần-dà vợ biết rằng chồng mắc nghiện đã lâu, lấy làm chán mà buồn, thường thường vẫn tỉ-mỉ khuyên can chồng :

— Ông ơi, tôi nghe nói Nhà nước mới có nghị-định: những quan-lại hút thuốc thải-hồi không dụng, thế mà bây giờ ông nghiện ngập thế này, ngộ nhỡ đến tai quan trên thì sao? Thôi tôi khuyên ông nên tìm thuốc mà chữa đi, thì làm việc mới lâu bền được.

— Quan trên biết thế nào được, thôi bà biết gì mà bà cứ nói lôi-thôi !

* * *

Hậu-bổ được một năm ; quả như lời vợ nói, quan trên biết là nghiện, phải thải-hồi.

Khi về nhà, phần thì bực mình về công-danh trắc-trở, phần thì rầu lòng với vợ con rỉa-rói, cho nên càng ngày càng hút dẫy, bao nhiêu tiền của ruộng vườn của ông cha để lại, không đầy ba năm chui vào lọ cả, mà vai so mặt khói, má lõm môi thâm, quần áo rách rưới, vợ con rau cháo, hồi-tưởng đến lúc năm bà anh em xúm quanh cái bàn đèn, một và hoa ngồi bên, thỉnh-thoảng liếc nhìn... mà buồn mà chán mà ngán mà đau ! Nhưng mà thôi, tay chàm chót dại, biết nói mần rang !

* * *

Sau cùng kiệt quá, Mỗ-sinh mới dở sổ đồng-môn của cụ Đốc định thi-hành chước đi kinh-lịch, bao nhiêu những người có làm việc, lần lượt đi cho hết.

Một hôm, đến ông huyện Mỗ, ăn mặc rách rưới, trong mặc một cái áo tây vàng hai túi cực to, là nơi chứa xe, lọ, tiêm, móc, ngoài mặc cái áo the rách như tổ đỉa. Mới đến cửa huyện, đã ngả ra hàng nước, cầm hơi một vài khói, rồi lại thu xếp vào bị mà vào huyện.

Mới trông thấy ông huyện, vội vàng chắp hai tay vái thì tự nhiên trong mình kêu loảng soảng, như tiếng nhạc, lính-tráng người nhà phì cười lên.

Đến khi Mỗ-sinh ra nhà khách, ông huyện quở mắng bọn lính và người nhà vô phép, bọn ấy mới thuật lại truyện Mỗ-sinh vừa hút thuốc ngoài hàng, rồi se lọ bỏ vào túi, khi cúi chào nó chạm nhau, kêu loảng soảng... ông huyện cũng phải nực cười.

Ông huyện này là người cương-trực, khi thư việc quan mới gọi Mỗ-sinh lên, dễ-dàng mà mắng rằng : « Cậu hư lắm, khi cậu còn 18, 20 cậu không chịu lo nghĩ, chỉ ăn chơi hoài, đến bây giờ khổ sở thế. Tôi tưởng như cậu thực là sướng: con quan, đỗ trẻ, nhà giầu, ngấp nghé cũng sắp quan, thế mà cậu đổ đốn ra, chơi bời đông-dài, nghiện gập bê-tha, thành ra bây giờ nay đây mai đó, đem cái thân cậu đi bêu xấu cho ông cha, nào vào đâu cũng phải khai con ông nọ ông kia, thì cậu nghĩ có nhục không? Thế mới biết càng con nhà phú-quí càng dễ hư. Thôi cậu có phải là người thì cậu liệu tìm thuốc mà chữa đi, thì tôi giúp đỡ cho mà làm ăn, chớ cậu còn nghiện ngập nữa, thì từ đây cậu đừng đến cửa tôi nữa... ».

Mồ-sinh nghe nói, hồ thẹn trăm chiều, dơm dớm nước mắt mà quyết-chí lần này về là chữa thuốc phiện...

Về được hai tháng, nhân hút sách vô-độ, ăn uống thất-thường, mắc bệnh chết. Thế là xong một đời, thế là tan một nhà. Thương thay !...

Điếu-hoàng Vũ Miễn-Nam

III

VỢ THẦY CỬ LƯ

(Tiểu-thuyết tàu)

Triều Minh có một chàng họ Lư, hay chữ, 20 tuổi đỗ cử-nhân; lên Yên-kinh thi hội hỏng, phẫn chí thề với non sông rằng : « Ta không làm được tiến-sĩ, ta không trông thấy phong-cảnh cố-hương nữa ! »

Cách 3 năm, khoa sau thi hội, lại hỏng; càng hỏng càng phẫn, càng phẫn càng không tưởng gì đến nhà. Kế khoa sau nữa lại hỏng; cả thấy 9 năm, non nước xa khơi, cửa nhà vắng vẻ.

Vợ là Lý-thị, con nhà dòng-dõi, người đẹp, nết na, thơ hay, chữ tốt, không kém gì chồng, sánh tuổi kết duyên với thầy cử từ khi chưa đỗ đã được 3 năm. Nhà thầy cử nghèo xác, khi thầy cử đi vắng, may thuê dệt mướn, ngày tháng lần hồi, giốc một niềm thờ bố mẹ chồng, ấp lạnh quạt nồng không khi nào trễ biếng. Gặp phải năm mất mùa đói, hai cụ mới tính quẩn tính quanh đưa mối bán con dâu lấy tiền ăn, mà vẫn không cho dâu biết. Gần miền có một bác lái buôn họ Trịnh, hắn có vợ rồi, mẹ là Trịnh-mẫu hãy còn. Mối đến, Trịnh mừng lắm nói : « Tiếng cô cử tôi cũng đã biết rồi, hai cụ dạy bao nhiêu tôi cũng xin vâng. » Mối về báo tin, hai cụ mới sẽ gọi bà cử ra bảo thật, hai cụ dỗ rằng : « Chồng con đi vắng, tin-tức một ngày một đăm-đăm, cha già mẹ yếu, con là phận gái kiếm sao cho đủ cách ấm no, cha mẹ thương con lắm, con ơi, dứt tình dâu con ra thì ruột chết, ngồi chờ đấy mà ngậm hơi đoàn-tụ với nhau thì cũng chết, bây giờ cha mẹ tính thế đấy, tính thế đấy... con ơi ! » Bà cử giật mình ngơ-ngác, qui xuống trước mặt vừa lạy vừa khóc, rồi vật-vã kêu van, hết lời hết lẽ, suốt ba đêm ngày, hai cụ vẫn lắc đầu, cứ sao cứ vậy.

Lái Trịnh đến, chè, bạc, xe, ngựa, rộn-rịp linh-đình ; bà cử tính trong bụng rằng: sự đã đến thế này, không sao được nữa. Liền đổi ngay phương-châm, thay áo vấn khăn, cười tủm tỉm, vâng lời cha mẹ dậy ra chào khách. Bà cử nói : « Tôi không phải như ai, tôi thân gái tài hèn, chồng đi vắng, không nuôi được bố mẹ chồng, bố mẹ chồng nay dạy thế nào tôi xin vâng thế, tôi chỉ vì một nỗi đồng tiền, bố mẹ chồng mà được ấm no, khi tôi đi cũng như tôi ở, ngài tính thế nào ? »

Trịnh nói : « Tôi đâu dám ngại gì, tiếc gì, xin dâng hai cụ một nghìn lạng bạc, gia-đình nhà tôi trong ấm ngoài êm, cô không phải nghĩ. » Bà cử cười khanh-khách nói : « Bây giờ xin cẳng biết bây giờ. » Rồi lạy tạ bố mẹ chồng lên xe ruổi ngựa về nhà Trịnh-thương. Trịnh-thương mở tiệc thết khách ăn mừng, ngoài thì trúc-tơ êm-ái, chủ khách rập-ríu ; trong buồng xôn-xao nghe có sự lạ. Trịnh-mẫu bước vào, Trịnh-thương và họ-hàng cùng vào, đã

thấy có máu đầm đìa ở mặt và ở quần áo nàng dâu mới. Trịnh-mẫu hớt-hơ hớt-hải hỏi cớ sao ? Bà cử sụp xuống trước mặt Trịnh-mẫu lạy, đoan rằng : « Tôi là nàng dâu bất hiếu, tôi là người vợ bất chung[1]. Vâng lời bố mẹ chồng đem thân bán cửa bà làm con, lạy bà, con nào chẳng là con, nếu tôi làm con dâu, tính có sướng gì, chết ngay cũng phải ; tôi được làm con nuôi, nghĩa lại càng nặng, tôi cũng muốn sống mà báo đền ; tôi với Trịnh-huynh nghĩa anh em có phần vững-bền thân-thiết hơn nghĩa vợ chồng, tôi với bà, con nuôi cũng như con đẻ, lạy bà, lạy Trịnh-huynh, lạy họ hàng bên nội bên ngoại, một tấm lòng son tôi xin có thế.»

Trịnh-mẫu nắm lấy tay dỗ và trách rằng : « Nhà mẹ đây cũng là nhà phúc đức, tính con thế nào, sao con không nói ngay ; con làm ra sự thế này, bằng dường hờn dỗi mẹ, sao thế con ? » Bà cử nói : « Con đâu dám hờn dỗi mẹ, nếu con với Trịnh-huynh kết làm phu phụ, dưới đèn mà tỏ nghĩa mà đào mới thêm xuân ; nay con với Trịnh-huynh kết làm anh em, trời biết, đất biết, mẹ biết, Trịnh-huynh biết, con biết, họ hàng biết, thiên-hạ biết, quỉ-thần biết, chẳng qua cơm lành canh ngọt, thờ cha kính mẹ, những việc đó thôi, con còn để mà đào chi nữa, con đâu dám hờn dỗi mẹ.» Trịnh-thương đứng cạnh, toát mồ-hôi, nín thin-thít. Trịnh-mẫu nói : « Mẹ có lòng nào, mẹ có lòng nào, mẹ hiếm hoi sinh ra được một Trịnh-nhi, nay trời cho mẹ người con gái nữa, tài có, sắc có, nết-na có, thế là nhà mẹ có phúc, nhà mẹ có phúc, con ơi, mẹ có bụng nào. » Nói xong liền một tay nắm Trịnh-thương, một tay nắm vợ Trịnh-thương, bảo vợ chồng Trịnh-thương rằng : « Con tao đấy nhé, em mày đấy nhé, em chồng mày đấy nhé, trời cho tao đấy, trời cho tao đấy, gia-đình nhà ta bao giờ hết được sự vui.» Họ hàng người ấy người khác trông nhau mà bàn thầm, ai nấy đều cảm-phục.

Từ đấy về sau bà cử ở nhà Trịnh-thương thờ mẹ nuôi giốc một niềm kính-cẩn như thờ bố mẹ chồng không bao giờ đổi ; đến như nghề thơ văn, trong mấy năm trời cũng không khi nào nói đến, cả nhà Trịnh-thương ai nấy vừa yêu vừa nể, vừa tin vừa kính. Cách mấy năm nhà Trịnh buôn bán đã nặng túi, để-huề thiên về Kim-lăng, qua chùa Kim-sơn, bà cử theo bà Trịnh-mẫu lên chùa lễ Phật, mượn bút tả tình đề lên vách ; thơ rằng :

一自郎君去故鄉
Bấy lâu non nước những mơ màng,
至今音信爾茫茫
Chàng một phương trời, thiếp một phương.
蓋棺不作橫金婦
Vàng[2] chửa chung lưng chi vướng nợ,
八地還從折桂郎
Quế[3] dù họp mặt lại quen hương.
彭蠡曉煙歸嶂霧
Mây Banh-lại sớm chen từng khói[4],
洞庭夜月凜秋霜
Trăng Đông-đình khuya dãi vẻ sương[5].
題詩寫向金山寺
Ghi lại chùa Kim tâm nét mực,
高掛雲帆過豫章
Cánh buồm xuôi gió ngọn sông Thương.

(1) Phụ-nhân tòng nhất nhi chung, chung là trọn 婦人從一而終.
(2) Vàng trỏ bác lái Trịnh
(3) Quế trỏ thày cử Lư
(4) Nói cảnh-ngộ mình
(5) Nói tâm-sự mình

Đề rồi cùng Trịnh-thương và Trịnh-mẫu bước xuống thuyền về Kim-lăng.

Cách ít lâu, thày cử Lư đỗ Trạng-nguyên về vinh-qui, bố mẹ vẫn còn khỏe mạnh, hỏi đến vợ, bố mẹ khóc-lóc kể sự tình vân vân..... Ông trạng cũng lăn ra khóc, ngồi dậy gạt nước mắt thưa với cha mẹ rằng : « Tội này tại con, tội này tại con. » Rồi từ giã bố mẹ nghỉ quan chu-du thiên-hạ đi tìm vợ. Chợt đi đến chùa Kim-sơn, lên chùa ngoạn-cảnh, thấy thơ đề ở vách, nhìn kỹ nghĩ kỹ, chữ thật là chữ vợ mình, tình-tự trong câu thơ cũng rõ ra tình-tự vợ mình, hỏi sư, sư nói : « Năm trước có một bà cụ già và một người đàn bà chừng độ trong 30 tuổi, mà có cái vết, thơ này thực người ấy đề ; đề rồi lại xuôi thuyền ngay, từ đó không biết đâu nữa ». Ông trạng nghĩ bụng lấy làm lạ, vợ mình nhan-sắc tuyệt trần, sao mặt lại có vết ; lạ, không phải hay là phải ?.. Ghi lấy thơ ấy rồi vào chơi qua phủ Tô-châu, quan tri-phủ đó lại là bạn thiết với mình cũ, tới nơi tự tình, ông phủ nói : « Chao ơi khó thay ! ngài là bậc thượng-lưu, chơi đâu giặt những nơi qui-hiền, dễ mà dò la, ngài cứ vững lòng, chơi trong phủ ít lâu, tôi xin bày mẹo cắt một thằng gia-nhân tinh khôn cẩn tín mà dốt đặc không biết chữ gì, cho nó học thuộc lòng bài thơ ấy, giao cho nó một chiếc thuyền, cấp cho nó lương 3 tháng, cứ theo lối sông Chương mà dò, đi đến đâu tiêu-giao ngâm đọc, may có khách hữu-tình nghe đến thơ ấy chăng ? » Đứa ấy đi 2 tháng không ai hỏi chi cả, một khi lên bờ vào nơi nhà giầu, giả làm kẻ nhỡ nhàng, đến ngõ liền cất tiếng ngâm nga, chợt có tiểu-đồng ra gọi vào, có một người đàn bà cẩn-vặn hỏi rằng: « Sao anh biết bài thơ ấy, mà đến nhà tôi liền đọc bài thơ ấy. » Đứa ấy nói đầu đuôi như vậy..... Người đàn bà nói : « Hẳn thế, anh cứ về, ước 3 hôm nữa xin mời hai quan lớn lại chơi.» Đứa ấy về trình sự-tình như vậy. Hai ông mừng lắm, nói : « Có khi dễ giai-âm đấy thật ». Ngày thứ hai liền sắp xe ngựa tới nơi. Trịnh-thương sợ hãi ra đón, bà trạng cũng theo bà Trịnh-mẫu ra chào, ông trạng trông thấy vợ bâng-khuâng như trong giấc chiêm-bao, nửa mừng nửa thương, gạt nước mắt nói rằng : « Còn trời còn đất may lại còn người, trăm điều tội lỗi vì tại tôi cả. Phu-nhân ! Phu-nhân ! ai tưởng có rầy ! ai tưởng có rầy ! » Trịnh-mẫu chắp tay đứng lên nói : « Nhà tôi có phúc nên hai quan lớn quá bước đến đây, tâm-sự bà trạng, giá-trị bà trạng, kể hết khúc nhôi... bây giờ xin tùy lượng hai quan-lớn » Ông trạng sụp xuống lạy Trịnh-mẫu, xin hoàn nguyên-ngân lại đón bà trạng về. Bà trạng nói : « Tôi làm dâu không nuôi được bố mẹ chồng, phải bán mình đi để nuôi bố mẹ chồng, đó là cái gánh vác lớn lao của tôi ở trên nhân-thế, tôi dám oán gì. Tôi xin nói cho hai ông lớn biết, nay tôi đã có lời thề làm con nuôi cửa Trịnh-mẫu, trước làm sao, sau làm vậy, nếu nay làm con người này, mai làm con người khác ; thế thì nay làm vợ người này, mai làm vợ người khác cũng được hay sao ? Tôi có một chồng, tôi cũng có một mẹ, tôi xin thờ bà Trịnh-mẫu cho được chung thân thì cái tâm-sự tôi mới đủ bộc-bạch cho hai quan-lớn nghe, cho thiên-hạ nghe. Lư-công ! Lư-công ! nay ông đã có phấn vua trang-điểm, cơm vua, áo vua, đền lấy ơn vua, rồi kén lấy một vài người tiểu-thiếp để khuya sớm thay tôi thờ cha kính mẹ cho tôi, tôi được trọn nghĩa trọn công, khi tôi ở cũng như tôi về, thế là ân, thế là tình, lạy quan-lớn trăm lạy ! » Quan phủ và Trịnh-mẫu thấy lời khăng-khăng, hết sức khuyên giải, bà ấy vẫn không nghe, nhất quyết một bề xin ở lại. Quan phủ lắc đầu khen rằng : « Bà là người trời, không phải là người trần » Rồi bảo riêng ông trạng rằng: « Người

ấy nhân đến nơi, nghĩa đến nơi, trí đến nơi, lễ đến nơi, người ấy không thể cưỡng được. »

Từ đó ông trạng phụng sự bà Trịnh-mẫu như phụng sự bố mẹ mình, đi lại giao thân hai nhà như một, trừ những khi thư-tịch văn-chương, phẩm-đề xướng-họa, ngoài ra không nói đến sự gì nữa, tình phu-thê đổi ra lễ tân-chủ, lạ thay !

TÙNG-VÂN *dịch*

THỜI · ĐÀM

VIỆC THẾ-GIỚI

Mừng hòa-bình. — Mừng này là mừng khắp cả thế-giới, mừng suốt cả địa-cầu. Thế là từ nay trở đi tiếng đạn im, tiếng súng tắt, bãi chiến trường lặng lẽ, cuộc thành-thị xôn-xao ; gia-đình được đoàn-viên, sinh linh khỏi đồ-than ; người ta thôi giết tróc nhau, giả võ-trang mà xoay về đường văn-tự. Phàm người có tấm lòng khối ác được tin ấy lại không nhảy-múa mà vui-mừng hay sao ? Dân ta tuy ở xa nơi chiến-địa, không được trực-tiếp vào chiến-cuộc, nhưng cũng biết cái ảnh hưởng sự chiến-tranh sâu-xa là đường nào, và hạnh-phúc cuộc hòa-bình đằm-thắm biết bao nhiêu. Bọn tri thức trong nước thật là thành-tâm mừng thiên-hạ được thái-bình, mừng riêng Đại-Pháp được thắng-lợi, nhưng càng vui mừng cho thiên-hạ bao nhiêu lại càng hi-vọng cho nước mình bấy nhiêu. Sự vui-mừng kia, lòng hi-vọng này, bạn đồng-nghiệp ở Sài-gòn là báo *Tribune indigène* đã phô bày ra trong một bài xã-thuyết rất xứng-đáng, thật là tỏ được hết cái cảm-giác của bọn tri thức trong nước ta đối với cuộc hòa-bình này. Bản-báo tưởng không gì bằng dịch bài ấy ra sau này để cống-hiến cho các bạn đọc báo cùng coi. Lời ấy :

« Tiếng chuông hoan-hỉ thay ! Tiếng súng hùng-tráng thay !

« Chiều bữa qua nghe tiếng chuông tiếng súng vang lừng trên không, mà chuyển-động đến tấm lòng ta vui vẻ. Hằng ngày hằng giờ ta đợi tin hòa-ước ký, hòa-ước ký là thiên-hạ được hòa-bình. Ôi ! hòa-bình, hòa-bình, biết bao nhiêu dân-tộc trong thế-giới đã bị lầm than tấm mấu trong bao nhiêu lâu mới mua chuộc được hai chữ hòa-bình. Hòa-bình, hòa bình, mãi tới nay ta mới được hòa bình đây, không phải cái hòa bình của quân bác-thỉ (*Boches*) đã nuôi cái mộng cuồng muốn giữ bá-quyền trong thế-giới, nhưng cái hòa-bình của Công-lý, cái hòa-bình của Tự-do, cái hòa-bình giải-phóng cho các dân-tộc đã bị lao-tù, cái hòa-bình sáng-tạo ra các quốc-gia mới, cái hòa-bình công-bố cho loài người ta có quyền được tự-quyết, cái hòa-bình phá-hoại Cường-quyền mà suy-lập Chính-nghĩa. Cái hòa-bình ấy, quân Đức đã phải ký-nhận rồi đó ; quân Đức kia trước ngông-ngáo biết bao nhiêu, giả danh thần-quyền mà muốn chinh-phục cả thiên-hạ, nay cái mộng cuồng đã đổ ụp cả rồi. Tuy chết đắng trong lòng mà phải ký, sợ Đồng-minh tiến quân xâm-nhập, sợ dân-gian thiếu ăn chết đói. Điều-ước nghe đâu nghiêm nặng lắm, nhưng cứ tin tức bên Âu châu sang thời sánh với những sự khổ-hại vô-ngần của quân Đức đã gây ra vì khởi lên cuộc chiến-tranh độc-dữ này cũng chưa lấy gì làm quá-khắc lắm.

« Nước Pháp đã thu-phục được hai chân mất cũ, nhưng mười quận khác trong nước bị tàn phá bây giờ phải khôi-phục lại ; một triệu rưỡi người đương trai-trẻ tinh-anh bị chết mấy mươi vạn người bị thương, nhiều người tàn-tật hỏng mất một đời, cuộc kinh-tế dảo-điên cả không biết ngày nào lại kinh-doanh được như thường, biết bao nhiêu đền-đài cung-điện đẹp như châu báu bị hủy-phá chắc không thể nào lại khôi-phục được như cũ. Lại nghĩ đến những nỗi cực-khổ của nước Tỉ, nước Tấc, những tự tổn-hại của nước Ý, nước Lỗ, nước Hi, nước Anh, nước Mĩ, nước Nhật, hết thảy các nước đồng-minh cùng hiệp-thương thời đủ biết rằng dù điều-ước nặng đến thế nào, người Đức cũng không sao mà bồi-thường được hết những sự tổn-hại bởi tay gây ra.

« Vả cái hòa-ước người Đức vừa mới ký đó, cũng không phải là chủ-ý Đồng-minh muốn

báo-thù gì người Đức, chẳng qua là gồm những phương-kế để thứ nhất là bắt đền một phần tổn-hại cho các nước Đồng-minh, thứ nhì là phòng-bị cho sau này các dân Nhật-nhĩ-man không có dụng binh xâm-lược như trước được nữa.

« Các nước Đồng-minh có hai quan CLÉMENCEAU và WILSON xướng suất chỉ chủ-ý lấy lẽ công-bằng mà liễu-kết cuộc chiến-tranh, không có muốn trị tội gì người Đức, là vì mong giữ cho thế-giới được vĩnh-viễn hòa-bình. Nhưng người Đức xem ra không chịu như thế, ngay bây giờ đã nghĩ cách báo thù rồi, trông mong ở cái thần may rủi hay thay đổi thế-cục như cuộc cờ, cũng trông mong cả ở số dân Đức sinh-sản mỗi ngày một hơn dân Pháp, hoặc có ngày sức mạnh thừa-cơ được chăng.

« Nhưng trời Âu-châu còn lắm mây u-ám như vậy, mà trời Á-châu cũng chưa phải đã quang-tạnh gì. Cái vấn-đề Sơn-đông, tức là một cái vấn-đề Á-tân Lô-liên thứ nhì, đã mang sẵn cái mầm chiến-họa nước Tàu với nước Nhật sau này. Người Nhật đã từng thanh-ngôn rằng trong việc người Tàu đề-chế (*boycotter*) nhật-hóa có kẻ thù của Nhật ám-giúp, kẻ thù ấy chẳng cần phải nói ai cũng biết là người MĨ. Nước MĨ thời vẫn cứ chế thêm tàu chiến, hình như thế-giới không thay đổi gì, và hội Vạn-quốc đặt ra để giữ cuộc hòa bình, chưa đủ khiến cho thiên-hạ tân-tin.

« Có lẽ nay mai đây ở cõi Á-châu này còn nhiều cái vấn-đề khác xuất-hiện ra mà Hội Hòa-bình chưa giải-quyết được. Đảo Phi-luật-tân (Philippines) xin độc-lập, đất Ấn-độ xin rộng quyền tự do hơn, nước Cao-ly đương lay động cái quyền áp-chế của người Nhật. Những lý tưởng cao-thượng quảng-đại của nước Pháp ở trận Valmy đã truyền-bá ra khắp thế-giới và nhân cuộc chiến-tranh vừa rồi đã sinh-hoa kết quả khắp mọi nơi, sau này nhờ thế-giới hòa-bình sẽ làm vẻ-vang cho cái chủ-nghĩa dân-chủ của Đại-Pháp.

« Thế-giới mai này thế nào ? khó mà biết được. Ta ước-ao sao cho cái hòa-cuộc chuông truyền vui-vẻ, súng báo hùng-hồn kia, được lâu bền mãi mãi, năm ấy đến năm khác, để cho loài người được yên-ổn mà chăm chú về đường học-thuật mĩ-nghệ, giúp cho nhân-loại được tiến-hóa văn-minh, kẻo từ xưa đến nay con người ta đã nhọc lòng mệt trí biết bao nhiêu, cố theo đuổi cho được một chút hạnh-phúc mà chưa bao giờ được! Đó là cái lòng cầu-nguyện chung của cả quốc-dân An-nam, từ người nhà quê lam-lũ, cho đến kẻ phú-quí giàu sang, cầu-nguyện cho nước nhà, cho Đại Pháp, cho cả thế-giới vậy. Nhưng cơ huyền-diệu thăng trầm khó biết, lòng kẻ hèn thay đổi khôn lường, những lời cầu-nguyện của một quốc-dân nhỏ biết có giá-trị gì hay không ? »

VIỆC TRONG NƯỚC

Hội khánh-hạ cuộc hòa. — Ở Hanoi từ hôm 12 mà đi nhà nào nhà nấy phố nào phố nấy cắm cờ treo đèn, người kẻ chợ nhà quê chen chúc xô đẩy nhau trong đường phố không biết cơ-man nào mà kể. Gần tòa Đốc-lý có dựng một cái « khải-hoàn-môn » theo đúng kiểu « Arc de triomphe » ở Paris, bằng gỗ sơn mùi trông như thực, hai bên cửa trong ngoài hai bên để mỗi bên hai khẩu súng đại-bác; hai bên trụ bốn mặt đều liệt tên các quan tướng tài và các trận đánh lớn; trên có một câu « Aux Poilus de la Grande Guerre », rồi đến câu « Au citoyen Clémenceau ». Cạnh tòa cảnh sát đường hàng trống (Rue Jules Ferry) có cái khải-hoàn-môn của người Nhật ngụ ở đây làm, theo lối « Điểu-cư » (cửa tam quan, tên nhật gọi là *torii*) giữa có ba chữ 祝凱旋, hai bên có hai mảnh gỗ sơn xanh mỗi mảnh đề sáu chữ 阿內任留日本人. Còn thỉnh thoảng các phố ta cũng có phố kết là dựng khải-hoàn-môn theo kiểu nhà cổ điển Annam. Ngày 13 rước các bách-thần đi quanh bờ hồ Hoàn-kiếm, rước đèn, rước rồng, rước sư-tử, rước kèn cùng chớp ảnh trước nhà hát tây, bơi thuyền giữa hồ Gươm, các trò vui kể còn nhiều. Song đẹp nhất là hai nơi thắp đèn, một là nhà Hát tây từ dưới đất lên đến nóc nhà mặt trước kết đèn điện, có mấy chữ « Vivent les Alliés », coi chẳng khác gì một cái lâu-đài bằng ngọc. Nhưng mà cái lâu-đài bằng ngọc ở núi « Ngọc-sơn » kia mới lại đẹp hơn biết bao nhiêu ! Đã được thế thiên-nhiên đẹp sẵn, lại được tay thần-diệu điểm-trang, cảnh « Ngọc-Sơn » mấy đêm đó mới thật là xứng đáng tên « Ngọc-sơn » vậy. Số là từ ngoài Nghiễn-đài, đến cầu « Thê-húc » nóc đền giữa, ngoài đền bia Văn-xương, đều khin-khít những đèn điện sáng rực-rỡ như

hoàng-kim-thế-giới, tối đến thắp lên như một cái điện lưu-li cất ở giữa hồ vậy.

Hôm đó nhà thờ chánh Hà-nội cũng làm lễ mừng chiến-thắng và viếng linh-hồn các người tử-trận rất trọng-thể.

Đến ngày 14, bắn một trăm phát súng lớn. Khi điểm-binh có quan Thống-sứ thay mặt quan Toàn-quyền đi Sài-gòn vắng cùng các đại-viên ở Hà-nội đều đến dự. Các quan-võ và các binh-lính, nhạc-đội diễu đi tiết-tấu nghe rất hùng-tráng. Trên rạp các quan có để riêng chỗ biệt-đãi các người có người nhà hoặc chồng con đi lính đã tử-trận hay là về nhà rồi. Lại treo cái biển liệt tên các bậc tử-trận gọi là để biểu công. Rồi rước bách-thần, thì xe hơi, đua thuyền lấy giải. Tối thời cây cối cũng treo đèn, quanh hồ Hoàn-kiếm đều đốt thuốc xanh-đỏ, trong tháp Bảo-ân giữa hồ thời đốt cây bông, trên mặt nước hồ thời nhà thủy-tọa chở các ca-nhi múa bát-dật cho thiên-hạ cùng xem. Thiệt là vui.

Hội là hội kỷ-niệm Dân-quốc hằng năm, nhưng vì năm nay nhân tờ hòa-ước ký ngày 29 tháng Juin trước ở Versailles, cách ngày 14 Juillet không mấy, cho nên Nhà-nước định ngày khánh-hạ cuộc hòa cùng góp cả vào ngày kỷ-niệm Dân-quốc cho được vui chung. Ở thành-phố Nhà-nước trích công-ngân ra cho 12. 000 $, nên hội mới được thật là to, xưa nay không hội nào vui bằng. Nghe các tỉnh cũng đều thi nhau mở hội vui-vẻ cả. Nhân gọi vài lời tóm tắt, ghi cái tiệc này lại làm dấu-tích về sau. Thế-giới từ nay được hòa-bình, cái cảm-giác của quốc-dân đối với hội rất là nồng-nàn, kể mà tả ra thời trăm nghìn bút sắt, muôn vàn tờ hoa...

* * *

Nhân bản-quán có tiếp được hai bài thơ « liên ngâm » và một bài « hát nói » mừng hội Hòa của ông NGUYỄN-HOÀNG-THIỆU, xin phụ-đăng theo đây

MỪNG ĐỒNG-MINH TOÀN-THẮNG VÀ THẾ-GIỚI HOÀ-BÌNH

Hai bài thơ thủ-vĩ liên-ngâm

I

Cường-quyền Công-lý chẳng dung [nhau,
Bên được bên thua lọ phải cầu.
Độc-lực gớm cho quân giặc Đức,
Đồng-minh mở lại đất miền Âu.
Nào xem man-mọi chừa ngông chửa,
Mới biết anh-hùng có sợ đâu.
Đánh dẹp năm năm công của lớn,
Đền bồi bắt nó kéo cày trâu.

II

Đền bồi bắt nó kéo cày trâu,
Người Đức hồi nay rắn bẹp đầu.
Nghĩa mọn dám khoe dân cõi Việt,
Danh thơm lừng nổi nước phương Âu.
Hai châu Liên-Tản về ai đó,
Một chúa Uy-liêm trốn được ru ?
Thắng đã toàn rồi sung-sướng cả,
Cường-quyền Công-lý chẳng dung nhau!

Một bài « hát nói » (hát ả-đào)

Miều

Mừng nay xong cuộc giảng-hòa,
Bốn phương vui-vẻ âu-ca thái-bình.
Dã-man đã phục văn-minh,
Liệt-cường dẹp nổi bất-bình từ đây.

Hát nói

Thái-hòa cảnh-tượng, khắp hoàn-cầu ao-ước bấy lâu nay, cuộc vui mừng rầy mới thấy đây, lòng vẫn chắc những ngày đương chiến-trận. *Thiên địa hữu tâm khai thái-vận, giang sơn y cựu phục thiều-cuồng.* Nào kéo cờ, nào nổ súng, nào dục trống, nào khua chuông; nào chén dưng khải-hoàn-tửu, nào kèn thổi quốc-ca-chương. Sự vui thú vẻ vang là thế thế, người Đức phải cúi đầu nghe chính-lý, nước Đồng-minh hoan-hỉ biết là bao ? Vui này vui cả năm châu !

NGUYỄN HOÀNG-THIỆU.

64 Rue des Paniers, Hanoi

***

Bản-quán lại mới tiếp được một bài kỷ-thuật hội Hòa-bình ở Hà-tĩnh (Trung-kỳ) của một ông bạn đọc báo trong ấy gửi ra, trong có sao-lục hai bài hát mừng của quan Bố-chánh và quan Đốc-học Hà-tĩnh, lời văn mới lạ lắm, cũng xin đăng ra sau đây :

« Ở Hà-tĩnh lễ khánh-hạ mới rồi làm đến 3 ngày, thiên-hạ đến coi đầy đường chật sá, ai cũng cho là một cuộc vui từ xưa đến nay chưa từng thấy, mà từ nay về sau e cũng không có cuộc chi vui cho bằng được.

« Nguyên trước ngày lễ, vâng lời Chỉ-dụ cùng vâng lời điện quan Khâm-sứ, nên các quan Tòa, các quan tỉnh hết lòng lo lắng, đặt hội đồng sếp đặt cuộc mừng cho rõ được mười phần trọng-thể. Trừ ra những trò chơi đánh đu, leo cột, bắt vịt, đá gà, đốt pháo, treo đèn, hát bội, nhà trò như lễ Chánh-trung thường mọi năm không kể, năm nay lại đấu trần-thiết, đua đèn lồng, thả *ballon*, phát pháo lệnh, đá trái *bal* trước cửa tỉnh, đánh cờ người bên cửa tòa, trên thành đốt pháo hoa, dưới sông đua thuyền ván; lại thêm có dân các hạt gần tỉnh cùng dân thành phố cờ trống gánh bàn hoa đi dạo khắp các đường phố ầm ầm ạc-ạc luôn cả ngày đêm.

« Thứ nhất đông là vì trước ngày lễ quan Sứ cùng các quan Tỉnh có thiếp mời tất cả văn-võ hưu-quan, quân-công chiến-sĩ, lội-viên, chánh-tổng gần vài trăm người, sang 12 đến dự tiệc yến tại trường Đốc. Các cụ ở nhà quê xa, ít khi đến tỉnh, nay có lệnh mời, người nào cũng sắm-sửa võng ngựa tưng-bừng, người hầu-hạ năm bảy đứa, kẻ đưa vợ con đi coi luôn thể, nên thành ra đông không biết mấy. Khi đủ mặt, quan Sứ đến chào mừng và diễn-thuyết những oai-vọng Đại-Pháp sau khi đánh hơn giặc Đức mới rồi, cùng những công ơn Đại-Pháp đối với dân bổn-xứ, lời lẽ rất là chu-chỉ rõ-ràng, những người nghe phục-tình xin về cùng nói lại cho người ở nhà biết. Rồi quan Phó-sứ cùng các quan tỉnh cũng đều ngồi dự tiệc, ai ai cũng đều vui vẻ thỏa lòng.

« Tối 12 quan Phó-sứ đãi tiệc Annam mời các quan Tây quan Tỉnh tại quán, rượu mới bên rạp, vừa có quan Le Maire, Đổng-lý-phủ, Toàn-quyền, nguyên Đổng-sứ Hà-tĩnh, cùng qui-quyến về chơi vào dự tiệc. Ngài làm công sứ đấy đến ngày, rất quang, minh, chính, đại, coi dân như con. Khi đổi ra phủ Toàn-quyền, cả tỉnh đều mến tiếc, nên nghe xe điện ngài đến, dân sự chen nhau chạy đến trông cho thấy được mặt ngài, còn người quen biết và tôi tớ reo mừng đến chào, Ngài bắt tay từng người, có đến mấy giờ mới hết.

« Tối 13, thiết đại-yến đãi các quan Tây cùng các quan Tỉnh tại tòa sứ.

« Tối 14, thiết tửu-yến đãi tất cả các quan cùng các tỉnh-thuộc tòa-thuộc đều dự đến tại tòa, có nhà nhà mùa bài bông, hát những bài *thiên-hạ thái-bình ca* mới, còn các Bà-đầm hát tây rất là vui vẻ, đến 3 giờ sáng mới thôi.

« Lễ khánh hạ này, quan Bố cùng quan Đốc có đặt hai bài hát mới, bất mấy cô đào bữa nào cũng hát, có dặm mấy tiếng tây, các qui-quan đều cho là nghe được, nên đăng vào đây để các văn-nhơn nghe chơi, cùng các chị đào cũng nên tập hát, cho biết truyện đời đôi chút, chẳng hơn thời buổi bây giờ mà mở miệng chỉ nghe là : *Ba vạn sáu ngàn ngày là mấy*... cùng là : *Bến Tầm-dương canh khuya đưa khách*... v. v. thì không ra ý-vị gì, mà nghe hoài nó chán lỗ tai quá !

« Bài hát của quan Bố-Chánh Tôn-thất Chủ :

« Năm *đit-nớp-xăng-đit-nớp* lễ *cát-tót* mà gặp *phép đờ-be*. Bốn năm tròn một trận *la-ghe*, *víc-toa* đó công *phê-li-xít*. Pháo nổ bề ta đèn *lang-tếc*, cờ bay *ê-sếc* súng *ca-nông* Suốt *toa giua* lạc dữ dân đông, khắp một tỉnh *tú-le-mông* mừng rỡ. *An măng* nẹp nhờ oai bảo-hộ, *xú-vờ-nia* này xin có chúc mừng. *Vi-vờ la Phờ-răng* ! »

« Bài hát của quan Đốc-học Tôn-thất Phán.

« Mừng nay yên cuộc chiến-tranh, văn-minh rực-rỡ thái-bình âu-ca. Rõ-ràng thế-giới vinh-hoa, người Âu kẻ Á một nhà vui chung. Nay mừng thấy thái-hòa vũ-trụ, hoa cát-tường đua nở khắp năm châu. Từ *An-măng* trọc loạn cõi Tây-Âu, bốn năm lẽ thành sầu xây khói biếc. *Thiên vạn cổ không tiền chi nhất chiến*, biết bao nhiêu lưu-huyết chốn cương-trường. Xướng nghĩa-kỳ Đại-Pháp hiệp liên-bang, nào Anh, Nga, nào Ý, Tỉ, nào Nhật-bản, nào *A-me-ri-ken*, quyết ra sức một phen trừ loài Bắc-thỉ. Khắp qui quốc Đông-dương chư thuộc-địa, thấy một lòng vì nghĩa tranh tiên. Theo Mẫu-binh xông đột giữa trận tiền, *Lê-Bốt* phải qui-hàng thúc-thủ. Cờ ba sắc từ nay thêm rực-rỡ, Đông-dương này vinh-dự biết là bao ! Bây giờ yên cuộc binh-đao, đâu đâu thiên-hạ ca-dao vui mừng. *Vi-vờ la Phờ-răng*. »

Hà-tĩnh Phạm-Huân *sao-lục*

Quan Khâm-sứ Tissot thôi chức kiểm-duyệt báo Nam-Phong. — Từ đầu năm nay, chức kiểm-duyệt báo *Nam-Phong* là quan TISSOT nguyên Công-sứ Nam-định kiêm. Nay ngài mới được cao-thăng, quyền-lĩnh Khâm-sứ Kinh, công việc nhiều, quyền chức trọng, không thể kiêm việc kiểm-duyệt bản-báo như trước nữa, bản-báo thật lấy làm tiếc lắm. Ngài am-hiểu dân-tình, có cái chính-kiến rộng-rãi, lại có bụng thương yêu dân An-nam và muốn làm việc ích-lợi cho dân, nên đối với bản-báo trước sau thật là một lòng khoan-dung đại-độ, bản-báo đã từng nhiều lần được những lời giáo-huấn rất quí-báu của ngài, có thể làm cái phương-châm cho sau này vậy. Bản-báo lấy làm tiếc rằng từ nay không được ngài thường dạy bảo như xưa nữa, nhưng dám xin quyết rằng cái phương-châm ngài đã định cho sau này không bao giờ dám sai vậy.

Bài thơ lưu-giản của quan Án-sát Nghệ-an Vương Tứ-Đại. — Kỳ trước (số 24, trang 462) bản-báo có đăng bài thơ của quan Đốc Hà-tĩnh TÔN-THẤT PHÁN họa bài lưu-giản của quan Án Nghệ-an VƯƠNG TỨ-ĐẠI, hồi ngài ở phủ Điện-bàn đổi ra Nghệ. Nay mới tiếp được bài nguyên-vận của quan Án VƯƠNG, xin đăng sau này:

Qua-thành gian-dịu trót hai năm,
Cũng tiếng phong-lưu thú hạc-cầm.
Chợ Củi vẫn đông lòng nước sạch,
Non Hành chưa nặng túi thi ngâm.
Chê khen phó mặc thày công-luận,
Hay dở mà chi cốt chữ tâm.
Đi ở xoay vần đường hoạn rộng,
Vừng trăng sẽ nửa cõi trời Nam.

VỀ MẤY BÀI BÌNH-PHẨM BÁO NAM-PHONG

Nhân kỳ trước (N. P. số 24, trang 456-459), bản-báo có thuyết-minh mấy lời về mấy bài bình-phẩm báo *Nam-Phong* của cụ linh-mục hiệu là TÂY-DƯƠNG, nay có tiếp được cái thơ này của Thượng-nhân, bản-báo lấy làm vui lòng mà đăng ra đây.

N. P.

....., le 25 Juillet 1919.

Monsieur le Rédacteur en Chef du Nam-Phong,

Dans le numéro 24 de votre estimable revue, je vois un article où ma traduction d'un des textes de M. Trác est critiquée. Il m'a semblé que la phrase en question pouvait être interprétée comme je l'ai fait, mais puisque M. Trác affirme n'avoir pas voulu dire cela, je lui donne bien volontiers acte de sa déclaration, et je vous prie de croire à mes meilleurs vœux pour le succès de l'œuvre que vous avez entreprise de faire connaître et aimer la France dans votre pays.

Veuillez croire, Monsieur le Rédacteur en Chef, à mes meilleurs sentiments.

TÂY-DƯƠNG.

TẬP KỶ-YẾU CỦA HỘI « KHAI-TRÍ-TIẾN-ĐỨC »

Công việc Hội trong tháng Juillet. — Trong tập « Kỷ-yếu » kỳ trước đã dịch cái thơ của quan Chánh Hội-chủ MARTY đệ-trình quan Thống-sứ Bắc-kỳ để xin miếng đất và cái nhà thư-viện cũ ở đường Jules Ferry (phố hàng Trống) làm hội-sở. Mãi đến ngày 2 Juillet vừa rồi quan Thống-sứ SAINT-CHAFFRAY mới trả lời, trong thơ nói rằng ngài không thể nhường cho Hội cái nhà và cái đất ấy được, chỉ có thể hoặc cho mượn, hoặc cho thuê tạm-thời mà thôi. Xin dịch cả cái thơ của quan Thống-sứ như sau này để các hội-viên đều được biết.

Đông-dương Chánh-phủ
Bắc-kỳ Thống-sứ phủ
Tòa nhất
Thơ số : **3393**

Hà-nội, ngày 2 Juillet 1919.

Quan Thống-sứ Bắc-kỳ
kính đáp quan MARTY, *chánh Hội-chủ*
Hội « Khai-trí tiến-đức », Hanoi

« Thưa ngài,

« Tôi xin phúc-đáp cái thơ ngài ngày 20 Juin vừa rồi về việc xin nhường cho Hội « Khai-trí » cái nhà và cái đất ở đường Jules Ferry. Tôi trình ngài biết rằng cứ như lệ-luật hiện-hành bây giờ thời tôi không thể chuẩn-lời xin ấy được.

« Lời bàn của quan trạng-sư DUBREUILH là thuộc về những Hội Nhà-nước đã công-nhận và lấy chứng-cớ trong những luật-lệ thuộc về các hội đó mà thôi ; cứ như thế thời lời bàn ấy cũng có lẽ phải. Nhưng Hội « Khai-trí tiến-đức » chưa phải là Hội Nhà-nước đã « duyệt-nhận » (*approuvée*), mới là hội Nhà-nước « cho phép » (*autorisée*) lập chiếu theo lời châu-tri của bên Bộ (Bộ nội-vụ) ngày 20 Décembre 1889 mà thôi.

« Tờ châu-tri ấy nói rõ rằng phàm các Hội lập theo điều thứ 291 trong Hình-luật — mà ở Đông-dương này thời hội nào cũng phải theo điều ấy cả, vì luật năm 1901 chửa tuyên-bố ở đây — thời khi đệ-trình điều-lệ Nhà-nước không có phép được *duyệt-nhận*, chỉ xét trong điều-lệ ấy không có điều gì trái với pháp-luật thời *cho phép* lập-hội và thi-hành điều-lệ mà thôi.

« Theo nghị-định ngày 15 Février 1919 thời Hội các ngài chỉ là được phép lập và được phép thi-hành điều-lệ mà thôi ; như thế thời không thể theo những luật-lệ của quan trạng-sư DUBREUILH dẫn-chứng được. Vả hội các ngài cũng chưa có « pháp-nhân-tư-cách » (*personnalité civile*), vậy không có thể đứng làm chủ một cái nhà hay cái đất được.

« Nay vì như Hội muốn dùng cái nhà ấy, theo như tư-cách người thuê nhà, thời tôi tưởng cũng không có sự gì ngăn-trở.

« Về phần tôi thời tôi vẫn sẵn lòng cho Hội mượn cái nhà ấy, nhưng tạm-thời mà thôi, hoặc khi nào Hội tan thời phải trả lại cho Nhà-nước, hay là hoặc khi nào Nhà-nước cần phải xây-dựng sửa-sang gì thời có quyền đòi lại.

« *Nay kính đáp*
« Ký tên : SAINT-CHAFFRAY »

Cứ trong lời thơ đó thời rõ là quan Thống-sứ không có ý muốn nhượng cho Hội cái nhà và cái đất xin đó. Ngài lấy cái cớ rằng Hội mới « được phép » Nhà-nước mà thôi, chưa được Nhà-nước « duyệt-nhận », phân-biệt sự « được phép » với sự « duyệt-nhận », tưởng cũng là cẩn-thận quá. Ngài nói có ưng cho Hội mượn, hoặc là lấy cái tư-cách người thuê mà mướn, nhưng là tạm-thời mà thôi, khi nào Nhà-nước muốn đòi lại cũng được.

Nhận được thơ trả lời của quan Thống-sứ, tòa Trị-sự lập-tức họp tiểu-hội-đồng chiều ngày thứ bảy 5 Juillet, có quan MARTY, THÂN TRỌNG-HUỀ, TRẦN VĂN-THÔNG, BÙI ĐÌNH-TÁ, PHẠM-QUỲNH lại họp. Trước ngày ấy các hội-viên trị-sự đã thân-hành đến tận nơi để xem xét cái nhà và cái đất ở đường Jules Ferry thế nào. Xét ra thời đất hẹp quá, nếu Nhà-nước có thuận cho cũng phải tìm cách mua thêm cái đất bên cạnh mới đủ chỗ mà dựng nhà. Đến cái nhà thơ-viện cũ thời hiện tồi-tàn quá, trần đồ tường siêu, cứ để như vậy thời quyết không dùng gì được. Nay quan Thống-sứ ưng cho mượn cái nhà đó, nếu Hội có thuận mượn, phải tốn-phí ít ra vài ngàn bạc tu-bổ lại thời mới tiềm-tiệm dùng được. Nhưng ngài lại nói rằng cho mượn tạm-thời mà thôi, thời nếu nhất-đán Nhà nước muốn đòi lại không cho mượn nữa thì những tiền kinh-phí tu-bổ đó Hội chẳng thiệt-thòi lắm ru? Bởi vậy hội-đồng trị-sự quyết-nghị rằng Hội không nên xuất-tiền ra một cách không chắc-bằng như thế, và quan Thống-sứ đã không thuận nhượng cho thời Hội cũng xin thôi không mượn cái nhà thư-viện cũ đó nữa. Nay xin đã không đặt lời như vậy, thời Hội định thế nào? Vì muốn cho Hội phát-đạt, cần thứ nhất phải có nhà hội-sở, mà nhà phải đủ to rộng để làm chỗ cho các Hội-viên đi lại tới-lui, hoặc khi có diễn-thuyết, có hội-đồng cho có nơi xứng-đáng. Hội-đồng trị-sự chưa biết quyết-định thế nào. Hiện nay chỉ có hai cách: một là mua cái đất khác để dựng nhà, hai là thuê một cái nhà tạm. Mua đất mà làm nhà được thời hay hơn cả. Hội-đồng trị-sự còn chưa quyết-nghị thế nào, đợi để họp đại-hội-đồng các hội-viên quản-trị cùng bàn xét cho hợp ý.

***

Tên các ông xin vào Hội. — Trong tháng Juillet có những ông kê tên sau này mới xin vào Hội, hạn trong hai tháng không có ai đi-nghị thời được nhận vào chân Hội-viên.

A. **Xin vào chân chủ-trì**

Ông Hoàng Đức-Trang, tuần-phủ hưu-trí ở làng Lai-xá, Hải-dương (1).

Huỳnh-văn-Ngô, hiệp-lý công-ti Liên-thành, Chợ-lớn Nam-kỳ.

Nguyễn-huy Thụ, lý-trưởng làng Tràng-kỳ, Cẩm-giàng, Hải-dương.

Nguyễn Trí-Phú, thầu-khoán và buôn bán ở Thái-bình.

— Trần Đức-Kỷ, buôn bán ở Nghệ-an, Vinh.

Vi Văn Lam, tri-châu Định-hóa, Chợ-chu.

B. — **Thường-hội-viên**

Ông Nguyễn Đức-Trì, trợ-giáo trường tiểu-học Song mai, huyện An-dương, Kiến-an.

***

Chủ-trì-hội-viên mới. — Các ông xin vào chân chủ-trì-hội-viên có tên đăng báo trong số 23 (trang 426-428) nay đã hết hạn hai tháng không có ai đi-nghị, được nhận vào Hội kể từ ngày 1er Août 1919. Cả thảy có 84 ông, lược kê như sau này:

Ông Bạch Văn-Lam — Bùi Khiêm Chi — Bùi Kỷ — Bùi Trọng-Huyên — Bùi Trọng-Nga.

Choulet Fr. — Chu Đức-Thắng — Cung Đình-Huệ — Cung Khắc-Đản.

Donnadieu — Đào Hữu-Khôi — Đào Thiện-Luận — Đào Huy-Tiến — Đặng

(1) Quan Tuần HOÀNG, trước đã xin vào chân thường-hội-viên được nhận rồi, nay ngài muốn đổi sang chân chủ trì.

Đinh-Điền — Đặng Xuân-Phương — Đỗ Tiên-Tiến — Dương Bách-Duyệt.

Hoàng Gia-Luận — Hoàng Huấn-Trung.

Lã Qui-Chấn — Lê Tất-Đạt — Lê Thành-Ý — Lê Trung-Ngọc — Lê Văn-Rị — Lê Vũ-Bỉnh — Lương Đình-Vũ — Lưu Văn-Điềm.

Nguyễn Văn-Lan (Tân-ký) — Ngài Nguyễn Bá-Tiệp Nguyễn Diệp-Quảng — Nguyễn-Đắc — Nguyễn-Đốc — Nguyễn Đức-Đản — Nguyễn Đình-Đạt — Nguyễn Đăng-Kính — Nguyễn Đình-Khôi — Nguyễn Đăng-Thu — Nguyễn Đức-Thịnh (Nguyên-ký) — Nguyễn Đức-Thúy — Nguyễn Hữu-Hậu — Nguyễn Huỳ-Hợi — Nguyễn Hữu-Kiến — Nguyễn Hợp-Phác — Nguyễn Hữu-Phái Nguyễn Lan-Hương (Hương-ký) — Ngô Như-Bình Nguyễn Như-Gi — Nguyễn Như-Khản Nguyễn Ngọc-Quỳ — Nguyễn Quỳ — Nguyễn Quang-Cơ — Ngô Quang-Nghiệp — Nguyễn Tốn-Khải — Nguyễn Văn-Kỳ — Nguyễn Văn-Khôi — Nguyễn Văn-Nguyên — Nguyễn Văn-Tiệp Nguyễn Văn-Tinh — Nguyễn Văn-Tố — Nguyễn Đức-Tiên.

Phạm Duy-Thanh — Phạm Đình-Nở — Phạm Huy-Toại — Phan Văn-Đại.

Saint-Marty.

Trần Dụng-Hoàn — Từ Đạm — Trịnh Đình-Long — Trần Đình-Quang — Trần Minh-Thu — Từ Nhiếp-Hữu — Trần Quỳnh — Trần Thiện-Lập.

Uông Chu-Miện.

Vũ Đình-Bân — Vũ Đình-Chung — Vũ Đức-Đôn Vũ Đình Khôi — Vũ Đan-Phong — Vũ Minh-Châu — Vũ Ngọc-Thúy — Vũ Ngọc-Trác — Vũ Thiệu-Kỳ.

* *

Thường-hội-viên mới. — Các ông xin vào chân thường-hội-viên có tên đăng báo trong số 23 (trang 428-429), nay đã hết hạn hai tháng không có ai dị-nghị, được nhận vào Hội từ ngày 1er Août 1919. Cả thảy có 26 ông lược kê như sau này :

Ông Bùi Hữu-Linh.

— Đoàn Đức-Cân — Đào-Hinh — Đặng Như-Lan — Đinh Văn-Thành.

— Hồ Tá Phu — Hoàng Văn-Chương — Lương Duyên-Đức.

— Nguyễn Bá-Cung — Nguyễn Công-Điềm — Nguyễn Đình-Giai — Nguyễn Đức-Gi — Nguyễn Hữu-Bình — Nguyễn Hữu-Điền — Nguyễn Mạnh-Phan — Nguyễn Văn-Bình — Nguyễn Quang-Bật — Nguyễn Huy-Năng — Nguyễn Vinh-Thực.

— Quách Gia-Phong — Quách Văn-Cao.

— Tống-Tá — Trịnh Hữu-Khánh — Trần Văn-Chấp — Trần Văn-Quế — Trần Văn-Thứ.

* *

Cải-chính. — Trong số 24, trang 518, vào khoản kê tên 12 ông có giấy xin vào chân thường-hội-viên, tên ông Bùi Đình-Chương in lầm là Bùi Đình-Chung, nay cải-chính.

Trong số 24, trang 518, vào khoản kê tên 47 ông mới được nhận vào chân thường-hội-viên, tên ông Lê Kiêm-Thính in lầm là Lê Kiêm-Chính, nay cải-chính.

* *

Phụ-lục. — Các ngài hội-viên mới được nhận vào Hội, có tên đăng trên kia, hoặc chủ-trì-hội-viên, hoặc thường-hội-viên, trừ ngài nào đã mua báo rồi thì thôi, ngài nào chưa mua thì bản-quán cứ chiếu lệ Hội mà gửi báo hầu, kể từ số này là bắt đầu. Tiền báo thì xin các ngài cứ theo lệ thường 4 $ một năm, gửi về ông Lê-văn-Phúc thâu-nhận

N. P.